



Tác giả mặc triều phục của Quan Bố, đứng chung với Công chúa Thuyên Hoa và người chánh thất của Quan Bố.

Gabrielle M. VASSAL

BA NĂM Ở AN NAM

hay

Nha Trang, 100 năm trước

Nguyễn Nam-Huan
dịch

Phụ lục: Nha Trang: Một cái nhìn hoài cổ

Nguyên bản: **Mes Trois Ans d'Annam**- Gabrielle M. Vassal, Librairie HACHETTE, Paris 1911



Gabrielle M. VASSAL



Đôi hàng giới thiệu

Năm 2003, tình cờ trên Net, tôi tìm thấy một cuốn sách viết về thành phố quê hương: Nha Trang. Sách viết bằng tiếng Anh do một cơ sở ở Bangkok, Thái lan, chuyên in lại các đầu sách cổ (trước thế kỷ 20 trước) nay đã tuyệt bản. Đó là bản chụp lại của cuốn "**Three years in Vietnam**" [1]1907-1910 do Gabrielle un Hoenstadt viết, được nhà xuất bản Heinemann, London in năm 1910. Bản chụp sạch, in trên giấy trắng, bán giá US$25.00 (chưa kể cước phí).Chỉ đọc các lời rao giới thiệu, tôi lại càng thấy tò mò thêm. *Medecine, Chams and tribesmen in Nhatrang and surroundings!*

Không lâu sau đó, trên Ebay, tôi lại thấy một cuốn cùng tên nhưng viết bằng tiếng Pháp.**Mes Trois Ans d'Annam** là tên sách do Nhà xuất bản Hachette, Paris in năm 1912. Giá khởi đầu của cuộc Đấu giá(auction) là 8 Euros. Cứ theo lời rao của người bán sách, nội dung gồm các điều trong bản giới thiệu sách NXB White Lotus, Bangkok nói trên. Sách in năm 1912 mà nay chúng ta đang ở năm 2013 thì quả là sách cổ. Ít khi chúng ta tìm gặp một quyển sách loại này từ trước đến giờ. Người ngoại quốc, nhất là người Pháp, vốn có liên hệ đến Việt Nam từ thuở xa xưa, đã viết nhiều sách du ký, khảo cứu,

[1] Đây là tên sách bị sửa lại không đúng với tên sách nguyên bản của tác giả. Bản tiếng Anh nhưng lại lấy tên sách bản tiếng Pháp, lại thay Annam bằng Vietnam (!). Người đọc không biết sách viết về nước Việt nam ở thời điểm nào , mới dây hay xưa kia?

lịch sử về vùng đất Đông Dương chúng ta. Cứ xem cuốn Bibliotheca Indosinica (q.III và q.IV) của H. Cordier (Paris 1912) riêng mục Đông Dương thuôc Pháp dã có biết bao nhiêu là tác giả và bao nhiêu là đề tài, chứa đựng trong 750 trang.

Tôi vốn là người sinh ra và lớn lên tại Nha Trang. Ông bà nội ngoại đều là dân Nha Trang. Lớn lên được đi nhiều nơi, được tắm nhiều dòng sông, con suối và biển mặn, tôi chưa thấy ở bất cứ nơi nào, biển, nước và không gian tươi đẹp hơn quê hương mình. Vì lẽ đó, tôi đã *bid* (bỏ giá) bắt đầu 12 Euros. Ba tiếng đồng hồ sau, quay trở lại, cái *bid* của tôi bị đánh bại: 15 Euros! Tôi lại thử nâng giá lên thành 20 Euros, hy vọng tôi sẽ là người thắng cuộc. Với giá khá cao này, tôi thầm nghĩ không ai dại gì bỏ ra một số tiền lớn hơn để mua cuốn sách dày chỉ có 300 trang, in trên giấy trắng thường và hình ảnh không rõ đẹp xấu như thế nào. Lần thứ ba, tôi vẫn bị đánh bại ! Bực mình quá, tôi bèn mở cuộc" điều tra" xem anh chàng nào lại thích cuốn sách này hơn mình. Tên anh ta là *fredosaigon* (Username).Anh ở đâu, tôi chẳng biết, anh là người Việt hay ông Tây nào, tôi lại chẳng hay. Cái *history* của anh trên Ebay đọc qua càng làm cho tôi sững người. Sách anh mua toàn là sách viết về Đông Dương. Có cuốn anh trả tới hơn 150 Euros !
Chỉ còn 3 ngày nữa cuộc Bàn đấu giá sẽ kết thúc. Tôi tin anh chàng *fredosaigon* này sẽ được cuốn sách quí này chứ không ai nào khác. "Tam thập lục kế" nay chỉ còn có nước "đi nước nhỏ" là thượng sách !

Tôi liên lạc và may thay tôi được Ông *fredosaigon* nhanh chóng trả lời. Hóa ra, fredosaigon là một ông Tây ỏ miền Tây nước Pháp. Tên tục của ông là Frédéric Pinet ở Chauray, kế cận Niort, tỉnh Les Deux-Sèvres,

Pháp. Tôi đã đoán đúng: *Me-xừ* Pinet thắng và cuốn *Mes Trois Ans d'Annam* mấy ngày sau đến tay Ông. Điều đáng nói ở đây là yêu cầu của tôi đã được Frédéric Pinet đáp ứng quá sự mong ước của tôi. Một tuần sau, tôi nhận một bịch lớn gởi từ Pháp sang. *Me-xừ* Pinet đã *photocopy* hơn 300 trang sách *cho không* (for free) !

Từ đó bắt đầu tình bạn qua không gian ảo .

Tác giả là một công dân Anh Cát lợi, lấy chồng người Pháp, một sĩ quan quân y được bổ nhiệm về làm việc tại Viện Pasteur tại Nha Trang. Sau thời gian ở Nha Trang Bà Vassal, tên đầy đủ là Gabrielle-Maud Candler Vassal, thuật lại kinh nghiệm sống trong các cuộc tọa đàm tại Hội Địa lý Manchester (1908) rất được tán thưởng. Sau đó câu chuyện được in thành sách mang tên tiếng Anh là *On and Off Duty in Annam.* Sách do Nhà xuất bản Heinemann ở London phát hành năm 1910. Năm sau, câu chuyện đã được chồng Bà Vassal là Bác sĩ J.J. Vassal phỏng dịch ra tiếng Pháp gọi là *Mes Trois Ans d'Annam* và đã được tạp chí du lịch thám hiểm nổi tiếng của Pháp là TOUR DU MONDE (Paris, Hachette) đăng làm hai giai đoạn: giai đoạn I (từ số 6 đến số 9 Tour du Monde (tháng Hai năm 1911 đến tháng Ba năm 1911) và giai đoạn 2 (từ số 22 Tour du Monde đến số 25 (trong tháng Sáu năm 1911) kèm theo các hình chạm khắc (gravure) rất mỹ thuật. Nhìn chung, hai bản tiếng Anh và tiếng Pháp xuất bản cách nhau 2 năm, nội dung sắp xếp có khác nhau: Bản Heinemann gồm 18 chương cộng phần Từ vựng và Chỉ dẫn (Index) trong khi Bản Hachette cùng chừng đó chương lại có phần Phụ đính (Appendix) giúp độc giả Pháp vài thông tin về vùng đất gọi là Annam này. Nếu mang chúng đi so sánh bản in trên tạp chí Tour du Monde (1911) chúng ta thấy Ông

BS Vassall đã lược bỏ Chương đầu, tức là phần kể chuyến du hành từ Pháp sang Đông Dương và các cuộc dạo phố ở Sài Gòn.

Đầu thế kỷ trước, độc giả ở Âu châu thích đọc các tường thuật các cuộc phiêu lưu, thám hiểm trên toàn thế giới. Các Hội Lịch sử, Địa lý mọc lên khắp các thành phố lớn Anh, Pháp, Đức, Hòa lan…Nhờ vậy, một trăm năm sau, chúng ta vẫn còn có thể đọc các trang tường thuật sống động và ly kỳ. Chúng ta có thể thấy những cảnh tượng nay không còn nữa.

Nha Trang là một địa danh rất xưa. Nhưng để trở thành môt nơi nghỉ mát nổi tiếng khắp bán đảo Đông Dương trong những năm 1930, Nha Trang đã bắt đầu một cách rất khiêm tốn. Cái khiêm tốn, cái bình dị này nó như thế nào cách đây 100 năm ?

Đó là lý do tại sao, chúng tôi đã cố công dịch cuốn sách này.

Như Bác sĩ Roux viết trong Lời Mở đầu, văn của bà Vassal rất giản dị. Cái khó ở đây, chính là những thứ thảo mộc Bà ghi lại trong câu chuyện. Có những loại, ví dụ *pomme -cannelle*, chúng tôi không biết Bà muốn nói thứ cây gì. Có người nói đây là một loại trái nhỏ, vị chua, thường thấy ở Thụy sĩ (?). Truy tìm đôi nơi, khi thì Tự điển, khi thì sách xưa, sau cùng, trong tạp chí *Les Amis du Vieux Hue* (1913), tôi mới biết đây là quả na (mãng cầu). Tuy đã cố gắng, nhưng chúng tôi vẫn có những sai sót, lầm lẫn đâu đó.

Và thêm nữa, chúng ta phải làm sao đây khi Bà Vassal đã dùng từ An Nam để chỉ người Trung và từ *MỌI* để

gọi những người anh em sắc tộc của chúng ta sinh sống trên Cao nguyên? Chúng tôi đã dùng từ người An Nam thay vì dân Trung kỳ ; chúng tôi đã dùng từ Mọi chứ không dùng từ người sắc tộc và đã chú thích tính cách miệt thị của từ *Mọi* này, mong độc giả thông cảm. Monsieur, Madame đọc theo tiếng Việt thường ngày là *Me-xừ , Bà- Đầm* trước tên các nhân vật Pháp trong cuốn sách xin được giữ nguyên.

Đó chỉ nhằm đích duy nhất là giữ lại không khí lịch sử của câu chuyện. Và sau cùng, chúng tôi dịch nguyên văn Phần Phụ Lục, ghi lại những thông tin như tác giả hiểu biết lúc ấy-- dù biết làm như vậy sẽ có người trách chúng tôi không có trách nhiệm trong công việc phổ biến một cái nhìn của người thống trị, tức là Pháp thực dân tại Việt Nam.

Nếu đọc xong quyển sách nhỏ này, độc giả cảm thấy Nha Trang của tôi sao mà đơn giản và bình dị thế thì xin đọc tiếp bài *Nha Trang: Một cái nhìn hoài cổ, vi*ết sau Bà Vassal gần đúng một thế kỷ. Đó là Thành phố Nha Trang trong những năm 50 của thế kỷ trước.

N.T.C



Lời Nói Đầu

Sau khi thích thú đọc tôi vui mừng được ghi mấy lời giới thiệu cuốn sách viết về tuần trăng mật của bà Vassal. Sau ngày cưới, chồng bà là một y sĩ ngạch thuộc địa đã được đề cử đi làm việc ba năm tại một thị trấn thuộc miền Trung xứ An Nam, cách xa nước Pháp hàng ngàn cây số, chỉ có vài người Âu cư trú. Nhiều cặp vợ chồng mới cưới nhau thật sự e ngại nếu phải theo một lộ trình khác thường này. Tác giả đã vui lòng chấp nhận và, một khi theo chồng đến Đông Dương, trong khi đức lang quân bận rộn với công vụ và việc nghiên cứu những chứng bệnh nhiệt đới sau này sẽ làm ông nổi tiếng, bà thu vén công việc , rồi để bớt nỗi nhớ nhà, bà đã bỏ công quan sát quanh mình, thích thú tìm hiểu cảnh vật và con người.

Bà mô tả cảnh quan, phong tục người An Nam với cặp mắt tinh tường, rồi bà thuật lại một cách rõ ràng, linh động. Quí độc giả chắc cũng đồng ý với tôi là tác giả quả là một phụ nữ can trường bởi vì không những bà quan sát những gì quanh nơi mình cư trú mà bà còn thực hiện những cuộc du hành thám sát thực sự đến tận nơi người. Mọi sinh sống mà từ trước đến giờ ít ai biết rõ. Chuyện của bà được kể lại bằng một giọng văn chân phương, chẳng có vẻ gì là kiểu cách khiến chúng ta

không thể nào không biết đến. Như thế, một phụ nữ Anh cát lợi , sau khi lấy chồng và trở thành một công dân Pháp, đã biết sử dụng thời gian sinh sống ở Đông Dương để nêu lên một tấm gương thật trong sáng. Bà đã chứng minh được môt điều là nếu có chủ động và có một tấm lòng người ta vẫn có thể vừa giữ gìn được sức khỏe của bản thân vừa làm được những gì có ích cho xã hội nhân quần.

Bs ROUX
La Rochefoucauld, ngày 22 tháng Chín năm 1911.

CHƯƠNG 1

Những Ấn Tượng Đầu Tiên về Đông dương

Giã từ thân hữu ở Anh và Pháp .-Đến Cap Saint-Jacques .-Những quan sát đầu tiên về người An Nam.-Sài Gòn .-Chuyến du ngoạn gặp nạn .-Thăm các nơi trà đình, tửu quán .-Dinh thự và nhà tranh dân giã .-Đêm đầu tiên miền nhiệt đới .-Cuộc sống người Âu tại Sài Gòn .-Chợ Lớn .-Người Hoa kiều.

Vài tuần sau khi chúng tôi cưới nhau, chúng tôi được bổ nhiệm đến xứ An Nam. Điều này không làm chúng tôi ngạc nhiên vì đã là bác sĩ ngạch thuộc địa thì phải đi làm việc tại các thuộc địa thôi. Chúng tôi thích đi An Nam hơn là đi đảo Martinique hay Tombouctou. Chồng tôi sẽ làm việc tại Viện Pasteur Nha trang. Đây là nhiệm sở các Bác sĩ Roux và Yersin dành cho ông.

Trước đây tôi chưa nghe ai nói tới xứ An Nam bao giờ. Tôi rất sung sướng khi được biết nhà chúng tôi tọa lạc bên bờ biển, chung quanh phong cảnh thật kỳ vĩ, dân cư rất đáng quan sát tìm hiểu.

Gia đình tôi tuy có buồn khi biết chúng tôi sắp phải đi xa nhưng không để lộ ra ngoài mặt. Trái lại, họ cố khêu gợi những khía cạnh lôi cuốn của chuyến du hành sắp tới. Mấy đứa em của tôi ham muốn được những bất ngờ cùng những phiêu lưu của cuộc sống sắp tới của vợ

chồng tôi. Đa số bè bạn của tôi ở Anh quốc đều như thế cả. Tính thích phiêu lưu vốn là nét đặc sắc của dân tộc chúng tôi. Tôi yên tâm rời London. Nhưng tới Pa-ri, những lời giã từ mang một thanh sắc khác hẳn. Thường ngày ai cũng nói mình tự hào với một thuộc địa rộng lớn và giàu tài nguyên như Đông Dương. Thế nhưng khi nghe chúng tôi sắp sửa sang đó, tôi thấy phía sau những lời chúc tụng của họ dường như có lấp ló một chút mỉa mai pha trộn một ít thương hại gì đó. Cám ơn Trời Phật, chức vụ của họ không phải khiến họ phải đi xa sang bên kia bờ đại dương! Tôi cũng từng nghe một số bạn nói những lời làm mất tinh thần như: ‘‘Có thể về lâu về dài chị cũng sẽ tìm thấy những điều thú vị cũng nên.’’Bạn bè đến ga Ly-ông tiễn chân chúng tôi đều làm như thể sẽ chẳng bao giờ gặp lại nhau nữa.

Khi xe lửa chuyển bánh, tôi mới nghiệm thấy lòng mình còn vướng bận với những gì bè bạn ‘diễn thuyết’và những điều họ không dám nói ra mà tôi đã phỏng đoán được họ muốn nói gì: tôi bắt đầu run sợ, tôi tưởng tượng những bất hạnh, những tai ương đang đón chờ chúng tôi. Cũng dễ rùng mình lắm chớ. Giờ thì không thể thối lui được nữa rồi: tôi đang dấn mình không ngừng nghỉ vào chốn vô định. Một trong những thử thách cho phụ nữ ở thuộc địa là chuyện chung quanh không có một y sĩ nào khi người ta bệnh hoạn. Nhưng tôi, về mặt này tôi không phải lo vì khi đi tôi có mang theo một ông thầy thuốc cho riêng mình mà. Chắc ăn về mặt này, tôi quyết định không để lòng mình muộn phiền nữa. Giao động đu đưa của con tầu bắt đầu có hiệu quả: tôi ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau, khi ánh nắng mặt trời ùa tràn vào cửa toa, tôi thức giấc. Đã đến giờ phải thay trang phục và liền sau đó tầu đến Mặc -xây. Chúng tôi bận rộn suốt ngày khi thì đến các phòng sở khi thì chạy ra các tiệm tạp hóa mua một ít đồ cần dùng. Rồi quay trở lại các phòng sở để hoàn tất các thủ tục hành chánh sau cùng và lại ra phố tìm một ít các thứ cho xong việc mua sắm. Chúng tôi không đủ giờ để lên thăm Nhà thờ Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp vì đây là hình ảnh người thủy thủ thấy hiện ra sau cùng khi họ rời xa xứ. Cũng không đủ giờ để chúng tôi thả bộ trên bến tầu ngỗn ngang hàng hóa, tấp nập khách nhàn du đến từ bốn phương, áo quần lộng lẫy sắc màu.

Một vài người bạn của chồng tôi vừa từ Đông Dương về , nghe tin chúng tôi đến, cũng lên tầu chúc chúng tôi thượng lộ bình an. Chúng tôi vui mừng khi họ cho biết Nha trang là nơi đẹp nhất của cả xứ An Nam. Tầu chúng tôi ra khơi vào một buổi sáng mùa Xuân đẹp trời.

Trên con tầu mang tên *Salaxie* , chúng tôi thấy mình như đang ở trong một không gian thật dễ chịu với khá đông đảo người Anh cùng người Pháp. Có đôi lần câu chuyện đang nói vô tình dẫn đến chỗ so sánh những điểm tốt cùng những nét đặc sắc của hai dân tộc. Với tư cách là một đôi vợ chồng hợp chủng Pháp-Ang lê, chúng tôi được họ mời làm trọng tài xét xử : Họ còn đặt cho một cái tên là' liên minh thân hữu'[2] nữa.

[2] *Entente cordiale*, tên đặt cho quan hệ hữu hảo giữa Pháp và Ang lê dưới thời vua Louis-Philippe và thời gian sau năm 1904.

Dù cho những canh bạc , những màn khiêu vũ có thể làm cho chuyến vượt đại dương này thành những chuỗi ngày thú vị, thế nhưng, lần đầu tiên được thấy những cảnh quan sinh động, xa lạ khi tầu ghé bến Port-Said, Djibouti và Colombo, chúng tôi có cảm tưởng mình đã đi hơn mấy tháng, mặc dù tàu chưa tới Singapour. Trước cảnh Singapour cây cối xanh tươi, với các vườn hoa nổi tiếng, khu phố Tàu đông người, bến sông thuyền bè chen chúc, lòng chúng tôi nôn nao, muốn thật nhanh chóng cặp bến Sài Gòn ngay. Vì như người ta nói, Sài Gòn là thành phố đẹp nhất ở Viễn Đông. Mặt khác, tôi lấy làm tiếc là chuyến đi sắp sửa đến hồi kết cục, sẽ phải chia tay với những người bạn đường mà giờ đây một số đã trở thành khá thân thiết. 'Phải luôn luôn tiến lên, và tiến xa.' Đó là ước nguyện chung của chúng ta. Không thể để trễ nãi vì những nỗi niềm nuối tiếc hão huyền.

Cap Saint-Jacques nằm trên cửa sông Sài Gòn. Đáng chú ý vì nó có những ngọn đồi, những ngôi nhà nghỉ mát kiểu chalet,[3] với một bãi biển dân Sài Gòn thường đến tắm. Nhưng một khi tầu vào xa giữa vùng đồng bằng rộng lớn, đơn điệu, chúng tôi không khỏi thấy thất vọng. Trong đầu chúng tôi lúc này vẫn còn vướng vất những hình ảnh đẹp đẽ của các lần cặp bến Colombo, Singapour.

Xa tít tắp vẫn là đất bằng, không một điểm cao. Hai bên bờ sông bùn lầy, cây đước, dừa nước, cỏ, mọc um

[3] Kiểu nhà xây toàn bằng gỗ thường thấy trên các xứ tuyết như Thụy sỉ, Đức….

tùm. Dù đã nhìn thấy nóc tháp chuông nhà thờ, cảnh quan thảm hại này khiến chúng tôi vẩn nghĩ không mấy tốt đẹp về Sài Gòn. Vì dòng sông uốn lượn nên mấy tháp chuông khi thì hiện ra trước mũi tầu khi thì phía đuôi tàu. Một mùi hôi nồng nặc bốc lên từ đất bùn bị quấy động, các lùm cây bẩn thỉu dọc hai bên bờ, làm cho không khí thật khó thở. Trời nóng cực độ. Để giải khuây, chúng tôi đứng nhìn các chiếc thuyền tam bản ngược xuôi trên sông. Một số lớn thuyền có giăng buồm trông rất lạ: chỉ cần một hơi gió nhẹ chúng vẫn chạy vun vút. Đó là những chiếc thuyền đáy bằng, có bánh lái. Người dân bản xứ ngồi ở đuôi thuyền, tay giữ tay lái. Những người An Nam cuối khom mình, đẩy mạnh mái chèo, nhẹ đưa con thuyền đi ngược dòng. Những tay chèo đàn ông có , đàn bà cũng có nhưng y phục và dáng vẻ thì chẳng khác gì nhau.

Mãi mấy tuần sau tôi mới phân biệt được ai là nam, ai là nữ. Mấy người phụ nữ ăn mặc như nam giới, nghĩa là áo quần đều là áo quần dài, tóc thì búi lại. Chỉ có khác ở điểm, búi tóc có cao hơn, chiếc áo có dài hơn ở phe nữ giới. Đặc điểm này không phải dễ dàng thấy ngay được đâu. Người An Nam dáng manh khảnh, nhỏ thó. Nếu đàn ông ít người cao hơn 1m60 thì đàn bà càng bé hơn nữa.

Tuy mảnh khảnh như thế, họ đưa mái chèo nặng kia thật nhuyễn và thiện nghệ. Vận động nhịp nhàng của họ làm mắt ta nhìn theo không rời. Càng lúc số lượng ghe thuyền càng tăng, điều đó chứng tỏ chúng tôi đang tới gần thành phố. Những người *thực dân* lâu năm quen với mọi khúc quẹo của con sông, rời bàn chơi bài, chuẩn bị

hành trang, chờ xuống bến. Bất thần con tầu cặp vào cầu tầu đông nghịt người ăn mặc toàn màu trắng. Cảnh tượng này quả là điều tôi chưa khi nào tưởng tượng ra nỗi. Như đã từng xảy ra tại các bến cảng trước đây, nãy giờ tôi có ý chờ một bầy thuyền người bản xứ từ mọi hướng đổ ra vây quanh con tầu. Chỉ có thế thôi. Ngày tầu thơ đến là một biến cố đáng kể cho nên '*cả Sài Gòn*' đổ xô ra ngoài bến. Người thì đi đón bè bạn hay cha mẹ, người thì hy vọng sẽ gặp lại bạn cố tri hay giản dị hơn, vì óc tò mò. Người ta chợt nhớ cảnh tượng 'bữa tiệc trà ngoài vườn' nơi một thành phố ven sông: trang phục và tùy tùng sang trọng như cảnh xảy ra tại Pa-ri. Người ta vội vã như thế cũng dễ hiểu thôi: hai phần ba hành khách là những công chức làm việc tại Đông Dương, và họ xuống bến này. Lại còn một số kha khá khán giả có đến thì cũng chỉ ra bến tầu là một cái 'mốt' thế thôi. Trong khi chồng tôi bận rộn chuyển hành lý chúng tôi sang con tầu nội địa để vài ngày nữa chạy về NhaTrang, tôi đứng một mình trên *boong* tầu cao, thư thả theo dõi tầu vào bến. Chẳng những các hành khách tìm kiếm người thân quen mà cả mấy người thủy thủ, mấy cậu bồi tầu có vẻ như cũng muốn kiếm bè bạn. Họ gọi nhau, chào nhau, hoặc bắt tay hay ôm nhau hôn trông thật vui mắt. Mấy bà đầm, chưa kịp bước xuống xe , đã được mấy vị ngưỡng mộ liên tục ghé đến khiến tôi không thể nào thấy hết trang phục hết sức lịch sự của họ.

Mãi say mê với cảnh người ngựa bé nhỏ này làm tôi chưa kịp quan sát người dân bản xứ. Thế rồi tôi nhận ra ngay những bóng người nhẹ nhàng len lõi giữa đám người Âu đang đứng tụ tập hay chạy đi chạy lại từ đầu

này đến đầu kia . Nếu ngẫu nhiên cái bóng này cùng một lúc leo xuống thang tầu đụng đầu với một người Âu, nó liền thu mình bẹp sang một bên, khiến không ai nhận ra nó nữa.

Chồng tôi trở lại với tôi trên *boong* tầu. Chồng tôi dẫn theo năm, sáu người An Nam và Tàu nên tôi tha hồ quan sát họ. Họ là toán thợ may muốn gạ vợ chồng tôi may một số aó quần trắng. Người An Nam trông nhỏ con hơn người Tàu. Da họ có vẻ sậm hơn. Môi thâm, sưng phồng vì nhai trầu, răng nhuộm đen lại càng làm cho mồm họ xấu xí hơn. Điều ngạc nhiên là tuy thân thể có vẻ manh khảnh và nhỏ thó như vậy mà nếu đọ sức chịu đựng với một người Âu khỏe nhất thì phải nói họ cũng chẳng kém đâu. Họ chèo suốt ngày và nếu có ngừng tay, thì cũng chỉ để ăn vài bát cơm. Họ có thể kéo xe, chở người Âu gấp đôi trọng lượng của họ, chạy hàng giờ liền. Mà chạy thật nhanh nữa kìa. Nhưng , xin trở lại với bọn thợ may. Họ vây quanh và khoe tài nghệ với chúng tôi. Họ tranh nhau hứa sẽ giao một tá com lê '*suya- mơ- duya*'[4] trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ cũng được . Đúng thế. nhưng chồng tôi không muốn thấy bằng chứng mà rứt ra khỏi đám này quả thật là gian. Đến lượt chúng tôi xuống tới bến tầu, đám đông người Âu đã tản mác đi đâu hết. Giờ này là giờ '*thanh tra*', cuộc dạo phố buổi chiều rất được ưa chuộng. Sau khi gởi hành lý tại Viện Pasteur, nơi chúng tôi sẽ ngủ qua đêm tối nay, chúng cũng làm theo như mọi người. Nhưng với điều kiện là phải kiếm được một chiếc xe. Vào thời khắc này chỉ còn

---

[4] *sur mesure,* cắt may theo khổ người cụ thể.

mấy chiếc '*malaba*' nhưng tôi e nó chứa không nổi hai người vì xe quá nhỏ. Tuy vậy, chúng tôi vẫn ngồi ép sát vào nhau cho vừa với chiếc hộp, cửa sổ xe là những chiếc lỗ hình vuông, sơn phết như món đồ chơi của trẻ con. Anh xà-ích có vẻ như biết mình phải đi đâu, nhưng anh ta cứ đứng ì ra đấy. Cái gì thế? Mấy chú ngựa không muốn đi. Thế là xảy ra một cuộc tranh tài rất hào hùng. Anh xà-ích một tay giật cương, một tay quất vùn vụt: họ chửi rủa hay khuyến khích mấy chú ngựa, tôi không rõ nhưng không hiệu quả. Chúng như bíu chặt xuống đất, không muốn cất vó. Cuối cùng... chúng thụt lùi lại. Dường như chuyện này cũng tự nhiên thôi. Nếu chúng tôi đi được vài bước có thể chúng tôi sẽ thấy những cảnh tương tự trên mấy ngã đường khác. Chúng tôi cứ đi lùi và chúng tôi suýt đụng vào một đôi ngựa của xe song mã sang trọng. Trên xe có hai đứa bé, ngồi trên gối tựa với mấy cô vú nuôi bản xứ, không hay biết gì.Kể cả chú xà ích. Xe chúng tôi va vào mũi đám ngựa. Chú xà ích kia buột miệng chửi thề, anh chàng xe tôi chửi lại. Cuối cùng, có mấy quân nhân đi ngang, chạy tới can thiệp giúp chúng tôi. Hai anh lính chụp lấy hàm thiếc mấy chú ngựa ương ngạnh, rồi xô chúng đi. Bất thình lình xe chúng tôi vụt chạy như ma đuổi. Anh xà-ích chẳng những không ghìm chúng lại, mà trái lại, anh ta còn thúc chúng thêm, thích thú thấy xe chạy được một quãng đường khá xa. Thiện nghệ và trầm tĩnh, anh ta tránh né, không gây tai nạn, dù xe chúng tôi chạy trên một quãng đường rất đông đảo xe cộ qua lại. Đùng một cái chúng tôi dừng lai, bộ yên cương đứt ra từng khúc. Vì nó là mấy mảnh nhỏ cột lại bằng dây cho nên sửa chữa lại

chẳng khó khăn gì. May mắn là lần này chỉ sau mười phút cưỡng lại anh xà - ích, bọn ngựa chịu đi.

Phòng chúng tôi đã được thu xếp tại Viện Pasteur. Chúng tôi mở các *hoa-li* và kiểm tra mùng màn. Nhờ học hỏi nhanh nên tôi biết đây là vật dụng cần thiết nhất trong bất cứ nhà nào ở đất thuộc địa này. Sau đó, thấy không còn gì để phải lo nữa, chúng tôi trở ra phố lại. Nhưng lần này, vì không muốn chúng tôi ngồi xe malaba nguy hiểm nên ông Giám đốc Viện cho chúng tôi mượn chiếc xe riêng của ông. Nhờ vậy chúng tôi có thể yên trí nhàn lãm cuộc dạo chơi và khỏi phải để mắt trông chừng hai lỗ tai ngựa xem mình còn được sống bao lâu nữa.

Sài Gòn là thủ phủ của Nam Kỳ. Nó gồm thêm Chợ Lớn, một khu tập trung người Tàu lớn nhất Đông Dương, với hơn 130.000 người. Sài Gòn là Pa-ri của Viễn Đông. Người Mỹ nói Manila là 'hòn ngọc' vì nó có ưu điểm là hoạt động thương mãi rộng lớn và hệ thống y tế hiện đại: nhưng bây giờ, nó không đẹp và hấp dẫn bằng Sài Gòn.

Thực vậy, Sài Gòn được hoạch định một cách rộng lớn và theo một họa đồ đầy tính nghệ thuật. Những công trình công cộng như nhà thờ, rạp hát, Phủ Toàn quyền, đều là những tuyệt tác về mặt kiến trúc. Chúng tọa lạc tại những chỗ khá đắc địa và nhìn ra những viễn cảnh thật xinh đẹp. Những đại lộ rộng rãi, hai bên trồng cây cho bóng mát dễ chịu, làm cho Sài Gòn trở thành khó có thành phố nào khác địch lại nổi. Nhất là chúng ta không thấy một ngôi nhà nào của ngườI An Nam, hay chùa chiền, cổng thành , hay những ngôi tháp cao vì trước khi

người Pháp đến, nơi đây là trung tâm sinh hoạt của người bản xứ. Thật khác xa với Hà Nội với kiến trúc An Nam rõ rệt và nhất là với Huế, nổi tiếng nhờ những thành quách, lăng tẩm các vị vua chúa. Nơi đất Sài Gòn này, nhà ở của người Âu đôi khi là những dinh cơ thực sự. Đó là những chỗ người ta tiêu tiền như nước. Khắp mọi chốn chúng ta đều thấy hiển hiện sự xa hoa.

Giống như ở mẫu quốc, các tiệm cà phê người ngồi tràn ra cả ngoài đường. Những dãy bàn tròn quanh các khách sạn, tiệm ăn đầy người rất lẹ. Người Ang Lê hễ đi nhậm chức ở thuộc địa thì họ hay làm một cái sân quần vợt, một sân chơi polo và một cái sân cù trước mọi thứ khác.

Còn người dân Ba lê thì lại thích ngồi tán gẫu, cười đùa với bạn bè và xem người qua lại ngoài đường.Con đường Catinat ở Sài Gòn chính là một Đại lộ[5] vậy.

'*Cuộc dạo vòng quanh thành phố*' dẫn chúng tôi đến những thông lộ chính , rồi chạy qua Vườn Bách Thảo với những bộ sưu tập cây cỏ xem ra không phong phú bằng Vườn bách Thảo ở Singapour. Được một điểm là nó cũng đẹp và lại gần trung tâm thành phố. Giờ đây chúng tôi đang chạy trên một con đường hai bên toàn cây hoa phượng đang đua nở. Không thể tưởng tượng có một màu sắc nào chói mắt đồng thời không thể có một tập hợp nào mà sắc đỏ lại tươi rực như thế. Dù cho xếp hàng đống hoa mồng gà đỏ thì cũng không thể đỏ bằng.

[5] Đại lộ Champs- Élysée.

Nhờ cuộc dạo chơi đêm nay, tôi được chỉ dẫn cách phân biệt cây dừa với cây cau, hay cây chuối khác với cây tre. Ngày xưa còn bé khi đọc sách, tôi thường mơ tưởng về những loại cây lạ lùng này. Giờ chúng đang đứng trước mặt tôi, tràn trề và căng phồng nhựa sống .

Dọc đường, chúng tôi gặp rất nhiều người bản xứ. Họ đi làm về, và đi theo từng nhóm nhỏ. Người ta phân biệt được ai là thầy thông ngôn nhờ đầu tóc cắt ngắn, đầu đội khăn xếp chỉnh tề, quần dài trắng và đi giày hở cổ ngoài đôi bít tất màu đen. Còn những người nhà quê mặc áo xanh sẫm, vá chằng vá đụp, ít khi còn chỗ nào là vải ban đầu, và một chiếc quần trắng. Họ đi bên lề đường, chân không, kẻ trước người sau. Một vài người một tay cầm đôi giày hạ thường chỉ được mang vào khi nào có việc gì quan trọng, còn tay kia cầm một cái ô mở to ra một cách thật trang trọng... Một anh chàng bán hàng đơn độc, vẻ mặt nghiêm trang, tay cầm cái ô mở rộng như để che nắng, sau khi mặt trời đã lặn đã mấy tiếng đồng hồ rồi, cảnh này không khỏi làm người ta tức cười. Kẻ nhà quê kia rất tự hào có cái ô vì ngày xưa chỉ có quan quyền mới đi ô mà thôi. Chúng ta chớ quên mấy người cu-li : họ dùng một mảnh khăn mặt hay một miếng giẻ nào đó làm khăn quấn quanh búi tóc trên đầu.

Cũng như các ông, phụ nữ không bao giờ đi sóng đôi. Chúng tôi đi ngược đường với những đoàn phụ nữ đi chợ về, từng tốp năm, sáu người, quang gánh trên vai. Tuy nặng thế nhưng dáng điệu họ vẫn khoan thai và nhịp nhàng. Họ đánh cánh tay rảnh rang ra phía sau, cách tay hơi gặp lại rồi đưa ra trước một cách nhịp nhàng để giữ

cân bằng. Muốn đổi vai, họ bước chậm lại, rồi hơi nghiêng đầu một chút, họ lướt cây đòn gánh bằng tre ngang qua cổ. Ít khi họ đặt đôi quang gánh xuống đất.

Phụ nữ bản xứ thuộc tầng lớp cao hơn đi lại bằng xe kéo, người thì mang chiếc khăn choàng bằng lụa nhạt trên đầu, kẻ thì mái tóc chải cuốn thật cầu kỳ, trên búi tóc đen tuyền là một cây trâm cài đầu bằng vàng cắm ngang.

Dưới ánh nắng xiêng khoai của mặt trời xế chiều, các gia đình An Nam tụ tập trước sân nhà, quây quần chung quanh những bát nhỏ đựng cơm và cá. Nếu người nội trợ chuẩn bị bữa ăn đạm bạc chưa xong, chúng ta thấy mấy người cha hay ông nội trông nom các con cháu nhỏ, đứa bé nhất được ru ngủ trên tay. Cảnh tranh tối tranh sáng này làm cho bức tranh gia đình có một sức hấp dẫn đặc biệt.

Rồi đêm đến, các ngọn nến trên bàn thờ được thắp lên, bên trong các căn nhà cho thấy các tượng Phật màu sắc chát chúa, các nén hương tỏa làn khói nhẹ vươn lên như lời kinh cầu các đấng thần linh của nhà đang ở. Đám khói hương ấy hòa nhập với các mùi nặng nề khác của đường phố, mùi các loài hoa, lá vô danh và xa lạ khác. Dù không muốn, chúng ta vẫn bị bao trùm trong một màn mê hoặc rất thú vị. Dần dần các gia đình rút lui vào bên trong, cửa ngõ đóng lại. Chỗ này, một đứa bé cuộn mình trong chiếc chiếu, để thò một nhúm tóc nhỏ ra phía này và đôi chân trần phía kia. Chỗ kia, một người đàn bà đang đưa võng, con ôm trong tay. Xa hơn , người

cha, người duy nhất còn ngồi ở trước cửa, nhấc hai thanh tre chống miếng tranh dùng làm cửa, thả cánh liếp xuống. Im lặng bao trùm xuống từng nhà một, chỉ thỉnh thoảng có tiếng trẻ con khóc hay tiếng mẹ ru. Lúc này, trời tối đen. Tôi có cảm tưởng như lạc vào một thứ thế giới mộng ảo. Tôi chỉ thực sự cảm thấy nhẹ nhỏm khi chúng tôi quay trở lại đường phố đèn thắp sáng trưng của Sài Gòn.

Chúng tôi dùng cơm tối trên sân thượng Khách sạn Continental. Mặc dù trời quá khuya, khách vẫn còn ngồi bên những chiếc bán đầy rượu và thức uống ướp nước đá. Đường phố vừa yên lặng vừa linh hoạt cùng một lúc. Bánh xe kéo bằng cao su lăn nhè nhẹ, đôi chân trần của người phu xe nện xuống đất không gây ra một tiếng động nào. Không khí có vẻ nặng nề, khó thở. Thỉnh thoảng có tiếng gọi một người hầu bàn hay lời nói râm ran kẻ đi người lại. Khách sạn có nhiều loại người *thực dân* hay khách lạ như chúng tôi. Đa số là dân đang sống tại Sài Gòn, khá quen thuộc với khung cảnh. Tôi nghĩ trên sân thượng tối nay chẳng có ai là quan chức lớn của thành phố.

Sau đó, chúng tôi về nhà. Ban ngày, các con đường tràn ngập ánh sáng và màu sắc, giờ đây chúng trở thành cái vòm xanh xẫm, che khuất cả bầu trời đầy sao. Những cây dừa phe phảy lá sau những ngọn đèn điện, trải bóng dài lung linh trên mặt đất. Những người phu kéo xe chạy qua những đoạn sáng và bóng tối, trông chẳng khác gì những bóng ma. .. Hồi tưởng lại toàn thể những ấn tượng cả ngày nay, tôi không thể không cảm

thấy sung sướng nhưng dù vậy tôi vẫn mừng cho tôi là mình sẽ được sống ở một làng quê bé nhỏ nằm bên bờ biển xanh.

Sáng hôm sau, trong khi chồng tôi có một ít công chuyện trong quân y viện tôi cùng toàn thể hành khách tầu Salaxie được ông Noe, giám đốc Viện Pasteur Sài Gòn, hướng dẫn đi thăm những phòng thí nghiệm của Viện. Tôi cũng xin tháp tùng theo. Ông chỉ cho chúng tôi xem nơi người ta nuôi cấy những con vi trùng bệnh dịch, những con chó dại và những cơ sở thiết đặt để chữa bệnh chó dại. Ông biểu diễn cho chúng tôi xem ông trích nọc độc từ một con rắn co-bra con sống, trông thật ghê rợn. Chính tại Sài Gòn này đây, ông Calmette đã nghiên cứu nọc rắn độc và đã bào chế được sê-rum cứu không biết bao nhiêu là mạng sống tại vùng nhiệt đới .

Dự định ăn cơm trưa xong, chúng tôi sẽ ra phố mua một chút đồ cần dùng, nhưng ra đến nơi, tất cả đều đóng cửa, kể cả các cơ quan, các ngân hàng. Từ mười một giờ sáng đến hai giờ chiều, khắp nơi cuộc sống như ngưng lại. Chẳng thiệt thòi gì cho người bán nhưng thật phiền cho người từ xa đến. Sau giờ đó, các cửa hiệu mở cửa cho đến sáu hay bảy giờ tối. Nhân viên người Âu về trễ như vậy nên không có giờ để vận động ngoài trời. Giờ nghỉ trưa kéo dài ở Nam kỳ này không phải suốt năm, lúc nào cũng thế. Thế nhưng , vì không ăn sáng cho nên người Pháp ở thuộc địa ăn trưa rất kỹ càng, và phải nghỉ ngơi chớ không thể nào làm việc ngay được.

Chúng tôi dành buổi tối ngày thứ hai để đi thăm khu người Tàu ở Chợ Lớn. Càng tới gần, đường phố càng đông đảo người hơn. Chúng tôi bước xuống xe ngay chỗ khách đi đường đi lại hơi khác thường. Cũng như tại nhiều thành phố Tàu khác, sinh hoạt về đêm cũng nhộn nhịp như ban ngày. Đó là lúc các cửa hiệu bày các kệ hàng rối rắm ra ngoài hè phố rồi rung chuông, gõ mõ, mời gọi khách bằng đủ thứ lời hô. Những dòng người *Con Trời* [6]cuồn cuộn đi về mọi hướng. Chúng ta thấy những bà nội trợ, thân hình chắc nịch, vui tươi, cõng sau lưng một chú nhóc mập mạp, tay mang một cái rổ thật to nào bánh ga- tô nào xúc xích nằm sát kề nhau. Những anh *cu-li* từ nhà máy xay lúa ra, lưng trần, bột phủ đầy người. Kế đó là một gia đình gồm cha mẹ và năm, sáu đứa con. Cha mẹ bồng hai đứa bé nhất, mấy đứa kia bấu theo chéo áo buông thỏng của cha mẹ, xô đẩy nhau, suýt nữa bị đám đông lấn cho bổ nhào. Những ông quan giàu có, vẻ mặt khinh khỉnh, lạnh như tiền, cũng đi ngang nhưng chỉ nhìn lơ đãng các quày hàng. Chiếc áo dài thêu, quần lụa mỏng, đầu đội mũ ni bằng sa tanh màu tím đỏ, chân đi ủng mềm, bín tóc chải gỡ kỹ càng làm cho họ thành những nhân vật riêng rẻ, khác xa với đám dân thường. Dáng điệu khoan thai càng làm cho họ nổi rõ lên giữa cảnh náo nhiệt chung quanh.

Tại các quày hàng, thiên hạ mua bán không kỳ kèo lâu vì mọi việc phải giải quyết nhanh, không thể phí thời giờ vì những chuyện không đâu vào đâu. Phố xá ồn ào. Những tiếng rao hàng đều đều như lời than vãn của gã

[6] Người Tàu.

bán hàng rong chơi vơi bên trên tiếng thì thào, vo ve như tiếng đàn ong, không phân biệt được tiếng nào ra tiếng nào. Người Tàu có thói quen mặc cả khi mua bán: Đó là bản chất của họ. Nhưng ở đây , họ miễn cho đồng hương chuyện ấy để bám sát lấy người ngoại quốc. Họ cùng theo đuổi một mục tiêu chung: để dành tiền cho nhiều rồi quay về cố hương sống cuộc đời thoải mái.

Các gian hàng đều thắp đèn có choá sáng và đèn dầu hỏa, gió không thổi tắt được nhờ có các cơ phận rất khéo nhưng cực kỳ đơn giản. Trước cửa mọi gian phố cũng như cửa tiệm, người ta treo loại đèn lồng lớn, hình tròn, phất bằng bong bóng cá, tỏa ra một thứ ánh sáng dìu dịu. Có thể nói đây là cách thưởng ngoạn ánh sáng thật là hấp dẫn. Mấy ông cảnh sát bắt buộc người Tàu mỗi khi ra đường, về ban đêm, phải cầm đèn lồng, việc ấy càng làm cho phố xá Chợ Lớn lộng lẫy thêm lên.

Những thứ xếp trên các rỗ mây đa số là các thứ ăn được. Nếu không thấy người ta uống một cách ngon lành thì chúng tôi không thể nào tưởng tượng những thứ nước pha màu xanh, đỏ,vàng đựng trong ly là thức nước uống. Người ta bán nào là đầu thỏ, chân gà, chè trái cây ngũ sắc, rau cỏ bao nhiêu bàn tay đã sờ nắn. Lại còn có dồi chó, lòng vịt, đầu thừa đuôi thẹo không biết là thứ gì, tốt hơn hết là đừng thử chúng. Những thứ đồ ăn này thuộc chủng loại nào? Không bao giờ chúng ta biết rõ được. Một thứ mùi hôi không biết là mùi gì ngăn trở chúng tôi không dám đến gần các quày bày hàng. Thế nhưng, bánh ga-tô, xu xoa, bánh pa-tê nhỏ nhỏ có vẻ hấp dẫn đôi chút. Nhiều thứ để chọn lắm và nếu như tôi không e sợ,

có lẽ tôi cũng mua một vài cái. Khách qua đường mua mấy cái bánh *ga-tô* còn nóng hổi, bỏ vào mồm nhai ngấu nghiến. Không đủ bánh để bán. Sau cùng, tôi khám phá một thức tôi có thể ăn mà khỏi e ngại điều gì cả. Đó là thứ bánh nướng người ta đang trở qua trở lại trước mặt tôi, rất sạch sẽ, chẳng có bàn tay nào mó vào. Nhưng trước khi đưa răng cắn một miếng, nhìn nồi bột, tôi thấy một vài thứ gia vị khiến tôi đổi ý ngay.

Chúng tôi bắt đầu cảm thấy mệt. Người đi lại quá đông nên chúng tôi phải cố gắng lắm mới khỏi bị xô ngả. Vì các tiệm hàng xén và tiệm nước càng lúc càng nhiều cho nên quảng trống trên đường phố rất giới hạn. Nhưng nếu so với những con đường ngoằn ngoèo của Quảng Châu, những con đường chật chội ở Chợ Lớn có dáng vẻ của những đại lộ. Có tận mắt trông thấy một thành phố hoàn toàn Tàu ta mới hiểu người Pháp đã làm được chuyện thuộc loại kỳ quan ở Chợ Lớn về mặt trật tự và vệ sinh. Cần nói thêm là ở Quảng Châu, không đi dạo bằng xe kéo được vì đường xá quá chật hẹp. Ngồi kiệu thì cũng tạm được. Nhiều sự việc không hay cũng thường xảy ra, như việc hai chiếc kiệu húc vào nhau , dù mấy bác phu luôn mồm kêu vang. Đi bộ thì chỉ ở Chợ Lớn là đi được, còn ở nơi khác, vô phương. Để nghỉ chân chốc lát, chúng tôi bước vào một rạp hát Tàu. Chúng tôi không hiểu tình tiết của vở tuồng dù có thông ngôn bên cạnh đi nữa: Vở tuồng bắt đầu đã hai ngày nay rồi mà đêm nay, chưa chắc nó đã đến hồi kết cục.

Dù đêm đã về khuya, chúng tôi vẫn theo giòng người lôi cuốn đến tiệm bán vải và bàn ghế. Tôi không ham

những chiếc ghế *phô-tơi* ô dề, làm bằng gỗ màu đen, lát đá cẩm thạch trắng họăc nâu, dù có bao nhiều gối tựa thật dầy cũng chỉ làm cho ta dễ chịu chút chút thôi. Còn lụa là, thật hết chỗ chê. Tại sao người Tàu không có gì là vồn vã khi bày chúng ra như thế!

Chúng tôi trở về Sài Gòn bằng xe hơi. Một làn gió mát phơn phớt trên mặt. Chúng tôi lên tầu nửa giờ trưóc khi tầu nhổ neo. Lúc đó đã một giờ sáng. Lẽ ra chúng tôi phải về phòng nghỉ nhưng trời oi bức, ôn ào thì làm sao ngủ được. Tốt hơn hết, ta đứng trên boong cho đến lúc tầu chạy hẳn hay.

Sau một ngày mệt mõi và lăng xăng trong Chợ Lớn, tôi sẳn sàng tận hưởng một đêm huyền diệu dưới bầu trời đầy sao và trên dòng sông rộng. Xa xa, chúng ta thấy dãy đèn điện tròn chạy dọc theo bến tầu. Và nơi tít tắp, những bóng dáng mờ mờ của các tầu chiến. Những chiếc xuồng ba lá, ban ngày thì dọc ngang ngang dọc, giờ đây chúng cắm sào, theo từng hàng dọc, nằm yên bất động. Đèn vẫn còn sáng trên một vài thuyền , có những bóng người từ thuyền này di chuyển sang thuyền kia. Gió đã ngưng. Im lặng hoàn toàn. Từ một con tầu vào bến muộn màng, vang lên một điệu hát thật u buồn.



Vũng ghe chài cá ở Nha trang.



Bữa cơm chiều



CHƯƠNG II

Làng chài lưới An Nam

Chuyến đi nhiều phiền toái trên chiếc tàu liên tỉnh Sài Gòn- Nha trang .-Cảnh xuống tàu ở Cửa Bé-Nha Trang, nhiệm sở và Viện Pasteur .-Dân chài bản xứ và ngôi làng chài .- Nhà chúng tôi .- Dọn vào nhà! .-Những người giúp việc trong nhà .-Chương trìnhhàng ngày .-Thể thao .-Các bộ sưu tập động vật học.

Khi tàu nổ máy và rời bến, chúng tôi rời cái góc nhỏ yên lặng trên boong tầu để trở về buồng nghỉ ngơi. Tuy nhiên, giấc ngủ không đến dễ dàng. Trước khi thay áo quần, tôi mất gần tiếng đồng hồ săn đuổi mấy con muỗi. Trên sông Sài Gòn, muỗi ơi là muỗi. Ca bin tầu không có mùng màn gì ráo. Thật khác xa với tầu *Salaxie*. Buồng đã nhỏ hẹp lại còn không thoáng, không có quạt trần. Chồng tôi nẩy ra sáng kiến: ông dùng dây rút hai chiếc rương lên giường tôi rồi trải tấm nệm lên, như thế là ngang tầm với cửa tròn, nhỏ của tầu, hứng được một chút gió mát. Tôi nằm, chân cao hơn đầu. Cũng không ổn. Cách giải quyết này chẳng làm cho tôi thấy nhẹ nhỏm gì vì không có một ngọn gió nhỏ nào.Gối nằm ướt đẫm mồ hôi. Mấy con muỗi lại xuất hiện. Tôi phải rút tay vào mền và trời thật nóng thì làm cách nào chịu nỗi. Tôi nhét bông gòn vào tai để khỏi nghe tiếng máy nổ và tiếng xích sắt bánh lái. Tôi nghĩ mình đề phòng được tất. Nhưng vừa tắt đèn, tôi thấy trên gối dường như có tiếng cào cào. Tôi bật đèn lên và thấy một con gián khổng lồ.

Một tiếng kêu, một bước thụt lùi, dĩ nhiên là bất thình lình cho nên nào giường, nào rương và cả tôi nữa, chúng tôi rơi tỏm xuống sàn tầu. Chúng tôi mở cuộc điều tra: con quỉ nhỏ không phải chỉ một mình; mấy con này lanh lẹ lắm, chúng bám vào màn cửa,chun vào khe nứt vách ngăn, lỗ giường nằm, nhanh như chớp, khiến chúng tôi không đập trúng con nào. Chúng tôi dùng chiếc dép mang trong nhà làm vũ khí nhưng ít khi nghiền nát được một con. Riêng tôi, tôi thích đánh đừng trúng: vì sau đó, nhìn chiếc dép xem, khiếp đãm lắm. Vã lại, chẳng tới đâu: càng giết chúng càng bò ra nhiều.Sự mệt nhọc, cái nóng nực, cái thiếu ngủ, cái ồn ào và gián, tất cả làm tôi điên người lên.Tôi khóc như một đứa trẻ con. Nhưng như vậy lại là tốt vì sau đó tôi ngủ thiếp. Ôi! Không lâu đâu, chỉ vừa đủ để quên đi những chuyện khốn khổ vừa qua. Một tiếng động thật lớn phía trên đầu đánh thức tôi dậy. Mấy người thủy thủ chắc đang xếp mấy dẫy ghế trên boong tầu. Rồi nước lạnh dội vào người tôi: có lẽ người ta đang lau rửa sàn tầu. Tôi liền gọi chồng tôi. Ông ngủ say như khúc gỗ nên tôi chẳng nỡ nào bắt ông dậy. Một mình không làm gì khác được ngoài việc nằm im , không cục cựa. Giường nằm giờ đã mát, tôi ngủ tiếp!

Mặt khác, con tầu ban đêm không làm ta thấy dễ chịu hơn ban ngày. Chúng tôi mặc *com-plê*, ngồi ăn thì chật sát, đi đứng thấy khó khăn đến nỗi đi dạo cũng không được.

Đêm hôm sau, chúng tôi bỏ ca-bin lên ngủ trên boong. Chúng tôi trải tấm nệm ở chỗ khuất, yên tĩnh,

thoáng và im lặng.Khi thức giấc, chúng tôi cảm thấy khỏe và dễ chịu.

Lúc năm giờ sáng, tôi ngồi dậy và nhìn ngắm chung quanh. Cảnh thật tuyệt vời! Mãi mãi tôi sẽ không bao giờ quên được cảm giác mê tơi buổi sáng hôm đó. Đây là miền đất đẹp đẽ chúng tôi sẽ ở trong tương lai! Chúng tôi đã bỏ lại sau lưng miền đất thấp của Sài Gòn; những đồi cao, núi non bao bọc chung quanh, rừng cây xanh um bao phủ hầu khắp. Tôi nghĩ ngay đến chuyện cọp, chuyện rừng xanh bí mật.Không thấy dấu vết con người ở đây. Các dãy núi, ngọn này nối tiếp ngọn kia, chạy sâu vào phía đất liền, xa tít tắp. Vầng thái dương vừa mới lố dạng. Những mảng bóng tối trải dài trên các sườn núi trong khi những phần nhận được ánh sáng nổi bật lên thật rõ nét với những sắc màu thật kỳ lạ. Trong những cụm rừng im lặng kia, tha hồ ta du ngoạn, tha hồ ta cảm nhận những ấn tượng mới mẻ! Mải chìm đắm trong những ảo vọng và ngây thơ, tôi thấy tôi như đang đứng trên con đường rừng miền nhiệt đới, hai bên đường là những đóa hoa tuyệt mỹ và những bãi cỏ xanh thật xanh như ở Âu châu.

Tàu chúng tôi đi dần vào vịnh, nước có sắc xanh như nước Địa Trung Hải. Phía bên phải của chúng tôi, một hòn đảo toàn đá chạy dài, đó là Hòn Tre che mặt phía Đông, rồi những hòn đảo khác, ít quan trọng hơn, cây lá xanh tươi soi mình hiển hiện trên mặt biển.

Trong khi đắm mình trong thưởng ngoạn cảnh trí, tiếng vang vang của xích sắt và tiếng vật gì rơi tỏm

xuống nước báo hiệu là tầu vừa thả neo. Chồng tôi leo lên boong thượng, cũng say sưa như tôi nhưng bận bịu vì những gói hàng, cụ bị xuống tầu nên ông không thể tha hồ ngắm cảnh như tôi. Tôi nhường chỗ lại cho anh ta và xuống phòng lấy cái mũ cối đồng thời nịt thắt mấy chiếc hoa-ly lần cuối cùng.

Tất cả mấy chiếc hoa-ly của chúng tôi được dồn chung một chỗ trên boong, sẳn sàng xuống bến. Qua ống nhòm, người ta thấy một chiếc tầu nhỏ tách ra khỏi bãi biển cát vàng trên đó có một nhóm nhà thấp lè tè, tối tăm như những tổ kiến.

Không thấy những người bản xứ ngồi thuyền con, ra bán trái cây, trứng hay cá như mọi bận tầu cặp bến ở nơi khác. Cũng không thấy những người đưa đò thuê leo thang dây lên kiếm khách chở vào bờ. Chỉ có sự tĩnh lặng của biển khơi. Vã lại, lần này chúng tôi là những hành khách rời tầu duy nhất. Khi chiếc tầu rước cặp hông, *Me-xừ* [7]Schein, thú y sĩ của Viện Pasteur, liền đến gặp chúng tôi. Chúng tôi theo ông xuống tầu. Hành lý của chúng tôi được chuyển xuống chiếc thuyền con đi thẳng về Nha trang. Trong khi đó, tầu chở chúng tôi về Cửa Bé, cách nơi tầu lớn bỏ neo khoảng ba, bốn cây số.

[7] *Monsieur*, giữ theo cách đọc tiếng Việt.



Bên bờ sông, vùng phụ cận Nha Trang



Cửa Bé--Không có bến đò.

Cửa Bé không có nổi một bến tầu dù là thô sơ đi nữa như các làng chài nghèo dọc bờ biển xứ An Nam này. Buộc lòng chúng tôi phải để cho mấy người bản xứ cõng vào bờ. Tôi được một người dáng nhỏ thó, cao tới thắt lưng tôi thôi , nâng lên mình và anh ta đi coi cũng ngon lành. Mỗi một bước chúng tôi càng dấn sâu vào cát nóng bỏng của bãi biển. Mọi người trong làng liền bén gót theo chúng tôi. Những người già, vẻ mặt trang nghiêm, da nhăn nheo, những người đàn bà miệng nhai trầu và cả một bày con nít trần truồng từ trong những gian nhà tranh đổ ra. Những đứa bé trai cũng như gái trạc chừng bảy, tám tuổi, ẵm nách mấy em bé, mình uốn lượn kinh khiếp lắm mới cân bằng nổi một trọng lượng cũng to bằng chúng. Làng này có vẻ không sung túc bằng những làng quanh Sài Gòn. Nhà cửa thì không ai dọn dẹp, đa số người dân ở đây mắc bệnh đau mắt và da bị mụn nhọt, chứng tỏ điều kiện sinh sống khá tồi tệ. Thế nhưng, họ vẫn không đánh mất nét vui tính của mình.

Sau giây phút e ngại ban đầu, bọn trẻ con đến gần chúng tôi. Tôi trao chiếc xách tay cho đứa nào muốn mang thì mang: hai mươi bàn tay đồng loạt giăng lên. Rồi chúng thi nhau khiêng vác hành lý, đến cây dù nhỏ chút nữa đây sẽ rất cần để che nắng, cũng bị giựt khỏi tay tôi. Hình như chúng lấy làm khoái chí được như vậy lắm. Ngay cả các em mắt không thấy đường cũng cố nhướng thật lớn, nhảy múa hân hoan như các em khác. Thật đau lòng khi nhìn các em bé rồi đây sẽ mù lòa chỉ vì gia đình nghèo và thất học.

Hai chiếc xe gọi là 'Hoa Kỳ'hay là xe nôi chờ chúng tôi ở đầu đường. Đây là thứ xe rất tiện dụng trên các đường nhỏ ở xứ này, những con đường chẳng hơn gì những con đường mòn đầy ổ gà. Thùng xe treo trên những chiếc lò-xo hình xoắn ốc: thay vì vồng hay ném người ra ngoài khi cán phải đá hay vấp phải lỗ, xe chỉ đong đưa qua lại như một cái cân. Xe rất nhẹ nên mấy con ngựa nhỏ có thể kéo qua cát hay bùn lầy một cách dễ dàng. Nó có thể chạy qua cầu thật nhẹ nhàng trong khi xe khác sẽ làm xập cầu. Lúc đầu mới đi loại xe này, người ta không thấy thoải mái cho lắm vì thùng chật chội lại hay rung luôn, lên , xuống hơi khó, ngựa thì nổi chứng như ngựa ở Sài Gòn. Trước khi đến Nha Trang, tôi đã từng biết nhiều những tánh nết bất thường của mấy con vật này rồi.

Nha Trang, (tiếng An Nam là *Nhà-Trắng*) là một làng chài lưới khoảng 3000 người. Đây là thủ phủ của người Âu ở tỉnh Khánh Hòa, mặc dù số cư dân da trắng không quá hai mươi hay ba mươi người. Gồm ông Sứ, viên chức làm việc trong tỉnh, Viện Pasteur, vài người bỏ đất Pháp sang đây làm ăn, đó là tất cả. Cứ hai tuần một lần, tàu thơ liên tỉnh chạy đường Sài Gòn- Hải Phòng ghé lại , bỏ xuống những người Âu đến nhận nhiệm sở, những viên chức Nhà Đoan hay Sở Lục Lộ. Du khách khó kiếm chỗ trú ngụ ở Nha Trang cho dù hiện có một phòng ngủ kèm Hàng Ăn của người Tàu mà chỉ có tấm bảng hiệu của nó là hấp dẫn thôi.

Nha Trang nằm ở cửa ra vào một thung lũng tương đối hẹp nhưng trống trải. Gió biển và gió đất liền hoạt động luân phiên đều hòa suốt cả năm. Nước uống tuyệt ngon. Người ta lấy nước ở giếng chứa nước ngọt thấm qua lớp cát như một màn lọc. Nha Trang còn là nơi an lành. Người Âu sống ở đây ít khi bị sốt rét hay kiết lỵ. Có chăng chỉ những ai sống trong vùng xa gần núi. Hơn nữa, sự an lành tư nhiên còn do các biện pháp vệ sinh gìn giữ cẩn thận hơn các nơi khác ở Đông Dương, ví dụ như khu người da trắng sống cách xa khu người da vàng. Nhà người Âu được xây cất dọc theo bờ biển; người bản xứ thích ở ven sông hay trên vùng cát thường gọi là ‘’ Mũi Dân chài’’. Mũi này là một cầu tầu thiên nhiên dùng làm nơi neo tàu và bán cá. Nó nằm ở chỗ cửa sông trở nên hẹp nhất. Ngay chỗ đó có một bến đò ngang. Người bản xứ, nhất là phụ nữ đi ra chợ, đi qua đi lai suốt ngày từ sáng sớm cho đến lúc mặt trời lặn. Họ ngồi chồm hổm trong khoang đò. Người ta chỉ thấy lô nhô những chiếc nón lá và thúng rỗ.Đến khi đò tới bến,họ chen nhau đứng lên , lấy hàng gánh rồi xắn quần cẩn thận bước chân xuống nước. Khi ghe đi lượt về, mấy người hành khách chạy ùa đến, chen chúc làm ghe gần chìm. Lời phản đối yếu ớt của gã đưa đò lập tức gặp cơn bão phẫn nộ đáp lại. Làm sao con người không may này có thể chống lại bao nhiêu người đàn bà to tiếng và ăn nói bạo mồm bạo miệng nhuờng ấy? Thỉnh thoảng chiếc ghe mỏng manh như sắp chìm. Nhưng người An Nam, kể cả đàn bà, đều lội giỏi như lương. Và những màn ngâm mình trong nước đang cơn phong ba như thế này không làm ai chết



Bạn ghe “học nghề”cá.



Mẻ cá lớn.



chìm bao giờ. Vô phúc cho anh chống đò nào làm họ mất vài trái cam hay vài nhúm gạo! Trên bãi, trẻ con lố nhố: hàng mấy chục đứa, thân hình nhỏ con, mềm dẽo, đang nô đùa, chạy nhảy ven bờ hay phóng mình xuống biển.

Buổi chiều là lúc làng chài trở nên nhộn nhịp nhất vì lúc ấy ghe lưới về. Người dân chài giương buồm khi gió đất liền nổi lên, nghĩa là xế chiều. Họ câu suốt đêm dưới ánh đuốc và vào bờ lúc hừng đông lúc gió biển nổi lên. Mẻ cá bao giờ cũng bán được tiền. Thuyền vừa vào bến đã có các người buôn cá đổ xô ra mặt nước , lấy cá bỏ đầy thúng này đến thúng kia. Không phải là hiếm khi người ta thấy trong đám cá lòng tong một món béo bở như một con cá nhám chẳng hạn. Con này được kéo lên bãi cát rồi người ta trịnh trọng đề cử một mụ đàn bà xẻ thịt con cá. Sử dụng ngọn dao một cách thành thạo, mụ cắt cái đầu thành từng lát đều đặn và thật ngọt. Đã nói mụ ấy quen tay mà! Chia chác xảy ra rất chóng vánh: từng miếng thịt của con vật quái đản chạy vào các giỏ xách một.

Miếng thịt lớn nhất được chở vào nội địa, về ‘Thành’, thủ phủ của người An Nam và là lỵ sở của các quan lớn đầu tỉnh. Mấy người đàn bà cũng như mấy người đàn ông đóng vai khuân vác. Trên đường lộ, người ta hay gặp những đoàn người dài, đi thật nhanh, nhanh như ngựa phi nước đại, không ngưng nghỉ suốt đoạn đường dài hàng chục cây số.

Tuy thế tôi rất nôn nao muốn thấy ngôi nhà nhỏ, nơi tôi sẽ cư ngụ trong nhiều năm. Từ xa, chúng tôi đã nhận ra mấy toà nhà lớn của Viện Pasteur. Cùng với Nhà Giây Thép và nhà của Bác sĩ Yersin, đó là những nhà lầu duy nhất ở đất này. Cách Viện chừng vài phút, chúng tôi thấy ngôi nhà tương lai của mình. Đó là một ngôi nhà nhỏ nhưng nằm bên bờ biển, phong cảnh thật hữu tình. Thúc mãi mà con ngựa cũng không chịu bước qua cổng vườn, nên chúng tôi phải bước xuống xe, rồi đi bộ vào nhà. Nhà xây bằng gạch, vách tô xi-măng kiểu stucco màu trắng. Mái lợp ngói nâu. Có ba phòng ăn thông nhau, tất cả đều trông ra hàng hiên bằng cửa sổ giả chạy chấm đất. Tường bên trong quét vôi trắng, sàn nhà bằng xi-măng cũng trắng nên nhà trông khá sáng sũa, sạch sẽ nhưng hơi đơn điệu. Chỉ những thứ bằng gỗ sơn xanh lục trong nhà làm cho thay đổi đôi chút sắc thái chung đó thôi. Những thứ đó làm thành ngôi nhà kiểu thuộc địa thấy mọi nơi ở Đông Dương. Nhà bếp, chuồng ngựa và nhà mấy người giúp việc đều dồn chung vào ngôi nhà phụ, nằm cạnh và cách nhà chính chừng vài mét. Về nhiều lẽ, cách bố trí như vậy rất hay vì cửa phòng lúc nào cũng mở, làm sao chịu nổi tiếng ồn ào của các người giúp việc, hơi nóng và khói bếp.

Những tuần đầu tiên, nỗi phiền muộn do mấy con gián, kiến, ruồi, muỗi và những thứ côn trùng gây hại khác làm chúng tôi khó chịu đến nỗi chúng tôi không còn giờ đâu để ý đến những chuyện khác, như lầm lỗi của mấy người giúp việc của chúng tôi chẳng hạn. Mới vào ở chưa được hai ngày, lũ kiến đã xâm chiếm mớ đường ăn, bánh *ga-tô* và các thức ăn khác. Không lâu sau, tôi



Ngôi nhà của BS Yersin ở Nha Trang.



Nhà của chúng tôi là kiểu nhà thuộc địa, rất thông dụng ở Đông Dương.



thấy có bươm bướm, gián trong tủ đứng, trong áo quần, một con bồ cạp trong phòng ngủ, chưa kể ruồi và muỗi! Tôi phải kê chân tủ chứa thực phẩm và tủ chén dĩa bằng những hộp đựng dấm chua để kiến khỏi bò lên, nhưng không tránh được chuyện hàng trăm con bu vào một mụn nhỏ đường rơi trên sàn nhà. Tôi mất nhiều thời gian tìm hiểu, từ phòng này sang phòng kia, xem vật gì đã hấp dẫn lũ kiến. Thì ra hễ thiếu cục đường, thì đã có xác con bọ dừa dưới tủ chứa thực phẩm hay xác một con ruồi trong khe vách. Hiển nhiên tường quét vôi trắng làm việc săn lùng này trở thành dễ dàng hơn.

Ngoài ra, cây leo và bụi bờ đe dọa xâm chiếm các phòng ở và che lấp rắn rít. Chúng tôi phải chặt, bứt và nhổ đám cây lá rậm rạp này Áo quần bằng dạ phải cất trong rương kẽm, đóng kín và hai tuần lấy ra rủ và chải một lần. Gián thích sách đóng bìa cứng đẹp. Chúng ăn thành những đường vẽ ngoằn ngoèo không cách nào xóa đi được nên giữ lại được cuốn nào, chúng tôi liền lấy giấy báo bọc lại . Thế là chúng không đụng tới nữa. Chúng tôi cho che lưới ruồi phòng ngủ và nhà vệ sinh để khi thay áo khỏi sợ mình làm mồi cho muỗi hoặc khi ngủ ban trưa hay ban đêm, khỏi phải giăng mùng ngăn cản không khí lưu thông.

Phần những kẻ ăn người ở, họ gây ra hàng ngàn điều bất bằng. Hôm đến nhà mới, chúng tôi được năm người bản xứ đến chào ra mắt. Cả năm người đồng loạt quì xuống, đầu cúi sát đất, hai tay đặt lên sàn nhà, đứng lên quì xuống mấy lần. Tôi lấy làm ngạc nhiên ghê gớm: Chồng tôi bảo đây là tục lệ người ở đây khi họ chào các

quan lớn và một vài người Âu. Trước mặt chúng tôi là mấy người bếp, bồi và người làm vườn . Họ hay tin chúng tôi tới nên đến xin việc. Mới thoạt nhìn tôi nghĩ họ là mấy thiếu niên, nếu không phải là mấy cô con gái chứ làm cách nào tôi nghĩ họ là những người An Nam đứng tuổi, đã có vợ hoặc chồng hay là cha trong gia đình. Họ mặc áo cụt trắng và quần rộng cũng trắng, chúng tỏ họ là những người từng làm việc nhà cho người Âu. Qua đôi mắt thầm lặng và thái độ tùng phục của họ tôi thầm nghĩ mình nói họ sẽ vâng lời, nhưng không lâu sau đó, tôi biết tôi đã nhầm!

Chúng tôi chỉ chọn lấy ba người: một người làm bếp, một người làm bồi và một người làm vườn.Thêm một người lính bản xứ làm cần vụ cho chồng tôi nữa, thế là đủ rồi. Thừa thải một tí nữa, chúng tôi có một đứa phụ bồi làm thay cho bồi chính khi nó đang ngủ hay đi chơi. Dọn cơm tối thì có người phụ bếp hay thằng bé kéo quạt trần. Dù thiếu kinh nghiệm tề gia, tôi vẫn tự tin, bắt đầu làm nhiệm vụ của một nội tướng trong gia đình dưới vòm trời miền nhiệt đới.

Bao nhiêu chuyện dối gạt đang đợi chờ tôi! Cuối tháng đầu, tôi nhận thấy khăn ăn hay khăn bàn tôi lấy từ trong số khăn đẹp nhất của tôi, đều biến mất hay rách vụn cả. Miếng khăn dành riêng để lau ly tách nay thằng *bồi* dùng để chùi giày; một cái khác thì bịt lên đầu.Nó còn dùng khăn này để lau chén dĩa nữa kia! Nhiều cái đã mất hay mang đi bán! Từ đó về sau, mỗi đứa bồi được cấp hai cái khăn, chiều giặt và sáng hôm sau phải trình khăn sạch cho tôi xem.Bao nhiêu thứ rơi tỏm xuống giếng nước

không có tấm che. Vì là nơi lấy nước uống nên phải coi chừng không cho mấy đứa bồi nổi hứng giặt giũ trên thềm. Chúng tôi cho người cọ rửa, quét dọn và tẩy trùng. Sau đó, chúng tôi cho đặt một ống bơm và cho che giếng lại.

Ước gì tôi có thể làm cho mấy người giúp việc hiểu tôi muốn gì! Họ nói chút chút tiếng Pháp còn tôi, tôi không thể nói tiếng bồi, như trong lớp người ta đã dạy, để họ để hiểu tôi muốn gì. Nhiều khi tôi nản quá. May thay, có khi cuối cùng rồi chuyện cũng trở thành tức cười. Chứ nếu không, tôi hóa điên mất.

Người làm bếp là trường hợp quá quắt nhất! Những thứ thực phẩm mang từ Âu châu sang đều biến mất thật lẹ làng. Cuối cùng tôi khám phá ra là trong khi tôi phân chia các thứ trong phòng nhỏ kế nhà bếp, tên bếp quỉ quyệt này lén mở chốt cửa sổ. Đến khi tôi khóa cửa lớn, nó bèn leo qua cửa sổ, lấy hết mấy thứ. Nó đi chợ hàng ngày. Thay vì tính tiền từng món hàng một, tôi thường đưa cho nó một số tiền nhất định là mười quan mỗi tuần, chỉ mong có đủ ba món ăn buổi trưa và ba món buổi tối là đủ. Tôi cho như thế là cải cách hay ho, vì nay không cần chính tôi phải ra thực đơn nữa thì tôi vở lẽ ra rằng tên này vẫn kiếm được cách ăn chặn tiền chợ. Thế nhưng, tại Nha Trang, đồ ăn thúc uống thật rẻ mạt: con cá lưỡi trâu giá khoảng hai mươi xu khi cá vào mùa, một chục trứng khoảng ba mươi xu, một nãi chuối mười xu, một con gà mái sáu mươi xu.

Nhưng tôi còn được biết nhiều thứ nữa. Một ngày kia, bà hàng xóm của tôi đến tâm sự những nỗi lo buồn của bà: khi bà đi vắng, mấy con bồ câu đều mất sạch, hai mươi hai con nay chỉ còn ba con! Hoảng hồn tôi nhớ trong hai bữa ăn gần đây đều có thịt bồ câu! Vài tháng sau, so sánh hai bữa ăn của hai nhà ngày hôm qua, chúng tôi đi đến kết luận là hai nhà đều ân một bữa ân y hệt nhau. Như thế chúng tỏ một người bếp nấu cho hai nhà trong khi người kia nghỉ xả hơi!

Tôi cố công mấy lần làm cho mấy người giúp việc làm mọi thứ theo một cách riêng hay ít ra làm thay đổi một vài thói quen của họ. Thường thì mất công toi thôi. Ví dụ như họ không chịu lau ly tách nằm trên bàn, họ thích làm việc ấy dưới bàn hơn; hay là lau muỗng nĩa, may vá , họ ngồi chồm hổm dưới đất. Tôi đóng cho một cái bàn thật đẹp dành riêng cho những việc như thế thì họ lại thỉnh thoảng leo lên đó nằm ngủ hay nằm chơi. Cái cách họ ủi áo quần tôi có thể mô tả như thế này: họ ngậm một miệng nước, trước khi ủi, họ phun ào ào vào áo quần; còn nhúng tay vào trong ly nước rồi rẩy lên thì họ cho là quá rắc rối. Người An Nam hay đơn giản hóa mọi việc họ làm và không cần dụng cụ nào cho dù nhỏ bé nhất. Cần gì đến cái mở nút chai khi mà hàm răng rắn chắc cũng đủ rồi hay là ai cần cái xẻng xúc than khi mà bàn tay lanh lợi đã quá thừa? Tài tháo vác như thế quả là đáng ca ngợi nơi chốn xa xôi, nơi không có thợ mộc , thợ thiếc chớ ở đây mà như thế thì hơi quá. Một lần kia tôi bắt qua tang người bếp của tôi đang lăn bánh khoai tây trên ngực anh ta. Dù tôi đứng trước mặt, anh ta cứ tiếp tục làm trò lanh tay lẹ mắt ấy và có thể nghĩ như

thế là tự nhiên. Nhưng kể từ đó bánh khoai tây chiên không được vinh dự có mặt trong bữa ăn của chúng tôi nữa. Sau đó có người kể cho tôi một giai thoại cũng tương tự. Một người đầu bếp tài nghệ kia trang trí bánh ga-tô bằng những nét chỉ nhỏ thành hình những con chim, con bướm bằng đường rất xuất sắc. Bà chủ nhà khen ngợi y và hỏi làm cách nào mà y làm khéo vậy. Nở một nụ cười thỏa mãn, y chỉ cái miệng mình và chồm tới trước, y phụt ra một âm thanh đầy ý nghĩa giữa hai hàm răng.

Rất ít đầu bếp không bỏ nhiệm sở hai hay ba ngày. Người bếp tôi cũng vậy. Giữa bữa ăn, có khách mà xẩy ra như vậy thì thật là phiền!

Tuy nhiên tôi phải thú nhận là những rắc rối trong nhà như đã kể trên chỉ kéo dài trong sáu tháng đầu khi chúng tôi mới tới thôi. Sau đó tôi tuyển chọn được một số nhân viên rất vừa ý và họ ở với chúng cho đến ngày chúng tôi về nước. Đó là A-Koi, người đầu bếp Tàu ít nói nhưng khéo tay, anh Y, người bồi năng động và kỹ càng, anh Sáu, người trung thành và can đảm, anh Hai, người làm vườn gương mẫu.

Ở Nha Trang, ngày nào cũng giống như ngày nào. Thức dậy lúc sáu giờ sáng, chúng tôi ra tắm biển cho đến khi mặt trời bắt đầu trở nên quá nóng. Đó là khoảng thời gian tốt nhất trong ngày khi mà nước biển còn ấm và không khí còn mát mẻ. Điều này làm tôi nhớ lại và thấy nó khác xa với những bãi biển lúc nhúc người tắm của giới thượng lưu ở Âu châu. Ở đây không

phải đợi hàng giờ mới có một phòng nhỏ thay áo tắm hay chun vào một cái hộp nhỏ bé nóng nực hay run cầm cặp cả mười phút trong nước giá băng. Dĩ nhiên cá mập dọc bờ biển này nhiều như rươi.Đủ để người nhút nhát lánh xa.

Sau bữa ăn sáng, nếu chồng tôi có người bệnh trong vùng cần đến thăm, tôi tháp tùng theo. Ông đến nhà thương rồi đến phòng thí nghiệm cho tận tám giờ sáng. Một mình tôi ở nhà cho đến trưa. Mặc sức cho tôi làm vườn, khâu vá hay đọc sách! Ông về nhà lúc năm hay sáu giờ. Lúc đó chúng tôi đi đánh quần vợt hay cỡi ngựa, lái xe hay đi chơi tàu.May mắn thay, không thiếu gì môn thể thao để chơi. Có điều là phải biết thay đổi môn chơi. Chúng tôi cũng có những thú tiêu khiển khác như chụp ảnh, sưu tầm côn trùng, chim muông, cây cỏ và các loài hữu nhũ. Nhiếp ảnh là thứ chúng tôi thích nhất nhưng nó đòi hỏi bao nhiêu là kiên nhẫn! Trong phòng tối nóng đến khiếp người, bị muỗi đốt, ống nước bị đóng, cục nước đá tan quá mau, - và điều tai hại nhất- chất *gê-la-tin* tróc ra. Và còn nữa, chúng tôi đụng đến những tấm phim tô màu, gọi là 'phim màu'của Lumière!

Trong các lần đi săn hay đi chơi trong vùng, dù gặp bao khó khăn trở ngại, chúng tôi đã thu gặt được vô số muông thú [8]. Khi chúng tôi cần người bản xứ đi săn ,

---

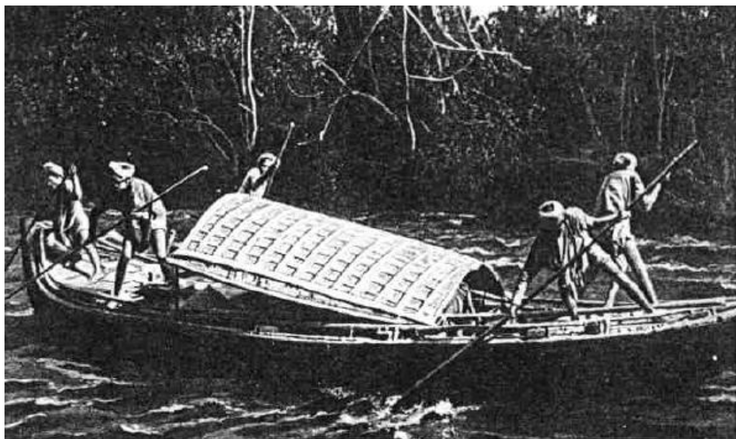
[8] Đây là những giống loại đã được xác định và ở Bảo tàng viện Khoa học Thiên nhiên London có lưu mẫu vật.
I.- CHIM:
*Dryonastes Vassal*i, Ogilvie Grant
*Cissa Grabriella*e , Ogilvie Grant

biết bao nhiều chuyện đáng giận xảy ra! Khi thì một người mang súng chạy trốn, người thì giết con lợn của người hàng xóm, vân vân...Một bữa kia, chồng tôi đi săn mang về một con chim trĩ ông đã tìm kiếm từ bấy lâu nay và có thể đây là giống trĩ lạ.

Trong khi ông đi tắm và thay áo quần, ông rời bỏ con chim quí giá này một khoảnh khắc ngắn ngủi. Khi ông trở ra hỏi, người bếp mang lên cho ông một con trĩ... đã vặt hết lông!

Genneus annamensis, Ogilvie Grant
Crocopus annamensis, Ogilvie Grant
I I.- LOÀI HỮU NHŨ:
Hylobates Grabriellae, Oldfield Thomas (vượn)
Presbytes margarita, Elliot (khỉ)
Nycticebus pymoeus, Bonhote (lemurien)
Tupaia concolor,Bonhote (toupaie)
Sciurus leucopus Vassali, Bonhote(sóc)
Funambulus rufigenis juscus, Bonhote(sóc)
Lepus Vassali, Oldfield Thomas (thỏ)
Tragulus versicolor, Oldfiel Thomas (nai)
(Kỷ Yếu và Tạp chí về Khoa học Tự nhiên)





Chống sào xuống ghềnh khúc sông đầu nguồn sông Nha trang



CHƯƠNG III

Viện Pasteur ở Thuộc địa

Ánh hưởng của những phát kiến của Pasteur đối với nền y khoa nhiệt đới.-Yersin và vi khuẩn bệnh dịch.-Viện Pasteur ở Nha Trang.-Trạm Thí nghiệm ở Suối Dầu.-Đồn điền cao su.-Muỗi và bệnh sốt rét.-Những điề đáng ngạc nhiện trong cách chữa bệnh của người An Nam.-Nạn nhân của cá mập được thầy thuốc Pháp cứu chữa.-Những khó khăn khi chăm sóc người bệnh bản xứ.-Cách người bản xứ đền ơn.-Trốn chạy.- Buổi lễ Tạ ơn.-Phần đồ cúng của thầy tu.-Vai tuồng của Viện Pasteur các nước thuộc địa.

Cái tên Pasteur làm nhiều người liên tưởng đến bệnh dại và Viện Pasteur với việc chữa trị bệnh này. Sự thật là việc chữa lành bệnh này là một trong những phát kiến vẻ vang của nhà bác học. Thực vậy,nhờ ông, hàng ngàn người đã thoát khỏi cái chết khủng khiếp nhất. Nhưng chúng ta đừng quên ông còn nghiên cứu về rượu vang, về bệnh của tằm, phát kiến về sự suy nhược của vi trùng, và những vắc -xin chủng ngừa bệnh than. Ông còn là nhà sáng tạo ra những phương pháp mới mẻ và là người khuyến khích những tìm tòi mang đến những thành tựu xuất sắc thay đổi diện mạo các ngành sinh học và nhất là y khoa.

Theo chân Pasteur, nhiều nhà khoa học trên thế giới đã có những khám phá lớn lao khác. Đáng kể là các ông

Roux, Metchnikoff, Koch, Lister, Laveran và Ross, Calmette. Chúng ta có thể kể thêm ông Yersin, một trong những học trò đầu tiên của Pasteur. Sau nhiều năm làm việc tại Viện pasteur ở Ba-lê, Yersin sang Viễn Đông. Khi ông ở Bắc Kỳ, bệnh dịch hạch nổ ra tại Hương cảng và Quang châu(1894). Chính phủ Phàp phái ông sang đó đang lúc đã có hàng ngàn người tử vong .

Bác sĩ Yersin liền thiết lập một phòng thí nghiệm nhỏ và bắt tay vào công cuộc nghiên cứu ngay. Điều khiến ông chú ý là trong khi đi thăm nơi ăn chốn ở nghèo khó của người bản xứ, ông thấy rất nhiều chuột chết. Người ta cho biết tuừ trước đến giờ sự kiện loài gặm nhấm chết nhiều luôn luôn xảy ra trước mỗi trận dịch. Ông liền quan sát mẫu máu của chuột thì thấy vi khuẩn gây bệnh của chuột và người bản xứ đều cùng một loại. Từ trong hạch bệnh, ông tách ra một con vi trùng và sau đó ông nuôi nó lên được. Chủng ngừa mẫu nuôi cấy đó cho chuột cống và chuột nhà, ông thấy chúng nhanh chóng nhuốm bệnh ngay.Vi khuẩn gây bệnh dịc hạch như thế đã được tìm thấy. Bác sĩ nghiên thêm để xem vật trung gian lây bệnh từ chuột qua người và sau đó xác định vật đó chính là con bò chét, một thứ bọ thấy rất nhiều ở vùng khí hậu viêm nhiệt.

Nhưng phòng thí nghiệm nhỏ lúc đầu nay làm việc không xuể. Phải vay mượn một số ngân khoản để thành lập tại Đông Dương một Viện nghiên cứu mới để nghiên cứu thêm về bệnh dịch và bào chế thuốc chủng ngừa. Viện Nghiên cứu của Bác sĩ Calmette ở Sài Gòn khá nổi tiếng không thích hợp cho việc thiết đặt thêm chuồng trại

để nuôi thú lớn dùng cho việc chế huyết thanh. Khi được cấp ngân khoản, Bs Yersin phải đi kiếm một địa điểm dựng nên trạm thực nghiệm. Là một trong những người thám hiểm tiên khởi vùng Trung kỳ, Bs Yersin biết khá tương tận vùng Đông Dương.Ông đã phát hiện ra cao nguyên Lâm viên, nếu như nó không quá xa và khó đi lại thì đây là một địa điểm lý tưởng. Vì thế nó phải tọa lạc bên bờ biển nên ông chọn Nha trang, một làng chài lưới nhỏ, nằm bên bờ vịnh nổi tiếng là đẹp, rất thích hợp về mọi mặt. Đây là một nơi khí hậu tốt, chung quanh có đồng cỏ, bò ngựa lại nhiều và nằm ngay trên tuyến đường tàu thủy Sài Gòn-Hà Nội qua lại hai tháng một lần.

Khi chúng tôi tới Nha trang vào năm 1904, ngôi nhà chính của Viện sắp sửa hoàn thành. Tầng lầu có một thư viện, ba phòng thí nghiệm một cho Bs Yersin, một cho chồng tôi và cái thứ ba dành cho Thú y sĩ. Tầng dưới có phòng thao tác, phòng trích huyết với máy nhiệt áp và lò nung. Bên cạnh máy sản xuất nước đá còn có phòng nhiếp ảnh, phòng tồn trữ huyết thanh. Ngoài ra còn thấy có chồng khỉ,chuồng bạch thử, chuột; và sau rốt, chuồng nhốt các thú lớn. Các chuồng nhốt ngựa và bò không thuộc dạng chữa trị, chỉ phục vụ cho nhân viên của Viện thì nằm riêng ra một nơi. Việc bào chế huyết thanh chống bệnh dịch ỏ người và bò đòi hỏi thú vật với một số lượng đang kể khó có thể nuôi chăn tại Nha Trang, một nơi toàn đất cát và thảm thực vật rất nghèo nàn. Vô trong sâu mới kiếm được cỏ cho thú ăn. Đó là lý do tại

sao người ta đặt trạm chăn nuôi thú vật tại đảo Hòn Tre và tại Suối Giao[9].

Suối Giao hay là 'Nhượng địa của Yersin',theo tên gọi trên các bản đồ, là một sở đất rộng, cách Nha Trang mười tám cây số, do chính quyền thuộc địa cấp riêng cho Bs Yersin. Lúc đầu, nơi đây người ta trồng thuốc lá, cà phê, cây *cô- ca*, từ cây này người ta trích ra chất cô-ca-in. Ngày nay, cây cao su (*Hoeuvea bresiliensis*) được trồng khắp nơi và đã thu gặt được rồi. Mấy năm gần đây, hôn một tấn cao su quí giá này đã được thu hoạch. Sống ở đồn điền này có hai gia đình người Âu: Ông Perrin đặt trách chăn nuôi và trồng trọt các loại cây ngắn ngày; ông Vernet trông coi cây cao su. Nhiều phòng thí nghiệm lớn đã được lập nên để nghiên cứu cây cao su và các ứng dụng công nghệ của nó. Qua đó Bs Yersin cho thấy ở Trung kỳ chỗ nào người ta có thể khai khẩn trồng trọt những giống cây mới, hầu làm giàu cho đất thuộc địa này.

Trái với Nha Trang, khí hậu Suối Giao rất độc. Về phương diện này, người An Nam biết khá rõ nên việc mộ phu có khó khăn. Mãi đến những năm gần đây, người Âu cũng mắc bệnh giông người bản xứ cho đến khi người ta dùng lưới ruồi muỗi bằng kim loại che các lối ra vào nhà ở. Trong khi người Âu và gia đình họ không còn mắc bệnh sốt rét nữa, người An Nam tử vong nhiều vì thiếu cách ngăn ngừa muỗi đốt. Ngày nay, người ta đều biết

---

[9] Tức địa danh *Suối Dầu*, cách T.P NhaTrang 15 km trên QL 1 đi về hướng Sài Gòn.

sốt rét do muỗi gây ra. Chúng ta biết có nhiều giống muỗi gây bệnh nặng, nhẹ khác nhau. Nhưng nguy hiểm nhất, phải kể đến muỗi *anopheles* ở Suối Giao có rất nhiều. Muỗi rất cần nước để đẻ trứng và sinh trưởng. không đi xa khỏi môi trường sống này, muỗi không thể sống nơi không có nước. Thế nhưng, khó có thể lấp hết những vũng chứa nước.

Nha Trang có vẻ như thứ nào cũng đóng góp vào chuyện trừ khử muỗi cả.: đất toàn cát, cây cỏ thưa thớt, không có ao tù, đồng ruộng cận kề, lại xa khu dân cư bản xứ. Chỉ cần che phủ các giếng nước và trải một lớp dầu hỏa lên mặt vũng nước đọng cũng đủ rồi.

Ở Suối Giao, vấn đề tỏ ra rắc rối hơn.Chẳng những có ruộng lúa, kênh rạch, nó còn có đầm lầy không thể nào tát cạn hay đổ dầu lửa được. Phải dùng cách khác. Muỗi anopheles chỉ đốt vào buổi chiều và ban đêm cho nên nên tránh hai khoảng thời gian ấy. Khốn thay chúng ta không thể bắt những người tha phương cầu thực, dù họ là người giữ gìn vệ sinh kỹ lưỡng nhất, phải dùng cơm tối lúc năm giờ chiều để phải chui vào mùng lúc trời vừa sập tối.Cách hợp lý nhất là dùng lưới ruồi che phủ các lối ra vào nhà. Cách này không chắn gió lại ngăn trở ruồi muỗi xăm nhập.Cần phải phổ biến phương sách này. Sẽ tránh chẳng những được các mũi đốt rất khó chịu mà còn ngừa được chứng sốt rét, một căn bệnh khủng khiếp nhất của vủng nhiệt đới.

Tùy theo nhu cầu của phòng thí nghiệm, một số bò sẽ được chở xuống Nha Trang.Mấy con vật này không thể

bị trích huyết quá thường xuyên.Xong chuyện, chúng được chở về Suối Giao để phục hồi. Bò sữa dành riêng cho nhân viên cần phải thay luôn vì giống này cấp rất ít sữa khi con nghé tới ba tháng tuổi. Tối đa mỗi con cho không quá một lít sữa mỗi ngày.Lại thêm chuyện vắt sữa cũng hơi lọng cọng. Người An Nam không uống và cũng không cho con họ dùng. Cho nên phải dạy họ cách vắt và phải để mắt theo dõi công việc của họ. Họ không thấy cần thiết phải dùng đồ chứa thích hợp hay là cần phải rửa tay sạch sẽ. Hầu hết mấy con bò muốn đến gần, lắm khi phải buộc bốn vó chúng lại.Đàn bò nuôi trên đảo Hỏn tre, không ai chăn, hầu như trở lại trạng thái hoang dã. Khi cần mang sang Nha Trang, đưa chúng lên tàu không phải chuyện đơn giản.Đến khi đưa chúng lên bở, phải sử dụng mưu kế của người An Nam: cách bờ chừng một cây số, người ta xô chúng xuống nước, để đến khi lên bờ chúng đã mệt đứ đừ hết cả.

Chồng tôi là vị thầy thuốc đầu tiên ở Nha Trang. Dĩ nhiên người Âu ở đây phải khoái lắm nhưng người An Nam, bệnh tật của họ khoa học rất chú ý nghiên cứu thì lại lưỡng lự không muốn mang bệnh đến cho ông cứu chữa. Thoạt kỳ thủy, ông chỉ chữa trị những trường hợp ngặt nghèo, thập tử nhất sinh các ông lang An Nam và Tàu đã chịu bó tay. Nhưng một sự thay đổi không sớm thì muộn đã xảy ra. Một ngày kia, mấy người dân chài Cửa Bé khiêng vô bệnh xá một người thợ bạn, máu me đầy mình, vết thương khá nặng.Đêm qua đi đánh cá, như thói quen, mỗi buổi sáng, anh ta nhảy xuống nước để kéo lưới lên. Bám theo cái phao bằng ông Bương, anh ta cùng các thơ bạn khác kéo lưới vào be thuyền. Bất thần,

mọi người kinh hãi thấy một con cá mập khổng lồ lội đuổi theo đám cá cùng đụng phải giàn lưới, bàng hoàng, nó thẳng góc quay ngược lại, bỏ ngang qua hai người thợ bạn nhưng lại phóng tới người thứ ba và táp chân người này. Anh chàng không may kia vùng vẫy dữ dội trong khi bè bạn trên thuyền chứng kiến cảnh tượng, miệng kêu la sơ hãi. Con quái vật nhả mồi rồi bơi đi mất.Nhưng hàm răng kinh khiếp của cá mập đã hoàn thành công tác.

Khi kéo người bị thương lên thuyền, máu chảy rất nhiều vì vết thương quá lớn.Người An Nam tìm mọi cách để cầm máu. May thay, máu cầm được. Họ vội vàng khiêng về làng, tới chỗ cơ quan y tế chính của người bản xứ. Ở đó họ bảo không cách nào cứu sống được người bị thương vì trước đây người thầy thuốc An Nam đã từng thấy nhiều truòng hợp tương tự , không có trường hợp ngoại lệ nào, nạn nhân mất nhiều máu thì không chóng thì chầy, ông đoan quyết, cũng sẽ toi mạng.Ông tin rằng vết cắn của cá mập cũng như cọp cắn đều là trù yếm siêu nhiên. Thế nhưng người làng vẫn để người bất hạnh lên cáng và khiêng tới bệnh xá cho chồng tôi khám.Vết thương lớn để lộ xương ống chân ra, gân đứt lòng thòng, bắp chân rách nát, máu chảy lênh láng.Phải chữa gấp. Chồng tôi lấy dây cao su buộc chặt, chuẩn bị cắt chỗ đùi chân.Người An Nam chưa bao giờ nghe ai nói có chuyện cắt chân cho nên họ mất hết hồn vía. Một bà già chạy tới ôm chân chồng tôi, miệng kêu gào: ‘‘Xin Bác sĩ cứu giùm con tôi nhưng xin đừng cưa chân nó!’’ Bà ấy nhất định không nghe lời trấn an của bác sĩ, tiếp tục khóc lóc và rên xiết. Sự việc như thế xem cũng là một hiện tượng lạ vì người An Nam, dù có đối diện với cái chết, họ bao

giờ cũng giữ nét mặt thật thản nhiên.Vì đây không phải là lúc để lòng mình trở nên mềm yếu, chồng tôi cho người đưa bà ta đi chỗ khác và hỏi ý kiến nạn nhân để cho ông cưa chân .

Trong lúc đó, mấy người y tá ‘mới học nghề chưa được bao lâu’phạm rất nhiều lỗi lầm.Một anh nhét bông tẫm thuốc mê vào mồm người xấu số, suýt làm nghẹt thở; người khác dùng tay trần sờ miếng bông đã khử trùng. Người ta phải cho họ đi ra ngồi và lấy người khác điền vào.Dù vậy cuộc giải phầu cũng kết thúc mỹ mãn.Tôi tới bệnh xá đúng lúc chung cuộc. Tôi chờ cơm đã hai giò đồng hồ! Nghĩ là chồng tôi đang ở bệnh xá, tôi liền đích thân tìm đến. Qua cánh cửa mở, tôi trông thấy một nhóm người bu quanh bàn mổ trên đó có một người ở trần mình vấy đầy máu.Chồng tôi bảo việc đã xong, chút nữa tôi có thể vào xem được. Nhưng điều đó càng làm tôi lánh xa hơn.Đây là lần đầu tiên tôi đến gần chỗ giải phẩu và nhìn một tí đã thấy rùng mình.Tôi thật kinh ngạc trước vẻ mặt trầm tĩnh, tự tin của chồng tôi.Tôi quá xúc động nên không thông cảm sự thỏa mãn người ta tự nhiên cảm thấy khi cứu được một mạng người. Một lúc sau người ta khiêng người bệnh về giường nằm. Tôi đến thăm anh ta. Một thanh niên mới hai mươi tuổi! Giường nằm không có gối, không có nệm. Nó chỉ có một manh chiếu trên tấm ván dài; một manh chiếu dể nằm không đi lại trong nhiều ngày! Nhưng giường người An Nam thì chỗ nào cũng như thế cả. Khi người bệnh thức tỉnh, chúng tôi về nhà. Tối cùng ngày, sau khi ăn cơm xong, tôi theo chồng trở lại thăm các người bệnh lần cuối cùng. Hai người đàn bà có mặt bên giường người

vừa mới được giải phẫu: một người là bà mẹ nay đã hết khóc, còn người kia là vợ anh ta.Anh đã có gia đình vậy mà anh chối là không có. Mẹ anh cũng nói thế để người ta đừng khiến người vợ đến để hỏi ý kiến trước khi giải phẫu.

Người bệnh phục hồi sức khỏe.Toàn tỉnh nhanh chóng hay tin và nói nhiều về việc cứu chữa này. Chẳng những người An Nam chưa từng thấy ai bị cá mập tấn công mà lại được chữa trị lành bệnh mà còn có chuyện họ không tin người ta có thể cưa chân dễ dàng như vậy. Ông bác sĩ thành ra người nổi tiếng, bệnh nhân kéo đến đông đảo.

Người An Nam là những bệnh nhân hay phá bỉnh và tự tung tự tác. Nhiều người giải phẫu chưa cắt chỉ khâu đã bỏ về nhà; người khác thì bỏ trốn đúng vào lúc bệnh cần trợ giúp nhất.

Một đêm kia, chúng tôi thảo luận tìm cách kiếm một cái chân gỗ cho một người cụt chân đang dùng rất thành thạo đôi nạng được người ta cấp cho. Sáng hôm sau, anh ta biến đâu mất. Chỉ cần một đôi nạng cũng đủ cho anh ta chạy trốn rồi! Chúng tôi chưa khi nào tin rằng một người cụt một chân có thể trốn nhanh như thế!

Thế nhưng trong số những người bệnh ra đi không một lời chào cũng có những người khác quay trở lại biếu cho chồng tôi những món quà cảm tạ: vài buồng chuối, vài chục trứng. Có một lần tôi thấy một bà lão lụm cụm đứng trước cổng vườn nhà. Áo quần rách rưới và đầu tóc rối bù chứng tỏ bà lão nghèo lắm. Tôi định mang cho bà

một ít thứ thì bà lão nói một tràng dài tôi không hiểu bà muốn nói gì và trao cho tôi một món quà: hai quả trúng gà!

Tôi đã nói là người bản xứ rất dị đoan. Họ dành cho ông bác sĩ nhiều điều bất ngờ. Có lần một nhân viên bệnh xá ngã bệnh. Vì đây một nhân viên rất tốt nên chồng tôi sáng chiều tới thăm trong hàng mấy tuần liền. Sau đó anh ta hết sốt và yên ổn hồi phục. Thế mà một đêm kia tôi theo chồng đến thăm thì trong nhà tôi thấy có rất đông người. Phòng người bệnh gần như tối om, chỉ trừ trên bàn thờ mấy ngọn đèn cầy leo lét cháy soi sáng một bức tranh vẻ ông Phật. Chúng tôi bước đến bên giường người bệnh. Hôm nay lần đầu tiên chúng tôi thấy anh ngồi dậy và anh tỏ ra linh hoạt hơn lúc thường: đôi mắt sáng quắc, mặt đỏ bừng. Anh giải thích cho chúng tôi biết sắp chút nữa sẽ có một lễ cúng tạ do một vị sư nổi tiếng nhất vùng làm chủ lễ. Nay mắt đã quen với cảnh nhá nhem, chúng tôi có thể quan sát rõ bàn thờ. Ngoài những lọ hoa thường thấy, còn được bày những vại nhỏ đựng rượu, những rỗ nhỏ hoa quả, mấy con gà rô-ti, vịt nướng, và một con heo quay nhỏ. Vị sư là một người lớn tuổi, tóc ngắn, màu muối tiêu. Ông vận áo dài thụng lụa màu xanh lục. Khi thì ông uốn éo thân mình hai tay chuyển động theo, khi thì ông đứng im như pho tượng, khấn cầu. Sau cùng, theo dấu ra hiệu của nhà sư, người ta trao cho ông một cái lọ nước. Ông đưa lọ lên miệng, ngụm một miếng và một cách thật trang trọng ông phun tả hữu lên cả hoa quả, gà rô-ti.

Sau việc này, sinh hoạt trong phòng trở lại bình thường-- có nghĩa là lễ đã hoàn tất. Cảnh ồn ảo vào thay thế cái im lặng cung kính ban nãy. Vị sư cởi hết đồ trang phục lễ cúng, mặc lại bộ áo quần thường ngày. Bước ra cửa ông nói nhỏ điều gì đó với người bản xứ đứng gần và mấy người này vội bước tới bàn thờ, mang hết hương hoa trà quả, gà rô-ti, heo vịt quay, đi thành hàng ra khỏi nhà.

Bàn thờ đã bị dọn sạch. Lúc đó, người thanh niên vừa khỏi bệnh quay lại nói vói chúng tôi: ‘‘*Fini malade.Maintenant monsieur bonze guerir moi!...*’’rồi anh ta nói nhỏ: ‘‘*Lui, manger tout*’’[10].

Những việc xẩy ra đại loại như vậy cũng có những mặt khôi hài làm cuộc sống dễ chịu hơn. Thế nhưng, đôi khi có những cái dễ làm nãn lòng ghê gớm! Một bệnh nhân bỏ trốn về nhà là chuyện khá phiền hà, nhiệt độ ghi sai lạc, mẫu xét nghiệm vi trùng chưa nghiệm xem kết quả đã bị một người trợ tá mang đi rửa sạch , một con vật thí nghiệm theo dõi hàng bao tháng nay, bỗng biến mất,chưa kịp mỗ tử thi xét nghiệm vì mấy lao công mang đi chôn và lại rắc cả đống vôi lên trênÒđó là những chuyện thật bực mình! Có nhiều người An Nam đủ khả năng học thành những nhân viên phòng thí nghiệm thông minh và khéo tay, nhưng cũng có một vài người vì lười lĩnh nên thành láu cá, làm bao nhiêu cuộc thí nghiệm tối hảo trở thành công toi. Đối với một nhà

[10] Hết bịnh rồi! Ông thầy chùa làm tôi lành bịnh. Ông ấy ăn hết mọi thứ.

nghiên cứu kiên trì, dù gì đi nữa, mọi khó khăn trở ngại có trên đời này cũng chỉ là để được khắc phục mà thôi. Dưới vòm trời nhiệt đới này, để gặt hái kết quả, có khi chúng ta cần phải có lòng kiên trì, lòng kiên nhẫn lớn lao hơn khi chúng ta làm việc bên trời Âu.

Viện Pasteur Nha Trang đã hoàn thành nhiệm vụ cứu giúp nhân thế như bao Viện Pasteur ở các vùng thuộc địa khác qua nỗ lực giải thoát con người khỏi bệnh tật lâu nay ngăn cản bước tiến các xứ vùng nhiệt đới: thành công đạt được là chỉ dấu một tương lai huy hoàng.

CHƯƠNG IV

Vườn Hoa

Làm cách nào lập một vườn hoa ở vùng nhiệt đới..- Ngôi vườn của chúng tôi..- Cây và cây cảnh bản địa: cycas, bông giấy, agaves.- Cây trái trong vùng.-Ngũ cốc và cây tròng Âu châu.-Những côn trùng phá hoại trong vườn: kỳ nhông, còng còng, chim chóc, kiến, v.v..

Khi chúng mới đến, vùng đất gọi là 'vườn' bọc quanh nhà chúng tôi cũng chẳng khác bãi biển: đất thì khô và toàn cát là cát. Công việc đầu tiên là đi lên làng nằm bên bờ sông để mua đất bồi. Thuyền nhỏ chở cát về đâu đó, chúng tôi vạch ra *lập-lăng*[11] sẽ đắp lên những gò nổi đa dạng và lối mòn uốn éo uyển chuyển. Nhưng khi thực hiện, mọi việc không phải là dễ dàng. Người lao công chúng tôi thuê không hề có kinh nghiệm về vườn tược theo kiều người Âu. Trồng trọt, đối với trí hiểu biết của anh ta, chung qui là trồng lúa. Cho nên anh đắp các gò nổi theo mô hình ruộng lúa. Anh dùng đất sét đắp các đường viền cao, mùa hè giữ được nước mưa và mùa mưa, ngăn không cho đất trôi đi.Thế nhưng trông không mấy mỹ quan. May thay sau đó chúng tôi tìm được một giống cây lá đỏ, phát triễn rất nhanh, nhờ đó nó che lấp mấy đường viền xấu xí này đi. Đủ để khỏi phải di chuyển các gò nổi và đỡ phải cãi cọ với anh ta về phương pháp làm đường viền. Vừa quay lưng đi, anh ta đặt các luống hoa vào nơi chúng tôi dự định đặt con đường đi và con

[11] *Plan,* bản vẽ,họa đồ.

đường đi vào chỗ dự định trồng hoa. Anh ta khôngbiết một chữ tiếng Pháp. Dặn dò bằng cách ra dấu, không một lời giải thích, chúng tôi như người tàng tàng trước mắt anh ta. Khi thấy chúng tôi rải phân, anh ta lấy làm ngạc nhiên lắm. Người ta có bón phân cho ruộng không nhỉ? Anh ta khoái làm những lối đi thật thẳng vì theo anh, lối đi quanh co không mang lại ý nghĩa nào cả và lại không thẩm mỹ nữa. Mặt khác, anh lúc nào cũng bình thản và làm việc rất chăm chỉ. Bên trời Âu, làm những việc lặt vặt trong vường mang lại nhiều lạc thú hơn là muộn phiền. Ở đây, mặt trời nắng chói chang, nắng nóng cả lưng, thật là khác hẳn. Nhưng người ta được đền bù xứng đáng, nào là màu xanh mơn mởn cùng các sắc hoa sặc sỡ làm cho khu vườn trở thành một ốc đảo đúng nghĩa của nó, nằm giữa bãi sa mạc. Bên Anh, giữa ruộng đồng cận kề, cùng hàng dậu cây xanh, người ta khó nhìn thấy nét tương phản của cảnh vật. Khi tôi viết những giòng này, hai năm đã trôi qua từ khi chúng tôi đặt chân đến Nha Trang. Dưới mắt tôi, hoa đang nở với muôn sắc tuyệt vời, nổi bật trên nền thảm cỏ xanh, đã thay thế chỗ cho bãi cát vàng trước kia.

Khí cụ làm vườn tân thời đã thấy xuất hiện đây đó.Nào là ống lăn, kéo xén lớn nhỏ.Phải cắt cỏ là chuyện đáng ngạc nhiên đối người làm vườn của tôi. Nhưng đến khi thấy một thảm cỏ xanh um, anh ta lại lấy làm khoái chí. Có thể bãi cỏ xanh kia mang dáng vẻ của một đám ruộng mạ non chăng nên làm xúc cảm người An Nam đến thế? Hàng phượng vĩ (*Coeusalpinia pulcherrima*) cuối vườn đã mãn khai, những đốm hoa đỏ chói làm ta ngắm mãi không chán. Gần nhà, ngoài cửa ra vào mở rộng, hàng

cây cà phê nở hoa toát ra một mùi hương thơm ngát. Hoa cà phê có sắc trắng, thanh khiết, cánh hoa đều đặn trông như hoa giấy nhân tạo. Hoa chỉ nở được hai ngày thì úa tàn nhưng một tháng nó nở hai lần. Lúc nở, cây cà phê đột nhiên trắng xóa như ai phủ tuyết. Người ta lấy làm ngạc nhiên khi sáng ra thấy cây nở đầy hoa trong khi chiều hôm trước, một nụ con cũng chẳng thấy đâu cả. Mỗi lần như thế, đúng là một nổi bất ngờ thật dễ thương, sáng tinh mơ, vừa thức giấc chúng ta được một mùi thơm ngát hương ấy đón chào. Ngoài kia là những hàng phi - lao (*Casuarina equisetifolia*), một giống cây thông miền nhiệt đới thấy khắp nơi trên những con đường làng. Lá hình kim, nhọn và sắc, cơn gió nhẹ thổi qua làm thành những tiếng rì rào khiến các thi nhân phải chú ý đến. Nhưng có điều bất tiện là khi rơi xuống đất, lá xếp thành lớp thảm dầy thì không một giống cây nào có thể mọc được. Chúng tôi ,sau bao thử nghiệm, đã trồng được giống cây hoa giếng hồng và trắng , thấy rất nhiều dọc theo bờ cát. Xa hơn nữa, chúng tôi trồng những cây có lá màu bạc như những cây bạch dương ở Âu châu, những cây xê-a-ra (*Manihot Glaziovii*) vốn là một giống cây cho mũ cao su, những cây hoa tử đinh hương Nhật Bản. Hoa giống này có màu trắng và tím nhạt, hương rất ngát. Chùm hoa thì trông không đẹp bằng thứ cùng loại ở Âu châu nhưng lá có màu xanh dịu và đày đặn hơn. Chúng tôi trồng chung quanh gốc những cây vừa kể những bụi dương xỉ rậm lá, những cây tóc tiên và treo trên cành lủng lẳng những giò phong lan.

Chúng tôi còn trồng khá nhiều cây thiên tuế, hầu như khắp vường đều có. Giống cây này mọc hoang rất nhiều

trên vùng đất khô cằn, có khi sống rất lâu và đặc biệt có cây cao bằng cây dừa. Giống cây trung bình trồng trong vườn, được hai hay mười năm, cao ba hay bốn bộ trên chóp đầu bầu bỉnh mọc ra một túm lá trông như lá dừa, rụng theo mùa. Trên chót cùng là những cành mới nhú cho chào đời những cánh lá thật mảnh mai. Vì cây phát triển khá nhanh nên với mắt trần chúng ta có thể nhìn thấy được. Trước đó, trong vườn có một số nhưng có vẻ không sống được lâu. Nhưng sau đó, nhờ tưới nước và bón phân, chúng tôi cứu sống khá nhiều cây.

Người ta để lại cho chúng tôi một số cây thùa mọc lấn chiếm rất nhanh nên chúng tôi quyết định nhổ bỏ hết. Chớ nghĩ đến chuyện bứng chúng đi trồng chỗ khác vì lá chúng sắc nhọn như lưỡi gươm không sao đụng đến được. Người ta bảo chúng sắp ra hoa và để chừng đó hẳn hay. Thực ra, vài tháng sau, từ giữa đám lá trồi lên một cọng cây cao đến năm mét và gốc có đường kính là ba mươi phân. Một chùm hoa màu trắng xám đong đưa trên ngọn, xấu ơi là xấu! Định mệnh nó đã an bài.Nó chỉ chờ chết.Thật quá chậm và chúng tôi hết còn kiên nhẫn để chờ. Một ngáy đệp trời kia, năm người bản xứ và một con bò đã đến cùng nhau kéo bật rễ chúng lên. Từ đó về sau không ai con nhắc đến giống cây này nữa. Một vài cây nhỏ mới nhú được chúng tôi mang đi trong ở một xó vườn. Chúng hưởng ơn phúc của chúng tôi nhờ sắc lá xanh lơ như đá phiến của chúng.

Những mầu sắc rực rỡ của cây cối trong vườn, như hoa dâm bụt có cuống hoa lớn đỏ rực, cây lựu lốm đốm đỏ tươi, những cây keo có chùm trái màu vàng kim hay màu

đỏ sẫm và sau cùng là giàn hoa giấy.Giống này, nếu năng tưới, sẽ ra hoa quanh năm. Với những chùm hoa hình cánh chuông, màu tím hồng, nở rộ, chúng tôi cho đây là loại cây leo đẹp nhất vùng nhiệt đới. Những giống hoa tím nhạt chúng ta thường thấy trồng trong các nhà kính tại Âu châu khó cho ta một ý niệm chính xác về cây cùng họ của chúng hiện trồng tại các thuộc địa. Hai gốc cây hoa giấy bò theo hai bên cửa ra vào và gặp nhau làm thành một vòng cung tuyệt đẹp trong khi đó ngoài hàng hiên, những chùm hoa lớn màu tím đỏ nổi bật lên trên nền biển xanh, trông thật mát mắt. Tôi càng thấy thích vì chính tay tôi đã trồng chúng.Tôi xin giống từ các nhà vườn người An Nam về.

Tôi trồng chừng chục cụm hồng để cắt lấy hoa cắm các bình quanh năm. Vùng này có hai loại hồng: loại hồng hoa lớn, màu nhạt thơm và loại hồng nhỏ đỏ đậm không thơm. Chúng tôi cố trồng giống hồng Âu châu, đã thích nghi với thổ nhưởng trên cao nguyên Lâm Viên, nhưng không thành công. Không thể nói hết bao nhiêu giống cây tôi đã trồng nhưng không thể không kể ra cây mi-mô-sa với những nhúm hoa nhỏ nhắn màu vàng, hương thơm nồng, cây *cô-ca* và hoa dành dành.

Chúng tôi cũng có trồng những cây ăn trái như cây chuối lá rộng và khỏe, cho những buồng trái nặng chĩu, những cây đu đủ (*Carica papaya*) ra trái to ngay ở thân cây, lỏng lẽo như chực rơi tỏm xuống đất bất cứ lúc nào. Người ta nói đu đủ giúp nhuận trường cho nên người Âu hay dùng chúng trong mỗi bữa ăn. Chúng tôi ăn trái mãng cầu (*Anona squamona*) trong vườn, chúng tôi ăn

quít, chanh và dứa thơm. Những bụi xả(*Cymbopogon schananthus*) mọc như những bó cỏ trang trí dùng để nấu nước xông rất thơm.

Cứ hằng sáu tháng một lần chúng tôi nhận những loại hạt giống mới từ London hay Pa-ri gởi đến. Tôi thấy đa phần mọc khỏe ở Nha Trang hơn là ở nơi chúng xuất xứ. Chẳng hạn như cây bóng nước, hoa cũng to như hoa hồng, hoa thược dược đủ màu sắc, hoa ca-pu-xin, hoa chuối, hoa cẩm chướng Ấn và Trung Hoa, cúc Mễ tây cơ, hoa dã yên và cúc đại đóa. Vào mùa mát, tôi được diễm phúc hái hàng chục đóa hoa vi-ô-lét mỗi ngày. Trồng cho được loại này đòi hỏi bao nhiêu kỳ công, người làm vườn thật sự khốn khổ vì chúng!

Những hoa loa kèn đỏ (*Imatophylum*) ngược lại mọc thoải mái.Trông chúng giống hoa huệ Ý nhưng hoa mọc chéo góc với thân.



Đám cây *ca-na* là nơi chim chóc đến ăn thỏa thê.



Vườn hoa ngày càng khởi sắc và thân thiết với tôi.

Rau cỏ mọc thật nhanh. Sau khi gieo chưa được mươi ngày, chúng tôi đã có thể hái cải đắng, *xà lách soong*. Nhưng ngược lại, nếu ương hạt giống quá sâu, hạt mọc mầm, đội đất lên thành từng mãng và cho dù có mạnh cách mấy, chúng vẫn không thể nào xuyên thủng lớp đất mặt được. Ngoài ra, hạt giống phải được ương trong những thùng bằng gỗ, kê trên ghế, bốn chân ngâm trong nước dấm chua hay nước cờ- rê- din, nêú không, kiến sẽ ăn hết. Chúng là kẻ thù nguy hiểm nhất của vườn tược miền nhiệt đới. Chúng ăn mọi thứ cây và tàn phá ghê gớm. Chúng bám vào các đóa hoa và nếu bất cẩn khi hái hoa, ta sẽ bị chúng đốt rất đau.

Lại có những con còng màu trắng xám, thân trong suốt, mắt lồ lộ hay đào lỗ chung quanh các gốc cây. Chúng nó từ bãi biển bò lên nhưng vườn chúng tôi không phải là chỗ săn mồi tốt cho nên mặc dù chạy rất lanh, chúng vẫn không thoát khỏi đôi mắt xanh rất tinh của chú mèo Xiêm của chúng tôi. Những con kỳ nhông trú ngụ ngay trong các vườn hoa. Suốt dọc bờ biển Nam An Nam, có rất nhiều thứ này, đủ màu đủ sắc. Khi chúng tôi lái xe đi chơi, có con chạy băng qua đường, ngừng lại, chống hai chân trước lên cao, đứng nhìn chúng tôi cho đến khi bánh xe gần chạm đến, chúng mới chạy phóng vào bãi cát, chui xuống hang. Người An Nam nói họ thích ăn vì thịt chúng ngon. Họ đặt bẫy tre trước hang để bắt chúng. Chúng tôi cũng bắt chước cách này và rất thành công.

Về phần những con thằn lằn, những sinh vật lạ lùng hay đi dại trên trần hay tường nhà vùng nhiệt đới, chúng tôi chưa bao giờ gây chiến với bọn này.Người ta bảo chúng

ăn muỗi và nhện.Nó hay đến đớp các con bươm bướm, phù du hay bu quanh các ngọn đèn khi đêm xuống. Nó đớp và nuốt trọng những côn trùng nhỏ; còn với con lớn hơn, nó xé cánh, rồi nuốt từ từ vào bụng.Lúc đầu, tôi có lúc sợ chúng bò trên trần nhà mất thăng bằng, sẽ rớt trúng đầu nhưng chuyện đó ít khi xảy ra.Trông chúng có vẻ nhỏ con hơn con tắc kè ở các đình chùa hay kỳ nhông dọc bãi biển.

Trong hai hay ba tháng đầu, chim chóc quấy rầy tôi nhiều lắm. Sáng nào, cứ đúng giờ là chúng bay đến, từng bầy đáp xuống bụi hoa chuối, đậu trên ngọn cây, mỗ nát các đài hoa đỏ và vàng xinh sắn. Một rổ hoa khoảng ba mươi hay bốn mươi cành nở thật đẹp lúc tôi vừa thức giấc, nay đã tan tác sau khi tôi thay áo quần xong.Không một cái hoa nào còn nguyên vẹn. Là loại chim rất phổ thông ở đây, chúng có túm lông trên đầu như cái nón nhỏ của người An Nam, trông thật bảnh nhưng hơi khinh khỉnh, nhất là khi chúng vừa mới làm bậy. Còn dễ tha thứ nếu đầu chúng láng lẫy hay nho nhỏ như đầu chim sẻ hoặc chim sáo! Càng lúc chúng càng hỗn láo tợn. Ban đầu, tôi nổ súng để đuổi chúng nhưng chỉ làm thủng lỗ chỗ lá cành: thuốc chữa bệnh còn tai hại hơn cơn bệnh. Sau đó chúng tôi cắm một khung hình người, hai tay dang thẳng, làm thằng bù nhìn. Nhưng ngày hôm sau, chim bay đến đậu trên mũi, trên tay thằng bù nhìn.Phải dùng một quả chuông lớn treo ở đầu một cây cọc. Đây là loại chuông Thụy Sĩ lủng lẳng ở cổ bò thả ăn trên các cánh đồng cỏ và vang rất xa.Sợi dây chỉ nối chuông vào bàn ăn của chúng tôi.Khi chim đến gần hoa, tôi dật dây cho chuông rung lên.Nhưng làm vậy mệt quá nên tôi giao công việc cho người bếpvà mấy anh bồi.Họ có vẻ

rất khoái mỗi lần phải làm ầm ĩ như vậy. Quả thật họ hết lòng hết dạ với nhiệm vụ cho nên họ rung chuông liên hồi. Khi một hồi chuông rung mạnh hơn, theo bản năng, tôi vụt đứng dậy, tưởng mình còn đang còn ngồi trên ghế nhà trường! Quả là tai hại nhưng tôi tự nhủ thế còn đỡ hơn là mất cả vườn hoa.

Trong vườn trồng rau cũng có những hư hại do bầy bồ câu và mấy con công gây ra.Thế nhưng, thà như vậy còn hơn là nhốt chúng trong chuồng. Công, bồ câu, mèo, gà mái thường chạy đến bàn khi chúng tôi ngồi dùng cơm.Cảnh bầy gia cầm bu quanh ấy làm chúng tôi vui nhộn lên.

Mặc dù bao nhiêu sự việc xẩy ra như thế, vườn hoa chúng tôi phát triển đáng kể và ngày càng gắn bó với chúng tôi nhiều hơn.Thật vậy, nếu phải bày tỏ suy nghĩ của mình thì tôi thật bối rối.Vì vườn hoa Ăng-lê tập trung vào màu lá xanh và sắc màu kín đáo, đậm nhạt khác nhau; vườn hoa vùng nhiệt đới thì quanh năm hoa nở. Rồi thì ở Âu châu, hái hoa là một lạc thú còn ở thuộc địa này, việc đó đi sâu vào lòng người. Vườn hoa làm căn nhà đơn sơ chúng ta đang ở trở thành một mái ấm gia đình và trên một bình diện rộng lớn hơn, giúp cho cuộc sống lưu vong trở nên dễ chịu hơn.



CHƯƠNG V

Nha Trang và các vùng phụ cận

Học cưỡi ngựa và Học bắn súng.- Hình thể và Tương lai xứ An Nam.- Đường giao thông vẫn còn thiế u.- So sánh với NamKỳ.-Cảnh đẹp và nét kỳ vĩ của cảnh vật.-Một ngôi làng người bản xứ.-Những cảnh chùa và mộ phần-Bầy trâu và bọn chăn trâu.-Đom đóm lập lòe.-Đi săn.-Những tổ kiến lửa-Đi thuyền trên sông Nha Trang.-Đi thăm làng làm gạch nung.

Vừa đến đây tôi liền học cưỡi ngựa vừa học bắn súng ngay. Rất nhanh chóng tôi không còn sợ mỗi khi thấy con ngựa rung hai lỗ tai của nó hay tiếng súng của mình nổ. Tôi đóng yên đàn ông vì ngựa bản xứ nhỏ con và dễ ngồi lại chắc chắn nên đi đây đi đó đều tiện cả. tôi không còn chơi các môn thể thao tôi rất thích chơi khi còn ở bên Anh như môn cù, hốc-kê. Nhưng nếu tiếp tục chơi ở đây thì làm sao tôi có thì giờ đi khắp nơi để nghiên cứu tìm hiểu? Điều này an ủi tôi cho việc mất mát ấy. Những cuộc du ngoạn giúp tôi biết tất cả những hang cùng ngõ hẽm .

An Nam khác với Nam Kỳ về chỗ đường bộ, đường sắt, kinh rạch, sông ngòi ở đó có nhiều, khiến việc đi lại dễ dàng hơn. Chúng ta chiếm Nam kỳ trước An Nam nên những tài nguyên và giá trị kinh tế của Nam Kỳ đã khiến

người Pháp phải nhanh chóng thiết lập hệ thống đi lại thông suốt. Chung quanh SàiGòn, đã có những dịch vụ xe đò, tàu thủy. xe điện và tàu hỏa khá đầy đủ.

An Nam không có những thứ như vừa kể. Biển là con đường thuận tiện thông thương từ chỗ này đến chỗ kia. Thế nhưng cho dù có nhiều cảng tương đối an toàn dọc theo chiều dài của bờ biển, việc buôn bán cũng không nhộn nhịp lắm. Di chuyển độc nhất bằng ghe mà chỉ có người Âu nào nhàn rỗi lắm mới dám sử dụng đến và chỉ trong mùa gió máy thuận tiện mà thôi. Trên đất liền, có con đường cái quan chạy dọc theo bờ biển từ Bắc xuống Nam, xe cộ chỉ chạy được trên một số đoạn ngắn trải đá mỏng.

Cách Nha Trang chừng sáu mươi cây số, trước khi lên tới mõm Varella con đường cái quan thu hẹp thành một con đường mòn nhỏ, khó đi. Nó vượt qua *Deoka* (Đèo Cả) nhưng vất vã biết bao! Chúng ta phải đi lắt lẻo trên những mõm đá nhọn làm thành những nấc thang khổng lồ cao hơn ba trăm mét. Những con ngựa bất hạnh dù có lanh lẹn như con dê cũnh phải lọi chân và kéo luôn cả xà ích xuống vực nếu như không thả lỏng cương cho chúng muốn đi đâu thì đi. Đèo Cả là một trong những chỗ hoang dã nhất và cũng là nơi kỳ vĩ nhất của An Nam. Nó cũng là ngọn đèo dễ dàng phòng thủ và đã đóng một vai trò nhất định trong lịch sử xứ này. Vào mùa mưa, những đoạn đưởng tốt nhất trở thành vô dụng, cầu cống bị nước lụt làm hư hại hay cuốn đi mất. Lúc đó muốn đi về làng chỉ còn có hai phương tiện duy nhất là đi ngựa hay đi cáng.

Sau này An Nam có đường tàu hỏa Sài Gòn-Hà Nội chạy qua.Đoạn đường sắt Tua Ran- Huế và Hà Nội-Thanh Hóa- Vinh đã hoạt động được nhiều năm nay.Đoạn Sài Gòn-Phan Rang và Phan Rang-Nha Trang sắp làm xong. Nhưng đường đi lại hiếm hoi làm cho việc phát triễn của An Nam chậm lại cho nên nó nghèo nàn lắm. Các thung lũng thì phì nhiêu nhưng đa phần rất hẹp chỉ sản xuất đủ nuôi sống dân cư sở tại. May mắn thay An Nam không có nhiều thứ nhu cầu và bằng lòng với số ít những thứ mình đang có.Vậy mà nó chưa bao giờ, như một số nơi khác giàu có hơn nó, gặp phải nạn đói. Cùng với lúa, người An Nam trồng thêm bắp, thuốc lá, khoai và cây thầu dầu. Vừa đủ cho việc tiêu thụ tại chỗ , không còn gì để bán buôn với nơi khác.

Nếu đất An Nam không phải là nơi giàu có thì nó là miền có phong cảnh tuyệt mỹ.Đây là nơi người ta thấy những cảnh đẹp nhất của Đông Dương. Nó có một bờ biển cắt đoạn, núi cao, rừng sâu, và nhiều vùng đất đến nay chưa có dấu chân người. Ít khi thấy nơi nào mà người du khách có thể bắt gặp từ những ngạc nhiên này đến những ngạc nhiên khác và phong cảnh thì luôn luôn đổi thay như ở đây.

Ngôi làng người bản xứ trả dài trên một khoảng đất rộng rãi, nhà cửa rải rác không theo một qui luật rõ ràng hay một họa đồ nhất định nào. Duy chỉ có điều: Nhà đắc thế nhất chính là cuộc đất nằm kế cận chợ. Như thế là rất khác với làng mạc ở ngài Bắc. Ở đó nhà cửa quây quần sau lũy tre xanh, là hào lũy chống lại quân cướp, đầy rẫy suốt các tỉnh nằm dọc biên giới. Đi từ Hải Phòng

tới Hà Nội, hay băng qua vùng đồng bằng mênh mông toàn là ruộng lúa của sông Hồng, chúng ta thấy làng mạc núp sau các lũy tre cao ngất có vẻ gì đó rất huyền bí; và giữa những ruộng lúa không bờ bến này, những ngôi nhà tranh quây quần bên nhau sau những thửa vườn nằm ngay hàng thẳng lối. Tầm nhìn của chúng ta vượt qua những hàng rào xanh tươi, thỉnh thoảng chúng ta thấy một hai ngôi chùa nổi lên trên những hòn đảo nhỏ thế đất quá dốc không trồng trọt được.

Những ngôi làng An Nam này, chính nó cũng dễ phân biệt từ đàng xa nhờ các túp cây xanh um, những hàng tre, hàng dừa lớn, cao hàng mươi mét, đong đưa tàu lá xòe ra như cánh chim. Những cây xoài, nhác trông giống như những loại cây miền ôn đới của chúng ta, trái được người ta ưa thích hơn các thứ trái khác vùng nhiệt đới. Những hàng cau thân thon thả, thẳng thớm mang trên ngọn một túm lá như lá dừa, 'nói một cách nôm na, như một cây phất trần dài thòng'và trái là thành phần của miếng trầu nhai. Chúng ta phải bước vào giữa đám lá xanh ấy mới thấy những nếp nhà tranh rải rác đó đây, trông như bị đám lá uy nghi này vươn cao đè nặng chúng.

Nếu bất thần xuất hiện giữa chốn yên tĩnh như thế này,sự có mặt của chúng tôi gây ra tai biến lớn. Những đứa bé rất dễ thương, trần truồng, da màu đồng, bỏ miếng mía, một thức ăn ngọt chúng rất thích, đang ăn dở dang, từ trong các bóng râm hàng cây chạy ào ra, mặt mày lấm la lấm lét. Chúng tôi có thể bắt gặp những phụ nữ đang làm các công việc thường ngày.

Hầu như nhà nào cũng có một mảnh vườn trồng những thứ có thể mang ra bán ngoài chợ như bắp, thuốc lá, mía, một vài dây khoai lang, những cây hoa *caladium* lớn có củ ăn được, những quả dưa leo, rau xà lách, khoai mì (xay làm bột *tapioca*) . Giữa những cây ăn trái rất thường thấy trong các khu vườn là cây bưởi, trái trông giống một quả cam lớn màu xanh, những cây chuối, những cây *xăm -bô -chê*, những cây chanh. Cũng có nhửng cây hoa được trồng cho có hoặc vì có hoa đẹp được người An Nam ưa chuộng như hoa cẫm chướng Tàu, hoa tử-đinh-hương đỏ thẩm, hoa hồng, hoa huệ, hoa giấy, loại sau cùng này thường được tỉa thành hình gà hoặc hình con rồng.

Mọi căn nhà kể cả trường học cũng như nhà Hội đồng xã vách đều bện tre, mái lợp bằng tranh. Nhà chủ đất giàu thường xây bằng gạch nhưng đó là những nhà sang trọng hiếm thấy ở những xóm làng nhỏ.Gạch và đá thường dùng để xây chùa và lăng mộ. người An Nam tuyênbố họ bằng lòng với một chỗ chui vô chui ra khiêm tốn nhưng dành cho ông bà tổ tiên, Phật Trời nhiều thứ tốt hơn. Nhà thì cất dưới đất thấp, kế cận đất ngập nước hay ao hồ, chùa chiền và mồ mả thì lại chiếm những cuộc chỗ đất đẹp đẽ hơn. Mấy ngọn đồi gần Nha Trang đều là nơi thờ phượng, cảnh thật ngoạn mục. Khi cất nhà, người An Nam xem trọng phương hướng.Họ đi tìm khung cảnh và lựa chỗ cảnh đẹp nhất. Họ không như người Nhật Bản mà nhiều khuôn mẫu ta nhìn thấy tại các thành phố Nikko hay Tokyo, đòi thiên nhiên phải làm đẹp cho kiến trúc được xây dựng.

Mồ mả thì chỗ nào cũng thấy. Tại vùng phía Nam của An Nam, ngôi mồ thường có dạng con rùa, một trong những con vật linh thiêng của Phật giáo. Dạng khác nữa là hình nụ sen nằm hay dựng đứng, có thể đây là hòn đá biểu tượng của đạo Bà la môn.

Trong các cuộc đi dạo, chúng tôi thường xuống ngựa, để cho một người sở tại trông nom rồi lên thăm các cảnh chùa ngắm cảnh bao quanh. Vừa đi qua hàng dậu hay tường gạch, chúng tôi được mấy nhà sư và người thủ từ từ một nơi kín đáo bước ra chào.Miệng mĩm cười, mắt nhìn chầm chầm không mấy tin tưởng, họ cúi chào chúng tôi.Chẳng phải ở đây có kho vàng được cất dấu trong chùa: những biểu tượng tế lễ bằng gỗ sơn son thếp vàng, những đục bình bằng sành thô trên bàn thờ thắp hương thơm ngát, vài cái chuông đồng, khánh đồng, đó là tất cả của cải. Thảng hoặc chúng tôi thấy có một quả chuông đúc và khắc khá đẹp, đáng quí là vì chuông cổ xưa.Thứ này lại không thể cất dấu trong túi áo được. Hình ông Phật, hình tứ linh khắc hay họa có nơi cũng khá hấp dẫn. Trước tam quan hai hay ba bước bao giờ cũng có một bi đá lớn dùng làm bình phong che cửa ra vào. Thường thì bi này có vẽ hình trang trí.



Cổng chùa.



Phần mộ của một thân hào.



Một lần chúng tôi thấy phía trong sâu, cách Nha Trang đâu vài cây số, một cảnh chùa tọa lạc trong một cảnh trí khá lạ lùng. Chúng tôi đang săn lũ chim bồ nhác chung quanh mấy cái ao gần bờ sông. Bất thần khi đi vòng một tảng đá lớn nằm đơn độc, chúng tôi chú ý đến một cái giếng nước.Gần đó không thấy nhà cửa, làng xóm gì cả.Như vậy thì giếng này của ai? Đi xa hơn một tí, chúng tôi lọt vào một ruộng bắp! Ai trồng thế này nhỉ? Sau đó chúng có lời giải đáp ngay. Một nhà sư xuất hiện trên mõm đá cao.Ông mĩm cười và nói một hồi và ra dấu chúng tôi đi theo ông.

Chúng tôi đi vào một lối hẹp nơi trước đây nhà sư đi ra, giữa hai tường đá, và theo một lối đi nhỏ chạy thẳng ngang các tảng đá lớn chúng tôi đi sang phía bên kia.Như một đường hầm thoai thoải có nhiều nấc thang nhỏ. Lúc đầu chúng tôi bước theo người dẫn đường , không có khó khăn gì cả. Ánh sáng chiếu qua các khe đá như tấm lọc. Đứng phía ngoài không ai có thể ngờ bên trong có một lối đi đào trong đá. Trèo lên khoảng một trăm mết, theo hình trôn ốc, lướt từ mỏm đá này sang mõm đá khác, lòng phó mặc cho may rủi, chúng tôi đột ngột bước lên tảng đá lớn từ đó nhìn thấy cả mấy dặm xa chung quanh. Người ta đã biến hang động này thành cảnh chùa, có bàn thờ Phật, chân đèn, chuông mõ đủ cả. Hai hang nhỏ hai bên được dọn thành nơi ăn ở của nhà sư và người thủ từ. Chúng tôi vào thăm một hang, thấy có một manh chiếu nằm, một đồ đựng bằng đất và một dĩa cơm. Muốn thăm hang kia, cần phải làm một màn đu lượn rất nguy hiểm.

Điều mong ước của tôi là trèo lên mõm đá nhô ra khỏi đầu hang để nhìn toàn cảnh đẹp hơn. Nhà sư lắc đầu không đồng ý. Đó là vì thật sự không leo lên được hay là vì chúng tôi xàm sỡ quá? Thế là đành cứ đứng đó, uốn mình, thò cổ nhìn cánh đồng và dòng sông ngoài cửa hang. Nhà sư cùng chúng tôi bước xuống các bước thang rất lạ kỳ, ông có vẻ như lấy làm thích thú nghe chúng tôi suýt soa kinh ngạc.Thật tài nhưng cũng thật trẻ trung.

Chúng tôi thích hướng ngựa về phía khúc ngoặc của con sông, chỗ bầy trâu lội qua. Trời chiều, bầy trâu phải lội qua chỗ này để về chuồng. Trâu là con vật lớn, sừng rộng, có cái nhìn khinh bạc, rất đáng sợ. Khi qua một khúc quanh của đường mòn ai thấy nó cũng đều không khỏi lấy làm hồi hộp. Hơn nữa, chính chúng cũng sợ lắm chứ. Khi thì chúng bước tới khi thì bước lui như vừa ở thế công vừa ở thế thủ. Nếu chúng ta không chọc chúng giận, chúng chỉ phì thở một cái thật mạnh rồi ba chân bốn cẳng chạy mất.

Nếu thấy quýnh quá, chỉ cần kêu cứu, người chăn trâu sẽ chạy tới ngay. Thường thì đó là một thằng bé, tám hay chín tuổi, mình trần trụi, từ một nơi nào đó không biết, chạy đến, huơ mấy ngọn roi bằng tre thì bầy tuân lời bỏ chạy ào ào.Điều lấy làm lạ là làm cách nào mà mấy đứa bé con có thể chăn bầy thú ngang bướng này một cách dễ dàng nhường ấy.Bằng một tiếng hét to và một tiếng đánh phách của ngọn roi, chúng trị được cả bầy. Sống với bầy trâu từ lúc mới lên bốn lên năm, nó chăn thả với đứa em hay đứa bạn lớn hơn nó chừng đôi



Mùa mưa nước ngập khắp nơi.



Chúng tôi thường dạo chơi ở những nơi bầy trâu hay lội qua.



tuổi. Dưới bóng tàng cây, chúng trông bầy trâu ăn cỏ từ hừng đông cho đến khi mặt trời đứng bóng.

Lúc đó, từng con một tìm đến cái ao kế cận, lăn mình trong bùn cho đến thật nhiều... Nằm sâu dưới bùn, bất động, bọn trâu đưa đôi mắt xanh biếc linh hoạt dưới hàng lông mi dài, hậm hừ đôi tiếng như ra vẻ thỏa mãn lăm lắm. Không sợ chúng chạy trốn hay làm hại người chăn trâu, bọn trẻ con tha hồ ăn, ngủ, chơi rồi lại ăn ngủ hay ngả mình xuống cỏ, lắng nghe tiếng lá rì rào phía trên đầu ngày này sang ngày kia.Đôi lúc bầy trâu dấn sâu mình xuống bùn người ta chẳng thấy chúng đâu cả nếu như chúng không phát ra những tiếng lách tách như tiếng súng nổ khi chúng đứng lên, nằm xuống trong bùn. Lúc năm giờ chiều,trời mát, bầy trâu và kẻ chăn như vừa hồi sức lại.Cái biến động lớn nhất trong ngày xẩy đến.Vượt sông. Bầy trâu vui đùa có vẻ khôn ngoan hơn bọn trẻ con.Chúng chầm chậm bước xuống nước cho đến khi chân hụt hẫng thì chúng ta chỉ nghe thấy vang lên tiếng rống và cặp sừng dài. Như con cá sấu hay một con rắn lạ đang nô đùa dưới nước vậy. Còn bọn chăn trâu, chúng nhảy múa trên bờ. Một lúc sau, có đứa cởi cái quần rách mướp che tấm thân trần ra, nhảy xuống nước, la hét, tạt nước hay bơi đuổi rượt bắt nhau. Chúng bơi rượt theo trâu, nắm lấy đuôi leo lên lưng, rồi đứng phắt dậy ra vẻ đắc thắng, thúc bầy thú qua bên kia bờ. Thế nhưng cũng có vài chú trâu trễ tràng không muốn chấm dứt buổi tắm bùn và không còn muốn vâng lời bọn chăn trâu. Lúc đó lại phải đi kiếm từng con một và nhiều khi xẩy ra những cảnh khá buồn cười.

Vì cảnh tượng khá hấp dẫn làm chúng tôi nhìn ngắm say sưa cho nên khi đêm đã xuống mà chúng tôi vẫn còn ở trên đường về. Nhưng mà lúc đó chúng tôi lại thấy thêm một thứ hấp dẫn khác nữa.Dọc con đường dài từ Chợ Mới về đến Nha Trang, hai bên người ta trồng tre mọc thành bụi um tùm. Vào cái thời khắc muộn màng này, những con đom đóm đậu phủ cả cành lá, vẽ thành những đường viền chung quanh các lùm tre. Các bụi cây con, những dáng cây đơn chiếc trông thật rõ giữa các thân tre. Giả thử ánh đom đóm sáng hơn một tí nữa, người ta có cảm tưởng như đang đi trên một đại lộ bày toàn là cây Giáng sinh. Nhưng ánh sáng đom đóm nhấp nháy từ lùm này sang lùm thật linh hoạt nên chúng ta có ý nghĩ rằng chúng dường như làm theo một mệnh lệnh nào đó. Không biết có nhà bác vật nào giải thích cho sự đồng thuận của cả triệu con ruồi này chưa nhưng sự việc quả là hết sức lôi cuốn.

Chiều tà là lúc bọn ếch nhái trổi lên nét nhạc của chúng. Về đêm, côn trùng bắt đầu hoạt động, phù du và sâu bọ đủ loại bay đầy trời khi giàn nhạc ếch nhái khởi tấu.Thật là vừa ồn và vừa buồn. Thế mà hai giờ đồng hồ trước đây, dòng sông và các lùm tre lại có vẻ yên bình và tĩnh lặng thì làm sao chúng ta có thể nghĩ chúng đang mang trong mình một sức sống cuồng nhiệt chỉ chờ đêm xuống là tuôn trào ra.

Ngày chủ nhật, súng ống móc vào yên ngựa, chúng có dịp tận hưởng cuộc sống náo nhiệt của vùng nhiệt đới nhiều hơn nữa. Bao giờ cũng thế chúng tôi săn được nào

thỏ, heo rừng, nai, gà rừng, công, bồ nhác, trích, đủ giống trĩ và nhiều thứ chim khác nữa.

Cũng có thứ thú khó tới gần và chúng tôi cũng không muốn quấy rầy chúng nữa. Khi nghe thấy một con cọp hay báo phóng từ lùm cây ra hay khi bước gặp dấu chân voi mới tinh, chúng tôi thấy sờ sợ vì nghĩ nếu bị chúng tấn công mình chỉ có toàn đạn chì . Người đi săn bị thú đuổi theo là chuyện còn hơi hiếm thấy ở xứ An Nam này.Cách đây gần năm năm, một viên thư ký Pháp có nhà ở Nha Trang ra khỏi làng để đón người bạn quen. Người ta khuyên anh ta hoặc về thì về sớm còn bằng không thì hãy ngủ lại ở làng vì thời kỳ này cọp xuất hiện nhiều hơn ngày nay ghê lắm. Xem thường lời khuyên này, đêm đó, anh ta cỡi ngựa về trong đêm theo đường cái quan. Bất thần khi còn cách Nha Trang khoảng hai mươi cây số, hai con cọp, một đực một cái nhào vô tấn công. Thất kinh hồn vía hay súng của anh ta bắn trật, điều này ta không rõ. Anh ta chỉ bắn chỉ thiên. Anh *bồi* người An Nam cũng cỡi ngựa đi theo, thấy anh ta bị ngựa quăng xuống đất, kéo đi. Anh *bồi* chỉ còn nước quay cương chạy hộc tốc về Nha Trang, sợ đến điên loạn.Tức thì nhiều người Âu đổ ùa đi cứu người bất hạnh nhưng đã quá trễ. Đến nơi cọp đã ăn hết một nửa thân người.

Cũng có những chuyện khác ít hiểm nguy hơn nhưng lại gây cho ta nhiều bực dọc. Một bữa kia, dạo thuyền trên sông Nha Trang chúng tôi chợt thấy trên bờ có một con gà rừng. Phải trèo qua mấy mõm đá mới đến gần được. Trải qua hàng vạn khó khăn tôi mới tiến gần chừng hai mươi bước và đến khi giương súng lên ngắm

thì tôi thấy có cái gì chích ở mí mắt. Chưa kịp đưa tay lên xem thì toàn thân đã bị chích đau một cách kinh khiếp. Tôi liền vất súng và không chút ngần ngừ, xé toạt áo quần. Kiến đỏ con nào con nấy thật to bám kín cả người tôi. Thật chịu hết nổi. May thay trên thuyền tôi có mang theo bộ đồ tắm. Tôi liền mặc vào còn chồng tôi rủ áo quần cho kiến rớt ra. Tắm một hồi và bôi vài giọt *an-côn* mùi bạc hà làm các vết cắn bớt nhức, chúng tôi tiếp tục dạo thuyền.

Ngày hôm đó, một đôi vợ chồng người An Nam làm người chèo thuyền cho chúng tôi. Họ nằm trong khoang xem có vẻ lười lĩnh lắm nhưng họ lại thích theo dõi từng cử chỉ nhỏ nhặt của chúng tôi. Hễ cứ thấy chim, cho dù có bé tí đi nữa, họ cũng đậu thuyền lại chờ chúng tôi bắn vài phát . Ít lâu sau, gió lặng, họ phải ngồi dậy, bắt tay chèo chống. Cánh buồm làm bằng những sợi lá dừa tướt, lắc qua lắc lại. Một cách thuần thạo, họ hạ buồm và cuốn tròn lại. Sau đó, người vợ ra sau lái, cầm lấy ngọn chèo bên lườn mặt, đôi chân trần của chị dẫm chặc vào phía trái của con thuyền, cả thân mình lay động từ trước ra sau chị nhịp nhàng đưa đẩy mái chèo trông thật thích mắt.

Cử động nhịp nhàng, uyển chuyển làm nổi bật nét mảnh mai nhưng rắn chắc của một cơ thể trẻ trung trong khi tà áo dài bay phất phới trong gió. Người chồng, chân ruỗi dài ra sau giữ bánh lái, chèo một cách thư thả. Trên thuyền còn có hai đứa con nhỏ của họ nữa. Đứa lớn nhất đến gần bên mẹ, đưa bàn tay nhỏ sờ mái chèo to dầy.Nó chẳng giúp được gì nào nhưng nó sẽ tập tành và

quen với những động tác để sau này nó dễ dàng kiếm sống.

Một ngày nọ đi thuyền ngược giòng sông Nha Trang, chúng tôi đến thăm Lò Gốm, nơi có các lò nung gạch.Ngôi làng nhỏ này chuyên nung gạch cho cả tỉnh dùng. Vì không có đường xe nào vào làng n ên việc buôn bán gạch ngói phải sử dụng giòng sông như con đường chuyển vận.Cư dân ưa thích hoàn cảnh biệt lập này.

Thuyền vừa cập bến, mấy con chó chạy đến bao vây chúng tôi, sũa inh ỏi. Nếu không có bầy con nít chạy theo nãy giờ có lẽ chúng tôi đã bị chó cắn mất. Chó người Âu nuôi trong nhà hay vồ những người bản xứ bước vào nơi nhốt chúng, trái lại chó người bản xứ, như để trả miếng cho thật xứng, thường tỏ ra rất dữ dằn trước mặt người Âu. Một đôi khi chúng cũng đều là một giống và cũng là anh em một nhà cả! Tiếng chó gầm gừ làm mấy người bản xứ chạy ra xem.Họ không có vẻ gì là ngạc nhiên khi thấy chúng tôi và không mấy quan tâm chuyện chúng tôi đến đây. Từng bầy con nít lễ phép đi xa xa theo chúng tôi.

Sau khi đi vòng quanh các ngôi nhà ở, chúng tôi tiến đến một khoảng đất trống, nơi mấy cô con gái đang dùng chân trần đạp đất sét, một thứ hoạt động khiến đôi bàn chân tỏ ra thuận lợi hơi hai bàn tay. Rõ ràng là người Âu không bao giờ có cái khéo tay khéo chân nhồi đất mà vẫn giữ được thằng bằng không té nhào. Chờ khi đất sét đã nhuyễn, họ dùng một đoạn chỉ nhợ cắt đất ra thành từng viên gạch hay viên ngói rồi mang ra phơi ngoài

nắng cho khô. Một lần nữa họ dùng đôi chân để xếp chúng thành hàng trên mặt đất và để chúng nằm đó cho đến khi lò đã được sửa soạn đàng hoàng mới mang vào nung. Công việc đáng kể nhất trong đám làm gạch là bàn quay nặn bình hoa.Người phụ trách việc này là một bà lão.Từ xưa đến nay tôi chưa bao giờ gặp có ai tuổi già như vậy.Tóc bà bạc trắng, mắt mù, miệng rụng hết cả răng, mặt mày da đầy vết nhăn hằn sâu. Tuy thế bàn tay khô cằn và đôi chân vẫn còn lanh lẹ và rất khỏe. Bà hất nhanh cái bàn quay và từng chiếc bình liên tiếp theo nhau thành hình đều đặn. Trước mặt chúng tôi bà làm xong rất nhiều cái. Liền đó mấy đứa trẻ con mang chúng đi phơi ngoài nắng. Bọn nhỏ này nãy giờ đứng gần, theo dõi từng cử chỉ của bà lão.Xem chừng chúng kính phục bà lắm. Mà đáng lắm chớ! Chẳng phải là bao nhiêu năm nay bà lão đã làm giàu cho làng sao? Mọi hũ đất đều có một dạng nhưng khác cỡ.Sau khi được nung, chúng biến thành màu nâu đỏ. Gạch và hũ đất nung, sau khi ra lò, được mang đi bán ngoài chợ hay giao nộp cho quan Sứ để trả thuế hiện vật. Trong khi phụ nữ làm những việc vừa kể, phía nam giới lo chuyện xắn đất sét thành từng khối trên bờ sông hay chẻ củi để đốt lò.Trong làng nơi nào cũng thấy củi, xếp thành từng đống như rào cản lớn.Điều làm ta ngạc nhiên là hình như không một ai trong làng muốn xây nhà bằng gạch. Họ an phận với mái nhà tranh nghèo nàn, không dùng một hòn gạch hay mảnh ngói nào.



Cảnh một lò gạch ở Lò Gốm.



Sản phẩm của Lò Gốm được bày bán ngoài chợ.

Trên đường ra bến ghe đậu, tôi thấy mấy con hoa rất đẹp, định bụng hỏi mua. Tôi đến hỏi một người An Nam hình như là chủ của mấy cây hoa. Vừa mới trả giá chưa xong thì một người phụ nữ luống tuổi, dường như là người mẹ, chạy ra. Không nói tiếng trước tiếng sau, bà ấy kéo anh con ra, trả lời tôi. Ngay lập tức tôi thấy mình đang đương đầu với một đối thủ đáng gờm. Rất mừng là tôi chỉ phải trả gấp đôi mà thôi. Chuyện này cho chúng ta thấy theo thời gian, người phụ nữ có nhiều uy quyền trong gia đình với tư cách là một bà mẹ, mẹ chồng hay một sở hữu chủ. Trong xã hội An Nam,họ không được đi học nên một chữ bẻ không ra. Nhưng cũng chính người phụ nữ, họ là những đầu óc thực tiễn và giỏi công chuyện bán buôn. Giới đàn ông phải thừa nhận chuyện này và thấy như thế là có lợi, cho nên chuyện gì họ cũng đều hỏi ý kiến của mấy bà.

Khi chúng tôi lên thuyền thì gia đình người chống thuyền cũng vừa dùng cơm xong. Thấy quá nhiều món ăn, chúng tôi lấy làm lạ là làm cách nào, trong khoang thuyền, họ có thể làm được nhiều như thế.

Thời gian sau này, khi suốt ba ngày liền, chúng tôi buộc phải dùng cơm trên thuyền, tôi mới thấy hết tài năng của một đấu bếp người An Nam. Trên thuyền đồ vật để bề bộn nên người đầu bếp bước một bước là đụng vào người chống ghe. Đó là ngày chúng tôi đi thuyền lên vùng thượng lưu con sông, nơi hai bên bờ toàn là rừng và cây cao bóng cả. Cuộc du hành mang lại bao điều thích thú, nào là cứ một trăm thước chúng tôi phải vượt qua một cái ghềnh, mấy người chèo thuyền có khi bất

thình lình phải nhảy xuống nước, người thì quấn dây, người thì đẩy, nâng, kéo ghe ra tới vùng nước yên tĩnh hơn. Khi ghe trườn, lướt qua các mõm đá, họ la hét inh ỏi. Giá như họ dùng tay chân sức lực thay vì phải la hét, có lẽ chúng tôi sẽ đi nhanh hơn. Thế nhưng, đối với họ, ghe đi cần phải có tiếng ồn ào. Cứ mỗi lần ghe tới một cái ghềnh, tôi thường tự hỏi liệu ghe vỡ tan thì mình sẽ ra sao nhỉ? Chung quanh ngoài lối mòn voi đi, chẳng có đường xá gì cả. Chỗ nào voi dẫm, chỗ ấy cỏ bị đạp xẹp như vừa bị xe lăn cán qua. Cành gẫy, cây bật rễ, bàn chân nặng nề của voi đã nện chặc đất thành đường lộ lắm khi xe hơi có thể chạy trên đó được. Nhưng, không bảo đãm lắm vì các lối mòn voi đi này không bao giờ dẫn ta tới một làng mạc nào. Không một người An Nam nào muốn mạo hiểm tới vùng này còn người *mọi* dù sống rải rác , họ cũng ở cách đây thật xa. Hai bên bờ con sông. Chúng tô đi hết ghềnh này đến thác kia.Hai bên bờ cây cối mọc rậm rạp ta chỉ nhìn thấy hàng cây ngoài cùng thôi. Trên đầu, cành cây hai bên bờ giao nhau, và thuyền chúng tôi đi dưới một chiếc võng xanh, bầu trời bị tàng lá che khuất không thấy đâu cả.

May mắn thay thuyền chúng tôi nguyên vẹn đến nơi .Trong khi đi ngược dòng thuyền đi mất ba ngày chuyến về chúng tôi đi chỉ mất vài ba tiếng đồng hồ. Người giỏi nhất trong bọn được cử cầm sào dài đứng đàng trước mũi. Tay rất thành thạo và mắt họ tinh lắm. Đôi lúc chúng tôi có cảm giác thuyền sẽ va vào mấy tảng đá lớn nằm cản đường và vỡ tan nhưng, nhờ mấy cú sào tài tình, khi thì chống bên phải khi thì thọc bên trái, thuyền



Nhiều nơi rất hấp dẫn vì xưa nay chưa có ai đặt chân tới.



lướt giữa chúng , vượt nhanh đến độ chúng tôi phải chóng mặt.

Con sông này còn là chứng nhân của biết bao cuộc mạo hiểm khác của chúng tôi! Điều hơi tức cười là bất thần gặp lúc nước ròng và thuyền mắc cạn. Lúc đó chỉ còn nước kiên nhẫn chờ người đến cứu giúp. Người bản xứ lập tức phái một chiếc ghe nhỏ đến.Loại ghe này trông giống chiếc thùng đựng quần áo mang đi giặt.Một cái lắc nhẹ cũng đủ làm chìm nó nhưng được cái ghe đi đâu cũng đặng cả. Chúng tôi ghé vào bế n chợ đông người, yên lành nhưng cảm thấy bớt tự hào một tí.

CHƯƠNG VI

Sinh hoạt hàng ngày của một gia đình An Nam

Buổi sáng mới ngủ dậy.- Vươn mình lên không trung và ánh sáng.- Bà Già quét nhà.-Sạp bán hàng nhỏ.-Bà Già giữ cháu bé.-Trò chơi của trẻ con.-Chợ búa và phụ nữ.-Việc đồng áng.-Ruộng lúa, cấy lúa và ngày mùa, v.v..-Trái gái gặp gỡ hẹn hò ngoài đồng.-Kết thúc một ngày làm lụng.

Làng người An Nam thức giấc khi mặt trời ló dạng. Mái cửa bằng tre mở lên, tựa trên hai chiếc cọc, chào đón tia tắng đầu tiên trong ngày.Một người đàn ông khom mình bước qua ngạch cửa. Anh ta giụi mắt, đưa hai tay lẹ làng vuốt mái tóc ra sau búi lại thành một búi.Thế là trang điểm xong. Ngay lúc đó, từ trong túp lều tranh, bọn chó, heo, gà mái với đàn gà con quanh quẫn bên chân, chạy theo ra , vui sướn vì tìm thấy lại không khí mát mẻ và trời sáng.Theo sau đó là bọn trẻ nít, mắt con ngái ngủ, xô nhau vì không thấy đường. Những người lớn bồng mấy đứa chưa biết đi theo kiểu ẳm nách. Trông thấy chúng tôi đang đứng chờ đò ngang, họ kêu thét lên rồi chạy hỗn loạn vào núp trong mấy mái nhà tranh. Không thể nào hiều nỗi làm cách nào mà một đứa bé bồng một đứa bé khác cũng lớn xác như nó lại có thể xéo đi nhanh như thế. Im lặng một lúc rồi thấy chúng tôi vẫn đứng yên, chúng lén lén nhìn.Nếu chúng tôi gọi chúng, làm như khuyến khích chúng, chúng làm thân thiện rất mau. Chúng nhào xuống nước, ngóc đầu lên thở, rồi lại lặn,

bơi, lăn lộn trên mặt cát.Thấy chúng tôi vui cười ra vẻ thích thú biết tài năng của chúng, chúng càng cười lớn hơn tiếng cười của chúng tôi và tiếp tục làm trò đến chán mới thôi.

Trừ cái áo củn cởn mặc xuống tới lưng quần, đối với trai gái làng chài lưới dưới mười tuổi, áo quần là cái gì không cần đến. Manh áo nhỏ bé này, có em không có để mà mặc nữa, chỉ nhằm mục đích che nắng. Trang sức thì có mảnh bùa hình vuôngđeo quanh cổ bằng một sợi chỉ nhỏ, bằng vải trơn đựng một mảnh giấy có mấy chữ thần bí của ông sư. Có nhiều em mang mấy vòng kiềng bằng bạc hay đồng thau ở cổ tay hay cổ chân. Vòng bạc ít thấy trẻ con nghèo miền Nam An Nam mang.



Phụ nữ An nam mặc y phục nội thất.

Sau đám trẻ là mấy bà cụ xuất hiện. Mấy cụ cầm chổi quét quanh căn nhà. Không khi nào họ nghĩ đến chuyện quét tước trong nhà, nhưng chết sống họ vẫn quét khoảng hai hay ba thước thật sạch sẽ phía trước cửa ra vô. Khoảng đất vuông nhỏ bé này khách qua lại hay để mắt nhìn cho nên ngày hai bữa họ phải quét sạch nó. So với bên trong nhà đầy bụi và bẩn thỉu, thật là tương phản! Trong khi *ba-già* quét tước, mấy người vợ và em gái của người chài lưới lo chuyện cuốn mấy chiếc chiếu mọi người nằm ngủ đêm qua. Họ bày lên sạp(một loại giường nằm bằng tre đan có bốn chân cao khoảng nửa thước.) những cái chén, dĩa, tô lớn nhỏ cho người ta mua. Tại sao không dùng giường ngủ ban đêm làm sạp bán hàng tiện lợi ban ngày nhỉ? Họ còn bày đậu lăng, đậu đũa, các nãi chuối. Người ta để riêng một hũ vôi và một cái rổ nhỏ đựng vài lá trầu xếp thành hình vòng tròn, ở một nơi thật dễ thấy để hấp dẫn người hay nhai trầu.Những bánh ép thuốc lá , những hộp diêm, giấy vấn thuốc thì như mời gọi người hay hút thuốc lá. Sau rốt là màu sắc của mấy cuộn vải đủ thứ sắc, những phong pháo đỏ, những cây đèn cầy bọc trong giấy vàng, đỏ. Hai người đàn bà nhìn quày hàng với vẻ mặt dương dương tự đắc. Xong xuôi đâu đó, một lần chót họ dặn bà già trông chừng giùm rồi sửa soạn đi chợ. Trước khi đi, người mẹ nói người ta bồng em bé để cho nó bú. Một tay bà bồng nó đưa lên vú, một tay bà sửa ngay ngắn vài món hàng trên sạp. Sau rốt, bà đưa mũi hít hít khắp mình nhỏ bé của đứa con (người An Nam chỉ hun con như thế này thôi) rồi đưa con cho bà già bồng.

Đàn bà thường mặc quần dài bằng vải xanh dương, ngực mang một vuông vải che nhỏ hình chữ nhật. Chỉ để mặc trong nhà, trang phục quá bé này có dây mang tròng qua cổ và bao quanh thân mình, chừa lưng và tay để trần.Khi đi chợ, họ mặc thêm cái áo cánh xanh, đầu đội nón lá.Họ cầm vạt áo lau qua cái đòn gánh hình cách cung, để trong góc nhà. Họ có vẻ tự hào với đôi gióng gánh mang hai cái thúng giống nhau.Đôi gióng làm rất khéo, đầu bịt đồng, đời nay để lại cho đời kia như của gia bảo. Sáng nay, họ gánh cá khô ra chợ bán. Mùi cá khô bay khắp làng, chúng tôi nhận ra mùi này ngay khi hai người phụ nữ này nhún nhẩy gánh một gánh đầy cá khô ngay trước mũi chúng tôi.

Buổi chiều khi đi săn về, chúng tôi nhìn vô trong nhà một lần nữa.Mấy người đàn bà trẻ này vẫn chưa về. Chỉ có bà gia ngồi bó gối, bất động bên mép sạp. Một người mua hàng ghé vào lấy một lá trầu, bỏ vào lòng bàn tay, cầm que vôi bôi qua một lớp vừa phải rồi cuốn lá trầu lại và bỏ vô miệng. Hai bên không thốt ra tiếng nào, nhưng tôi bắt gặp cái nhìn tươi vui của bà già khi người mua đặt hai đồng xu xuống mép sạp trước khi bước ra.Trong khi tôi hỏi chuyện với bà cụ, không cần biết bà có hiểu hay không, đứa bé vụt khóc to lên, người ta bồng nó tới cho bà. Bà cụ duỗi dài hai chân cạnh chén dĩa đựng cơm cá, đặt đứa bé lên gối, ngữa dài nó ra. Liền đó bà cầm lấy chén rồi dùng đũa vốc một miếng cơm vô miệng, nhai đi nhai lại, rồi mớm miếng cơm ấy từ miệng đã rụng hết răng và đôi môi đã xưng phồng vì trầu sang miệng đứa bé.Đó là cách thông thường mỗi khi người ta cho con ăn ở vùng này.

Người dân chài ngồi vá lưới cùng mấy người bạn ghe. Lúc ghe tôi tới, với mấy con ngựa và súng săn, lũ tre con thấy chúng tôi bắn được một con công. Chúng bu quanh, kêu la om sòm, vui lắm. Khi tôi đưa con công lên cho đứa nào muốn mang thì đứa nào cũng đòi làm cả. Cảnh tranh giành xẩy ra, lông công bay tùm lum. Một chú bé chẳng lớn hơn con công bao nhiêu làm chủ tình hình và đoạt được chiến lợi phẩm. Mấy đứa trẻ khác chạy theo nó đến tận nhà. Đến khi tôi bỏ vào tay thằng bé một đồng xu trắng, nó đương nhiên trờ nên người hùng của ngày hôm ấy.

Trẻ con người An Nam sống sung sướng và tươi vui trong những năm bé thơ. Chúng chỉ khóc lúc bị bệnh mà thôi. Các cảnh khóc lè nhè hay quấy rầy của trẻ con người Âu không thấy ở trẻ con nơi đây.Cha mẹ rất thương con.Vì đông con nên ít khi họ nuông chìu đứa nào quá đáng. Ít có dân tộc nào mắn con như người An Nam.Tình trạng tử vong trẻ con thấp nên dân só gia tăng nhanh. Nhưng luật lệ vệ sinh căn bản nhất cũng không thấy ai giữ gìn. Bà mụ đỡ đẻ là một bà già trong làng. Người thầy thuốc An Nam, khi được mời tới, không thể nhìn thấy mặt bệnh nhân. Ông chẩn bệnh qua cánh cửa mở he hé. Muốn mời một y sĩ người Âu, người ta phải vượt qua bao nhiều thiên kiến ! Chồng tôi thỉnh thoảng người ta có mời đi khám bệnh, đã chứng kiến bao cảnh não lòng. Như vụ người ta bỏ một người đàn bà nằm bơ vơ không ai chăm nom suốt hai, ba ngày liền.Đến khi bà già đánh bạo đến thì lại còn tệ hơn nữa! Hết phương cứu chữa. Người ta để một cái lò than hồng dưới giường, cửa

nẽo đóng kín bưng, người sanh đẻ thì bị phủ dưới các lớp áo quần rách mướp của cả gia đình.

Nhiều đứa bé sơ sinh đã chết vì bị chứng phong đòn gánh. Băng bông dùng trong khi sanh đẻ là đất sét. Không có gì che chở trẻ sơ sanh khỏi bị ruồi muỗi cắn.Thân mình chúng đầy vết muỗi chích, ruồi bu quanh mắt. Người ta cho là điềm tốt nếu đầu trẻ con có nhiều chí. Người ta bắt chúng phải chịu bao nhiêu điều mê tín dị đoan! Về sau lớn lên, chúng sống một đời cũng không đến nỗi nào nhờ tính cách tự do của chúng. Chúng sẽ mừng vui nếu được cha mẹ cho cắp sách đến trường. Một thằng bé tay cắp cuốn tập vấy đầy mực đi nhỡn nhơ ngoài đường thì phải nói đó là giây phút nó hãnh diện nhất trong đời. Học đến lúc chúng được mươi một hay mười hai tuổi thì chúng thôi học, theo mấy người lớn đi làm . Chúng theo cha đi đánh cá, hay đi làm ruộng, hoặc chúng theo bạn bè vô rừng mót củi. Mấy đứa khác thì đi chăn trâu.

Những đứa bé gái khi không có việc gì để làm ở nhà, chúng ra chợ. Sáng chiều, chúng ra vội vàng ra giếng xách nước. Ở hai đầu đòn gánh nằm thăng bằng trên đôi vai là hai cái chum nhỏ, thay chỗ cho hai cái thúng, đong đưa mà khi được đổ đầy nước chúng sẽ nặng hơn, người gánh phải còng lưng xuống. Vậy mà chúng khoái công việc này vì chúng sẽ có dịp gặp gỡ, chơi đùa và trò chuyện với bè bạn. Lúc đó quanh giếng nước diễn ra cảnh huyên náo, những tiếng cười chân thật và vui tươi rộ lên như những chiếc pháo thăng thiên. Chúng dùng những cái rổ đan bằng tre hay một đoạn lá chuối xếp lại

thành cái gàu cột vào một sợi dây mòn trơ sợi ra, thả sâu xuống đáy giếng để múc nước. Gàu đầu tiên chúng không đổ vô chum. Chúng uống vài ngụm rồi giăng cánh tay lên cao chúng tưới vào đầu, vào mình .Chúng xối nước vài ba lần như vậy. Khi áo quần đã thấm nước, bó sát vào da thịt, người đã thấy mát mẻ, chúng mới đổ đầy mấy cái chum. Sau vài câu đối đáp linh hoạt, chót hết là chuỗi cười dòn, chúng đặt chiếc đòn vững vàng trên vai, nhún nhẩy gánh về nhà.

Việc thích nhất của phụ nữ lớn bé người An Nam là đi chợ. Họ thích những giây phút tự do cùng bạn trang lứa và nhất là được dịp trỗ tài mua bán. Từ việc nhỏ đến việc lớn, người đàn bà An Nam coi đồng xu *to như bánh xe bò*. Họ lấy làm thỏa mãn nếu họ có thể len lén luồn một trái xoài hư vào mớ xoài ngon đã bán cho người bếp hay vòi cho được thêm một cân gạo. Họ thách một trái dừa hai mươi xu trong khi đúng giá chỉ có năm xu. Chỉ khi nào khách bỏ đi hỏi mua một chỗ khác thì họ mới chịu bán đúng giá thôi.Không thường đi chợ là một thiệt thòi lớn đó. Thế nhưng cái cảnh người bán hàng ngồi dưới đất, hàng họ bày biện chung quanh, cũng như các mùi cá khô, mùi nước mắm,mùi *choum-chuom*[12] pha lẫn với mùi thơm của trái cây, rau cỏ, không làm ta thèm ăn tí nào. Tiếng ồn ào thật đinh tai nhức óc.Người buôn bán nói không lúc nào ngừng. Phải rống hết lồng ngực thì may ra người bán hàngbên cạnh mới biết mình nói gì. Giọng nói người An Nam ít khi du dương, thanh sắc thì cao và rít. Khi ở xứ này tốt hơn cả là đừng bao giờ cãi lý

[12] Rượu đế.

với ai. Phái khỏe biết rõ điều này. Do đó họ không để cơn thịnh nộ xẩy ra và nếu có lỡ để nó xảy ra, thì chỉ có nước cao bay xa chạy, càng nhanh càng tốt.

Ngoài chợ, nói về cánh đàn ông, người ta chỉ thấy mấy anh bếp làm cho Tây. Chợ là chợ cho giới phụ nữ. Họ làm bà Chúa ở đó. Có khi họ đem theo con cái không thể để một mình ở nhà. Chú nhóc 'du hành' ra đây trên cái thúng toòng teng, cân bằng ở đầu kia là một con heo con hay một bao gạo nhỏ.

Từ vài tháng nay, Nha Trang tự hào có một cái chợ xây bằng xi-măng và lợp ngói tuyệt đẹp. Nhưng vì bị bắt phải trả mấy xu tiền thuê chỗ nên mấy bạn hàng dọn hàng bên ngoài chợ, trên đất khô hay bùn sình. Tháng mười một, lúc mưa gió nhiều nhất, đất chung quanh chợ biến thành một cái hồ nước rộng. Khi đó họ đành phải vô đụt mưa trong chợ. Dù có mưa gió bão bùng hay lụt lội tơi bời, mấy chị đàn bà đi không sót một ngày chợ nào. Có thể nói lúc đó sao mà chợ đông đảo như vậy! Biết đâu họ thấy ngồi trên ghe nhỏ hay lội trên những con đường nước ngập tới ngực là điều thú vị chăng. Sao cũng đặng cả miễn là hàng họ đừng bị ướt thì thôi. Họ xăn quần lên, áo vén tới bụng, thúng đội lên đầu, rồi lao mình xuống chỗ nước chảy mạnh nhất. Tôi đoán có lẽ trong một vài làng, thời tiết thế này mà ngồi nhà thì chẳng nên tí nào! Mấy nếp nhà tranh ngập nước, có thể bị cuốn trôi. Người ta để những của cải lên giường và khi nước dâng cao họ chuyển chúng lên nóc nhà! Có một hôm nhân mùa lụt, chúng tôi tới một ngôi làng nọ, nghe mấy người ngồi như người ta cỡi ngựa trên nóc nhà,

nước lên đến ống quyển, miệng cười nói vang vang. Thật là chuyện không thể nào tin là có thật được. Nếu nước cuốn nhà đi thì đã có chiếc ghe cột gần đó.

Mỗi ngày có hai phiên chợ: một vào buổi sáng và một vào buổi chiều. Nhưng thời biểu thì chỉ phỏng chừng thôi vì khi người này tới thì người kia về đó mà.Mấy người phụ nữ gánh về một gánh cũng nặng như lúc gánh ra chợ.Vì có bán ra thì họ cũng có mua vô. Lẹ làng họ dọn dẹp để về nhà. Họ rủ mạnh vạt áo lấm đất dơ khi họ ngồi chồm hổm rồi đứng dậy. Cầm vạt áo, họ lau bóng chiếc đòn gánh thân thương, ướm thử nhiều lần xem đôi thúng hai đầu gánh đã cân bằng chưa.Sau rốt, đội nón lá lên đầu, dải quai màu đỏ nằm ngay ngắn dưới cằm, thế là họ gánh ra khỏi chợ.Đi một mình hay thường khi họ đi thành nhiều nhóm kế tiếp nhau.Tiếng chuyện trò không dứt suốt dọc đoàn người, kẻ hỏi đi người đáp lại, không một cử chỉ, không một gục gặc đầu. Họ bước đi như nhảy nhót trên đầu ngón chân chớ không phải như đang vui vẻ quang gánh trên vai. Như thế cũng đủ hụt hơi, cần gì phải hết gân sức khi nói chuyện.

Khiêng heo cũng gây ra lắm cảnh buồn cười.Trước hết là phải bỏ chú heo vào cái rọ đan lỗ thưa bằng tre. Theo thông tục người An Nam, người ta khiêng nó đi như mang một gói hàng.Dù có quyết liệt cưỡng lại, chú ta vẫn bị đẩy vô rọ và người ta gài cửa bằng một thanh tre nhỏ.Chú heo khốn khổ này thò chân ra mấy lỗ rọ, không ngọ ngoậy gì được cả. Trái lại, kêu la thì nó mặc sức mà kêu la! Mấy chị phụ nữ vẫn tĩnh bơ, nói to hơn một thanh âm và nói bu-lu ba-la không ngừng. Họ thọc

một cái đòn tre xuyên qua rọ và nếu không có người cu-li nào ở đó, họ chẳng chút ngại ngùng ghé vai khiêng nó đi.

Tại sao người An Nam nhốt heo chớ không nhốt vịt trong rọ?Để khỏi ồn ào và đỡ mất thời giờ. Lần đầu tiên tôi thấy một bầy vịt đông đảo là một đêm trời có trăng. Trong khi dọn chỗ nằm trong trạm để nghỉ qua đêm, tôi bỗng nghe những tiếng động rất đặc biệt.Đó là tiếng những bàn chân dẫm các vũng bùn và tiếng 'cạc cạc' inh ỏi làm như tất cả loài vịt trên thế giới đang quần tụ về đây. Tôi vội chạy ra xem.Thật vậy, ngoài đường vịt đi hàng đàn đến cả mấy ngàn con, và chỉ có ba hay bốn người chăn giữ. Chúng đi thành hàng xít rịt, có lớp có lang đàng hoàng. Con tiên phuông đi theo lệnh hướng dẫn của chiếc roi dài, bọn còn lại cứ thế mà bám. Lúc sau, chúng quần về phía trạm để ngủ qua đêm như chúng tôi. Thấy thế chúng tôi nản quá nhưng may thay, những bạn láng giềng khả ái này đã quá nhọc mệt cho nên sau vài tiếng'cạc cạc' chúng cũng như chúng tôi đều ngủ ráo.Chúng tôi tự hỏi làm cách nào mà người bản xứ lại có thể chăn nuôi một bầy vịt đông đảo đến như vậy. Chắc chắn không thể do trứng vịt nở ngoài thiên nhiên. Người ta nói với chúng tôi rằng có những người chuyên nuôi vịt bằng cách thu lượm nhiều trứng bỏ vô ấp nhân tạo trong mấy cái rỗ đựng đầy trấu hun nóng cho trứng nở ra vịt con.Đây là công việc rất tỉ mỉ cần nhiều theo dõi và một giác quan tinh tế về độ nóng vì chưa ai biết sử dụng nhiệt kế ở xứ này. Ít có người bản xứ nào có đủ kiên nhẫn và khéo tay trong chuyện này.Cho nên nuôi vịt đàn trở thành nghề chuyên môn của một vài làng



Người An nam khiêng heo nhốt trong những chiếc rọ đan bằng tre, mắt lớn.



Mùa mưa, ngôi chợ biến thành một hồ nước lớn.

mà thôi. Khi bầy vịt con đã lớn, người ta mang đi bán tứ phương. Chúng đi từng bầy và không khi nào di chuyển ban ngày. Lúc trời nắng, chúng vùng vẫy trong các ao hay ruộng nước, đông ngịt đến nỗi lúc mới nhìn ta có cảm tưởng như thấy một khối gì đó di động, rồi khi nhìn kỹ hơn, ta mới nói được đó là con gì.

Công việc đồng áng cũng như việc ra chợ đều lôi kéo người đàn bà An Nam. Nó chỉ làm bận rộn một thời gian ngắn và trở đi trở lại thường kỳ đều đặn. Đàn ông thường đảm nhận những việc quan trọng .Để làm mương dẫn nước vào ruộng, họ cho nước chảy qua bờ mẫu các đám ruộng. Có những khoảng ruộng chỉ ăn nước mưa, lại có những đám phải tưới bằng nước sông hay nước mương. Người ta đào những con mương nhỏ để đưa lượng nước cần thiết vào các khoảng ruộng nhỏ. Nhưng nếu có chuyện thiếu nước thì người bản xứ có cách tưới bù. Trên bờ cao, cạnh mặt nước, họ cắm mấy cây sào chụm đầu thành một kiền ba chân chắc chắn để treo một cái thúng vào đó. Cái thúng này là một vật được đan rất khéo bằng tre tướt thành sợi dẹp và mỏng, có dây thừng treo vào đầu ba cây sào, đưa qua đưa lại không có gì vướng mắc. Một đầu thúng gắn một cây sào dài do một người đàn ông duy nhất điều khiển. Giống như một cái muỗng, nó nghiêng miệng múc đầy nước, rồi ngay sau đó, đổ vào ruộng trên. Còn có một cái gàu khác cũng bằng tre, hai bên cột hai dây thừng, một trên miệng, một dưới trôn. Điều khiển gầu này cần phải có hai người và cách thao tác thì thật giản dị và đặc sắc. Dây thả lỏng để gầu chìm xuống nước và dây căng để trút nước xuống mảnh ruộng bên trên cao. Trò này trông thật trẻ con và không ra gì

cả. Nhưng, xem kìa, quay trở lại đó sau mấy giờ đồng hồ ta sẽ thấy ngay kết quả!

Trong thửa ruộng ngập nước, công việc cày bừa đã bắt đầu. Hai con trâu được cột vào một cái cày lưỡi sắt; một người đàn ông hay một thiếu niên nắm một sợi dây xỏ qua mũi dẫn đi hay chỉ đơn giản là bằng tiếng hô to. Người ấy bảo con trâu qua trái hay phải hay đi trở ngược lại bằng mấy cái phất nhẹ của một cái roi dài. Nửa người ngập trong bùn, mặt mũi lem luốt, nhưng mải mê cày anh ta chẳng buồn lau nó đi.

Gốc rạ mùa trước không được đào xới, hôm nay, chúng buông rời trong đám ruộng giờ đã trở thành một cái ao nước. Cái bừa sẽ trốc chúng lên, đất sẽ được san bằng để được cấy mạ. Trâu hay bò sẽ kéo cái bừa này. Người nhà quê đứng trên khung bừa, chân kề sát mặt bùn. Bị tung lên hất xuống nên anh ta phải bám chặt cái đuôi con vật.

Mấy tháng trước hột giống đã được gieo ở thủa ruộng kế bên. Đến khi mạ đã lớn, người ta nhổ chúng lên rồi mang đi cấy. Những người phụ nữ được sử dụng riêng cho công việc này. Từ đây cho đến ngày thu gặt, đồng lúa mang màu xanh tươi,một sắc xanh độc đáo, không dễ gì thấy được trên một không gian rộng lớn như thế này. Mạ mọc khỏe và dày kín tạo thành những khoảnh xanh ngọc bích đều đặn, nổi bật một cách mỹ miều trên nền màu vàng nhạt của nước bùn kế bên.



Công việc đồng áng-- Tát nước bằng gàu sòng.



Phụ nữ đang cấy lúa.

Khi các người đàn bà tới, các cô gái đã nhổ mạ, bó thành bó nhỏ đều, và xếp chúng trên đầu bờ ruộng. Mấy người đàn bà sửa soạn lấy các bó mạ này rồi, xếp thành hàng ngang, quần xắn ông lên cao, vạt áo quấn quanh mình hay nhét vô quần để khỏi ướt nước. Ống tay áo xắn cao cho đến hết lên nổi mới thôi. Bao nhiêu việc cẩn trọng như vậy mà họ vẫn không khỏi bị lấm bùn từ chân cho đến đầu trước khi buổi cấy chấm dứt. Họ khom mình, chân tay ngập trong bùn, chiếc nón lá che hết người. Từ xa nhìn, chúng ta chỉ thấy một hàng dài những chiếc nón tựa như những chiếc nấm không lồ từ ruộng lúa mọc lên.

Vừa lấy bó mạ họ đã vội vàng tháo dây buộc và cấy từng nhúm một xuống bùn theo từng ô năm cây đều đặn. Họ làm không nghỉ, ít khi ngẩng đầu lên. Đôi khi tôi bắt gặp dưới chiếc nón lá một cái nhìn liếng thoáng rất dễ yêu ném về phía chàng trai đang phân phát mạ xanh. Những lúc như thế này, người đàn bà An Nam trông thật quyến rũ. Đó có phải vì áo quần xắn cao hay cái trò cút bắt do chiếc nón lá gây ra hay còn là những đôi má đỏ hồng mà một giây phút nào đó họ ngước lên để lau bùn lẫn với mồ hôi nhễ nhại? Công việc đồng áng tạo những dịp gặp gỡ hiếm hoi cho trai gái. Ít khi ở An Nam người ta gặp cảnh trai quanh quẩn bên cạnh mấy cô gái. Ngoài đường, người chồng không đi chung với vợ, và không bao giờ có cảnh người khác phái nói chuyện với nhau, dù là một đôi lời, trên đường lộ.

Khi xong việc cấy lúa xong xuôi, mấy người nhà quê trở về nhà dùng cơm chiều người ở nhà đã nấu sẳn. Họ

hoặc nằm dài nghỉ ngơi trên giường hay ngồi bó gối theo kiểu nghỉ ngơi của người An Nam. Trụ chặc trên hai bàn chân họ có thể ngồi ở thế này hàng giờ liền. Người ta thấy họ ngồi như vậy trên các thành cầu, điều này chúng tỏ đối với người An Nam, đây còn là thế ngồi vững chắc và bảo đảm nữa.

Khi màn đêm vừa buông xuống, nồi cơm lớn được bắc ra khỏi bếp lửa. Cơm bới ra từng chén chia cho mọi người trong nhà.Những cái tô khác đựng mấy con cá, mấy miếng thịt heo nướng, rau cỏ địa phương như dưa leo, xà lách, giá sống v.v.. Mấy người ăn cơm dùng đũa gắp cái này một ít, cái kia một ít, tùy theo ý thích và khẩu vị. Họ chấm mọi cái gắp được vào nước mắm, một thứ gia vị tối cần, một thứ nước sốt mà trong xứ này, hễ không có nó, bữa ăn sẽ không thành bữa ăn. Người An Nam không bao giờ lấy tay để bốc thức ăn. Họ múa đôi đũa thật tài tình. Họ không có thói quen uống nước khi đang ăn cơm . Có uống thì chỉ uống sau buổi ăn thôi.

Cả nhà đi nằm ngay sau khi ăn cơm xong. Tiếng trẻ con im trước rồi sau đó đến lượt mẹ cũng thôi nói chuyện. Ông nội,*'Monsieur le vieillard* '(Ông già) như cách người ta kính trọng gọi ông như vậy, thường thì ít ngủ, ngồi bó gối trước cửa, trầm mặc. Sau cùng ông cũng đứng lên, lựa mấy nén nhang trong bao giấy màu hồng điều, mang mồi chúng ở bếp lửa đang tàn, rồi cắm lên bàn thờ tổ tiên. Xong xuôi đâu đó, ông khép cánh cửa lại và im lặng hoàn toàn ngự trị khắp nơi.



CHƯƠNG VII

Vị Quan Nam Triều

Cách nào để làm quan Nam triều.-Sự trọng học vấn ở An Nam.- Ngôi nhà của viên quan Nam triều và đồ đạc bàn ghế.- Thành : Cuộcviếng thăm ông Quan Bố, tỉnh trưởng.- Gia đình Quan Bố. Họ tên các đứa con quan.-Quan Bố thăm chúng tôi đáp lễ.-Người bào đệ vua Thành Thái.-Công chúa Thuyên Hóa.-Công chúa bé con tên Bai, *Petit souci*.-Môi thuốc nghi lễ.- Cảnh bất chợt.

Ở An Nam không có chuyện dòng dõi quí tộc cha truyền con nối, trừ trong hoàng tộc. Những tước như công bá v.v.. chỉ được dùng để tưởng thưởng những thành tích nhưng tước này giảm đi một bậc khi sang tới đời con và sẽ nhanh chóng mất đi nếu con cháu không làm thêm việc gì để được thưởng công một lần nữa. Mọi người đều có thể nhập vào quan trường, nắm giữ các chức vụ quan trọng trong xứ vì mọi quan chức đều đi qua cửa thi tuyển. Tuy vậy, khi một người đóng góp nhiều công trạng xuất sắc cho tổ quốc, vua sẽ phong ngay cho anh ta một phẩm hàm cao như chuyện anh ta đã khai khẩn và trồng trọt một vùng đất mới chẳng hạn. Điều này minh chứng rằng trong xứ này ngoài việc học hành người ta còn coi trọng việc canh nông nữa.

Xứ An Nam có một nền dân chủ lý tưởng trong đó một thiểu số giỏi giang được gọi ra để gánh vác trách nhiệm.Đó là thiểu số của những người có học và có tài đối đáp. Nền học vấn từ chương nay đã lỗi thời, nó

không hề thay đổi theo thời gian. Học chữ Hán, làm những bài nghị luận triết học đã lấy hết thời gian của những người sẽ làm công chức nay mai. Họ không thèm học khoa học chính xác mặc dù họ có thể lãnh hội và rút ra được những điều bổ ích to lớn nữa là đàng khác.

Hầu như bao giờ vị quan Nam triều cũng ở trong một ngôi nhà xây bằng gạch xung quanh có hàng hiên như nhà người Tây. Đôi khi nhà có mái lợp ngói hoa văn và trên nóc có hai con rồng uốn lượn. Tường ngoài, quanh các cửa sổ, có vẽ hình bươm bướm, dơi, hay hoa sen. Cách trang trí này có khi là những hình ghép lại như trên các phần mộ. Hình ghép này là những mảnh sứ xanh, xanh lục hay trắng, những mảnh dĩa, tách ghép lại thật khéo léo có khi phải quan sát kỹ ta mới thấy được phong cách lạ lùng của nó. Lớp tường bên trong được quét vôi trắng nhưng nhà trông không phải lúc nào cũng sạch sẽ. Người An Nam, từ giàu cho đến gnhèo, đều ăn trầu , nước miếng tiết ra nhiều và có màu đỏ. Cho dù có một ống nhổ bằng đồng hay đất thật to đặt cạnh nhưng tường và sàn nhà luôn có vết văng tóe của trầu. Vết đỏ này ở nhà người giàu có dễ nhận ra hơn là trong các chòi tranh hay mặt đất nện của sàn nhà. Người ta còn bảo mấy vị quan càng khạc nhổ nhiều chừng nào càng oai chừng ấy. Bọn trẻ nhỏ tập tành làm như vậy thường lắm. Đối với người Tây như chúng tôi, nhai trầu làm người phụ nữ An Nam mất nét duyên dáng đi. Với hàm răng nhuộm đen và đôi môi sưng vù vì nhai trầu thì làm cách nào miệng họ đẹp lên cho được!

Lần đầu tiên tôi bước vô nhà một vị quan Nam triều là ngày chúng tôi đến chào ra mắt Quan Bố, vị quan đầu

tỉnh. Ở An Nam dưới chế độ bảo hộ, các quan Nam triều còn rất nhiều quyền hành và rất có uy với người bản xứ. Cũng như các vị quan to khác, nhà của Quan Bố tọa lạc ngay bên trong'Thành', cách Nha Trang khoảng mười lăm cây số. Khi nhìn thấy tường thành tôi không tin nó có thể chọi nổi với người có súng ống trong tay hay là trì hoãn được bước tiến công. Thế nhưng trong quá khứ, đã xẩy ra những cuộc chạm trán đẫm máu trên những tường thành, và trong những hào nước bùn lầy này. Có những mãng tường dài như sắp sụt lỡ vì thời gian và chiến tranh. Nhìn chung, đây là một cảnh hữu tình với những bông hoa và dây lá treo xanh um , sen mọc khắp mọi nơi, chen lẫn với các khối đá bạc màu với thòi gian.

Đứng trên chiếc cầu nhỏ bắc qua hào nước, chúng tôi chờ người ta mở cổng Thành. Vài đứa bé nghe thấy tiếng vó ngựa, chạy ùa đến, chờ xem chúng tôi có sai bảo gì không. Khi hai cánh cửa đồ sộ có bánh lăn bằng gỗ mở ra, chúng tôi thấy cửa chỉ vừa đủ rộng cho một chiếc xe đi qua thôi. Tôi có cảm tưởng như đang đứng dưới cổng thành thời Trung cổ.

Cổng thành đóng lại cái rầm sau khi chúng tôi vào. Có cảm giác như bị nhốt trong cái bẫy chuột.

Phía trên cổng là một ngôi chòi canh có sức chứa từ hai mươi hay ba mươi người.Tường thành rộng bằng năm người đi hàng ngang. Liền sau đó, không có màn chuyển tiếp từ từ, chúng tôi bước ngay vào giữa khung cảnh êm đềm của một ngôi làng. Kìa là bốn con đường chạy ra bốn cổng Thành, trông thật cân đối. Những con đường

này rộng và sạch sẽ hơn những con đường làng thường thấy. Đây là nhà kho mênh mông dùng để tồn trữ thực phẩm phòng khi đói kém hay bị địch bao vây. Còn đây là nhà lao. Ngoài ra không còn gì đặc sắc khác đáng để kể ra đây. Vẫn là những ao hồ như mọi nơi, những hàng cây, những túp nhà tranh có vườn tược bao quanh.

Nhà Quan Bố nằm xa đường lộ chính, nằm trong một nơi yên tĩnh không người qua lại. Chúng tôi là những người đem lại nhiều náo động nhất từ trước đến nay. Chúng tôi bước vô sân, mấy người lao dịch chạy tới chạy lui loạn lên; sau các khung cửa nhỏ, người ta thò đầu nhìn ra, mấy đứa trẻ con bốn phía ùa đến. Phần đông mấy đứa bé mặc quần áo bằng lụa trắng, mấy chú lính lệ của Quan Bố mặc áo lính dài màu đỏ, đầu đội nón chóp.Đám người An Nam còn lại mặc y phục màu xanh lam, trông hơi u buồn. Ở đây, đồng phục của các chú lính và áo quần của trẻ con điểm thêm một nét ấm áp và sặc sỡ cho khung cảnh.

Quan Bố ra tiếp chúng tôi ngay ở cầu thang. Ông bắt tay chồng tôi trước rồi mới đến tôi.Đây là lần đầu tiên tôi bắt tay người An Nam. Tôi không khỏi rùng mình khi bóp chặt bàn tay xương xẩu,móng tay để dài quá khổ. Hành động tuy rất đơn giản và vô thức như vậ nhưng vẫn làm cho tôi có ý nghĩ giữa người da trắng và người da vàng có một cái gì còn khác hơn nữa chứ không phải chỉ vì màu da. Vã lại người An Nam không thích bắt tay vì đây là thói quen họ không có. Giữa những người ngang hàng họ chỉ chấp tay và hơi nghiêng mình cúi chào mỗi khi gặp nhau. Lai là động tác quì mọp một cách lễ phép

dành cho những trường hợp tối quan trọng và dành tôn vinh cấp trên thôi.

Quan đầu tỉnh mặc chiếc áo do Vua ban màu ngọc bích. Đây là loại lụa do nghệ nhân của hoàng gia dệt và thêu theo mẫu mã riêng. Ông tiếp chúng tôi một cách trân trọng nhưng ngôi nhà không có chi đáng lưu ý cho lắm. Nó có vẻ thiếu ánh sáng và rất đơn sơ. Bàn ghế trong phòng khách chỉ gồm một cái bàn bên Tây mang sang, hai bên sắp mấy chiếc ghế đan bằng mây. Chúng tôi thấy trên một cái án nhỏ là một hộp kính nhỏ, bên trong có thanh kiếm của Quan Bố, cùng mấy huy hiệu cung đình và cái mũ nạm vàng trông như mũ ni của cha sứ có gắn thêm hai mảnh lòng thòng gọi là 'cánh ve sầu'. Không lâu sau đó, có một lần Quan Bố bảo tôi mặc bộ áo đại triều và đội lên đầu chiếc nón cánh chuồn của ông ta. Có mấy cái khay bằng sơn mài, mấy cái hộp tròn nạm xa cừ cũ kỹ, một vài thứ bằng sứ men xanh, nằm lộn xộn. Trên tường treo mấy bức vẽ cảnh sinh hoạt của ông Phật, khi thì Ông ngồi trên lưng trâu, khi thì Ông đứng trên núi, khi thì Ông ngồi bất động dưới một gốc cây, bụng phình to ra, bên chân có một con ác mà mới nhìn ta cứ nhầm tưởng đó là con ngỗng hay là con công.

Những hình khác đều ngô nghê và tẻ nhạt, vẽ các con vật linh thiêng như long, lân, qui, phượng. Tôi hết sức thất vọng vì không thấy các loại bàn ghế hay các thứ đặc sản làm kỷ vật khác nữa mặc dù chồng tôi đã nói trước là đừng mong chờ nhiều lắm. Các quan Nam Triều đều nghèo hay có khi làm ra bộ nghèo cũng có, vì theo Khổng Tử dạy, vui theo cái vui của dân nên không có

giờ đâu để vinh thân phì gia.Dưới chế độ cũ, đồng lương của họ chẳng bao nhiêu cả.Nay thì họ được trả lương hậu hơn nhưng vẫn còn quá ít ỏi.Người ta xem các vị quan như ‘’cha mẹ của dân’’. Nam Triều hiểu ‘’ việc trả lương cho công chức’’ quá đơn giản đã dẫn đến tình trạng hối mại quyền thế ăn sâu vào tục lệ đến nỗi lâu lắm không sao chấm dứt được.

Người An Nam rất mực lễ phép và chuộng lễ nghĩa. Họ tiếp đãi khách rất thân tình. Hôm nay, Quan Bố ép chúng tôi dùng một chút *xăm-banh* nhưng chúng chỉ xin dùng một tách trà thôi. Thú thật là tuy rất muốn giải khát sau một ngày đi chơi ngoài nắng và hít nhiều bụi, tôi lại phải nhịn vì nhìn thấy người đày tớ Quan Bố bỗng bày trò ma mảnh nho nhỏ. Anh thấy trà chảy không ngon lành lắm vì vòi bình trà bị lá trà làm nghẽn cho nên anh ta kê mồm thổi mạnh.Làm sao bây giờ? Uống hay chẳng uống, đó là vấn đề!

Chúng tôi xin chủ nhà cho gặp người vợ và mấy cháu. Ông cho gọi người vợ ‘thứ nhất’ và con cái lên: tất cả là sáu đứa con trai tuổi từ hai đến tám. Với vẻ ngạc nhiên tôi hỏi:’’chẳng con trai không sao? -Tôi cũng có bốn đứa con gái ‘’, người thông ngôn phiên dịch. Vì tôi hỏi mấy cháu có lên cho chúng tôi gặp không, viên quan cho người đi gọi. Cũng như mọi người An Nam chính hiệu khác, ông ta dĩ nhiên không hãnh diện với bọn con gái bằng dòng con trai. Vì lẽ, chỉ đám con trai mới có thể thờ phụng tổ tiên và duy trì truyền thống cũng như dòng họ.

Tôi có ý muốn biết tên từng đứa một. Chúng có tên ''hai, ba, bốn'' v.v.. theo thứ từ chúng sinh ra. Dù gì đi nữa thì *Me-xừ* Hai là con trưởng, vì mẹ đẻ nó là số một. Trong số mấy người đày tớ của tôi cũng vậy, cũng có những anh ''Ba'', anh ''Sáu''. Cái tập tục gọi tên mấy đứa con như vậy rất phổ thông và tên ấy còn hoài. Khi còn nằm trong nôi chúng cũng được đặt những tên riêng còn ít hay hơn nữa kia: ''Thằng Dơ, Con Trùn, Con Ốc Sên, Con Heo, Thằng Cứt...'' để ma quĩ khỏi ganh ghét và bắt đi. Hơn nữa, không thể nào khen một cháu bé xinh đẹp một cách đàng hoàng và bà mẹ khỏi thấy trái ý vì mấy con Ma , mấy con Quỉ có thể lén nghe rồi ganh tị và bắt cóc.

Nhân tiện xin nói qua chuyện người An Nam không khi nào *hài* cái họ của họ ra cả. Họ này có thể viết trong văn tự và công văn, trên bài vị thờ cúng nhưng trong thư qua thư lại bình thường thì không bao giờ có. Sĩ tử đi thi không được viết tên vua ra. Vì làm thế sẽ phạm húy họ sẽ bị hỏng ngay. Họ buộc phải dùng cách nói vòng vo đi để giải quyết bế tắc này! Giữa khi cãi vã đã đến hồi gay cấn, một bên có thể lôi họ cùng một danh sách dài tổ tiên nhà người ta ra mà chửi, hiệu quả sỉ nhục cùng bằng như khi gọi đối phương là thằng ăn cắp hay tên sát nhân vậy.

Người An Nam trong khi nói chuyện đa số hay dùng những lời hiểu ngầm.Người ra làm quan có biệt tài trong cách nói hai nghĩa này. Ở đây người ta không quen cái gọi là tính bộc trực. Ai cũng xem người thật thà là người nhu nhược và không được thông minh cho lắm. Người

An Nam ngại nói thật . Trước pháp đình, có bị tra khảo, họ không ân hận vì tội đã phạm mà chỉ xấu hổ vì phải nhận tội mà thôi.Một hôm nọ người ta khiêng một mụ đàn bà bị nghẹt thở đến bệnh xá cho chồng tôi khám. Trước đó mụ lấy trộm nữ trang của người ta. Muốn khỏi phải chỉ chỗ cất dấu, mụ đã cắn đứt lưỡi mình; lưỡi sưng phồng lên, khiến mụ ăn uống và hô hấp rất khó khăn. Mụ không cho người ta cứu chữa, thà chết chớ không chịu khai một lời. Dù mụ không muốn, chúng tôi cũng đã chữa lành!

Khi người giữ con của Quan Bố đưa chúng ra nhà sau, chúng tôi xin cáo từ. Lúc chúng tôi lên xe, người chủ nhà đưa mắt có ý tìm mấy nguời hầu của chúng tôi. Chúng tôi không mang theo ai cả. Trái lại, hôm ông chủ nhà đến viếng chúng tôi, ông có sáu bảy người hầu tháp tùng. Thấy vậy tôi tự hỏi không biết mình có đủ ghế cho họ ngồi không nhỉ! May mắn thay ông chỉ cho người thông ngôn và một người hầu vào thôi.Anh chàng này đóng một vai tuồng thật bạc bẽo. Anh ta phải để mắt theo dõi từng cử chỉ nhỏ nhặt của người chủ, khi thì chạy theo sau con ngựa chủ đang cởi hay sau chiếc xe chủ đang đi , mệt đến bở hơi tai. Người ta thường nói người Âu bắt người hầu An Nam làm quá nhiều nhưng tôi chưa khi nào thấy ai muốn người hầu phí quá nhiều sức lực như thế này. Anh hầu này mang các món đồ lề lỉnh kỉnh cho quan hút thuốc, không phải chỉ có một cái ống vố và một cái túi nhỏ đựng thuốc thôi. Nó còn bao gồm một cái tráp



Hoàng thân Thuyên Hóa và người con gái.

sơn mài có nhiều ngăn và ngăn kéo đựng thuốc điếu, thuốc lào, danh thiếp, tiền tiêu vặt, bút nghiên, bình vôi và trầu lá vấn sẳn. Viên quan giữ chìa khóa tráp, mỗi khi cần, giữa khi đang nói chuyện, ông gọi người hầu đến, rồi chính tay ông mở tráp lấy mấy món ông cần lấy.

Gần đây nhất, chúng tôi có đi thăm một vị quan cấp cao hơn Quan Bố. Ông này là bào đệ của cựu Vương, nghĩa là hoàng thúc của Vua hiện nay. Khi phế Vua Thành Thái năm 1907, người Pháp bắt Vua và gia đình phải bỏ cung đình và Huế để đi một nơi khác.Đức Vua bị đưa xuống Cap Saint Jacques, sống tạm trong dinh quan Toàn quyền, chờ người ta xây một cái dinh khác cho ngài ở Nam kỳ.Thân nhân của Vua không được biệt đãi như vậy. Bào đệ của vua là Hoàng tử Thuyên Hóa, là vị quan quyền thế chỉ thua Đức Vua, rất có uy tín trong vương quốc, bị đưa vào Nha Trang. Ở đó, ông không có bạn bè, không có người đồng cấp. Hơn thế nữa, người ta không cho ông mang theo bầy ngựa cũng như mấy cỗ xe hơi. Ông sống trong tình trạng hoàn toàn biệt lập với thế giới bên ngoài. Số hưu bổng ít ỏi không cho phép ông duy trì số người tuỳ tùng đông đảo. Mặt khác, vì không ưng dùng xe kéo đi lại cho nên ông đã trở thành gần như bị giam chân trong nhà, ngay trong Thành. Người ta nói tiền huê lợi hiện nay chỉ vừa đủ để chi phí mấy bà vợ và số người phục dịch đông đảo đi theo ông thôi.

Có lúc người ta cho mời chồng tôi đến thăm bệnh cho bà vợ thứ nhất của ông vì vị này trong người hơi khó ở. Tôi tháp tùng bác sĩ và được giới thiệu với ông Hoàng. Ông Hoàng trạc hai mươi lăm tuổi, mặt mũi khôi ngô,

phong cách rất Tây và nói tiếng Pháp khá. Tóc cắt ngắn, chãi rẽ một bên nhưng lại đội một cái khăn đóng màu đen. Ông mặc một cái quần rộng bằng vải nội hóa màu trắng và cái áo lụa rất mỏng và thưa sợi.Trên ngực ngoài cái băng Bắc Đẩu Bội tinh, ông còn mang tấm thẻ bài bằng vàng chỉ chức vụ bằng tiếng An Nam. Quan An Nam đều mang thẻ bài nhưng là loại bàng ngà hay bằng gỗ. Thẻ bài không phải là đồ trang sức hay huy chương . Nó tương tự như thứ nhãn hiệu. Với tư cách là một hoàng đế, vua Thành Thái được trao tặng Bắc Đẩu bội tinh. Khi bị phế, ông trả lại huy chương này cho những người kiểm kê tài sản và nói:''Tôi nghĩ các ông không quên cái này!''

Sau một đôi phút nói chuyện với ông Hoàng thì vợ và đứa con gái nhỏ hai tuổi của ông ra chào chúng tôi. Như vậy ông Hoàng tiếp chúng tôi theo lễ người Tây vì theo lễ người An Nam, người vợ không sẽ có mặt. Bà Hoàng người gầy thon thả, da dẻ trắng trẻo, trông như người đàn bà Pa-ri.Tóc bà ta đen nhánh, búi ra sau thành một cuộn tóc dày cộm như cách người phụ nữ An Nam nhưng có vẻ trau chuốc hơn. Bà mặc mấy cái áo lụa mỏng, nhiều màu khác nhau nhưng chúng rất hài hòa, trông thật thích mắt khi ta nhìn chỗ hé mở của xiêm y. Cái áo bên trên có sắc rất tuyệt, cái sắc hồng của hồng ngọc, gài bằng loại cúc áo nhỏ tí nạm vàng. Tay áo làm cho áo trở thành đặc sắc hơn vì miệng tay áo rất chật tôi không biết làm cách nào bà Hoàng xỏ tay qua được mặc dù bàn tay bà thon đẹp. Hai hay ba chiếc vòng đeo tay bằng vàng khối trượt trơn tru trên ống tay áo.Ống quần *sa-tanh* đen phủ đôi chân mà đầu ngón hơi móc nhẹ vào đôi hài nhỏ thêu

chỉ vàng.Như chúng ta biết đó, chân phụ nữ An Nam không được che dấu vì nó là nét tiêu biểu chính của nhan sắc của họ.

Lúc đầu đứa bé gái có vẻ nhút nhát, chỉ lễ phép nói ‘’*bonjour*!’’. Tên cháu là ‘’Bai’’, nghĩa là Tiểu Tư lụ rất hợp với con người cháu. Đầu húi trọc chỉ để lại hai vá tóc hình tam giác hai bên đầu, tóc thả dài xuống hai vai.Trông khá kỳ quặc nhưng kiểu tóc không có gì là xấu xí. Trái lại nó làm cho đứa bé trông ngồ ngộ và dễ thương. Nó còn xinh và có lớp có lang hơn túm tóc trên chóp bọn trẻ con An Nam khác. Cháu gái mặc áo quần toàn bằng lụa vàng, màu dành riêng cho hoàng tộc. Người vú nuôi bế cháu vào phòng khách và cho bú vú mặc dù cháu đã lên hai. Cuộc đàm thoại giữa tôi và bà Hoàng hơi trục trặc chút đỉnh vì bà Hoàng không nói được tiếng Pháp và người thông ngôn dịch thì tôi không hiểu gì cả. Do đó khi trà được mang lên, đó là dịp may đánh trống lãng quí hóa cho chúng tôi. Một cách trịnh trọng, chúng tôi ngồi vào ghế bành quây quần quanh bàn. Mấy người hầu đặt trước mặt mỗi người một miếng gỗ lót ly mỏng bằng gỗ chạm và một cái chung trà sứ tráng men xanh xinh đẹp. Chắc chắn là trà rất ngon nhưng tôi không thể thưởng thức hết mùi vị vì tôi chỉ thích trà có pha đường thôi! Trong khi đó người khác mang đến cho bà Hoàng một cái tẩu thuốc lá Tàu rất cầu kỳ gồm có một bình bát đựng nước, một nồi đốt nhỏ bé tí và một ống dài bằng tre.Bình bát xưa đến hai trăm năm bằng ngọc bích rất đẹp.Nõ nhỏ chỉ nhét được một nhúm thuốc. Bà Hoàng rút một hơi là hết nên bà hút mấy điếu liền. Chỗ đáng xem là cái cách đứa bé hầu thuốc.Nó lẹ

làng đến bên cạnh bà chủ. Nó quì gối và cầm que diêm giữ cạnh nõ và vừa thấy bà chủ đưa cần tre lên môi, nó liền châm mồi lửa vào nõ điếu.

Tuần trà sẽ kéo dài và đầy nghi thức nếu như không có chuyện nàng công chúa bé tí Bai xuất hiện một cách thật đáng yêu trên sân khấu.Đột nhiên cô nói huyên thuyên như ra lệnh cho chị *''nurse''* . Tôi hỏi người thông ngôn cớ sao nãy giờ thì tốt nết mà nay lại quấy thế thì anh ta dịch: ''Nó muốn cởi bỏ quần ra!'' Nghĩa là cô bé chán chê rồi và muốn chạy chơi như mọi ngày, khỏi phải cần đến cáibộ đồ vô ích này nữa . Trẻ con An Nam đều thích chạy nhong nhỏng.

Tôi có mang theo máy chụp ảnh để ghi lại vài tấm hình. Đang dùng trà thì tôi thấy mặt trời lặn. Tôi nôn nao muốn chụp vài bức nhưng phong thái người Á đông không cho phép ta lộ vẻ vội vàng. Đến khi vợ chồng ông Hoàng chịu đứng để tôi chụp thì lại thiếu ánh sáng. Sau khi tôi chụp ông Hoàng mấy lần thì ông Hoàng quay lại nói với chồng tôi là ông muốn chồng tôi chụp cả nhà ông một kiểu. Chưa bao giờ nghĩ mình sẽ biết mặt hết mấy người thiếp của ông Hoàng nên tôi sung sướng chớp lấy cơ hội có một không hai này ngay. Họ trẻ và khá đẹp nhưng không được cái nét vương giả như bà Hoàng. Mới thoáng nhìn, chúng tôi thấy họ có dáng dấp của một nhóm phụ nữ đoàn kết, sung sướng, có thể còn sung sướng hơn là thời gian họ sống giữa những mưu đồ đen tối thường xẩy ra trong chốn Cung đình.

CHƯƠNG VIII

Tết

Những ngày chuẩn bị đón Tết(Năm mới của người An Nam).-Người An Nam thích cuộc đỏ đen, bài ''Ba Quan'' và thua bài dễ như chơi.-Thưởng Xuân vá cúng kiếng.-Tiệc tùng, đua ngựa , thi diễn trò, v.v..Múa lân.-Hát Bộ.-Diễn viên và khán giả.

Trong lịch, Tết là ngày lễ lớn nhất. Đó là ngày đầu năm của người An Nam. Tết nhằm vào tháng Giêng âm lịch khi mặt trời đi vào chòm sao Song Ngư, thời gian giữa 20 tháng Giêng Tây đến 19 tháng Hai Tây, và kéo dài chừng mươi ngày. Người An Nam, ai cũng vui Tết, giàu nghèo đều nghỉ tay đặng thưởng Xuân.

Công việc chuẩn bị có lắm cách nhưng chung qui, phải nói là tất cả đều nhuốm màu tôn giáo: đi tảo mộ và cắm vài nhánh hoa, quét dọn nhà cửa, sắp xếp đồ đạc cho có ngăn nắp nhất là quanh bàn thờ gia tộc, dán mấy tấm hồng điều chữ đen lên hàng cột trong nhà hay trước cửa, thay cho những tấm cũ. Lúc này người ta cần tiền bạc hơn lúc nào hết. Người thì lo đi đòi nợ, người thì lo kiếm món gì đó mang đi bán. Bọn kẻ cắp mặc sức trổ tài. Bao nhiêu tiền dành dụm lâu nay chun vào mấy bộ đồ mới, thắt lưng hay khăn xếp lụa, pháo đùng hay pháo thăng thiên. Phần lớn nhất chạy vào mấy sòng bạc. Sau mấy ngày thưởng Xuân, trong nhà không còn một đồng trinh, có khi người ta bán cả bộ đồ Tết để chơi nữa kia!

Bài bạc là một trong những tật xấu của người An Nam.Họ không say sưa, không chửi bới nhau, tính tình ôn hòa nhưng bài bạc thì không ai ngăn cản nổi họ. Chính vì thế mà bao nhiêu người thợ thủ công khéo tay và thông minh cứ vẫn nghèo cực, ăn bữa nay lo bữa mai. Ngày Tết, người đứng đắn nhất cũng ham chơi bạc. Chính những người Huê kiều đã khai thác thói hư này và kiếm khá nhiều tiền. Họ luôn luôn tỉnh táo trong khi con bạc đặt tiền loạn xạ và cứ thế, trong vài ngày, họ hốt một mớ tiền bằng số tiền họ đi làm suốt cả năm. Ngoài mấy ngày Tết, chỗ nào Nhà Nước làm ngơ, chỗ đó người Huê kiều bày các sòng bạc lậu. Khi đến mùa gặt, người nông dân mang lúa về nhà, anh Huê kiều hàng xóm đến ngay. Anh ta ngồi vào bàn, nói vài câu rồi nhắp một chung rượu người chủ nhà thân mật rót cho. Anh *Con Trời* chỉ uống một chung rồi bày cỗ bài ra chơi. Đến hừng đông, người khách rút lui, anh nông dân khốn khổ của chúng ta thua sạch, trong nhà không còn một hột lúa.Người Huê kiều chiếm đoạt một cách hết sức dễ dàng mọi thứ bán buôn lẻ, ví dụ như cung cấp hoa quả và rau cỏ cho người Âu. Hơn thế nữa, họ còn cho vay cắt cổ và tìm ra hàng ngàn cách để lột sạch người An Nam.

Ba Quan là canh bài ai cũng thích chơi. Người chơi ngồi trên giường hay dưới đất cũng được. Trong một khung vuông, người ta chia làm bốn ô, đánh từ số 1 đến số 4. Tiền cọc, dưới hình thức mấy đồng xu, được đặt cho từng số. Con bạc bu quanh và người cái bỏ mấy đồng xu vào một cái chén, lắc rồi đổ ra mặt đất. Người ta đếm từng bốn xu một để cuối cùng chỉ còn lại 4, 2, 3 đồng xu hay chỉ một đồng xu duy nhất. Nếu còn ba xu

thì người đặt số ba sẽ thắng. Anh có quyền lùa tất cả tiền đặt trên chiếu.

Nhà người Âu nào nề nếp nhất nữa thì vào dịp Tết, mấy anh bồi bếp cũng đình công. Há chẳng phải là gia đình người bản xứ nào cũng phải tề tựu đông đủ để cúng quảy hay tiệc tùng và vui chơi sao? Tôi có một bà bạn họa sĩ vẽ đẹp lắm. Có lần bà mướn một anh ăn mày liệt chân làm người mẫu.Mỗi một buổi ngồi mẫu như thế anh ta được thưởng một món tiền bằng cả một tài sản nho nhỏ của anh. Hơn thế nữa, anh ta được cho ăn no nê chưa từng có. Thế mà, ngày đầu năm, anh ta không tới. Người ta đến cái chòi tranh nghèo nàn hỏi lý do thì anh trả lời rằng anh nghỉ mấy ngày Tết, đến sau ngày lễ, anh ta sẽ trở lại ngồi mẫu .

Ngoài ra, Tết còn có tính cách gia đình nữa. Nhưng trong các thị trấn còn có những trò chơi ở những nơi công cộng. Mặc dù không đẹp bằng Sài Gòn hay Huế, các trò chơi ở Nha Trang cũng rất vui.Đa số các trò chơi được tổ chức trên mặt nước vì thị trấn nằm gần biển và sông . Chúng tôi đã chứng kiến nhiều trò rất là thú vị. Có cuộc đua ghe câu, buồm căng gió trên mặt biển, với hàng trăm ghe tham dự.

Còn cuộc thi cầm sào chọc vào nhau xem ai ngồi vững dưới nước đã làm cho người An Nam hết sức hào hứng.Các đấu thủ ngồi trong chiếc thúng lớn bằng tre đan, nhúc nhích một tí là chìm. Họ chỉ việc chèo và đâm thẳng vào nhau. Đa số, vừa rời khỏi vị trí, đã chìm nghỉm còn số ít chiếc thì chỉ chìm sau khi chèo được vài

nhịp. Cứ mỗi lần có chiếc nào chìm, khán giả đứng trên bờ la hét, cười rộ lên. Khi cuộc tranh tài đã kéo dài và các đấu thủ mặt mày đã nhăn nhó, tay chân múa may loạn xạ thì nỗi hào hứng của người xem không biết đâu là bến bờ. Hai đấu thủ tiến sát vào nhau , thường thì anh ở thế thủ là người sẽ thắng cuộc bởi vì hành động hươ mái chèo cũng đủ làm đối phương mất thăng bằng và thua ngay. Người kia thấy kẻ thù chìm xuống nước mà chẳng phải đánh đỡ đòn nào cả. Những cố gắng tột độ , những pha uốn lộn của nhóm người leo được sang thuyền địch là những cảnh cười lộn ruột. Sau cuộc tranh tài, con sông đầy xác thuyền thúng lật úp,còn chủ thì lo thoát hiểm cũng đủ mệt rồi. Dĩ nhiên người chiến thắng sẽ là anh chàng còn đứng vững trên mặt nước.

Tôi còn xem cuộc đua thuyền với mười người chèo. Các anh chèo được chọn lựa trong số những người dân chài giỏi và cũng khỏe, tiêu biểu cho những thanh niên bảnh trai nhất xứ. Chiếc thuyền đi tới đích được mọi người hoan nghênh nhiệt liệt nhưng đến khi trọng tài tuyên bố không biết chiếc nào chiếm giải nhất thì cảnh hoan hô trở thành cuộc náo loạn.Thuyền dự tranh khó phân biệt chiếc này với chiếc nọ vì hình dáng lẫn kích thước đều y như nhau. Như các thuyền An Nam khác, chúng đều sơn màu đen, hai bên mũi thuyền vẽ hai con mắt màu trắng thật to làm bùa trừ Hà Bá và quái vật biển. Người bạn chèo lại không mang dấu chi đặc biệt, lưng để trần trông thật giống nhau. Thấy trọng tài bối rối, đám đông liền la to góp ý. Chuyện thêm rắc rối là một vài chiếc, thay vì phải bơi ra ngoài hàng cờ đuôi nheo làm dấu chỉ đường thì lại vượt vô trong cho nên phải bị

loại.Thuỷ thủ đoàn cãi lại và đòi phải được tuyên bố thắng cuộc.

Sau hai cuộc đua này là cuộc thi bơi lội, thi đấu vật nhưng khán gỉa không mấy thích thú theo dõi bằng mấy người đoạt giải. Trước hôm Tết, ít khi tôi chứng kiến người An Nam nở nụ cười hồn nhiên, nói chi đến chuyện cười vang vang.Tôi không bao giờ nghĩ họ có lúc sẽ vui nhộn lên. Nếu bọn trẻ, chiếm gần một nửa khán giả, bắt đầu cổ võ, các bậc cha mẹ vui vẻ ùa theo ngay.

Vào buổi chiều, mấy người Âu và người bản xứ tựu tập trên một khoảng sân rộng trong làng để xem các trò vui khác nữa. Chung quanh sân người dựng nên một dãy hàng rào và ngôi trường làng biến thành một khán đài treo hoa kết tụi dành riêng cho mấy ông Tây và quan Nam Triều. Từ chỗ này lệnh khởi hành sẽ được phát ra và cũng là nơi cắm cột mức *''a-ri-vê* ''[13] Nha Trang chỉ có khoảng ba mươi người Âu.Nhân dịp Tết, người Âu từ khắp tỉnh về đây. Đó là mấy ông Tây Đoan bỏ các nhiệm sở ở các cánh đồng muối hay các đảo ngoài khơi, các ông làm đốc công, mấy ông lái xe của sở Lục lộ ở công trường giữa chốn truông rừng, mấy ông thực dân ở những đồn điền gần miền núi. Có những người về đây, đưa cả vợ con theo, từ những nơi tôi nghĩ rất ít người cư ngụ.Có khi hàng tháng liền họ không thấy mặt người sống gần vì thiếu phương tiện đi lại.Họ chỉ xuống Nha Trang khi nào có lễ lớn như hôm nay hay đi khám bác sĩ. Bề ngoài nhút nhát của họ cho ta thấy tình trạng họ phải

---

[13] *Arrivée,* mức đến.

sống biệt lập.Đa số người Âu này đều có gia đình và vợ con họ đã phải xông pha trên con thuyền giữa biển khơi, ngồi trên cáng qua truông qua núi và đêm phải vào ngủ trong các chòi tranh của người dân bản xứ. Cũng có thể khi đến được Nha Trang, khó khăn lắm họ mới thuê được một căn phòng tồi tàn trong phòng ngủ của người Tàu!

Mấy cuộc thi tài buổi chiều nay vui chẳng kém gì buổi sáng. Nào là đua ngựa, chạy bộ, đua xe kéo, đua xe kút kít,v.v..Chương trình đầy nghẹt. Cuộc đua ngựa có khá nhiều pha bất ngờ. Người An Nam cởi con ngựa xù lùn tịt thật khó khăn, gia dĩ cái thể xác bé nhỏ, mặt mày bủn xanh tưởng chừng họ kềm không nổi con ngựa. Sự thật là ít có anh nài nào cỡi ngựa có đóng yên. Có đứa cỡi con ngựa chẳng móc hàm thiếc gì ráo mà chỉ có sợi dây dừa cột mõm. Mấy con ngựa gây sự nhau và bắt đầu trở chứng. Có mấy thằng nài bị ngựa hất xuống đất, một số khác tỏ ra khá can trường. Chúng nép sát cổ ngựa, đầu suýt chạm mặt đất và sau đó chúng bám chặt lấy bờm, tiếp tục cuộc đua.Đứa nào chạy đến đích, đôi chân không giày không dép đong đưa theo nhịp ngựa phi nước đại, rất xứng đáng được lãnh giải thưởng.

Mấy em bé dược mời tham gia cuộc thi nhe răng méo miệng. Đương nhiên người An Nam nói chung, không phải là người có khuôn mặt bảnh trai. Nhưng bọn trẻ con, mặt bầu bĩnh, mắt đen láy, dáng vẻ đạo mạo có khi rất dễ thương. Chí ít trong cuộc thi này, giải thưởng hấp dẫn kia cũng là cái cớ tốt để bắt khuôn mặt chúng trở thành kinh khiếp như thế.Không nói ai cũng biết là quyết định mặt

nào xấu hơn mặt nào là chuyện rất khó nên cuộc thi đã phải làm đi làm lại mấy lần.

Cảnh đàn bà múa là tiết mục tẻ nhạt nhất trong ngày. Kế sau màn múa là màn trình diễn của con voi của Quan đầu tỉnh.Voi trông thật huy hoàng với cặp ngà khổng lồ, mình phủ ngù hoa, trên đầu có hai anh nài mặc áo đỏ. Voi tiến đến trước khán đài, bắt đầu lạy. Hai người nài bắt voi quì gối, đầu cúi xuống đất, rồi bắt voi đứng lên và lại bắt voi quì xuống một lần nữa. Nói tóm lại họ bảo voi làm cái mà người An Nam gọi là lạy chào.

Đêm hôm ấy có buổi tiếp tân tại Dinh Công sứ. Ngồi ngoài hàng hiên chúng tôi dự khán cuộc múa rồng rắn rất đông người tham gia mà nếu không có màn này, sẽ chẳng có Tết An Nam hoặc Tết Tàu.Cuộc trình diễn rất thành công. Cái đầu rồng sơn màu sặc sỡ, ban ngày xem rất nổi; nhưng ban đêm, đuốc thắp sáng bên trong, lửa từ mũi, mồm rồng phun ra, trông thật kinh khiếp. Một người bản xứ cầm đầu rồng chụp kín toàn thân chỉ thò ra mấy đầu ngón chân.Đây là một nghệ sĩ biết thạo các vận động truyền thống, các hành trạng của rồng. Rất nhiều người kẻ đứng trước người nối sau khiêng khúc thân. Người thấp người cao làm các khúc thân uốn nổi rõ và làm tăng thêm cái ảo giác của người xem. Các bó đuốc cầm tay rọi sáng các ảnh vẽ và màu sắc của làn da rồng trong suốt. Con rồng tôi đang xem dài khoảng bốn mươi thước. Có những con đôi khi còn dài hơn nữa. Khi con rồng lượn mình qua các lối đi trong Dinh, những ngọn đèn thắp sáng bên trong hắt ánh sáng lên đám đông người xem đang vây chung quanh. Pháo đùng và pháo

cối ném vào chân con rồng không làm nó dừng bước. Nó tiến lên giữa ánh chớp và tiếng nổ đinh tai.Đã xảy ra nhiều tai tạn, phỏng lửa nặng nhẹ nhưng người ta vẫn ham mê. Nhiều nhạc khí như trống cơm, trống lớn, phèng la, đàn cò phụ họa theo rồng. Bọn trẻ con vừa sợ vừa thích thú, chạy ra trước đầu rồng, miệng hò la inh ỏi.

Khi đám múa rồng đi khá xa, tiếng ồn ào bớt dần thì người ta bắt đầu bắn pháo bông. Pháo do người An Nam chế và nổ rất tốt. Người bản xứ rất khoái. Các cây pháo thăng thiên khi nổ toả ra thành hình những chùm sao đủ màu sắc đã khiến họ hoan nghênh nhiệt liệt.

Kết thúc cho cả ngày là buổi hát bộ.Thường thì người ta diễn tuồng trong sân đình hay sân chùa. Nhưng hôm nay, họ diễn ngoài trời và ngay trước mặt cho chúng tôi xem.Thay vì đi tới rạp tuồng thì phường tuồng lại đến với chúng tôi.Sau khi đoàn rồng rắn ra đi, khu vườn chìm vào bóng tối. Đêm nhiệt đới không trăng, không sao mang bầu không khí ảm đạm hơn các nơi khác.Lúc đầu chúng tôi không phân biệt được đâu là sân khấu còn đâu là diễn viên. Nhưng chúng tôi sẽ có một máng đèn và máng đèn này thuộc loại rất độc đáo: người bản xứ cầm đuốc ngồi xếp thành vòng tròn.Khi ai nấy đã vào chỗ, mỗi người nhận một cái dĩa nhỏ đựng dầu lửa để làm ngọn đuốc hết dầu đang ngún khói sáng lên. Không chút ngần ngại, họ đưa dĩa dầu lên miệng hớp một ngụm, rồi phun vào đóm lửa một cách rất thiện nghệ. Cách mồi lửa như thế làm chúng tôi thấy lạ lắm nhưng hàng đèn



Dịp Tết, màn biểu diễn voi của Quan Bố.

bằng người này cứ kế tiếp nhau và say sưa với vở tuồng đến nỗi họ chẳng màng đến mối hiểm nguy có thể xẩy ra.Khi các diễn viên bước vào cái vòng huyền ảo này, chúng tôi nhìn thấy họ rõ hơn. Dưới ánh đuốc chẳng những sân khấu mà cả lớp khán gỉa nũa dường như tất cả đều từ bóng tối ùa ra. Giờ đây nhiều đứa trẻ chen vào giữa mấy người cầm đuốc.Làm cách nào chúng lòn vô được vậy kìa? Mắt tròn xoe vì kinh ngạc, sáng như những hạt đá quí. Sau lưng lũ trẻ là hàng hàng lớp lớp những cái đầu tóc búi, đàn ông đàn bà, bất động, mắt chăm chú theo dõi vở diễn. Ánh đuốc quá sáng làm lóa cả mắt và mùi dầu lửa khen khét làm chúng tôi khó thở. Dù vậy, xem được buổi diễn tuồng kể ra cũng xứng đáng cho công chịu đựng những điều khó chịu này.

Hát tuồng An Nam gồm những vở bi, hài kịch và tuồng hát bộ. Chúng tôi có vinh dự làm khán giả tuồng hát bộ đêm nay.Thường thường một vở tuồng kéo dài ba ngày ba đêm; các kịch sĩ chỉ ngưng để ăn cơm.Người An Nam rất khoái coi hát.Rạp hát không khi nào vắng người xem.Không thể nói là chúng tôi đang xem màn đầu của vở tuồng, đoạn giữa hay đoạn cuối, thế nhưng xem cũng khá hay.Các diễn viên bước ra sân khấu giữa tiếng trống chầu, tiếng kèn.Rồi từ nhóm này, một con cọp, một con gà trống và một nam diễn viên đi tách riêng ra. Màn diễn là cái uốn éo đầu, tay, chân vòng vòng một cách kỳ dị. Họ nhảy cò cò một chân còn chân kia giữ lơ lửng trên không. Có vẻ như chúng bị trật khớp. Mấy ngón chân xòe ra như rẽ quạt còn mấy ngón tay của đôi cánh tay bị vặn tréo thì cắt những góc thật nhọn. Đến đây, chúng tiến sát tới đối thủ, đôi mắt giận dữ nhìn

chòng chọc và đứng ở tư thế này một đỗi khá lâu. Rồi hét lên một tiếng to, chúng nhảy tới nhảy lui, quay như con vụ trên cái sân khấu hình vòng tròn hẹp. Ví dụ nam diễn viên chạy đuổi theo con cọp, y quay đầu tứ phía tìm kiếm nhưng cọp ta thì đang nằm cuộn tròn sau lưng, mắt theo dõi từng động tác của y. Người và vật đứng sát nhau đến độ muốn hòa làm một và cử động chân tay lanh lẹ và dịu dàng nên không chạm nhau. Cuối cùng khi đụng nhau, người và cọp lao vào cuộc thư hùng, một màn lăn tròn chỉ thấy một khối mờ mờ ảo ảo những tay và chân. Không khí hào hứng đã lên đến tột độ, trẻ con la ó, người lớn cười hô hố, chỉ có mấy vị quan chức là còn giữ được sự bình thản, nét mặt nghiêm trang. Thỉnh thoảng, mấy trang thiếu niên vận y phục tráng sĩ, chạy ra sân khấu, tay phất cờ miệng gậm gừ. Mấy nhân vật khác, một người đàn bà và một đứa nhỏ, nối tiếp màn diễn của người thợ săn và con cọp. Mặt bôi trắng, chân mày tô đậm đen, trán và hai má tô mấy đốm đỏ. Họ đội mão cao bằng giấy mạ vàng, mạ bạc.Khi thì họ như đối đáp qua lại xen giữa những tiếng la và tay chân múa may loạn xạ, khi thì họ đứng yên, lặng thinh như pho tượng, mắt không chớp, và có vẻ như họ cũng chẳng còn thở nữa. Nhưng những màn nhào lộn tạo nhiều hào hứng, và càng diễu cợt thì hiệu quả càng lớn hơn. Khán giả không vỗ tay tán thưởng như chúng ta. Gần sân khấu diễn có đặt một cái trống lớn. Ngày xưa, muốn khen ngợi một lời thơ văn đối đáp nghĩa lý hay một thế võ bí hiểm của diễn viễn một người khán giả sẽ đứng lên, bước tới bên cái trống lớn, đánh mạnh một loạt. Ngày nay, công chúng không còn có thể đánh trống lớn(chầu) được nữa. Một nhân vật có chức quyền trong cử tọa được giao thi



Sau buổi diễn tuồng, các diễn viên đồng ý cho chúng tôi chụp một kiểu ảnh.

hành công việc này. Người này phải diễn đạt những cảm xúc của khán giả, như thời cổ đại người xưa làm qua giàn hợp xướng hay trong Koto của sân khấu Nhật Bổn. Nhưng trong thực tế, họa theo lời hát, nhân vật này khua trống inh ỏi và điếc cả tai.

Đến nửa đêm chúng tôi đi nằm. Vở diễn vẫn được khán giả chăm chú theo dõi, còn diễn viên thì chẳng có vẻ gì là ít hứng thú hơn. Có thể giọng hát họ có khàn hơn, nhưng động tác diễn tả vẫn còn khá mạnh mẽ. Trời đã rất khuya, chúng tôi còn nghe thấy tiếng lao xao rất xa từ rạp hát lộ thiên vọng lại cùng với tiếng trống, tiếng pháo nhỏ và pháo cối. Chỉ đến khi rạng sáng, làng xóm mới trở lại yên tĩnh và sóng biển tiếp tục lời thì thầm.



CHƯƠNG IX

Tôn Giáo và Những Tục Mê Tín, Dị Đoan của Người An Nam

Hệ thống tôn giáo của người An Nam.-Chủ nghĩa hoài nghi của người bàn xứ.- Quỉ và thần. Miếu thờ và bàn thờ tổ tiên ở thôn quê và rừng rú.-Miếu thờ Thần Hổ.-Những mê tín và huyền thoại về cọp.-Tục thờ cúng Tổ Tiên.- □nh hưởng tục thờ cúng đối với đời sống gia đình.-Nghi lễ thờ cúng.- Chết và Tang chế của một người An Nam.-Những lý do biện minh cho chế độ đa thê.

Tôn giáo và mê tín đi liền bên nhau thật khăng khít trong tâm hồn của người An Nam và cả trong những nghi lễ thờ cúng đến nỗi ta có thể nói rằng nếu không có cái này thì cũng chẳng thể có cái kia.

Trong nước có nhiều tôn giáo khác nhau, nhưng người tín đồ không lập hẳn thành phe nhóm riêng biệt. Người An Nam có thể đi chùa hay đến am Lão giáo đọc kinh cầu kinh,cả hai việc chẳng khác gì nhau.Đời sống vật chất hay mối yên ổn tinh thần mới là mục tiều của chọn lựa đó. Không phải thảng hoặc mà trên cùng một bàn thờ, chúng ta thấy thờ nào là ông Bụt, ông Khổng Tử, ông sáng lập ra đạo Lão là Lão Tử.Điều này minh chứng tính cách pha trộn trong hệ thống tôn giáo ở An Nam. Những chuyện phù phép, mê tín lặt vặt dễ dàng thấm nhập vào đám quần chúng.Mặt khác, cần phải có một thái độ hết sức thản nhiên hoặc chiết trung rất mực mới

hoà hợp dễ dàng những tư tưởng, tín lý luôn luôn đối nghịch nhau. Do vậy rất nhiều người bỏ thờ cúng Tổ Tiên đi theo Thiên Chúa giáo. Bao dung là nét tính tình đặc trưng của người An Nam nếu không muốn nói là của biên niên sử của họ.

Như vậy người An Nam vừa theo Phật, Khổng hay Lão giáo, không có gì tách bạch ra được. Tín lý của Khổng Tử làm họ sau mê nhiều nhất.Đức tin này chỉ ảnh hưởng xa gần đến sinh hoạt thường nhật của anh ta: Tục thờ cúng tổ tiên, như chúng ta sẽ thấy, dìu dắt cả cuộc đời của anh ta.

Anh ta đồng thời còn rất mê tín, tin ở vô số quỉ thần, ác thần lẫn phúc thần đã gây ra may mắn hay rủi ro cho anh. Quỉ thần chia ra làm ba hạng: thần sống trên không và ngoài không gian, số khác cũng trong số đó mà ra; hạng thứ hai là thần dưới nước, trú ngụ dưới tận cùng của đáy đại dương; hạng sau chót là thần sống trong lòng đất. Trách nhiệm của các vị thần vừa mới kể đây là che chở một số lãnh thổ, làng mạc, hoặc nhà cửa. Người buôn bán xin thần ban phép cho đồ lề, người nông dân xin cho cây bừa và con trâu, trong khi người chài lưới thì cầu xin Hà Bá ban phép cho mảnh lưới và con thuyền. Số quỉ thần đếm không hết.Ở mọi nơi người ta lập bàn thờ nho nhỏ để đốt đèn và cầu kinh. Có làng lập đến hàng trăm miếu thờ.Lại còn có những ngôi chùa có sư hành lễ, sống nhờ của cúng dường của bá tánh. Xôi oản trên bàn thờ cũng là một phần trong thức ăn mỗi ngày của các nhà sư.

Không phải chỉ những nơi gần làng, người ta còn lập những miếu thờ ở những nơi hoang vắng, không đường không xá.Cảnh trí được lựa chọn rất kỹ.Thường thì trên đỉnh một ngọn đồi hay dưới bóng mát một cây cổ thụ. Không gì đẹp hơn những miếu thờ đơn sơ, dán giấy đỏ nằm giữa vòm lá xanh um. Thật cảm động khi chúng ta thấy nơi miếu thờ nhang khói vắng ngắt cũng có một cành hoa héo tàn, mấy thếp giấy vàng bạc-- lễ tạ của người ngoan đạo.

Trong những cuộc thám du, những buổi đi săn, chúng tôi thường nghỉ ở những ngôi miếu lẫn khuất giữa các truông rừng. Bóng mát trong đó tuyệt quí. Những miếu này thờ ‘‘Ông Hổ’. Chúng tôi đang săn trong lãnh địa của ngài. Hình thờ được vẽ trên bàn thờ hay họa trên tường bằng thuốc màu hay bằng các mảnh sành ghép. Voi, chuột hay con trùn đất, ở cái xứ bách thần này, vẫn có người thờ và có bàn thờ. Nhưng cọp được người ta sùng bái thật sự. Những điều dị đoan và câu chuyện hoang đường về cọp thì vô số. Không ai dám gọi tên ngài mà không kèm theo tước vị. Người tiều phu đốn củi trong rừng không bao giờ dám kêu đến tên. Muốn nói chỉ ra dấu hay làm điệu bộ thôi.Đã mấy lần dân một làng nọ thả xổng cọp mắc bẫy của người Âu. Một buổi sáng đẹp trời kia, ngườI ta báo Đức Ngài đang có mặt trong hố bẫy hay trong cũi gỗ, dân làng toàn vùng liền tụ họp lại quanh. Họ xì xụp bái lạy, miệng không ngớt xin tha lỗi và sau khi khua trống ầm ĩ, giải thoát cho ngài đi. Vì thế, khó tổ chức những cuộc săn cọp trong một vài vùng ở An Nam. Nếu có một thiểu số can trường, quên những thiên kiến, đi theo phụ lực những người lùa thú thì cũng bị

mấy người dân làng khác ngăn cản không cho theo.Vì cho dù không giết được cọp, nội cái việc rượt đuổi ngài cũng đã mang tội bất kính rồi.Ngài sẽ trả thù.Khi một người bị cọp vồ và ăn thịt, người trong gia đình khó lòng kiếm lại được xương để mai táng cho phải đạo. Như thế cái thảm họa này còn ghê gớm hơn là cái chết: hồn đi lang thang, không mồ mã nương tựa,sẽ bị trừng phạt đau đớn kinh khiếp, hóa thành ác quỉ và muôn đời chịu cảnh trầm luân.

Nhưng, hãy trở lại chuyện cọp. Như muôn thú khác, cọp có khả năng biến thành một bà lão trăm tuổi hay một thiếu nữ trinh nguyên, sẽ là mối hiểm nguy khôn lường cho những chàng đi tán tỉnh con gái.Đã có không biết bao nhiêu câu chuyện thêu dệt như thế này đang được lưu truyền trong dân gian. Như vậy đủ lý lẽ để lập miếu thờ Ông Hổ: nếu không vì tin thì cũng vì sự tính toán thiệt hơn và lòng khiếp hãi pha lẫn tôn kính. Ác quỉ cũng được người ta thờ như phúc thần bởi lẽ mọi điều lành dữ, lớn hay nhỏ đều do lỗi con người đã lơ là việc cúng bái.

Vã lại, việc thờ thần thánh không chiếm một vị trí lớn lao trong sinh hoạt tôn giáo của người An Nam bằng đạo thờ cúng tổ tiên. Đạo này là nền móng của luân thường đạo lý, là rường cột của xã hội và gia đình. Thật là đúng khi ta nói ‘‘Người chết hướng dẫn người sống’’. May phước thay, không có gì nhân bản hơn và cũng tự nhiên hơn là những động lực của đạo thờ cúng tổ tiên. Nguyên tắc cốt yếu của nó thật tình rất đơn giản nhưng không phải là không cao quí và cao thượng: duy trì dòng

giống bằng lòng thương kính gia đình, một loại gia đình được xây dựng vững chắc như ở Trung Hoa hay ở Hy Lạp, La mã ngày xưa . Người ta tôn kính những người lớn tuổi trong gia đình một cách đặc biệt nhưng người cha thì có uy quyền lớn hơn cả. Ông ta vừa là người chỉ huy vừa là ông thầy.Người mẹ trong gia đình cũng đóng một vai tuồng tương đối to lớn như chúng ta sẽ thấy sau đây.Trở thành *bà già*[14] nghĩa là tuổi càng cao, bà ấy càng có uy.Người chồng thường hỏi ý kiến vợ, nhưng nghe lời mẹ đẻ vẫn là chuyện thông thường hơn.

Ngoài đường cũng như trong nhà người ta bày tỏ lòng tôn kính rất mực đối với người già.Người nghèo nhất, khi đã luống tuổi, cũng được mọi người kính nễ ngang bằng một ông quan.

Lòng yêu thương cha mẹ dành cho con cái là hệ luận của đạo thờ cúng tổ tiên. Người An Nam là những bậc cha mẹ tận tụy. Nếu họ ít khinh dễ chuyện gìn giữ vệ sinh hơn, ta có thể chọn họ làm những gương tốt cho mọi người noi theo. Về phía con cái, họ biểu lộ lòng thương cha thương mẹ vô cùng lớn lao, kể cả sau khi cha mẹ đã qua đời. Người ta cẩn thận giáo huấn con cái, dạy bảo những chuyện lễ tục phải theo. Chúng phải chăm chú theo dõi từng chi tiết nhỏ nhặt cha mẹ đã làm trong các cuộc cúng kỵ. Những nghi thức quan trọng thường được cử hành trong ngày Tết và các ngày kỵ giỗ ông bà cha mẹ.Mọi người trong gia đình bắt buộc phải hiện diện đông đủ. Trước ngày người Pháp chiếm giữ, luật lệ qui

[14] Tiếng Việt trong nguyên bàn.

định những hình phạt dành cho những ai vắng mặt trong các ngày lễ như thế này. Của lễ đặt trên bàn thờ tổ tiên rất là quan trọng. Trong những gia đình giàu có, người ta bày đồ lễ mới mỗi buổi sáng. Vào ngày chính lễ, gia chủ ăn vận áo quần đẹp hơn mọi ngày, thắp đèn trên bàn thờ và trước bàn vị tổ tiên rồi làm lễ bái. Ông ta rót ba ly rượu gạo đặt lên bàn thờ, miệng lăm răm khấn mấy câu lễ: ''Con kính cẩn mời cụ kỵ, ông bà nội, các cô, các bác, các chú về đây với chúng con, những đứa con cháu, hưởng lễ cúng chúng con xin dâng lên đây với tấc lòng khiêm cung của chúng con.'' Ông ta quì xuống lạy và trong một giây phút ông cùng những người khác trong gia đình tĩnh tâm, tin rằng tổ tiên đang về hưởng cỗ bày trên bàn thờ. Rượu được châm thêm vào chung nhỏ, câu kinh cầu được đọc mấy lần nữa, rồi lại quì lạy.Tóm lại, đây là một nghi lễ không thiếu một nghi thức nào.

Người An Nam tin tưởng linh hồn bất tử. Họ cũng bận tâm nhiều về cái chết. Khi sống đã luống tuổi, họ kiếm sẳn cho mình một linh cửu để sẳn. Đó phải là cái áo quan đẹp nhất mà túi tiền họ có thể tậu được. Họ sai người mang áo quan về nhà đặt vào một góc đắc ý nhất. Có một quan triều tỉnh Nha Trang sai người đi mời chồng tôi đến khám bệnh cho một người anh của mình đang bệnh nặng. Khi nghe bác sĩ nói căn bệnh không thể chữa khỏi được, ông tỏ ra lo buồn lắm. Mấy ngày sau, không những chồng tôi thấy ông yên tâm mà hơn thế nữa, ông còn mừng vui!Chắc chắn có một đổi thay lạ lùng trong bệnh trạng.Vị quan triều mới đưa chồng tôi đến giường người sắp qua đời, chỉ cho xem chiếc áo quan chạm trỗ tĩ mĩ đặt ở chân giường. Người bệnh, dù rất yếu, khổ sở ngồi

dậy, nhìn về phía món hàng quí giá: cái chết giờ đây không còn là điều gì đáng phải sợ nữa. Ông có thể bình tâm chờ nó đến vì mọi chuẩn bị đâu đó đã hoàn tất. Lòng hiếu để lúc trước tưởng đâu không có thì nay nó đã kịp thời làm tròn nhiệm vụ.

Khi một người bản xứ bịnh tình đã đến hồi nguy kịch, thân nhân thường mãi lo thu xếp những chuyện hậu sự đến nỗi không còn lòng dạ nào tìm phương chạy chữa hay chí ít cũng giúp người bệnh sống thêm một thời gian nữa. Có lúc chồng tôi phải ngăn cản không cho thân nhân mang người bệnh về nhà để kịp chuẩn bị tang lễ cho thật đayng hoàng trong khi ông vẫn còn hy vọng có thể cứu chữa được. Có một đêm, người y tá trực phiên giữa khuya đánh thức chúng tôi dậy, báo biết một người bệnh nào đó vừa mới qua đời và thân nhân muốn mang về nhà ngay. Chồng tôi chẳng có gì phải ngạc nhiên vì người nói tới đây là một bác tiều phụ không may bị cọp vồ, chân cọp làm tróc da đầu, xương sọ nứt. Trước khi đi ngủ, ông có khám anh ta : ca bệnh sẽ mang lại tử vong trong nay mai thôi. Hơn nữa trong nhà thương bản xứ, có lệ không được bó buộc người bản xứ mà để họ được tùy tiện muốn làm gì thì làm vì nếu không, sẽ không người nào muốn đến khám bệnh nữa. Cho nên chồng tôi cho phép. Hai mươi bốn giờ đồng hồ sau, có người quen của chúng tôi cho biết anh có thấy người bệnh da đầu bị cọp lột trong vùng quê khá xa. Anh vẫn chưa chết nhưng cuộc di hành trên cáng trước sau gì cũng giết anh ta thôi.

Chung quanh cái chết của một người An Nam có một lễ tục khá lạ lùng. Ngay lúc hồn lìa khỏi xác, người ta phải đón lấy hồn và đặt hồn vào ‘‘bài vị’’ trên bàn thờ.Cho nên người ta sắp lên ngực người chết một vuông lụa để hồn chui vào.Vuông lụa này được cột vào ‘‘cỗ linh xa’’, đi phía trước đám tang. Sau đó người ta hươ qua hươ lại mấy lần trước tấm thẻ có ghi tên họ, chúc tước người quá cố.Như vậy từ giờ trở về sau, linh hồng ngụ trong bài vị này. Vuông lụa , theo sự chỉ định của thầy cúng, sẽ được chôn ở một nơi nào đó, không được quá gần linh cửu.Thông thường người ta giữ bài vị trong một cái hộp sơn mài màu đỏ. Trên bàn thờ, hộp này được thờ kính nhiều nhất. Trong những đại gia, người ta thờ bài vị của năm, sáu đời trước trong khi những gia đình bình thường, họ chỉ thờ bài vị ông bà nội ngoại mà thôi.

Theo sách vở, tang lễ thật tình rất rườm rà. Nếu theo đúng sách, tài sản có thể tiêu sạch vào đó. Một cách chung chung, các điều diễn ra chẳng có chi là sầu thãm. Nhiều người đàn bà khóc than thật ồn ào, nhưng không mấy ai để ý đến họ vì họ là nhựng người đi khóc thuê trong mọi đám táng. Việc bày trò này khá vui nhộn. Dàn nhạc cử những điệu mang chuổi âm thanh rộn rã, chói tai không tạo nỗi mối u sầu.Hàng trống lớn, sáo và đàn cò đi dẫn đầu.Ai cũng cố sức chơi thật to, không sợ làm phiền người đứng kế. Tiếp đến là cỗ ‘’linh xa’’ do sáu người đàn ông khiêng.Đây là một thứ trang thờ phất bằng giấy có vẽ hình con long và các linh vật khác, màu sắc sặc sỡ. Nối tiếp là nhiều bàn thờ trong có bày những nữ trang của gia đình, những vật bằng đồng, những lọ bằng sứ và một đôi khi cả hình của người quá cố nữa.

Linh cửu được đặt trên một cái kiệu có người khiêng đi.Người quá cố càng giàu và nhiều quyền uy thì áo quan càng nặng và càng phải có nhiều người khiêng.Tuyệt đối không được xô lắc khi khiêng trên vai. Mỗi người khiêng trong miệng có ngậm một mảnh gỗ, coi ra giúp được nhiều việc lắm. Anh ta làm theo từng động tác của người trưởng ban nghi lễ đứng trên kiệu, điều khiển mọi người bằng động tác và tiếng hô.Trước mặt người này có một các cốc đựng nước lạnh, đặt ngay trên linh cửu, không được làm nước đổ, chúng tỏ cả hệ thống khiêng vác có sức ổn định vững vàng. Sự việc tế nhị như thế không dễ giữ được cho đến phút cuối. Anh trưởng ban liên tục vung tay múa chân và hò hét.Đây này, đường đi gồ ghề, một bờ dốc phải băng qua! Anh lấy chân kềm ly nước, miệng lớn tiếng thuyết dụ bọn âm công, dùng tất cả từ vựng mà anh có được. Nếu thấy bọn âm công lơ là làm ly nước mất thăng bằng sắp đổ thì anh ta hét to ‘‘Tao thưởng tụi mày mỗi đứa mười xu, hai mươi xu..một đồng!’’ và sẽ không đổ một giọt nước nào!

Thân nhân đi theo sau chiếc kiệu áo quan.Họ mặc áo tang trắng, đầu tóc bỏ xỏa quàng khăng tang cũng màu trắng. Áo quần may bằng vải thô, không viền tà. Nét mặt trầm tư và bước đi trịnh trọng khác hẳn với những người vật vã than vay khóc mướn kia. Tang tóc đè nặng lên mình, họ hoặc tựa vào chiếc gậy chống tay dài hoặc được bằng hữu dìu đi.

Thời gian cư tang được qui định và tuân thủ từng điểm nhỏ nhặt. Kể cả sinh hoạt hằng ngày cũng đều được dự liệu trước. Trong bộ Hình luật An nam có những

khoản qui định hình phạt dành cho một người lấy vợ trước ba năm qui định của thời kỳ cư tang cha mẹ hay là đã lấy vợ và đẻ con trong thời kỳ này.

Khi người cha qua đời, người con trưởng được chia một phần đặc biệt dành cho việc cúng giỗ ông bà.Đối với người An nam, không có con trai nối dõi tông đường là một tai họa thãm khốc nhất. Anh ta có thể lập con nuôi. Anh ta có thể lấy nhiều vợ nhưng nhiều trường hợp chứng tỏ cách này là một sự vụng tính. ''*Lắm vợ nhiều oan gia*!''câu tục ngữ An Nam có nói thế. Một ngày kia tôi nghiệm thấy điều này đúng.Tôi đang ngủ trưa thì có tiếng la hét làm tôi thức giấc. Cái gì đang xẩy ra trọng nhà bếp: người ta nói một nồi nước sôi đã làm bỏng nhiều người cùng một lúc! Có lẽ người bồi của tôi thích tạt như thế! Hoá ra người vợ cả và người đàn bà hắn nói là em gái của hắn đang đánh nhau. Họ nhào vào và ôm nhau, tóc tai rói bung, áo quần rách toẹt. Người bồi cố can họ ra thì họ xoay qua gây sự với hắn. Nét mặt của hắn thật tội nghiệp làm sao! Hai mụ kia lại chửi càng bạo hơn.Tôi bèn bảo hắn đuổi mấy con mụ ra ngoài, còn hắn, chắc tôi phải tống xuất đi mất. Tôi rút vô phòng: chẳng còn gì để nói nữa! May thay chồng tôi vừa bước vô.Ông ra hiệu cho hai người giúp việc khiêng hai con mụ đang cơn thịnh nộ ra ngoài; các mụ càng hét lớn và vùng vẫy càng dữ. Bỏ trên bãi cát ngoài kia, họ tiếp tục cấu xé nhau.Nhưng cũng cách nhà khá xa nên không còn làm rộn giờ nghỉ của chúng tôi.Và dần dà tiếng sóng vỗ át cả tiếng của họ. Hai người phụ việc quay trở vô, đẫm mồ hôi, cầm khăn bịt đầu chặm khô mặt, rồi sửa búi tóc ngay ngắn lại.

CHƯƠNG X

Vị Trí Người Đàn bà trong Xã Hội

Luật qui định Lễ đính hôn và Hôn nhân.- Ly dị.- Đám cưới.-Chế độ đa thê trong giới quan lại và thường dân.-Con gái không được đi học.- Việc giáo huấn đàn bà An Nam.- Các nghề‘ nghiệp trong các tầng lớp dân chúng .- Óc thẩm mỹ đặc biệt của người An Nam.-Các đặc tính của cái đẹp.-Những người Phụ nữ lừng danh trong sử sách.-Tính tội phạm của nữ giới.-Các nữ diễn viên.-Người đàn bà An Nam được chăm sóc nhu thế nào.-Mấy kết luận.

Theo Bộ Luật An Nam, có trước Bộ Dân luật Pháp khá lâu, người vợ được xem như bình đẳng với người chồng. Bộ luật nói: ‘‘Người vợ có quyền cũng ngang bằng người chồng, *Tề gia tề ra*’’ nhưng trong thực tế thì không phải hoàn toàn như vậy. Không ai bị buộc phải lấy họ chồng.Họ vẫn giữ họ cha mẹ. Cũng như bên Tàu, ở đây việc hôn phối là chuyện tối hệ trọng về mặt xã hội nên không thể phó mặc cho rủi may trong chuyện yêu thương được. Chính bậc cha mẹ mới là người xếp đặt và kết thúc nội vụ, có khi hai người con cũng không hề được hỏi ý kiến. Tục lệ này còn có lý do nào khác nữa không?Trai gái cưới nhau khi tuổi còn rất nhỏ. Người ta cần kềm cặp trong lứa tuổi mười bốn và mười sáu ! Luật cho phép con gái mười bốn tuổi được lấy con trai mười sáu tuổi làm chồng. Theo cách tính tuổi của người An Nam, tuổi như

thế còn nhỏ hơn nữa kia. Vì đứa con mới sinh người ta đã xem như được một tuổi rồi và hễ tới Tết là thêm một tuổi nữa. Vả lại thời kỳ đính hôn của bọn trẻ được phép kéo rất dài. Lể đính hôn tạo ra bản giao ước pháp lý đầu tiên.Ai không giữ sẽ bị phạt năm mười roi. Đàng gái khi nhận sính lễ xem như giao ước đã nối kết hai họ. Thông thường sính lễ gồm một món tiền đi kèm vói một xếp lụa, vòng vàng, hoa tai, nữ trang nhiều thứ khác nhau. Đàng trai sẽ mất nếu phá bỏ giao ước. Khi sự thất hứa đến từ phía đàng gái, người con gái có thể bị gởi trả về cho người đính hôn trước tiên ngay cả khi đã ăn nằm với người đến sau. Thông thường hơn cả, người đính hôn thiếu may mắn đầu tiên hồi trả người có lỗi và đòi phải được đền bù gấp đôi món sính lễ ngày trước.

Người cùng họ lấy nhau sẽ bị xử phạt nặng nhất: sẽ chết chém ngay lập tức nếu lấy em của cha làm vợNgười đản ông An nam có thể tục huyền hay cưới em gái của người vợ cả làm vợ thứ nhưng sẽ bị xử giảo nếu cưới em dâu đã góa chồng. Có cả một hạng loại những cuộc phối ngẫu bị cấm đoán vì chúng xáo trộn những cương thường trong gia đạo.Cấp bậc cũng như uy quyền căn bản của người chồng không thể để bị rơi vào nguy cơ bị tra vấn như vậy được.

Ở An Nam, chúng tôi được thấy những người đàn ông chỉ có một mụn con gái, nhận người con rể làm nghĩa tử. Người Du -Dêu[15]cũng có tục lệ tương tư như thế. Nhưng

[15] *Jew, Juif,* theo cách gọi trong Thánh Kinh Thiên Chúa giáo.

người ta cần phải tìm một nghĩa tử khác nữa vì người con rể không thể đảm trách việc cúng quẫy tổ tiên được.

Với bản tính lạnh nhạt và đa nghi, người An Nam không xem trọng lễ nghi và giáo lý Nhà Phật và ngược lại, họ thật sự tôn thờ đạo thờ kính tổ tiên. Do đó mà tục lệ và uy quyền người cha trở thành những nguyên tắc phải được trân quí trong gia đình. Như thế trong mỗi gia đình đều có một bàn thờ và một ông sư.Chỉ có dòng nam mới có quyền cúng kiến thôi.Đó là nguồn gốc bất bình đẳng lớn cho phụ nữ. Chính vì nhân danh tôn giáo mà thường khi nam giới khắp mọi nơi gia tăng thêm đặc quyền, đặc lợi của họ.

Dù gì đi nữa, sinh được một đứa con trai đối với người An nam cũng như đối với người Ba La Môn ở Ấn Độ, đều là ân phước Trời ban đồng thời cũng là một nghĩa vụ nặng nề. Nếu như thiên nhiên không để cho mạnh khỏe, thì Luật sẽ giúp một tay bằng một kho tài nguyên vô tận. Đây lúc nào cũng là lý do tối hảo để dung dưỡng chế độ đa thê và lập con nuôi.Người vợ vô sinh sẽ bị trả về cho bố mẹ đẻ; người chỉ sinh toàn con gái sẽ phải nhường chỗ cho một người khác. Trong khi người Tàu có thể lập con nuôi bất cứ nơi đâu thì người An nam chỉ được chọn cháu hay anh em họ phía bên nội thôi. Trong việc chia tài sản, luôn luôn có khoản ‘‘*của hương hỏa*’’, một thứ tiền mang về thêm một mối lợi cho người trưởng nam hay người con nuôi. Nhưng người góa phụ, sau khi hợp thức với việc thờ cúng, nhận phần kế tục của người chồng. Theo lời văn của Bộ Luật, những người con gái không cho tham dự vào việc chia tài sản như những bạn

gái của họ bên Trung Hoa.Nhưng thực tế, gia tài được chia đều cho cả hai phía, bất luận nam nữ.

Nếu như theo Dịch Kinh hôn nhân không thể hủy bỏ được thì những luật ban hành gần đây nhất tiên liệu và qui định những qui tắc ấn định việc ly dị. Các nguyên cớ, có khoảng bảy cớ, không khác nhau mấy tí giữa hai nước Trung Hoa và An Nam.Đó là vô sinh, sa đọa, trộm cắp, tị hiềm, ngồi lê đối mách, bất kính cha mẹ chồng, mắc một trong những chứng bệnh nan y như kinh phong và phong cùi. Khi thêm vào những điều khoản sửa sai như: Để bỏ vợ không áp dụng cho những người đàn bà không còn bố mẹ hoặc gia đình vợ chồng mới lấy nhau thì nghèo mà nay thì sung túc, chúng ta chỉ phải ca ngợi lòng nhân ái và óc sáng suốt của các quan tòa.Đàn bà lăng loàn không được miễn giảm.Xét bằng chứng phạm tội rành rành, người chồng có quyền giết cả hai người. Ngày xưa, người phạm tội bị bêu trước công chúng rồi sau đó mang cho voi chà.Tội hình đã giảm xuống chỉ còn phạt chín mươi trượng. Hiện nay, người chồng có thể mang người vợ đi bán hoặc giữ lại. Những trường hợp báo thù dã man ngày càng giảm thiểu ở Đông Dương. Tuy nhiên chúng ta thỉnh thoảng vẫn thấy thả bè trôi sông những đôi trai gái trói chặt vào nhau. Cách đây mấy năm, Bác sĩ Dubois tường thuật chuyện một người An Nam ở Châu Đốc đã áp dụng luật báo phục rất tàn ác như một thí dụ.Phong tục ngày nay cho phép hai đương sự đồng thuận thì mới được ly hôn.

Dĩ nhiên là Hình luật trừng phạt những sự ngược đãi quá đáng với một mức phạt tương xứng nhưng tội phạm

chỉ cấu thành khi có sự bẻ gãy. Ở các nước vùng Viễn Đông, thật sự có chuyện đánh đòn bằng roi vọt. Tại sao bắt tụng đình phải bận rộn với những chuyện lặt vặt? Người ta đặt niềm tin vào tính công minh và thận trọng của những người chủ gia đình. Ở bên đó, chúng ta từng chứng kiến trẻ con ngoài đường chơi trò thi chịu đòn. Bọn trẻ thay phiên nhau chịu đánh đòn đúng theo phép thường. Đứa nào bị quất nhiều mà không kêu la , đứa đó thắng cuộc. Luật An Nam lập ra, không bận tâm đến việc đánh đòn vài ba roi.

Người phụ nữ An Nam lập gia đình theo chế độ cộng thông tài sản. Do đó trong các giấy tờ *tạo-mãi* người chồng đều đề tên vợ vào.Người chồng được quản lý tài sản riêng của người vợ nhưng phải có sự giám sát của cha mẹ vợ. Làng xã ghi tên người vợ cùng tài sản riêng vào hương bạ và người đi buôn không bao giờ quên người vợ trong những cuộc mua bán quan trọng.

Những luật tắc hôn nhân đều nằm trong sách Lễ ký, sách ghi chép lễ tục,theo giáo huấn của Khổng Phu Tử. ‘‘Hôn lễ nhằm đạt được, trên là chuyện thờ phụng trong tiên miếu , dưới là việc sinh con đẻ cái cho các thế hệ tương lai.’’Vậy là một lần nữa, văn minh An Nam vay mượn văn minh Trung Hoa nhưng thiên tài người An Nam không từ bỏ tính cá biệt của mình. Theo Luro, hôn phối người An Nam là một giao ước rộng rãi thanh quyết sự thỏa thuận của hai cá nhân.Nó còn là sự thỏa thuận của hai giòng họ, ít khi nhà nước muốn xen vào. Người mai mối không phải là một viên chức nhà nước, nhưng

về khía cạnh luật pháp, người này cũng không phải là không có trách nhiệm.

Những lễ tục trong hôn nhân được nói đến Luật Trung Hoa ở thế kỷ XII trước Thiên Chúa. Chủ yếu có sáu lễ nay đã đơn giản hóa đi nhiều và ít có gia đình nào còn áp dụng một cách trọn vẹn.

Ông mai do người con trai lựa chọn, sẽ viếng nhà cha mẹ của cô con gái và thương lượng các khoảng xính lễ. Nếu bên đàng gái ưng thuận, gia đình đàng trai sẽ gửi thiệp hồng để ghi tên tuổi, ngày sanh tháng đẻ của người con trai v.v. . . Đáp lại, ông mai cũng nhận thiệp nội dung tương tự của nhà gái. Hai bên mới đi hỏi thầy bói xem tuổi tác và hậu vận gia đình đôi trai trẻ có hợp hay khắc. Ông mai định ngày hôn lễ trong khi đó, cha mẹ hai bên ngày nào cũng làm lễ, cầu kinh trước bàn thờ tổ tiên. Liền sau đó, chàng trai cùng cha mẹ và các thân hào trong làng đánh xe tới nhà cô dâu. Ông trao quà cưới gồm trầu, cau, rượu. Nếu quà được nhà gái chấp nhận, người hỏi vợ mới được xem như ''con rể''.Với những gia đình nghèo, người con rể ở gửi rể tại nhà vợ.

Tiếp sau đó đến lễ ăn hỏi. Buổi viếng nhà cha mẹ vợ lần này nhằm trao quà cưới. Rổ quà cưới phải có trầu cau, vòng vàng, lụa các thứ, hai cây đèn cầy đỏ, hai chung rượu đế, và một con heo quay. Đám rước mang màu sắc sặc sỡ và linh hoạt chưa từng thấy. Ai nấy mặc lễ phục, có lộng che ngất ngưỡng trên đầu, người thổi sáo thổi ẩm ĩ. Cứ như thế đám rước đi tới nhà cô dâu.Đồ sính lễ được bày lên bàn thờ, đôi đèn cầy đỏ được thắp

lên, rượu được rót vào chung. Hai người cha đúng lên, quì xuống lạy lễ, sau đó đến lượt hai bà mẹ.Kết thục hôn lể là tiệc ăn uống.

Ngày rước dâu càng trịnh trọng hơn nữa. Người cha họp tất cả cha mẹ hai họ ra trước bàn thờ rồi trình diện tổ tiên đứa cháu sắp đi cưới vợ. Đi giữa đám đông gồm bè bạn, cha mẹ và khách mời, phía trước có những người giúp việc mang đồ sính lễ, vị hôn phu nhắm hướng nhà gái tiến bước. Sau một hồi đối đáp, mọi người bước vào nhà, xếp hàng chung quanh bàn thờ. Mở đầu, vị hôn phu quì lạy tổ tiên, sau đó anh ta mời cha mẹ vợ dùng mấy miếng trầu và uống rượu. trong lúc đó cha chàng rể đọc ban ghi các đồ sính lễ. Tân lang và giai nhân đi về phòng riêng. Nơi đây trên hương án thờ Nguyệt lão người ta lại lên đèn và thắp hương.Cha mẹ hai bên khuyên các con phải ăn ở với nhau đến đấu bạc răng long và sanh con đẻ cái thật nhiều.Sau khi cùng đọc mấy bài kinh cầu nữa, cha mẹ đôi trai gái đi ra.

Khoảnh khắc này rất trang trọng. Ngày xửa ngày xưa, cô dâu chỉ mở khăn mỏng che mặt vào lúc này mà thôi và người chồng được phép thấy mặt vợ lần này là lần thứ nhất.Ở Trung Hoa, một thiếu nữ gia đình nề nếp không được phép gặp người chồng tương lai trước ngày thành hôn.Đôi vợ chồng trao nhau một ly rượu. Người vợ quì lạy bốn lạy trước người chồng; còn người chồng chỉ lạy đáp lại một lần.Thế là hôn lễ hoàn tất. Khi hai vợ chồng quay ra nhà ngoài đi vào bàn tiệc thì buổi tiệc mới bắt đầu. Lễ tục lấy *vợ hai* không rắc rối như thế vì đây chỉ là một cuộc ký giao ước mua bán.

Người An Nam theo tục đa thê dưới nhiều mức độ khác nhau. Vua thì có rất nhiều thứ phi, còn các quan triều cao cấp có ít khi quá bốn hay năm bà vợ thứ. Người nghèo chỉ có khả năng lấy một vợ. Thực ra, có tiền của ít hay nhiều là điều kiện có thể có một hay nhiều vợ. Thương nhân, công chức nay đây mai đó thường xây tổ ấm ở những chỗ dừng chân lâu ngày. Người vợ giữ nhiệm vụ phụ giúp việc bán buôn và cung cấp các thứ cần dùng. Có vài tác giả cho rằng chế độ đa thê nẩy sinh từ tình trạng trai thiếu gái thừa nhưng chúng ta phải nhìn nhận đây là do mối ưu tư của những người giàu có, những người giỏi giang muốn có con đàn cháu đống.

Người vợ cưới hỏi đảng hoàng được gọi là vợ hàng nhất: Vợ chánh .Trong nhà, người đàn bà này giữ một địa vị đặc biệt.Bà là hoàng hậu trong việc bếp núc. Mọi người vợ thứ khác cũng như bọn tôi tớ đều phải kính nễ và vâng phục.Con cái các giòng lớn nhỏ cũng thế. Khi chết, người ta để tang bà ba năm trong khi các bà thứ chỉ được con cái chính mình để tang và chỉ để tang trong một năm thôi.Luật xem con cái các giòng lớn nhỏ đều ngang bằng trong việc chia chác tài sản. Người góa phụ, nếu không tái giá, sẽ là người ứng dụng thu lợi. Tài sản mỗi người mẹ rơi vào tay các đứa con.



Một ngôi chùa, nhìn từ phía bờ sông.



Đám rước Dâu đến nhà họ Đàng gái.

Như thế địa vị trong xã hội của người đàn bà An Nam khá cao. Văn minh nhiều nước phương Tây ít có chỗ nào nhìn nhận quyền người phụ nữ rộng rãi như thế.

Người An Nam xem trọng tri thức. Chỉ hay chữ mới được tuyển chọn làm quan.Tất cả học vị các kỳ thi đều mang lại một chức vụ tương ứng. Cho nên xứ An Nam là một nước dân chủ lý tưởng, là nơi quyền hành chỉ được trao cho người đỗ cao nhất thôi. Không một nông dân ít học nào lại không thể cầm bút lông viết vài trăm chữ ngay hàng thẳng lối hay thảo một tờ đơn khiếu nại.Trong mỗi làng thôn đều có một trường tiểu học. Các đứa bé con đều quần tụ ở đó, ê a mấy chữ và trông chúng có vẻ thích học lắm. Các đứa bé gái thì không được đi học trường trong làng. Dĩ nhiên không có luật lệ nào cấm con gái không được đi học. Như chúng ta từng thấy, các nhà soạn luật An Nam, thoát khỏi ảnh hưởng Trung Hoa chút ít, chỉ cho thấy họ có xu hướng thiên về phía nữ quyền.Họ không còn đối xử bất công người phụ nữ nữa.Giờ chỉ còn có thói tục một mình nó là còn tỏ ra bất lợi cho người phụ nữ chớ không phải một điều nào của Bộ Luật định ra cả.

Học chữ Hán rất lâu và cực nhọc. Nó đòi hỏi phải có một trí nhớ tươi mát và có vẻ như chỉ học được khi còn bé mà thôi. Bé gái vì vậy buộc phải học tại gia. Nếu thuộc gia đình nghèo hay cha mẹ bận rộn không chăm sóc con cái, đứa bé gái đành lớn lên trong tình trạng hoàn toàn mù chữ. Những đứa khác nhớ được một số chữ nhất định để về sau còn sử dụng trong công việc kế toán, hay đứng làm chủ một tiệm hàng .Cũng có những trường hợp khá ưu đãi nhờ vào vốn học xuất sắc nữa. Họ là những phụ nữ các gia đình quí tộc, giàu sang. Trong mỗi tỉnh đều có một hay hai bà, ít khi nhiều hơn con số này, làu thông sách vở Khổng Phu Tử .

Trước khi người Pháp xâm chiếm, trong xứ không có trường học nào dành riêng cho thiếu nữ. Các nhà truyền giáo và các bà sơ đã phá bó truyền thống khi họ dạy những đứa bé gái mồ côi và những người tân tòng. Tôi không biết họ xuất thân từ trường ốc nào, nhưng những bà xếp ga ta thường thấy tại Sài Gòn hay ngoài Bắc kỳ đều là những người phụ nữ giỏi. Tại Hà Nội ta thường thấy đàn bà điều khiển các nhà máy dệt lụa hay xưởng khảm xa cừ to lớn mà không có bóng dáng người đàn ông nào cả.Chúng ta lại gặp mấy sư cô trong các đền chùa.Có điều là họ không thể đứng chủ tế trong các buổi lễ mà thôi.

Phụ nữ ở nông thôn giúp việc đồng áng, chuyên phụ trách việc cấy mạ. Ta còn thấy họ gieo và gặt lúa.Trồng lúc là hoạt động có khá nhiều giờ rỗi rãi.Có những khoảng thời gian dài người phụ nữ tha hồ đi ra chợ. Đường rất xa nhưng họ vẫn đi, trao đổi hàng họ thì ít còn chuyện vãn thì nhiều.Vợ những người thợ thủ công thường là những người cộng tác đúng nghĩa của từ. Đây là cái nết người thương nhân Hoa kiều phải nhận là có ở người phụ nữ An nam.

Trong công việc nội trợ thì chuyện chăm sóc con cái làm người phụ nữ An Nam bận tâm nhiều nhất. trong những gia đình ngèo, người phụ nữ làm những việc "*cỏ-vê*"[16] năng nhọc nhất, như tu bổ đường xá, cất nhà, đào kinh. Sức chịu đựng của họ thật dẽo dai. Hầu hết phụ nữ đều chèo chống thuyền có hay không có buồm hết sức thành thạo. Trên các giòng sông lớn ở Nam kỳ, thỉnh thoảng chúng ta gặp những thuyền tam bản hoàn

[16] *Corvée,* công việc tay chân nặng nhọc.

toàn do phụ nữ điều khiển. Họ theo chồng ra khơi đánh cá, ngoài trừ các đánh cá đêm.Tuỳ theo cách thế của mỗi địa phương, họ đứng để chèo, mình hơi nghiêng về trước một chút, còn chân thì điều khiển bánh lái. Có một cái tục rất hay ngày nay chúng ta vẫn còn thấy. Đó là những phụ nữ có thai cần phải tập luyện thân thể nhiều, cho nên khi nhà mình neo việc, họ phải chạy sang nhà láng giềng kiếm việc làm thêm.

Trái lại, phu nhân các quan lại ít khi động đến móng tay.Họ xem chuyện đó là điều điếm nhục.Chăm sóc nhà cửa hàng ngày, nấu cơm, quét tước, khâu vá là nhiệm vụ của mấy người vợ thứ. Thế nhưng, đôi khi họ cũng thắng kẹo, làm bánh hay cắt trái cây ướp đá như là một thú tiêu khiển.Không bao giờ họ dệt vải hay thêu thùa. Với móng tay để dài đến hàng 10, 15 phân thì làm cách nào họ còn khả năng làm chuyện ấy? Họ chơi đàn và hát những điệu sầu thảm. Luật cấm không cho quan triều lấy vợ trong tỉnh hay phủ mình đang trấn nhậm.

Có một tục lệ mà ngay người An Nam, một dân tộc nuôi con rất dễ dàng , cũng không ngờ là có, đó là trong gia đình quan quyền, vợ quan không tự mình cho con bú. Họ mướn những người ‘‘vú nuôi’’thay mình làm chuyện đó.

Vị nội tướng sắp sửa các lọ hoa trong nhà. Bà có trách nhiệm trông coi các chậu hoa cảnh trong mảnh vườn bé tí xíu do bàn tay con người tạo ra.Một trong nhiều bổn phận là trình bày khay trầu. Điều thấy rõ là họ dành rất nhiều thì giờ để chăm lo việc điểm trang. Suốt ngày khi thì họ tắm táp, đấm bóp, vẽ mày vẽ môi, khi thì soi

gương để ngắm nụ cười, chọn *pôm -mát* thơm tho để bôi tay, mặc thử áo quần, bới các kiểu tóc hay sơn móng tay. Họ cũng hút thuốc và hút những điếu thuốc rất mảnh. Mấy vị phu nhân này không hề là những nữ tu dòng kín. Họ đi lại thăm viếng những người cùng có chồng trong chốn quan trường.Nhưng món tiêu khiển chính của họ vẫn là chuyện gầy xòng. Có vẻ như nếu cứ tính là hết một nửa cuộc sống của họ đã được dành cho việc chơi bài thì chúng ta vẫn còn chưa nói đúng sự thật đó.

Có phải là tọc mạch không khi chúng ta tự hỏi không biết các vương phi của Hoàng đế An Nam đang làm gì? Thời đại nào cũng thế, các bậc toàn năng này khi nào cũng thích có triều thần chung quanh mình mà đa phần là nữ giới. Dĩ nhiên chúng ta không quan tâm đến cấp tước và hay lẫn lộn nữ vũ công với các công chúa khi chúng ta cho là vua có đến hàng trăm sủng phi. Thỉnh thoảng thị hiếu của đấng quân vương có thể trông xa hơn, thế nhưng không phải là hiếm khi có những chức vụ chẳng cần phải được ơn mưa móc của cửu trùng. Nữ vũ công và đào hát cũng như ca kỹ và diễn viên hát bộ đều thuộc vào loại người này.

Một phụ nữ Chăm, đội khăn bịt đầu vạt rộng.





Môt phụ nữ An nam và đôi quang gánh.

Thế nhưng giữa cái đám đàn bà trẻ ồn ào như cái tổ ong này, những người nổi tiếng là xinh nhất của xứ An Nam, người ta mang hết tâm trí, mưu kế, và tất cả những tiểu xảo trong ăn diện bề ngoài. Để được lọt vào mắt đấng quân vương họ phải trải qua bao nhiêu là đọ tài và tranh công! Như một người kia tự tin mình có nhan sắc đã mất bao nhiêu tháng trường ve vãn mà rốt cuộc chẳng được gì cả! Dù thế nào đi nữa ta cũng phải chiều chuộng, phải làm hài lòng bằng mọi giá.Không thể coi thường chuyện phục trang khi đi dự các buổi thiết triều. Những sắc dụ ngày xưa qui định màu sắc lụa là và uy nghi của gấm đoạn. Tuy vậy, sáng kiến cá nhân vẫn có thể châm chước thêm.Trang điểm xong đâu đó, các bà bày sòng bài ra. Bà nào thông thái thì khiến người chuyện đọc truyện trong cung đọc những chuyện hấp dẫn hay những cuốn tiểu thuyết ái tình.Thuốc lá rất được các bà suy tôn trong khi uống trà và ăn mứt gừng hay bánh ngọt.

Chính những người vương phi này đã cắm hoa và trình bày các lọ hoa trong cung vua. Họ cũng là người cụ bị các khay trầu.Họ quì gối mỗi khi dâng Vua miếng trầu.

Trước khi trình bày cho chúng tôi thấy những nét chính trong quan niệm về cái Đẹp của người An Nam, viên quan triều cẩn thận dặn tôi rằng: ‘‘Trong việc chọn vợ, luôn luôn cái nết đánh chết cái đẹp.’’ Tôi ghi nhận lời nói của ông ta. ‘’Mặt khác, ông nói thêm, người con phải tùy theo ý kiến của cha mẹ!’’Dù sao đi nữa thì đây vẫn là mẫu người lý tưởng của các nhà thơ và người tình si ở

phương trời Tây: tầm vóc vừa phải vì nếu cao hơn trung bình, sẽ thiếu cân đối và nếu nhỏ thó, có bước ngang người ta vẫn không nhận ra.Gọi rằng đẹp thì tóc phải đen và dài.Mặt trái soan, nét phải đẹp. Người Trung hoa có tục hay làm tròn mặt người phụ nữ. Người An Nam dành những nét góc cạnh và đôi gò má cao cho khuông mặt đàn ông.Đôi mắt người con gái mình yêu phải tinh như chim ưng, đôi chân mày vẽ một hình cong dài thanh thoát như đôi tằm, gót chân đỏ tựa thoa son.Đó là bài tụng ca mà các nghệ nhân dùng để giải nghĩa và nhân gian đã tóm gọn thành một câu phương ngôn người An Nam nào cũng thuộc lòng: *Mắt phụng* (mắt chim ưng); *mày tằm* (mày trông như con tằm); *gót son* [17] (gót chân đỏ như mực).

Chúng ta không cần phải bình phẩm gì khi nói đến cái nhìn sâu xa, chế ngự và đầy uy lực như cái nhìn của con chim ưng. Chỉ có người Á châu mới thấy được cái nét cong cong tuyệt mỹ của đôi chân mày! Làm thế nào mà tả được cái gót hồng, cái gót đỏ thắm của đôi chân bé nhỏ như ai điểm một vết mực đỏ của một nàng tiên. Chúng tôi lấy làm kinh ngạc trước niềm ngưỡng mộ rất An Nam này. Chúng ta lấy làm lạ và không hiểu được nét mỹ cảm này trong khi đó, nó là cả một trời quan trọng đối với cả một dân tộc.

Do vậy, người đàn bà An Nam hay đi chân không bít tất và chiếc guốc nhỏ xinh xinh chỉ che một ít các đầu ngón chân mà thôi. Chắc là người đàn ông An Nam thấy ai có

[17] *Mắt phụng, mày tằm, gót son,* tiếng Việt trong nguyên bản.

gót son người ấy thuộc con nhà quyền quí.Người Trung hoa, trái lại, làm biến dạng bàn chân và tỏ ra thẹn thùng rất khác thường vì nó.Các phụ nữ Thiên triều này vì khiêm cung nên không cho ai thấy bàn chân họ. Các họa sĩ dấu chúng dưới lớp xiêm y. Bàn tay phải thanh, ngón tay phải thon và dài. Cổ tay cần phải dài va da phải trắng trẻo.Vì tinh tường như vậy nên người An Nam không quên cái thanh sắc của giọng nói. Họ muốn người phụ nữ phải có giọng nói du dương. Lúc con bé, đứa bé gái phải học đi đứng ngực ưỡng ra phía trước, đầu ngẫng cao không kêu căng mà cũng không quá cứng ngắc, hai tay đáng đồng xa nhịp nhàng.Họ rất mê chiếc miệng cười có hai núm đồng tiền.

Lịch sử và văn chương có ghi lại một vài người đàn bà An Nam nổi tiếng. Nhưng chúng ta chớ quên bậc nữ lưu Bắc Hà tên là Trưng Trắc đã phất cờ khởi nghĩa chống lại người Tàu (năm 69 trước Công nguyên). Bà tự xưng làm Vua, lấy tên là Trưng Vương, đánh tan quân xâm lược. Nhưng Trung quốc đã phái Mã Viện dẫn một đoàn quân hùng mạnh sang.Trong hai trận lớn đánh nhau, người An Nam đều thua.Nữ Vương gieo mình xuống Hồ Tây tự vẩn. Người em là Trưng Trắc, người lúc nào cũng chiến đấu anh dũng để bảo vệ tự do, cũng gieo mình chết theo. Dân An Nam đã tạc tượng Hai Bà và thờ trong đền thờ.Trên sân khấu tuồng cũng như trong thơ văn, chuyện đàn bà cầm quân đánh giặc để giải thoát hay báo thù chồng là các đề tài khá phổ biến.

Trong những mùa hạn hán và đói kém, trong những tai biến tầm cỡ quốc gia, không phải hiếm khi ta thấy những

mệnh phụ phu nhân làm những hành động rất ngoạn mục.Những bà hoàng thái hậu mà người An Nam gọi là 'Mẫu Hậu' cũng tham chính. Thí dụ như mẹ Vua Tự Đức chẳng hạn.Sắc chỉ nào cũng phải trình Bà tường lãm trước.

Mức độ tội phạm của người đàn bà ở An Nam không cao lắm. So với mức tội phạm của nam giới, nó rất thấp.Có vẻ như chuyện đĩ điếm không nhiều như ở Trung quốc.Đàn bà Tàu không được lên sân khấu; nhân vật nữ đều do đàn ông thủ diễn. Ở An Nam thì khác. Nhưng đào hát và vũ nữ bị người ta coi như hạng cùng đinh trong xã hội. Nói trắng ra, họ bị người đời khinh khi.

Ta có thể nói đàn bà An Nam không bao giờ hút thuốc phiện. Điều đáng nói là trong khi người ta tỏ ra buông lỏng đối với đàn ông nghiện ngập thì họ lại hết sức lên án người phụ nữ nào vướng phải chứng tật này. Phá thai chỉ xảy ra khi chẳng đặng đừng, chỉ khi bị chửa hoang thôi.Giết tre sơ sinh là chuyện cực kỳ hiếm có. Tôi có hỏi một vài người An Nam, họ nói chuyện ấy không bao giờ có.

CHƯƠNG XI

Lãng Xã An Nam

Làng xã An nam: Tính tự trị và những đặc quyền .- Lý trưởng và phó lý.-Bước thăng trầm của viên lý trưởng.-Việc mộ lính.-Tổng, Huyện và Phủ.-Các Phụ thần và Viện Cơ mật.-Đức Hoàng Đế.

Trong số các định chế xã hội ở An nam không cái nào đáng chú ý hơn *Làng Xã*. Đây là một tập họp gồm nhiều gia đình, một hiệp hộI có chung một phần đất của quốc gia , có nhiều tài nguyên và uy quyền riêng biệt, tự quản và tham gia ý kiến với chính quyền trung ương về mức thuế phải nộp hàng năm. Ngoài Bắc kỳ nó được gọi là *Xã*, gọi là *Thôn* rong Nam kỳ và gồm một hay nhiều *làng* họp lại.

Vì phát triễn rộng, một xã có thể tách ra thành một xã nữa. Số nóc gia gia tăng, đất ruộng khai thác thêm dể trồng trọt. Những người chủ đất mới này sẽ được các quan Nam triều cấp trên cấp cho bằng khoán và đặt cho tên xã mới và ghi vào sổ địa bạ. Được miễn thuế trong ba năm, họ được làm chủ mảnh đất và chì phỉ đóng một khoản thế ngang bằng số người lớn trong gia đình và loại cây trái họ trồng trên khoảnh đất sở hữu. Họ mới chọn trong làng một người đại diện để trông coi việc hàng xã giao tiếp với chính quyền cấp trên.Ở đây có vẻ như một người thụ uỷ chớ không phải là một cấp chỉ huy.Dân

làng gọi ông là *Lý trưởng* và người phụ tá của ông là *Phó Lý*.

Cũng như các nơi khác, Lý trưởng không phải là người đứng đàu và nhiều uy quyền hơn các vị hào mục khác trong làng.Vì là ngườI làm trung gian giữa xã thôn và các giới chức cấp tỉnh gồm quan Nam triều và quan Tây, viên Lý trưởng vừa phải có tỉnh kiên nhẫn, vừa phải khéo ngoại giao.Suốt cả nhiệm kỳ dài dằng dặc, ông này phải chịu bao nhiều là khổ dịch. Như một viên Lý trưởng một xã ngoại thành Nha Trang, ông bị khổ dịch trong chốn lao tù. Thỉnh thoảng theo chồng tôi vào nhà lao khám bệnh cho tù, tôi có gặp ông. Mặc dù cổ mang gông, ông vẫn còn giữ được vẻ chững chạc, điều này làm cho ông khác hẳn những phạm nhân sống chung. Chuyện ông vào tù thật là giản dị. Một đêm nọ, một ông Tây đi thu mua muối ăn đổ thuyền trước xã của ông. Mãy thủy thủ thuộc cấp người An Nam lên bờ định dẫn mấy cô gái làng xuống thuyền chơi. Họ gặp chống cự, lời qua tiếng lại càng lúc càng dữ dội, dân trong làng ùa đến tiếp tay mấy cô gái làng, ẩu đả loạn xạ.Ông Tây chủ tàu, bênh người mình đánh đấm khá mạnh tay nên bị người ta bắt trói gô lại. Phái yếu thế là được những người can trường bảo vệ nhưng thua thiệt vẫn là ''uy thế'' của Tây.Điều này người ta chỉ cho Lý trưởng thấy rõ. Không cần nói là chồng tôi thường miễn công tác cho ông khi ông xin chồng tôi.

Theo Luro, làng xã An Nam là ''*một pháp nhân hưởng trọn vẹn các quyền dân tụng, nghĩa là có quyền thủ đắc, chuyển nhượng và quyền tố tụng trước tòa*".Thế nhưng

luật Gia Long không cho phép bán công điền và chỉ cho phép hưởng dụng ích thôi. Xã có quyền giải quyết các công việc nội trị, sử dụng ngân sách, phân chia các khoản thuế cho từng người, xử kiện, bảo đảm an ninh trật tự, thực hiện các công trình có tính công ích , chính quyền cấp trên không hề can thiệp vào. Một khi mức thuế đã được hai bên thỏa thuận, xã đóng không thiếu một xu, không hề thấy bàn đến chuyện phải thu nó như thế nào đây. Tuỳ theo xã quan trọng hay không quan trọng, ngườI ta lập ra ít hay nhiều nhân viên đảm trách chức vụ cảnh sát, tài chánh, lục lộ, v.v.. Do đó có nhân viên vệ nông, kế toán, hương lộv.v.. Quyền uy của xã là sự kết hợp giữa các thân hào và các bô lão trong làng trong thành phần của Hội đồng xã. Thân hào là những ngườI đã đổ đạt đã cáo lão hồi hưu, những thầy đồ, những quân nhân, những cựu lý trưởng và dĩ nhiên còn có ông lý trưởng và phó lý đương nhiệm. Họ khác với những người dân thường (em út) vì họ được miễn thi hành các khoản khổ dịch hàng kỳ. Hội đồng xã họp tại nhà công cộng, gọi là Đình làng mà tùy theo lúc, có thể dùng làm chỗ tế lễ, hoặc họp chợ hay rạp hát cũng được cả. Các công ốc này có thể được dựng nên bằng tre và lợp tranh. Nhưng có một vài nơi như biểu dương uy lực và mức giàu có của dân làng, chúng được xây thật nguy nga, mái ngói trên có rồng lượn, cột mấy người ôm không xuể, bằng loại gỗ quí.

Các viên chức dịch được toàn dân trong xã bầu ra. Lý trưởng nhận chức sau khi quan đầu tỉnh và và Nhà nước bảo hộ trao văn bằng và ấn chỉ của Xã. Chức vụ này hoàn toàn danh dự. Có khi ông được cấp cho một khoảng

đất để thu huê lợi dùng thanh toán tiền bút giấy, gọi là ‘‘bút điền’’.

Trong thực tế, xã có tài sản như nương,ruộng và rừng. Cứ ba hay sáu năm xã chia lại các loại đất này theo lệ tắc do luật lệ và phong tục qui định và chuyện này không phải là không có lời bàn qua tán lại trong khi thi hành đâu. Các khoàng đất phân lô không cấp chia theo cách rút thăm mà theo sự tuyển chọn. Người già được chia phần trước, rồi tới các hào mục rồi cuối cùng mới đến lượt dân đinh thường theo thứ tự ghi danh trước sau.Chúng ta đýu biết các bất công cũng dễ dàng xẩy ra thôi. Nhưng công điền vốn là những nguồn tài nguyên cho phép bảo đảm sinh sống an lành cho người có tuổi và kẻ tứ cố vô thân. Đó là nhằm bảo đảm cho mọi người công dân được một ít đất đai hầu bảo đảm có phương tiện để sống còn. Khi một người hoang tàng hay một người ham mê cờ bạc khánh tận gia sản, ít ra y còn một vài sào đất không cầm cố được để mưu sinh. Hơn nữa, nhờ chia như thế nên cảnh ăn xin không thấy có. Thực tế dọc đường cái quan ta không bao giờ thấy có người đi ăn xin. Làng xã cấp đất cho tất cả mọI người, kể cả người phung cùi và những ngườI mắc các chứng nan y khác nữa.

Vương quốc An Nam lúc nào cũng có một quân đội. Trong làng cứ năm hay sáu dân đinh người ta lấy một người lính.Các hào mục có đặc quyền chỉ định người vào lính nên không phải hiếm khi ta thấy họ bắt con người hàng xóm trước rồi mới tới phiên con mình. Chính quyền trung ương trả lương không bao nhiêu nên người lính

được làng xã lãnh trách nhiệm nuôi quân bằng cách cấp các khoản đất công điền canh tác thu lợi. Cho nên nghề cầm súng càng ngày càng không được ai ưa. Chỉ cần nhìn cảnh chồng tôi chứng kiến người ta dẫn anh *nhà quê*[18] khốn khổ đến nhà thương để được hội đồng tái khám thì biết! Rõ ràng đây chẳng phải là những chiến sĩ can trường tương lai hãnh diện bảo vệ tổ quốc mà là những nạn nhân sắp lên đàn khổ hình. Bọ mảnh ruộng vớI trâu cày đã là buồn nhớ rồi; một số khá đông khác, đây là lần đầu tiên họ phải sống xa nhà. Rồi thì bên tai là thầy đội la hét ra lệnh và một quan đốc-tờ Tây ăn nói nhỏ nhẹ nhưng nói một thứ tiếng lạ lùng, anh lính đâm hoảng. Những ai bị Hội đồng loại thì không dấu được nỗi vui khi biết mình sắp sửa được trở về làng. Trông họ khác hẳn với con người mấy phút trước đó! Những người khác nhìn ông đốc-tờ bằng đôi mắt khẩn cầu khiến người ta khó lòng kiềm hãm được lòng trắc ẩn.Thế nhưng chỉ sau vài tháng mặc quần ka-ki, đầu đội chiếc mũ dẹt, họ không còn hoảng sợ ai cả. Nếu không bị ai ngược đãi, họ sẽ là những người *lính* [19]chuyên nghiệp, và sẽ không còn khinh ghét đời lính của họ nữa.

Cũng như ở mọi xứ khác,công chức là nghành được mọi người ở An Nam cố đạt cho được. NgườI ta nói không phải nghề này làm cho người ta được nể vì mà là vì nó mang lại nhiều lợi lộc vật chất. Dù thế nào đi nữa, xã thôn An Nam vẫn là một khuôn mẫu dưới bất cứ khía

---

[18]*nhaque*, người Pháp xưa đọc nghe như *nhắc-cơ*.
[19] tiếng Việt trong nguyên bản.

cạnh nào. Là một nước cộng hòa bé nhỏ, đẹp mọi mặt, nó gần giống kiểu mẫu lý tưởng của biết bao triết gia.

Một tập hợp gồm nhiều xã-thường là mười xã- sẽ thành một *tổng.* Đứng đầu là ông chánh tổng và những viên phó tổng, do các đại diện các xã bầu lên và được Nhà nước Pháp và quan đầu tỉnh Nam triều sắc phong. Sau thời gian tập sự là sáu năm, viên chánh tổng sẽ được ban chức 'chánh tổng, tòng cửu phẩm'. Ông là giới chức làm trung gian giữa chính quyền trung ương và các làng xã. Nhiều tổng sẽ làm thành một *Huyện* và hai hay ba huyện sẽ thành một *Phủ* có Quan Huyện và Quan Phủ đứng đầu. Quan Huyện vừa là nhà cai trị vừa là quan tòa sơ cấp.Đây là người công bộc hành xử nhiều chức năng bởi lẽ việc hộ việc hình đều do ông đảm đương. Phủ gánh thêm việc của các huyện hoặc chỉ một huyện nếu các huyện này không có quan nhiệm chức.Chức năng chuyển tiếp này có thể bị phế bỏ. Phán quyết của Quan Phủ cũng như của Quan Huyện chỉ mang hiệu lực chấp hành một khi chúng được chính quyền cấp tỉnh chuẩn y mà thôi. Người làm Quan Huyện và Quan phủ được tuyển chọn trong hàng quan lại cao cấp hay trong giới sĩ phu. *Tỉnh* là đơn vị phân chia lãnh thổ cao nhất của An Nam. Đứng đầu Tỉnh là *Quan Tổng Đốc* hay gọi tắt là *Quan Bố*, trông coi ngành hành chánh, có *Quan Án* phụ tá, trông coi ngành tư pháp và một *Lãnh binh* mang cấp bậc tướng lãnh. Từ khi Pháp đặt nền cai trị, Quan lãnh binh không còn thực quyền nữa. Thực tế, những người thân binh trong vai tuồng những cảnh sát địa phương đều do các ''*thanh tra*'' Tây trông coi; trong khi đó, các

trung đoàn lính tập đều do các sĩ quan quân đội thuộc địa chỉ huy.

Xin nhắc lại là ở mỗi tỉnh, nhà cầm quyền Pháp do một *quan Sứ* đứng đầu. Tại tỉnh lỵ ta còn thấy có viên chưởng ấn, viên tham sự và viên thu thuế. Các viên chức Tây khác còn phải kể đến ông đốc-tờ, ông xếp Nhà Giây Thép, các sĩ quan chỉ huy lính tập hay lính dõng, thanh tra Nhà Đoan, viên kỹ sư làm ở Sở Lục lộ v.v..

Ở các huyện và phũ lỵ, có các nhiệm sở của các viên chức trông coi việc giáo dục tại các trường học. Làng nào cũng có trường học. Người An Nam rất ham học. Hơn nữa ai cũng biết mọi giai tầng trong xã hội đều có thể đảm đương mọi chức vụ trong chính quyền nếu họ đỗ đạt sau một cuộc thi tuyển.

Nước An Nam không có một biểu hiện quốc gia. Tự thân làng xã có rất nhiều quyền hành, đề cử các chức chánh tổng nhưng các viên chánh tổng lại được chính quyền tỉnh trả lương và do chính quyền trung ương thăng cấp. Các quan triều làm trung gian giữa Vua và dân giã.Không có giới quí tộc cha truyền con nối. Các danh hiệu quí tộc, như chúng ta đã biết, thỉnh thoảng được phong tặng do các hành động xuất sắc hay do huân công nhưng chúng không có tính cách kế thừa. Vì sau mổi một thế hệ, danh hiệu giảm đi một bậc, chúng chỉ ban cho ân huệ trong một khoản thời gian ngắn ngủi mà thôi.

Vua vừa là người đứng đầu về mặt tôn giáo, vừa là quan tòa và còn tổng chỉ huy về mặt nhà nước và quân

đội . Ngài được quyền đứng ra tế cáo Trời Đất.Thưa trình với Vua người ta phải quì xuống và không ai được phép nhìn thấy mặt ngài. Ngày trước, Vua xuất giá trong các ngày lễ lạc và một tổ những quân cấm vệ luôn luôn đi trước để bắt dân chúng phải lui vào trong nhà, đóng kín cửa nẻo lại hết. Không cần phải nói là nhiều năm nay người ta không còn giữ phép này nữa. Khó mà thích nghi chúng với chế độ hiện hành vì An nam là một xứ bảo hộ của Pháp.

Đấng quân vương mang danh hiệu là *hoàng đế* . Thường thì người ta gọi ngài là *Vua*. Vả lại đây là cấp chức ngài xưng với Trung Hoa vì An Nam là một nước chư hầu. Chung quanh ngài có ‘‘tứ trụ của triều đình’’(bốn cột trụ của vương quốc), nghĩa là bốn quan đại thần và lục bộ điều hành các bộ Hộ, bộ Lại, bộ Binh, bộ Công, bộ Hình, bộ Lễ. Viện Cơ Mật là Hội Đồng Bộ trưởng của xứ An Nam.

CHƯƠNG XII

Tháp Chăm ở Nha Trang

Lịch sử Chăm và các cuộc chinh phục.-Đạo giáo, phong tục và tập quán.-Kiến trúc Chăm.-Tháp Pô- Nagar ở Nha Trang.-Huyền thoại về nữ thần Pô Nagar.-Các kho tàng do Ông Parmentier phát hiện.-Những kho châu báu ủy thác cho người *Mọi.*

Trong nhiều sắc dân cư ngụ trên bán đảo Đông Dương không có giống nào so sánh được với người Chăm. Họ đã lưu lại nhiều công trình kiến trúc lớn khiến cho mọi ngườI đánh giá rất cao nền văn minh của họ.Sau một thời gian làm chủ đất An Nam, họ biến đi trước bước tiến của người An Nam mà bây giờ chỉ còn lại một số người tiêu biểu quần tụ thành những làng mạc ở Châu Đốc và Phan Rang.

Marco Polo lần đầu tiên nói về một vương quốc rất xưa có tên là 'Cyampa' mà ông có tới năm 1280. Có thể người Chăm thuộc chủng Mã Lai Á; nền văn minh của họ được vay mượn từ Ấn độ. Mặc dù không phải là người bản địa họ cư ngụ vùng này từ nhiều thế kỷ, đã từng đụng độ với người Trung Hoa vào thế kỷ thứ II trước Công nguyên. Biên niên sử Trung Hoa, kể từ đó, chẳng những đã miêu tả họ là dân tộc rất văn minh và còn bảo họ là nước giàu có và phồn thịnh nữa. Vương quốc Chăm trải dài từ Sài Gòn ra phía Bắc đến tận Bắc kỳ và bao

trùm cả một phần của đất Xiêm La hiện nay nữa. Trong các cuộc xung đột giữa người An Nam, xưa gọi là ‘‘Giao Chỉ’’ và người Trung Hoa, có khi họ ngả theo bên này, có khi họ ngả về phía bên kia. Nhưng sau rốt họ đã giúp người An Nam thoát khỏi gông cùm của người Trung Hoa. Chưa có sai phạm chính trị nào trầm trọng bằng hành động này vì ngay sau đó, người An Nam đã quay ra đánh lại họ. Kể từ đó, mối hiềm khích đã kéo dài suốt mấy thế kỷ và kết cục, một trong hai nước đó đã biến mất.

Dưới triều đại của vị hoàng đế vĩ đại An Nam Thánh Tông một cuộc chinh phạt kinh khủng kẻ thù truyền kiếp này đã xẩy ra. Một đạo quân gồm hai mươi sáu vạn đã vào tận kinh đô người Chăm, nay thuộc tỉnh Bình Định. Kinh đô thất thủ và chịu cảnh tàn phá. Bốn chục ngàn quân xếp giáp qui hàng và vua Chăm bị bắt làm tù binh (1492).

Cuối thế kỷ XVII, các nhà truyền giáo tiên khởi Pháp đặt chân lên các bến An Nam vẫn còn thấy những người Chăm sinh sống trong vùng Khánh Hòa (Nha Trang). Thế nhưng những tàn tích của một dân tộc vĩ đại này không thể nào tự tái tạo hay tránh khỏi cảnh suy tàn. Ngày nay, chỉ còn một số rất ít gia đình cho nên sự suy vọng gần như là hoàn toàn.



Đền thờ bà Pô-Nagah

Tháp phía bên phải



Tháp phía bên trái

Một vài mẫu người đàn bà Chăm trông khá xinh. Họ có dáng người thon thả, khuôn mặt nhìn nghiêng mang nét tinh thuần khiến người ta nghĩ đến diện mạo người phụ nữ Ấn Độ. Họ bịt một chiếc khăn rộng quanh mái tóc, chéo khăn phủ hai bên đầu. Họ mặc y phục giống như *cái áo*[20] người An Nam nhưng thay vì rộng thùng thình thì đàng này nó bó sát thân người. Có vẻ như họ thích mặc áo màu ve chai hơn các màu khác. Một đôi lúc chúng tôi có thấy những mẫu người Chàm sống giữa các buôn làng người *mọi* nghèo nàn nằm trong các vùng xa biển. Cho dù đã qua bao nhiêu thế hệ lai giống, nét nguyên thủy lắm lúc còn rất rõ ràng ví dụ như khi chúng ta lấy làm kinh ngạc khi thấy một thiếu nữ vóc dáng thon gầy, diện mạo thanh tú giữa chốn núi rừng này.

Người Chăm theo đạo Bà la môn hoặc đạo Ich lam. Họ thờ thần Brahma, thần Vischnou và thần Siva mang những tên gọi khác với người Ấn. Họ mê tín rất nhiều thứ. Hiện tại, họ còn cử hành các nghi thức lễ lạc đặc biệt, mượn ở tôn giáo này, tôn giáo kia nhưng họ không thể giải thích kinh *Cô -răng* cũng như họ không hiểu tường tận các nghi thức của đạo Bà la môn .

Chúng ta còn thấy những công trình đẹp đẽ và các ngôi tháp Chăm ở ngoài Bắc và suốt dãi đất An Nam. Nói chung, các ngọn đồi nằm giữa những cảnh quan ngoạn mục hay được chọn để xây các ngôi tháp. Ngôi tháp thờ nữ thần Pô - Nagar ở Nha Trang, nhìn xuống một toàn cảnh kỳ vĩ nhất của cả tỉnh. Các ngôi tháp trong vùng

[20] tiếng Việt trong nguyên bản.

lòng chảo Mỹ Sơn (Quảng Hàn ?) còn nguyên vẹn và tạo thành một quần thể uy nghi nhưng các ngôi tháp ở Nha Trang trông đẹp mắt và có nét nghệ thuật hơn.Chúng tôi thường hay đến đây lắm. Các ngôi tháp tọa lạc trên ngọn đồi cao chừng ba mươi mét, ngay cửa sông và không cách biển bao xa. Tháp sừng sững như chế ngự cả vịnh Nha Trang, các làng Cù lao, làng Nha Trang, cũng như vùng thung lũng với vô số các sông lạch lớn nhỏ quanh co uốn lượn. Cũng từ trên điểm đứng này, chúng ta có thể còn nhìn thấy hai mảng hồ trong các truông xa, nguyên là miệng núi lửa cây cỏ mọc um tùm và xa xa là các sườn núi xanh xanh. Vào buổi hoàng hôn, toàn thể cảnh vật độc đáo này như khoác lên mình chiếc áo choàng tráng lệ. Trên những bậc cấp bước lên tháp, nơi mà bao nhiêu thế kỷ qua hàng đoàn người đã tới thờ phượng và cầu kinh, tôi như thấy lại những những cảnh rước kiệu huy hoàng và những lễ nghi lộng lẫy nay không còn nữa.

Những ngôi tháp đầu tiên có thể đã được xây dựng vào thế kỷ thứ III sau Công nguyên. Năm 774, ngôi tháp bị những tên cướp biển da đen ‘‘*vóc người bé nhỏ từ phương xa kéo đến*’’ tàn phá và thiêu hủy. Vua Chăm Satiavarman rượt đuổi và đánh chìm thuyền bè của chúng rồi xây lại ngôi tháp vào năm 784, theo bài văn bi vị vua để lại. Một đoạn văn bi khác cũng ghi: ‘‘Vua Indravarman dựng một pho tượng bằng vàng hình nữ thần Bhagavati’’sau này người Cao Miên đã lấy mất và dưới triều đại vua Jaya Indrovarman vua đã cho tạc một pho tượng bằng đá thay thế vào năm 965. Rất có thể pho tượng hiện nay là tượng này. Vị Vua cuối cùng có khắc

tên trên các văn bi là Vua Rudravarman. Năm 1064, Đức Vua đã cúng tặng nhiều vật báu cho ngôi tháp.

Theo phong tục Chăm, ngôi tháp nhìn về hướng Đông. Tháp gồm hai ngọn tháp lớn bằng gạch, cửa xây bằng đá chi chít chữ khắc và những công trình kém quan trọng hơn quây quần với nhau. Ngọn tháp chính nằm phía tay trái dành riêng để thờ Thần nữ Uma. Đây là ngôi tháp quan trọng một cách đặc biệt: tháp có chiều dài hai mươi mét tính từ Đông sang Tây kể cả cửa lớn dẫn vào nội thất; chiều rộng tính từ Bắc xuống Nam là mười bốn mét, đỉnh tháp cao mười tám mét. Phía trên cửa lớn có một phiến dá chạm trỗ công phu một vị thần đang trong tư thế múa có hai nhạc công thổI sáo đứng hai bên. Bên trong tháp chúng ta thấy một pho tượng rất đẹp của thần nữ Pô -Nagar , vị thần nữ Bhagavati Ấn xưa kia. Pho tượng lớn hơn người thật có mười cánh tay, ngồi theo *kiểu người Ấn độ*[21] trên bệ thờ bằng đá; ngực để trần, đôi nhủ hoa căng phồng một cách thái quá chứng tỏ đã từng cho con bú. Mười cánh tay đều có mang vòng khuyên, năm cánh tay bên dưới dặt úp lên hai đầu gối; các bàn tay bên trái mở rộng, lòng bàn tay quay ra phía trước. Các cánh tay bên phải có bàn tay nắm lại. Các cánh tay giữa và trên cầm những binh khí khác nhau như quả chùy, thanh gươm, cái pla-tô, lưỡi thương và quả cầu.Đầu thần nữ đội vương miện, mình khoác *sarông.* Cũng trong ngôi tháp này còn có một pho tượng khác hình một phụ nữ đang ngồi, vóc dáng nhỏ hơn, chạm khắc không đẹp bằng tượng thần nữ Pô-Nagar và có vẻ

[21] Kiết già của đạo Phật.

như cùng một thời đại với thần nữ này.Theo như dòng chữ chạm khắc, tượng này được gọi là ‘’tiểu thần nữ.Khuôn mặt sau lưng của tượng mang một giòng chạm khắc tiếng Chăm.

Ngôi tháp bên phải dài chỉ mười mét tính từ Bắc xuống Nam và mười ba mét từ Đông sang Tây. Vị thần được thờ ở đây là *linga*[22] đeo một chuỗi vòng chạm khắc hình ngọc trai, đặt trên bệ đá màu nâu nhạt. Đây là ngôi tháp được giữ gìn tốt hơn hết và hình dáng cân đối hài hòa. Mặt ngoài tháp có rất nhiều tượng bán thân phụ nữ làm trang trí, đầu tóc vấn thành ba vòng chồng lên nhau như cái vương miện .Các mẫu tượng này là chi tiết của một lỗ trũng dài bằng đá gắn chặc vào khe ngói thô của vách tháp. Các công trình khác nằm kế cận gồm một số điện thờ, hoặc là sinh thực khí *linga* hoặc là các pho tượng nhỏ. Có thể trước đây chung quanh có một tường thành xây bằng gạch bao bọc thế nhưng nay chỉ còn lại vài vết tích thôi.Lòng tháp rất hẹp. Trong ngôi tháp chính, chỉ vừa đủ chỗ cho năm, sáu người đứng. Một mình nhà sư và các bồi tế là được vào bên trong còn các người đi xin lễ đều phải ở bên ngoài. Một tấm màn mờ ảo huyền bí bao phủ lên mọi người bởi vì ánh sáng chỉ chiếu vào từ khung cửa độc nhất của ngôi tháp. Những người thủ -từ An Nam đốt mấy ngọn đuốc cho chúng tôi quan sát. Nhưng chúng tôi không tài nào nhìn rõ được mấy hình chạm cũng như các dòng khắc ghi trên đá vì lẽ thứ nhất người dẫn đường không biết ý chúng tôi và thứ đến ngọn đuốc không soi sáng được mấy. Người thủ -từ

[22] sinh thực khí của đàn ông, cái của đàn bà gọi là *Yoni*.

là những ông sãi ăn lương của người An Nam vì thần nữ Pô-Nagar trở thành *Bà- Chúa-Ngọc* của người địa phương. Dân chúng thờ kính bà rất mực. Xuân thu nhị kỳ, vào tháng Hai và tháng Tám Âm lịch, đều có lễ ca múa và nhạc bát âm để vía ngài. Những người thủy thủ và những ngườI dân biển đến đây, dâng cúng các đôi hài, nhung y, đèn cầy, lồng đèn bằng vàng mã . Thế là điện thờ đã thoát được cảnh tiêu vong.

Người An Nam có một huyền thoại khá ly kỳ về vị thần nữ này. Xin tóm lược như thế này. Bà ấy mồ côi, sinh ra từ một khóm dưa hấu do một cụ già gieo trồng. Vì bị mất trộm nhiều lần nên lão nông dân canh chừng ngày đêm để chờ bắt kẻ trộm dưa. Ông đã bắt được thủ phạm, đó là vị thần nữ còn trẻ. Thay vì nổi giận ông thấy cô gái mỹ miều cho nên liền nhận làm con nuôi và xem như con đẻ của mình. Qua nhiều năm tháng không một ai đến hỏi cô gái làm vợ . Một ngày đẹp trời kia, từ phương Bắc, có một vị hoàng tử đến nhà và mới thoạt nhìn đã yêu cô gái ngay. Vị hoàng tử làm lễ cưới và mang cô gái về xứ. Sau khi hạ sinh được hai con, ngườI đàn bà bỏ chồng con, quay trở lại Nha Trang. Bà nhờ một ngườI thợ nề xây cho mình một ngôi đền thờ. Nhà vua biết chỗ ở của vợ mình liền cử một vị sứ giả đi bắt về và ra lệnh nếu bà ta không chịu thì phải cắt thủ cấp đem về giao nộp. Biết rõ chuyện này, thần nữ đã tự cắt thủ cấp mình trao cho vị sứ giả để người mang món hàng quí giá xuống thuyền về xứ. Nhưng một cơn phong ba đã dấy lên từ chiếc thủ cấp làm thuyền chìm sâu xuống đáy biển, mang theo cả vị sứ giả và đoàn tùy tùng. Kể từ đó, thần nữ được dân chúng cúng thờ.

Năm 1900, *Me-xừ* Parmentier, đứng đầu Phòng khảo cổ Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp, đã đến Nha Trang nhằm bảo tồn đền thờ và tiếp tục công cuộc nghiên cứu về nghệ thuật và lịch sử Chăm. Người dân địa phương không lấy chi làm thích thú trước sự xáo trộn khu thánh địa này nhưng họ tỏ ra biết phải trái sau đó. Người ta khéo léo cử các vị sãi thủ -từ làm nhân viên đốc công chính để trông coi các lao công. Các thứ đồ cúng cũng như các đồ vàng mã của người An Nam đều được để sang một nơi và được thờ kính đàng hoàng.

Một hôm chúng tôi đến thăm ông bà Parmentier. Chúng tôi được may mắn đến đúng lúc người ta vừa mới khám phá được một kho báu ngay dưới bàn thờ trong các ngôi tháp, ở độ sâu chừng ba mét. Trước khi bắt đầu khai quật, người ta phải tiến hành một số công việc nhiêu khê và tẻ nhạt là gia cố ngôi tháp. *Me-xừ* Parmentier luôn luôn có mặt tại hiện trường. Ông theo dõi từng nhát cuốc, lúc lúc lại gõ tay vào vách tháp. Tuy nhiên kho tàng nói ở đây chỉ gồm một số hiện vật kích thước nhỏ, chẳng có mấy chút giá trị nội tại nào. Hiện vật đầu tiên là một chiếc nhẫn nhận hột đá xanh lục, mấy cái chấu trông hơi thô và thiếu nét thanh tao. Cả chiếc nhẫn và hột đá có dấu hiệu chứng tỏ một ngườI thợ kim hoàn cận đại làm ra. Ngoài ra còn tìm thấy một viên đá quí trông giống ngọc *opan* chưa được mài dũa. Nếu như viên đá này chỉ đơn thuần là một thứ thủy tinh thì đây sẽ là một phát hiện mới vì lẽ từ trước đến giờ, không ai nghĩ người Chàm biết làm ra thủy tinh. Chúng tôi còn được thấy một mẫu bình trà bằng kim loại đã lên rỉ xanh. Quai bình tuy đã sứt ra nhưng trông cũng khá đẹp. Rồi đến một chiếc lọ

bằng bạc gò có nắp đậy. Chúng tôi cũng có dịp ngắm nghía môt cái bát ăn cơm, cái hộp đựng trầu cau và cái mà *Me-xừ* Parmentier quí hơn hết là mấy hột lúa. Chúng xem chừng như vẫn còn sống. Những hột lúa này làm người ta thấy cái nghĩa lý cũng như nét riêng biệt của mâm cúng này. Chúng cho phép nói lên ý nguyện cầu xin của người đã chôn chúng trong số các hiện vật, cách đây hơn cả ngàn năm.

Nhiều vật báu khác như võ khí, mũ mão của hoàng gia, các lọ bằng vàng hay bạc, các trang sức cúng tế và các nữ trang không hề thấy chôn trong các ngôi tháp thờ này. Các vua Chăm đã trao gởi hết cho người *mọi* [23] trong các cuộc chiến tranh xa xưa hay trong những cuộc bức hại của người An Nam, khiến cho họ phải chạy trốn vào rừng. Người *mọi* đã thành kính giữ gìn các báu vật này . Đa số được cất giữ nơi những vùng xa xôi không ai lui tới được. Các nơi cất dấu này sẽ giúp cho cho việc tạo dựng lại lịch sử người Chàm thuận lơi hơn nhiều. Đã có một vài phát hiện và người ta đang ghi chép từng thứ một. Báu vật quan trọng nhất được phát hiện tại các tỉnh Phan Rang, Phan Thiết. Chúng đã được Cha Durand và *Me-xừ* Parmentier nghiên cứu một cách đặc biệt.

---

[23] Cũng như người Trung Hoa xưa thường dùng tiếng *Man*(man di) để chỉ những giống người không phải là người Tàu, Mọi là tiếng ngày xưa dùng để gọi những sắc dân sống trên núi/gần núi. Nay không ai dùng tiếng này nữa vì tính cách xúc phạm của nó.

CHƯƠNG XIII

Đi Về Phía Các Rặng Núi Trong Đất Liền

Cuộc du hành từ Nha Trang tới Đá Bàn.

Chuẩn bị thực hiện chuyến du hành xa hơn 200 ki lô mét.-Nỗi nhọc nhằn ngồi xe ba bánh.-Thảm họa của mấy tay lái buôn.-Đụng đọ với voi.-Đi ngang qua một thôn làng chưa từng thấy xe hơi.-Tu bổ đường xá quá kém.-Tới đích Ba Ngòi thật vinh quang.-Thị xã Phan Rang.-Tai nạn.-Quay lại thị xã Phan Rang.-Thay đổi phương tiện vận chuyển.-Đi xe hơi với *Me-x ừ* Lecadet.-Cây câu lớn ở Ba lạt.-Không có nhà trạm.-Cảnh sắc mới.-Ngựa chồn chân, không chịu đi nữa.-Cơn mưa thác lũ.-Cuối cùng cũng tới Đá Bàn!

Sau một năm ở An Nam, chồng tôi nghĩ thay đổi khí hậu sẽ tốt cho sức khỏe của tôi. Dĩ nhiên ông chọn cao nguyên Lâm Viên. Chồng tôi biết rất rõ vùng này: trước đây chồng tôi được cử lên đó nghiên cứu tình hinh thời tiết , có thích hợp cho sức khỏe con ngườI không . Ông đã kết luận đây sẽ là nơi nghỉ dưỡng tuyệt hảo cho Nam Kỳ và Nam An Nam. Nhưng làm sao từ Nha Trang đi lên đó được? Một khi lên đến trên đó rồi, tôi có thể trông nhờ lòng hiếu khách của *Me-xừ* d'André, Giám đốc Trạm Trồng Cây Thực nghiệm . Ông vốn là bạn thân của chồng tôi .Chắc chắc vợ và con gái của ông sẽ rất vui mừng cho tôi tá túc.

Chúng tôi phải đi xe hơi ba bánh hay xe kéo tớI chân núi cách đây hơn 200 kí lô mét.Sau đó chúng ngồi ngựa hay ngôi kiệu cho tớI đỉnh núi.Đây chẳng phải là chuyện d ễ dàng đâu nhé vì chồng tôi không thể đi vớI tôi đến tận cùng. Tôi rất cần hít thở khí hậu mát mẻ càng sớm càng tốt cho nên tôi lật đật chuẩn bị.Đêm trước ngày lên đường, chồng tôi nhất định lái xe ba bánh đưa tôi đi đến chừng nào máy xe còn khả năng chạy nổI mớI thôi.Đó là lòng tự ái hay liều lĩnh của anh chàng tài xế mớI biết cầm tay lái. Tuy thế chúng tôi vẫn cứ giữ nguyên chuyện thuê mướn ngựa đã đặt trước tại các trạm nằm dọc theo lộ trình.Có thể rồi ra việc đó sẽ không là chuyện vô ích đâu.

Trời vừa rạng sáng chúng tôi đã lên đường, cố tránh cảnh kẹt đường. Khoảng mười lăm ki lô mét đầu tiên, chúng tôi không gặp ai cả. Nhưng khi mặt trời vừa ló dạng, các chị phụ nữ bắt đầu xuất hiện. Họ đang đi ra chợ, vai gánh hai rổ thực phẩm. Thường họ đi thành từng nhóm, kẻ trước người sau. Thấy chúng tôi đi tới, họ dừng lại tránh chỗ cho chúng tôi chạy qua. Nhưng có một đoàn người bé con con khoảng một chục mụ, mải mê nói chuyện không nghe thấy tiếng còi xe . Chúng tôi chạy trờ tớimà họ cũng không hay biết. Gần đụng vào ngườI thì kìa, một mụ nhảy tọt xuống ruộng. Một người khác không biết ất giáp gì cũng nhảy theo. Và nhảy cho đến người cuối cùng. Sau đó họ ngồi dậy, mình mẩy chẳng hè hấn gì nhưng miệng họ thì ôi thôi, họ chửi rủa không



Đám đông tò mò bu lại xem xe hơi ba bánh.



Chưa bao giờ người ta gặp người *Mọi* không mang gùi trên lưng.

thiếu món gì. Không thấy ai bị thương chúng tôi thấy an toàn nhất là chạy đi luôn. Thật ra, hàng họ trong cơn hoảng loạn như thế tất phải vung vải thôi. Nhưng chị nào cũng tham muốn có nhiều đồ ăn hơn lúc trước mình có nên họ tranh cãi vớI nhau, quên bẳng mối hận đối với chúng tôi chớ bằng không thì họ đã nhận ra chúng tôi trong đám bụi mù trời và cơn hoảng hốt họ cảm thấy trong lòng rồi. Cũng trên con đường chạy qua Thành này, chốc nữa đây sẽ xảy ra một màn đứng tim khác. Bất thần sau một khúc quanh, con voi của Quan Bố bước trờ ra. Mấy tên nài voi, đang dẫn con vật ra sông tắm, cố sức ghìm nó lại nhưng ngay lúc nguy kịch nhất, khi chúng tôi nghĩ mình sẽ bị nghiền nát, con vật tự động bỏ chạy vô đám ruộng trồng thuốc lá.

Sau một hồi bị xe dằn dữ dội trên con đường đày ổ gà ở Suối Giao, xe chúng tôi chạy tới những khúc đường hẹp, chẳng tốt lành gì cho các vỏ bánh xe. Dân chúng ở đây chưa bao giờ biết xe hơi. Họ không thích nhìn cảnh tượng hiếm có chúng tôi đang bày ra nên họ bỏ đi hết. Các phu xe kéo vứt xe chạy lấy người, không một lờI báo trước cho khách , khiến xe lao xuống ruộng. Tôi trông thấy một ông thương gia người Tàu ngồi đậy, mình lấm bùn bê bết. Ông này lúc thì nhìn chúng tôi một cách dị kỳ lúc thì nhìn anh kéo xe, không biết phải cám ơn anh ta đã cứu mạng hay phải đánh anh ta một trận vì đã làm bẩn cái quần dài của mình! Đi xa hơn một chút nữa, chúng tôi bị bắt buộc phải dừng xe lại, nhường đường cho một vị quan triều đang cỡi ngựa đi tới. Hành động của chúng tôi thật vô ích vì chú ngựa liền quay đầu lại phía đuôi, phóng chạy như tên bắn làm chúng tôi nghĩ

thầm không biết ai là người hoảng nhất, kỵ mã hay con ngựa?

Đã tới lúc lấy thêm nước uống và để cho máy xe nguộibớt. Cho nên vừa trông thấy Hòa Tân, chúng tôi liền dừng xe lại. Lũ trẻ con, sau vài phút ngập ngừng, bắt đầu xuất hiện. Kế đó là mấy chị đàn bà, rồi cả làng ra xem luôn. Chúng tôi không có cách nào làm đám đông giản ra để múc nước và đổ xăng cho được. Có vài người nằm bẹp xuống đất để coi gầm xe, xem tại sao cái máy này có thể chạy được.

Không lâu sau, đường lộ thật kinh khiếp. Xe chúng tôi lún sâu xuống đất cát rất mịn, ngập cả trục bánh. Vợ chồng chúng tôi ra sức đẩy xe nhưng chỉ sau vài lần thử sức, chúng tôi đành phải gọi người địa phương tới phụ đẩy giúp. Có người không cần nhờ cũng chạy tới. Trong khi đó, có người thì rất rề rà cần phải lùa lại thì họ mới chịu. Cầu cống thì thật tệ hại, đa số làm bằng cành cây bện lại vớI nhau, trống hốc lỗ nào lỗ nấy con ngựa chui qua cũng lọt. Chúng tôi còn giúp người đánh xe không may có con ngựa bị sụp cả bốn vó xuống sàn cầu. Sau khi cởi bỏ dây nhợ cho con ngựa, chúng tôi đã rút từng cái vó một và dùng hàng trăm mưu thuật mới đem nó ra khỏi chỗ đó được. Dù thế chúng tôi cũng tới chỉ còn cách Ba Ngòi hai ki lô mét. Lúc này mới xẩy ra *ăng-pan*[24]nặng. Kiểm soát lại điện đóm, *bu-di* thay mới, tháo banh *các bua-ra-tơ* ra xem, chỉnh lại mấy cái *xú-páp* nhưng máy vẫn không nổ lại được. Chúng tôi ngừng

[24] *En panne*, máy hỏng, xe không nổ máy được.

ngay giữa vùng đất bằng, muối trắng xóa, và dĩ nhiên là không có một bóng cây nào. Thất vọng vì xe hơi ba bánh chắc sẽ nằm ì một chỗ, tôi bước vài bước tới chỗ bóng râm ‘giả tưởng’ của một thân cây ốm tong ốm teo ngồi, lấy khăn thấm mồ hôi. Mình sẽ ra sao đây? Trời nóng hừng hực. Đi bộ về Ba Ngòi, tôi nghĩ , cũng khó như sẽ có một xe nào đi ngang chịu chở mình đi vậy. Chợt nhớ mình có bỏ một vài món ăn trong thùng xe, mấy chai nước suối và *sô cô la ,* tôi cố ngồi dậy lần cuối cùng và đi đến bên xe. Chồng tôi vẫn còn trên xe!

Lúc này không thể ‘‘thuyết giảng’’ gì được. Tôi im lặng mở thùng xe ra. Thì than ôi! nước suối nóng như nước xôi còn mấy thỏi sô cô la thì chày nhão ra dính cả hết lên mớ đồ nghề mang theo! Quả là phát súng ân huệ. Làm cách nào chúng tôi có khả năng đợi chờ lâu hơn khi không có cái gì để ăn và nhất là không có nước uống? Cuối cùng thì chúng tôi thấy có ba người An Nam đi tới. Họ xúm đẩy xe một lúc rồi trong khi chồng tôi lo quay máy thêm một lần nữa thì họ vọt mất. May mắn thay lần này máy bất thần nổ chạy, một cách thật cực khổ và hết sức ồn ào. Cứ như thế chúng tôi đi đến nơiỒ dừng lại trước một khách sạn nho nhỏ để ngủ lại đêm nay. Không ngườI nào dám tin là sáng hôm nay chúng tôi đã khởI hành từ Nha Trang và không có tài xế đi theo. Một đám đông thật đông bu quanh xe ba bánh của chúng tôi. Mấy ông Tây cũng như dân địa phương đều thích thú đến xem chiếc xe bé nhỏ đã can trường lập nên một kỷ lục như thế.

Tôi định bụng nếu có đi ngày mai tôi sẽ dùng một phương tiện nào đó an toàn và nếu không có thì có chậm hơn một chút cũng được thì chồng tôi bảo mai sẽ đi tiếp vì xe đã chữa máy xong. Người ta bảo đường xá giờ trở đi sẽ tốt hơn. Sáng hôm sau, chúng tôi nổ máy chạy. Đoạn đường dài 120 ki lô mét bây giờ chỉ còn 45 ki lô mét nữa là đến nơi.

Sau một số những trắc trở như những gì đã trải qua trước đây, xe chạy đến một khúc đường mòn rất tốt dẫn vào thị xã Phan Rang. Chúng tôi chạy như ma đuổi trên 25 ki lô mét cuối cùng. Bao nhiêu cực nhọc đều quên hết!

Khi chúng tôi đến Phan Rang, lúc đó khổng 9 giờ sáng, chắc chắn chúng tôi có thể tiếp tục chạy tới Đá Bàn. Chỉ còn 50 ki lô mét nữa mà dường đi thì xe chạy cũng khá dễ dàng: chúng tôi sẽ đến nơi trước nửa đêm. Chồng tôi đánh giây thép cho Bs Yersin xin cho gia hạn giấy phép thêm hai mươi bốn tiếng đồng hồ nữa. Đến giữa trưa, chúng tôi nhận được phúc đáp bảo đừng làm gián đoạn cuộc chạy đua đang trên đà thắng lợi. Chúng tôi liền lên đường ngay.

Ra khỏi Phan Rang chừng mười ki lô mét, chúng tôi gặp phải một đoàn bốn cỗ xe bò. Nghe tiếng chúng tôi kêu to, họ giạt qua một bên đường. Vì bên cạnh là một đống đá sạn nên chỗ xe qua rất hẹp. Chồng tôi liền giảm tốc độ như lúc chạy thường. Mấy chiếc xe bò có vẻ như vâng lệnh người đánh xe. Nhưng, bất ngờ con bò ở chiếc xe đi đầu trở nên hoảng hốt, chạy cắt ngang qua cản lối.

Ngay lúc đó, theo linh tính tôi đưa tay ra trước mặt có ý chống đỡ cú chạm không thể nào tránh được đây thì xe chúng tôi phóc một cái đã phóng lên ngọn đống đá và nằm chết máy luôn. Chồng tôi không muốn để tôi va đầu vào cỗ xe bò (tôi đang ngồi phía trước, thấp hơn người lái xe) ông này ngồi như cỡi ngựa trên chiếc bánh có động cơ) chỉ còn hai cách thao tác để lựa chọn: hoặc là lái qua trái và rơi xuống sông hoặc là cứ đâm thẳng và dùng đống đá làm tấm đệm chắn. Ông đã chọn cách thứ hai và chiếc xe ba bánh khốn khổ của chúng tôi coi như đi đứt! Tôi buộc phải lên xe đò chật chội trở lại Phan Rang. Cám ơn bề trên là tôi đã kiếm được một chỗ ngồi giữa hai bà già mồm lúc nào cũng nhai trầu. Đến khách sạn tôi liền phái một phu xe kéo đi rước chồng tôi nhưng cũng phải đến khá khuya chồng tôi mớI về đến trên chiếc xe buồn thảm này. Còn chiếc xe ba bánh thì xe bò chở về. Thật là khác xa lúc sáng nay khi chúng tôi tới đích một cách thật vinh quang!

Chuyến du hành của tôi lẽ ra đã bị gián đoạn nêú như không có sự tiếp tay can thiệp của ông Sứ ở Phan Rang. Ông khuyên tôi đi cùng xe với *Me-x*ừ Lecadet. Sáng mai ông này sẽ đi Đá Bàn và Lâm Viên. Ông lịch sự đồng ý với cách kết hợp này. Không một bạn đồng hành nào hơn được ông này.

Thế là sáng hôm sau, chồng tôi đưa chúng tôi lên đường đi Đá Bàn, còn ông, ông đi về hướng ngược lại, tức hướng Nha Trang, nơi bệnh nhân và phòng thí nghiệm của ông đang chờ ông trở lại. Tới *trạm* đầu tiên, cách nơi xuất phát khoảng mười lăm ki lô mét, chúng tôi

phải thay ngựa. Người xà - ích tháo ngựa cũ ra khỏi càng xe và thay ngựa mới vào. Trông con này cũng kiệt sức như con vừa mới thay. Không còn cách nào khác chúng tôi đành phải chịu và tiếp tục cuộc hành trình. Đi xa hơn chút nữa, chúng tôi gặp hai con ngựa nhỏ thó có thể là của trạm kế tiếp. Làm sao chúng lại có mặt ở chỗ này? Có thề người ta phái chúng tới quá trễ hay là mấy người xà - ích dừng lại để gầy sòng? Chỉ còn một cách là cột chúng vào sau xe rồi đi thôi.

Con lộ chạy dọc theo sông Son Cau. Lúc lúc chúng tôi thấy những khoảng trống tuyệt đẹp nhìn xuống lòng sông đầy đá tảng và lác đác những cù lao nhỏ cây cỏ mọc xanh um. Đến Ba Lạt, chúng băng qua cây cầu sắt người ta đã đặt những đoạn ray cho tuyến xe lửa tương lai. Đoạn ray này dài có hơn vài trăm mét rồi. Nhìn xuống thung lũng phía dướI cảnh quang thật ngoạn mục. Chúng tôi gặp một vài người dân sở tại trong đó có mấy người Chàm mà làng mạc của họ chắc nằm gần đâu đây thôi. Mới thoạt nhìn ta có thể phân biệt họ với ngườI An Nam ngay. Vóc người họ cao hơn và nét mặt họ trông giống người Ấn Độ. Thuòng thườn họ mặc y phục màu xanh lá, may theo kiểu riêng của họ. Họ bịt một cái khăn hai mối bỏ thòng xuống hai bên tai.

Ruộng đồng trồng bắp và thuốc lá không phải là hiếm thấy. Từ Ba Lạt trở lên, phong cảnh bắt đầu đổi khác. Không còn thấy đất canh tác, không còn thấy dòng người sở tại di chuyển theo hàng một, cũng không còn thấy làng mạc mà chỉ toàn rừng là rừng với những cây cối khẳng khiu và những tảng đá hoa cương to lớn nằm

rải rác đó đây trông giống bày voi đang nằm nghỉ. Chúng tôi ước ao được tận mắt nhìn thấy voi thật để khỏi phải thấy cảnh đơn điệu buồn chán ! Ba Lạt nằm quảng giữa Phan Rang và Đá Bàn.

Hy vọng chúng tôi sẽ đến đây sớm để kiếm chỗ nghỉ qua đêm ở Dran. Nhưng vì tốc độ di chuyện của chúng tôi quả là chậm cho nên chắc chắn chúng tôi sẽ phải dừng chân ở Đá Bàn. Ở đó liệu có chỗ nghỉ không nhỉ? Tôi nhớ chồng tôi có lần nói về chỗ này, ông đã nghỉ lại nhà một viên chức Sở Công Chánh. Liệu ông này vẫn còn ở đó không và có cho chúng tôi nghỉ chân khi chúng tôi đến chăng?

Chúng tôi cho tháo con ngựa sau cùng ra khỏi xe. Con này không còn sức dù chỉ để bước thêm một bước nữa. Trong khi con vật nghỉ ngơi, phía chúng tôi ăn trưa và lấy lại sức. Dưới lòng suối gần như khô cạn, chúng tôi tìm được một chỗ râm mát xem cũng khá thích hợp cho việc trên. Trong khi tôi đốt cái bếp đèn bằng *an-côn* để nấu trà và *Bovril, Me-x ừ* Lecadet xẻ con gà ướp lạnh và khui hộp cá mòi. No bụng, chúng tôi mặc sức ngắm cảnh tuyệt vời đang dàn trải trước mặt chúng tôi. Cây cối ở đây khác xa với những gì chúng tôi đã thấy. Những cây *giao*[25] thân mọc thẳng, chỉa lên trời, chiếm chỗ của những cây sồi èo uột, những bụi cây yếu ớt chúng tôi thấy từ hồi nào đến giờ. Các thứ dây leo, hoa lan rừng bám vào các cành cây khổng lồ như một lưới bùi nhùi.

[25] cây Dầu, một giống cây thân cao, thẳng, gỗ dùng làm vật liệu xây dựng và làm hàng mộc.

Trước là nai, sau đó là gà rừng và các con công lần lượt xuất hiện. Nơi chúng tôi đang ngồi, mặt cát có vết chân voi rất mới.

Mưa bắt đầu rơi làm chúng tôi quay trở lại thực tại.

Chúng tôi còn phải đi một quảng đường khá xa với con ngựa gần như kiệt sức này. Chúng tôi bỏ anh xà ích lại để cho xe nhẹ hơn. Hơn thế nữa, chúng tôi lúc nào cũng phải đi bộ hay đẩy xe tới. Mưa rơi nặng hột làm chúng tôi ướt mình hết. Dù khổ sở như vậy nhưng chúng tôi lúc nào cũng vui vẻ.Tôi nhận ra cây cầu Xóm Gòn hình cánh cung mà chồng tôi đã cho xem ảnh.Tôi mới báo cho biết là gian khổ sắp chấm dứt. Thực thế, chừng không tới nửa giờ sau, chúng tôi đã thấy mái nhà xuất hiện trên các ngọn cây.Chúng tôi tới Đá Bàn.

Giờ chúng tôi đang đứng trên một mặt phẳng, cây cối đốn trụi đến sát mặt đất, không một bụi cỏ. Một phía của sân là các nhà tranh của người An Nam; phía kia là ngôi nhà sàn gỗ kiểu vùng cao Âu châu. Một người An Nam chạy tới báo cho biết nhà sàn là nơi ông Tây ở. Chúng tôi lần theo con đường mòn rất trơn để lên đó. Lúc đầu không ai trả lời tiếng kêu và tiếng đập cửa. Có lẽ mưa lớn quá cho nên không ai nghe được. Một lúc sau *Me-x ừ* Landon ra mở cửa. Ông tiếp đón chúng tôi rất thân tình. Ông cho chúng tôi một gian nhà rất rộng ở tầng dưới. Có ba gian, anh thông ngôn An Nam chiếm gian giữa. *Me-x ừ* Landon mời chúng tôi dùng cơm tối với ông.



Quan Bố bảo tôi mặc bộ đồ đại triều và đội mão cánh chuồn của ông.



Cảnh cao nguyên Lâm Viên: đoạn Đà lạt đi Đăng kia.

Trong lúc này anh Sáu, người giúp việc trung thành của tôi, xuất hiện.Mấy ngày trước, chúng tôi đã phái anh ngồi chuyến xe bò mang tất cả hành lý lên đây trước. Nay thì anh đã xong xuôi đâu đó. Hai thùng đầu lửa đựng đầy nước nóng đang chờ tôi. Tôi tắm *douche*[26] trong một góc phòng.

Không sợ nước ngập vì sán sàn có nhiều khe hở. Sau đó, khoẻ khoắn, chúng tôi ra hàng hiên ngồi dùng nước trà. Mình mẩy khô ráo, có chỗ tránh mưa, giờ này chúng tôi mặc kệ cho mưa cứ rơi và chúng tôi cười đùa với những gian lao đã qua.

Trong khi ăn tối, cũng như mọi khi, người ta kể chuyện cọp. *Me-xừ* Landon nói ở Đá Bàn, cọp không những xuất hiện ban đêm mà còn cả ban ngày ban mặt nữa. Ông gặp chúng trong rừng. Tuần lễ trước, cọp vồ một người. Số là đứa em của người *bếp* *Me-xừ* Landon, một đêm kia nằm ngủ giữa mấy người An Nam khác trong một căn nhà tranh. Con cọp đi qua cửa lớn bỏ ngõ, đến chụp vai thằng bé, lôi nó ra ngoài. Nạn nhân la ỏm tỏi khiến mọi người thức dậy chạy đuổi theo con vật.Cọp ta sợ quá, thả mồi ra.Chắc các bạn biết nạn nhân đã ra sao rồi. Đêm nào cọp cũng trở lại.*Me-xừ* Landon dám nói chắc là thế nào cúng tôi cũng sẽ nghe được tiếng rống ghê rợn của nó trong đêm khuya.

Trước khi đi ngủ người ta báo mấy người *bồi* ra đi cùng một lúc với chúng tôi ở Phan Rang, cũng đã tới.

[26] vòi sen.

Thế là không còn phải vướng bận điều gì nếu ngày mai chúng tôi lại lên đường. Tôi nhanh chóng chìm vào giấc mộng: khi thì tôi thấy cọp khi thì tôi thấy con ngựa bị buộc vào xe nhưng không chịu bước đi.

CHƯƠNG XIV

Đi Về Phía Các rặng Núi trong Đất Liền

(Tiếp theo)

Chuyến đi từ Đá Bàn tới Đăng Kia.

Người *Mọ*i.-Hình dáng bề ngoài, gồng và gánh.-Truyền thuyết về người *mọi* có đuôi.-CưỡI ngựa leo dốc.-Giống khỉ và *Hylobates Gabriella*e.-Rừng thông.-Nỗi vất vả của một phụ nữ kỵ mã với con ngựa và rắn.-Toàn cảnh cao nguyên Lâm viên.-Lòng hiếu khách của ông bà Ganivey.-Kể chuyện ông cọp.-Người đàn bà *mọi*.- Đến Trạm Thực nghiệm thực vật ở Đăng Kia.

Sáng hôm sau thức giấc, tôi không biết mình hiện đang ở đâu. Tôi mới định thần và thận trọng lê ra khỏi giường bố. Đã tám giờ sáng! Trong khi đó đáng ra chúng tôi phải khởi hành lúc sáu giờ! Tôi vội vàng mặc quần áo trong áng sáng từ khe cửa lá sách rọi vào (trong phòng lớn này không có cửa sổ nào hết) và chạy nhanh ra hàng hiên tìm *Me-xừ* Lecadet. Ông đang ngồi lặng lẽ viết thơ cho vợ. Có vẻ như ông muốn ở lại đây luôn. Thực ra vì chuyện thiếu phối hợp mà đáng lẽ các người phu khuân vác của ông phải có mặt tại đây từ chiều hôm trước, thì nay họ vẫn chưa tới, ngựa để thay lại cũng chưa có. Kẹt lắm tôi vẫn có thể giúp ông một số người phu nhưng con ngựa vẫn là chuyện cần kíp.

Đang khi nghĩ tìm phương kế như vậy chúng tôi thấy, giữa các hàng cây, một đoàn đám rước đang đi về hướng chúng tôi. Liền đó sáu, bảy người *mọi* và một người An Nam tay dắt một con ngựa. Thế là chúng tôi thoát nạn! Đây không phải lần đầu tôi thấy người *mọi* nhưng nhóm người tóc xoắn tít, thân đóng khố không làm cho tôi yên tâm lắm. Tôi nhớ chữ ''*mọi*'' có nghĩa là *dã man* trong tiếng Việt. Vì thấy chúng tôi ngồi ngựa, họ tranh nhau khiêng vác hành lý lớn nhỏ của chúng tôi. Cái thì họ dùng dây mây dài cột treo vào các thân tre. Dĩ nhiên những người khỏe nhất lại xí phần nhẹ nhất. Nhưng vì chúng tôi đã chú ý đến chuyện này nên đâu cũng vào đó cả. Người ta nói cho chúng tôi biết người *mọi* chỉ vác khỏang ba mươi kỳ lô, nếu nặng hơn họ sẽ vất bỏ dọc đường. Hai người *mọi* kê vai gánh đòn tre. Đoàn người ngựa lên đường. Những người khuân vác của chúng tôi là những thanh niên lực lưỡng, lanh lợi, thật khác xa với những người An Nam nhỏ thó. Đáng ra họ phải chinh phục người An Nam chớ sao lại để người An Nam chinh phục họ.Nhưng chúng ta phải thấy cái nhìn khinh miệt mấy người *bồi* dành cho những người ''dã man'' này. Mối quan hệ giữa hai sắc tộc này không phải là vấn đề khó hiểu.



Chúng tôi đứng giữa những người *Mọi* ở Đăng-Kia

Người *mọi* da hơi sậm hơn người An Nam. Cũng có người có làn da màu đồng đỏ. Trong mái tóc đen quấn thành búi tó luôn luôn có chỗ cho một tẩu thẳng đuột và một túi nhỏ đựng thuốc. Ai lịch sự hơn thì có giắt một chiếc lược bằng gỗ hay bằng sừng. Khi hết thuốc họ lấy cỏ bên đường hút thay. Mặt mày người *mọi* trông cởi mở hơn người An Nam. Suốt dọc đường, họ cười nói thoải mái. Trang phục của họ gồm các vòng kiềng bằng đồng mang ở cổ tay và chân, và một mảnh vải nhỏ che thân rất ư là đơn sơ. Họ thường giắt một con dao ngay ở cái gọi là thắt lưng. Có hai người mặc áo chẽn kiểu người An Nam. Bên trên vác đồ nặng chúng tôi thấy có một mảnh chiếu nhỏ phòng khi mưa xuống, họ chỉ việc kéo nó phủ qua đầu. Lúc đó nửa phần trên của người *mọi* biến mất dưới manh chiếu này. Cái cảnh những mái nhà tranh di động có đôi chân trần trụi thò ra trông như một bức tranh hết sức khôi hài! Họ còn bắt hai người bạn đồng hành mang đồ ăn thức uống theo sau đoàn *công-voa*[27] . Mấy bao gạo nhỏ, mấy cái nồi gọ, cá khô chất đầy cái *gùi* lớn. Không bao giờ ta gặp một người *mọi* mà lại lưng không mang *gùi*. Tay họ phải rảnh rang trong khi di hành như thế này để còn sử dụng cái lao, và cung với tên nữa chớ. Có lúc dường như của cải tài sản đều nằm trên lưng, thúng này đè thúng kia làm thành một cái giàn trò hẳn hoi vượt cao khỏi đầu người họ. Cho nên phải cột thật chắc vì đang đi đường, người mang không có cách gì chống giữ nó được. Như đã qui định lúc khởi hành đêm nghỉ tại đâu thì đúng đêm sẽ tới chỗ đó. Để nghỉ mệt hay để bớt nặng, người mang gùi chỉ có cách là kê một thanh

[27] *Convoi*, người, xe đi thành đoàn dài như trong đám rước.

gỗ nhỏ phía bên dưới. Sau đó họ tiếp tục lên đường, kéo lê thanh gỗ phía sau lưng. Dường như ngày xưa mấy nhà thám hiểm trông thấy trong vùng này có những giống người có đuôi. Có thể nào họ trông nhầm cái gậy thành cái đuôi chăng?

Sau khi ra khỏi Đá Bàn chừng hai hay ba ki lô mét, đường đi trở thành dốc đứng, ngựa không bắt kịp được người đi bộ. Thế nhưng chẳng có chi phải vội vàng vì chúng tôi sẽ nghỉ chân tại Cần Răng. Chúng tôi mặc tình ngắm cảnh hùng vĩ và cây cỏ xanh tươi. Thình lình *Me-xừ* Landon đi ngựa đến. Hôm nay là ngày Chủ Nhật (tôi tin chắc thế): ông sẽ đi ăn sáng với chúng tôi khi tới Cần Răng. Đến cao độ chừng năm trăm mét chúng tôi thấy thông mọc rải rác đó đây chen lẫn giữa các giống cây miền nhiệt đới. Chúng tôi thấy không khí có vẻ mát mẻ và nhẹ nhàng hơn dưới đồng bằng. Nước trong veo đổ xuống thành thác nhỏ trong các lòng thác lớn. Chung quanh là các loại dây leo mọc chằng chịt và các chùm lá khổng lồ đu đưa. Chúng tôi bắt gặp một bầy khỉ nhưng chỉ nghe tiếng chúng gọi nhau chứ không thấy chúng đâu cả vì cây lá rậm rạp. Người bồi xin tôi cho anh ta đuổi theo bắn chúng. Một lúc sau anh ta mang về hai con khỉ nhỏ. Chúng là giống khỉ có hình dạng như con người duy nhất còn sống ở An Nam. Một con lông đen dầy có râu mép màu trắng. Con kia cũng đen nhưng râu vàng ngà. Giống này chưa được người ta biết tới. Người ta bèn lấy tên tôi đặt cho chúng: *Hylobates Gabriellae* . Anh bồi nói trong bầy khỉ anh thấy chúng đi bằng hai chân sau như con người. Khi chúng hấp hối, anh bồi nói tiếp, trông cũng thê thảm lắm. Sáng hôm sau, nó còn bắn được một

con khác có đuôi dài, lớn xác, lông xám như ngọc trai rất đẹp, mình chỗ này đen, chỗ kia trắng.

Rừng thông xuất hiện khi chúng tôi còn cách Cần Răng chừng vài ki lô mét. Loại cỏ ngắn chiếm chỗ của loại cỏ thân dài. Sau các thân cây hình dáng cổ quái, cảnh quan mở ra thật rộng. Có lúc, thung lũng xuất hiện giữa hai vách đứng của núi rừng cây lá xanh um cũng như con dường nhỏ như dãi lụa chúng tôi đã đi qua ngày hôm qua. Đang mải mê ngắm cảnh, tôi bỏ thỏng dây cương trên cổ bờm ngựa. Thốt nhiên tôi thấy ngựa bước lùi có vẻ hãi sợ cái gì đó. Một con rắn đang bò trên đường, cổ ngẵng cao có ý tấn công chúng tôi. Tôi còn hốt hoảng hơn con ngựa, chỉ chực muốn nhày xuống đất tẩu thoát. Nhưng tôi lại tuột xuống dưới chân ngựa, đè lên con rắn khiến nó chạy mất. Một người phu cõng hàng thấy nó còn nằm trong bụi cỏ gần đó. Tôi liền lấy súng bắn cho một phát chết tươi.Người ta trải nó nằm dài trên mặt đất: Đó là một con trăn rất đẹp, dài ba mét.

Con lộ băng ngang sông Đa nhim, một phụ lưu của sông Đồng Nai, rồi hạ thấp dần xuống vùng đất thấp của thung lũng cho đến chân đèo Cần Răng. Nơi đó có hai người Âu nhân viên sở Lục Lộ đang ở. Dường như Chủ Nhật là ngày họ dành để tiếp tân. Những người da trắng sống biệt lập trong các vùng núi xa xa thường đến đây để cùng ăn sáng với họ. Chúng tôi sẳn sàng nhận lời mời tham gia. Một buổi chuyện trò thật hy hữu! Chính trị, chính em không ai thèm đá động đến mà chỉ toàn là những câu chuyện về săn bắn trâu rừng, cheo nai, chuyện mở thêm đường rừng, tuyển mộ cu-li rồi đến

chuyện cọp quấy phá. Cách sống của họ thật khác xa với cảnh sinh hoạt bên trời Âu! Họ đã móc nào là bánh mì nướng trong lò bánh ở nhà, mấy miếng thịt rừng, vài con gà rừng vào yên ngựa để mang đến đây. Hơn nữa thịt rừng toàn vùng cũng có trong thực đơn nữa. Ngay sau bữa ăn sáng, mỗi người đi mỗi ngã vì đường về thì xa và vất vã và phải tới nhà trước khi trời tối.

Sáng hôm sau tôi thức giấc khi mặt trời ló dạng. Khi tôi bước ra thì *Me-xừ* Lecadet đã sẳn sàng yên cương. Phải đi chừng sáu mươi ki lô mét nữa mới tới Đăng Kia cho nên chúng tôi không thể chậm trễ được. Lúc đầu, chúng tôi leo các dốc dựng đứng, tiếp đó con đường nhỏ chạy bằng bằng theo đường đỉnh, rồi nó chui vào các khu rừng thông. Thình lình thung lũng sông Đà Nhim xuất hiện như một cảnh quan huy hoàng ngay dưới chân chúng tôi. Lúc chúng tôi rời Cần Răng sương mù dày dặc. Giờ đây sương đã tan, nhường chỗ lại cho tia náng mặt trời soi chiếu. Những bức màn bí mật nối tiếp nhau buông xuống, những khúc sông chạy giữa những dồng cỏ xanh tươi, những sườn núi hài hoà, óng ánh như dát bạc. Con đường mở rộng ra trông giống như các lối đi trong công viên lớn. Thông càng lúc càng đẹp hơn. Chúng mọc lưa thưa trên vùng đất lồi lõm toàn một loại cỏ xanh và ngắn. Thỉnh thoảng các chỗ không có cây cối mở ra cho thấy những rặng núi và những thung lũng sâu thẳm khác nữa.

Sau cùng, vào chính ngọ, cao nguyên Lâm Viên hiện ra trước mặt. Quả là một cảnh quan đúng y nghĩa của từ này. Chưa bao giờ tôi thấy một cảnh trí giống như thế.

Trên một không gian mênh mông, những nếp đồi thấp trơ trụi nhưng xanh một cách lạ lùng nối tiếp nhau. Chúng giống nhau về hình dạng cũng như về cao độ, trông như mặt đại dương nhấp nhô những ngọn sóng khổng lồ. Xa xa các ngọn núi Lâm Viên sừng sững như những cù lao dốc đứng nằm giữa vùng biển cây cối xanh um. Đăng Kia nằm ở chân núi phía đằng xa đó. Nỗi vất vã nay tan biến đi đâu hết. Cao nguyên tĩnh lặng xem như phút chốc có thể vượt qua được rất dễ dàng! Thế là các vực sâu, dốc cao, những cây cầu lắc lẻo, những khỏang rừng dày dặc nay không còn nữa. Trên đồi cao chúng tôi nhìn thấy các khóm thông mọc trong các lũng sâu. Các mái ngói các ngôi nhà *chalet* sáng chói ở đàng xa. Chốc nữa đây chúng tôi sẽ tới đó.

Một nhóm người *mọi* đứng trước nhà *chalet* mải mê ăn không để ý chúng tôi đang đến gần. Họ bốc từ trong cái giỏ mây đan nho nhỏ mấy nắm cơm, vo tròn trong tay và nuốt cả nắm vào mồm. Mấy con khỉ cũng không thể nào háu ăn hơn họ. Không chờ cho nhai xong miệng cơm, họ đã bốc lấy nắm khác rồi. Họ lấy mấy ngón tay nhét nhét: hai má phồng ra thật lớn. Không để phí phạm và để vét sạch giỏ, họ mở tang hoắc mồm ra và trút nó vào. Cảnh này làm ta nhớ tới những con ngựa kéo xe mang túi đựng cỏ ngay dưới mõm. Ngược lại, người An Nam không bao giờ lấy tay bốc thức ăn. Khi không có sẳn đũa gắp, họ tìm bất cứ thứ gì thuộc loại gỗ để bẻ làm vật thay thế.

Chúng tôi tới nhà *Me-xừ* Canivey, Ủy viên Chính phủ tại Đà Lạt. Ông mời chúng tôi vô nhà. Bà vợ tiếp lời

chồng mời nên chúng tôi liền ở lại ăn sáng với họ.Dịp này chúng tôi được nghe kể câu chuyện gặp cọp đầy kinh hoàng. Hai vợ chồng đang đi bắn chim cút và trĩ trong khu kế cận thì thình lình họ thấy cọp xuất hiện.phản ứng tự nhiên, *Me-xừ* Canivey đưa súng lên bắn. Con vật rống lên một cái và nhảy phóc vào bụi rậm. Không nghe lời cản ngăn của vợ, ông chạy đuổi theo. Vì ông dùng đạn chì loại nhỏ nên ông thừa biết con vật bị chỉ thương nhẹ thôi. Một người *lính* cầm khẩu súng trận chạy theo còn người lính kia ở lại với *Bà-đầm* Canivey. Họ vừa chạy khuất vô bụi rậm thì *bà đầm* nghe vang vang:''Tao giữ nó rồi, mày bắn nó đi!'' Rồi bà trông thấy con cọp, hai chân trước đè lên vai người chồng, miệng nó ngậm chặt khẩu súng. Người lính đưa súng ngắm sát con cọp và bóp cò. Người đi săn và con thú ngã ào xuống đất. *Me-xừ* Canivey ngồi dậy, mình mất khá nhiều máu vì bị nhiều vết thương. Phải hàng mấy tháng trường ông ấy mới chữa lành. Kể từ đó trở đi cứ mỗi lần nghe cọp gầm ban đêm, *Bà-đầm* Canivey không khỏi thấy rùng mình.

Vì biết rất rõ về người *mọi Me-xừ* Canivey kể chuyện rất hay. Ông là người Âu đầu tiên đến chinh phục các bộ tộc *mọi* cư ngụ quanh cao nguyên và bắt họ phải nộp thuế cho nhà nước. Có một hôm đang đi thám du, ông bị trúng nhiều phát tên khi bị tấn công trong một làng *mọi*. May là tên không có tẩm thuốc độc.

Trước giờ lên đường, thấy tôi cỡi ngựa, *Bà-đầm* Canivey bèn cho tôi mượn cái cáng riêng của bà để tiếp tục đi nốt đoạn đường. Ngoài trời gió lạnh đã nổi lên. Quấn mình trong chăn ấm tôi cứ như thế băng ngang

qua cao nguyên. Cáng có bốn người phu mà một người lại là đàn bà. Trông người phụ nữ này cũng khỏe như các phu đàn ông kia. Hơn nữa, người phụ nữ *mọi* quen làm chuyện nặng nhọc hơn cả. Thường thường họ quán xuyến hết công việc còn người chồng thì chỉ có việc ngồi hút thuốc ngoài nắng. Tay chân người phụ nữ phu cáng này gân guốc nẩy nở.Tóc chị ta đen và được búi thành búi nhỏ xác xơ. Mồm chị liên tục nhai một cọng gì đó dài và dẽo dính lòng thòng ở búi tóc. Chị dùng cọng này khi thì để xỉa răng khi thì để chêm thuốc vô ống điếu. Một mảnh vải bọc quanh người xuống đến đầu gối, đó là y phục độc nhất của người phụ nữ *mọi* trên cao nguyên này. Vẻn vẹn chỉ là một mảnh vải thô dệt ở đâu đây thôi, sắc xanh, có những vạch li ti màu đỏ, màu trắng. Cổ trang điểm bằng các chuổi cườm bằng ve chai, chuỗi này xếp bên chuỗi kia đến tận thắt lưng. Họ còn mang còng tay, còng chân bằng đồng nữa. Chúng đã tạo ra vết thương từ mắt cá tới bắp thịt chân cho nên đi lại thấy khó khăn lắm.

Tôi để ý thất trong giọng nói, người *mọi* thường bỏ dấu và khi đọc chữ ‘’r’’ họ vo tròn nó lại như người Âu. Thật là khác xa với tiếng nói như ca hát của người An Nam! Lại nữa, chúng ta học một vài chữ trong bộ ngữ mọi rất nhanh chóng, dù là bộ ngữ này không phong phú gì cho lắm. Tiếng An Nam thì trái lại. Nếu không nghiên cứu thì không biết đâu mà mò. Người *mọi* cười đùa rất chân tình; họ nô đùa với nhau như những đứa trẻ con. Khi leo dốc, thỉnh thoảng họ ngưng lại một tí, miệng huýt sáo nho nhỏ. Họ muốn nói là họ mệt rồi đấy. Họ

không làm như người Âu chúng ta, cứ hễ mệt là mở mồm ra để thở đâu.

Con người duy nhất chúng tôi gặp trên cao nguyên này là một người *mọi* chăn một bầy heo nhỏ thó chắc là đi ra chợ người An Nam dưới đồng bằng để đổi lấy vài nhúm muối. Cũng dĩ nhiên là anh ta không có gì phải vội vàng vì anh ta đang nằm dài trên mặt đất, mắt lim dim theo dõi mấy con vật đen thủi đen đen thui đang nô giỡn. Anh chàng như một người lạc lỏng giữa hốc núi cô quạnh này.

Hồi nãy có lẽ anh chàng đã nhúm một đống lửa nay chỉ còn dấu vết một khoảnh vuông cỏ cháy xém. Có lẽ cầm sào đuổi bầy heo đã làm anh ta mệt chăng (người An Nam tỏ ra thạo việc hơn; họ bỏ chúng vào hai cái thúng gánh đi như gánh mấy gói hàng thông thường) hay anh chàng muốn mấy cái chân nhỏ bé kia nghỉ mệt chốc lác ? Nếu có ngủ đêm ngoài trời chắc anh chàng phải nhóm lửa lại và bầy heo thì phải nhốt trong vòng vì chung quanh đây chắc phải có cọp.

Lúc bốn giờ chiều, trạm thực nghiệm Đăng-Kia xuất hiện khi chúng tôi đến một khúc quanh. Chẳng còn phải hồ nghi gì nữa vì đồng ruộng vuông vắn và hững luống cầy không thể nào do người *mọi* làm ra được . Nóc lợp bằng tranh của hai nhà chalet vượt lên khỏi đám lá xanh, rồi đến các nhà chứa hột giống, các chuồng ngựa. *Me-xừ* Lecadet chắc là đã tới rồi vì ông đi bỏ tôi khá xa trên đoạn đường mấy ki lô mét sau cùng. Chúng thôi thở phào nhẹ nhỏm khi nghĩ cuộc hành trình đã chấm dứt.

Tôi thực tình thông cảm với người bạn đường khi anh ta sẽ phải ra đi lại trong vài ngày nữa.

Nghỉ ngơi đâu đó chúng tôi thuật lại cuộc hành trình cho chủ nhà nghe. Chúng tôi vẫn còn chuyện vãn thì bóng tối đã trải dài trên các sườn núi xanh.Trong buổi ăn, nhà cửa đóng kín mít, lửa lò sưởi cháy phừng phừng trong một góc nhà, vài khóm hồng chưng trên bàn, tôi có cảm giác mình đang ngồi ở một nơi nào đó, xa rất xa xứ An Nam này. Đêm hôm ấy, tôi phải ôm một bầu tròn nước nóng và đắp bốn cái mền mới ngủ được. Dứt khoát là chồng tôi nói rất chí lý: một tháng ở Lâm Viên phải bằng một tháng ở Pháp vậy.

CHƯƠNG XV

Xứ *Mọi*

Đăng Kia.-Một Làng *mọi*.-Trẻ Con Đập Lúa.-Bên trong một nhà 'man dã': Tối và Khói.-Trang thiết bị trong nhà.-Đàn Ông và Đàn bà chung quanh đống lửa.- Vấn đề vệ sinh ở xứ *Mọi*.-Đám tang.- Lễ giết trâu.- Niệm kinh của Thầy Cúng.- Lễ an táng.-BữaTiệc sau an táng.- Công Lý người *mọi*.- Phù thủy và chuyện thử nước, chuyện chì nóng chảy, vân ..vân..

Ơ Đăng Kia chúng tôi xem như ở giữa xứ *Mọi*. trong vòng 160 ki lô mét, không có một làng An Nam nào. Như vậy chúng tha hồ tìm hiểu tập quán, phong tục của người hoang dã này. Ba ấp gần Trạm thực nghiệm đã khá quen mặt với mấy người Âu sống ở đó. Ngay đến mấy con chó chúng cũng không sũa khi những người này đi tới gần hàng rào Ấp. Các gian nhà người *mọi* quay quần sau vòng rào bảo vệ chắc chắn vừa để cọp sợ không dám vô cũng như để dễ dàng nhốt bầy dê và mấy con heo. Ngày xưa hàng rào còn là vật ngăn chống kẻ thù từ bên ngoài luôn luôn chờ cơ hội để tấn công vô ấp. Trước khi người Pháp tới đây người *mọi* đã khuất phục toàn thể các bộ tộc trong vùng và các vùng phía Bắc, phía Tây, các trận nồi da xáo thịt vẫn là trò chơi ưa thích của người hoang dã, vừa là cơ hội phổ biến để kiếm thêm lương thực, võ khí và đàn bà.

Đăng Kia là làng *mọi* thứ nhất tôi đặt chân đến. Làng nằm dưới chân núi Lâm Viên. Cũng như nơi khác, làng không nằm trong vùng hẻo lành hay bên bờ vực hay bờ thác. Vượt qua những rẫy trồng bắp, lúa, chúng tôi bất ngờ thấy trước mặt một đám trẻ con đang đập lúa. Chúng cầm những cái chày lớn giã lúa trong những cái cối làm bằng thân cây như những người da đen Phi châu. Người An Nam cũng dùng những cái cối bằng gỗ hay bằng đá nhưng thông thường họ đập lúa bằng cối quay và sau đó phụ nữ sẽ lấy hết trọng lượng của mình đè lên một đầu của cái búa nặng cho nó ngóc lên rồi thả nó rơi xuống. Bọn trẻ nhỏ khác thì sàng những hạt lúa nhảy lên nhảy xuống trong những cái sàng rất lớn. Những đứa bé này rất nhỏ, khoảng mười ba, mười bốn tuổi gì đó, nhưng chúng làm rất đàng hoàng; chúng còn phải để mắt trông chừng mấy đứa em cha mẹ giao cho đang nô đùa kế bên. Mấy đứa con trai mình để trần, bọn con gái thì mang một miếng vải nhỏ che hạ bộ. Tôi sửa soạn máy để chụp mấy kiểu hình nhưng bọn trẻ con thấy tôi đưa máy lên bấm, chúng đưa tay lên che mặt, đứa này ngả xô đè lên đứa kia. Những ngôi nhà người *mọi* mái lợp tranh dài chấm đất, cất cái này gần cái kia không theo một trật tự nào hết nên hàng rào làng có khi phải bẻ góc rắc rối mới bao bọc hết. Chúng tôi bước qua rào và đi thăm khắp nơi. Đất đen và bùn lầy. Heo, dê, trâu bò để lại dấu chân làm cho bước vào nhà rất khó. Ít thấy ai ra ngoài. Chỗ này, một người đàn bà ngồi dưới đất trần, hai chân ruỗi dài, một dứa con nhỏ cõng trên lưng, hai đứa khác ngồi hai bên. Chỗ kia, một anh thanh niên thân hình tuyệt đẹp, mình choàng một tấm chăn màu đỏ.



Một người mẹ *mọi* với gánh nặng gia đình



Trẻ con *mọi* đang đập lúa.

Người ta có thể bảo anh chàng là một nghị sĩ La mã cổ hay một hiệp sĩ Tây Ban Nha ở thành phố *Múc-xi* hay *Ca-Ta- lô-nha*. Chúng tôi bảo anh ta dẫn chúng tôi đến nhà ông *xếp* làng, tức ông *phó lý*

Anh đáp ông ấy không có ở nhà. Chưa chi tôi đã chụp lia lịa vô số hình cảnh cần chụp ngoài sân. Giờ tôi muốn thấy bên trong. Nhưng tôi nghĩ cần phải có ông *phó lý* đi cùng mới xong. Thế nhưng tôi cũng liếc vô một chút. Lúc đầu tôi nghĩ nhà nào cũng trống trơn. Lắng tai nghe ngóng, chúng tôi nghe thấy tiếng xì xào từ ngôi nhà lớn nhất vang ra. Tôi mới nhè nhẹ chui qua cái cửa thấp trông giống như một lỗ khoét trong mái tranh. *Bà-đầm* André chui theo. Chó sũa hung tợn và chạy tới chạy lui quanh chân chúng tôi chực cắn nhưng , trước khi răng chúng xuyên qua lớp *ghệt*[28] thì có ai đó ném mấy khúc gỗ làm chúng bỏ chạy, mất hút trong bóng tối. Ánh sáng xuyên qua cửa mờ nhạt nên tôi không nhìn thấy ai cả. Tôi bước tới vài bước nữa, chân vấp phải những vật lớn nhỏ nằm vương vải trên sàn nhà. Dần dần mắt quen dần với bóng tối: giờ thì tôi thấy ở đầu kia của gian nhà lửa nhỏ đang cháy bập bùng. Nhiều bóng mờ có vẻ đang quây quần bên bếp lửa. Một bóng người đong đưa cái nồi rất to trên bếp than hồng. Lúc lúc lửa phủ lên hình người một thứ ánh sáng thật kỳ ảo. Mọi người lặng thinh không nói tiếng nào. Tôi nghĩ chắc mình đã vào trong động phù thủy nên tôi vừa tiến tới vừa không khỏi run sợ. Tôi té xuống mấy cây tre, rồi mấy cái thúng. Đầu tôi đụng vô *rui* nhà và sau cùng, sau một cuộc dạo chơi

[28] *Guêtre*, miếng vải hay da bao một phần ống chân khi ta đi giày.

mò mẫm trong bóng tối tưởng như không bao giờ chấm dứt, tôi bỗng thấy mình đến giữa vòng vây mấy mụ phù thủy và ngồi xuống với họ. Họ lại tiếp tục trò chuyện và quay sang nói với tôi. Không hiểu họ đang nói gì quả là thiệt thòi lớn!

Từ từ tôi mới ý thức rõ ràng nơi tôi đang ngồi. Có cả phụ nữ và nam giới nữa. Đa số phụ nữ bồng con. Nam giới thì hút thuốc. Sau khi phì phà vài hơi họ chuyển ống điếu sang người ngồi kế bên. Vòng kiềng phụ nữ mang trên mình lấp lánh và phản chiếu dưới ánh sáng nhấp nháy của hỏa lò. Đó là những vòng kiềng lớn bằng đồng hay kẽm họ mang ở cổ tay và chân. Còn có thứ mang trên ngực và lòng thòng trên cổ. Nhưng không phải mang ở cổ hết đâu. Tôi kinh hoàng khi thấy một số khá nhiều những vòng kiềng này lòng thòng như những thứ hoa tai dị hợm, trong những trái tai chảy dài ra. Tôi có nghe nói nhiều về tục này nhưng tôi nghĩ mấy người phụ nữ các bộ tộc thích trò này không tiến tới chỗ quá quắc như thế. Trái tai bị kéo chảy dài hết mức. Có thể nó chảy dài đụng tới vai, có khi thòng đến luôn ngang ngực.Ta tự hỏi chắc họ phải mất nhiều ngày tháng và bao nhiêu kiên nhẫn mới đạt tới kết quả như vậy. Còn thêm điều này nữa là trái tai vốn đã mỏng mà lại phải mang một trọng lượng khá là nặng nề! Nhưng phụ nữ *mọi* cẩn thận không làm cho tai đứt. Họ thường thay khuyên đồng bằng vòng khuyên bằng gỗ. Khi cần chạy, họ lấy tay bụm hai tai lại. Tuy vậy, cảnh tai đứt xẩy ra rất thường. Nếu rơi vào một cô gái thì đó là điều bất hạnh cho cô vì cô sẽ khó kiếm được một tấm chồng. Bao nhiêu khổ công phải chịu đựng từ lúc tấm bé giờ trở thành vô ích.

Ông phù thủy, thầy cúng





Những trái tai nong ra thật dài, có thể chạm tới ngang vai hay chảy đụng tới ngực



Những bà lão, trái lại, thoải mái bày ra hai trái tai dài như dây da. Chúng đã rách và chuyện này càng làm cho người ta không dám tới gần.

Trong vài bộ tộc, đàn ông cũng căng tai, nhưng họ căng vừa phải thôi. Lỗ tai rộng có thể nhét nút chai điển điển qua lọt. Đây là cách trang sức rất thịnh hành. Trên cao nguyên này, người *mọi* còn cà răng thành răng nhọn. Cách làm chẳng có chi là hấp dẫn cho lắm. Tôi từng chứng kiến cảnh một thiếu niên bị người ta cà răng ở Đăng Kia. Người làm công việc cà răng kẹp chặt cái đầu của người khổ chủ giữa hai đầu gối, tay cầm viên đá mài chà mạnh vào men răng. Cử động cuả người giải phẫu có vẻ hơi thô bạo: từ miệng thằng bé, nước miếng thấm máu ứa ra. Làm đi làm lại như vậy trong suốt một tuần lễ, thế mới biết thằng bé phải đau đớn như thế nào. Không một người nào được miễn trừ. Muốn lấy vợ, người ta phải chứng tỏ mình đã trưởng thành qua hàm răng bén nhọn như răng chó sói mới đặng.

Chúng tôi bước vô nhà khoảng mươi phút thì có một người đàn ông đưa tay lấy một cành củi khô ném vào đống lửa. Lửa bùng cao ngọn. Thấy nét mặt cực kỳ tỉnh táo của những người man dã chung quanh chúng tôi bớt sợ hỏa hoạn sẽ xảy ra. Bếp lửa làm bằng đất sét có những cục đá xây chung quanh. Không thấy có ống khói cho khói thoát ra. Như vậy khói hoà vào trong bóng tối của gian nhà. Tất cả trở nên mù mù không phân biệt được cái nào ra cái nào. Vả lại, trật tự ngăn nắp vốn không phải là đức tính sẵn có của người *mọi*. Những cài thúng, những cái gùi, đủ cỡ, đủ loại, có cái phủ đầy *mù hóng,* nằm xếp

lớp. Chỗ này là một đống cây mía, bắp trái, lúa giống. Chỗ kia là dụng cụ làm rẫy, võ khí, rìu, các ngọn thương, tên, *ná*, dao găm, khiên gỗ bọc da. Kế đó là các cái gồng bằng đồng thau , những chiếc trống lớn và những chiếc *kích.* Người ta nói làng này nghèo, làng kia giàu khi họ thấy số gồng là mấy cái, vò rượu cần lớn hay nhỏ. Tiếp tục cuộc tìm hiểu, tôi còn thấy một số phụ nữ và trẻ con đang nằm ngủ. Đây có phải là những người vợ, con thuộc dòng thứ, không dám đến gần bếp lửa hay họ là những người nhút nhát nên chạy trốn ra đây chăng? Suốt buổi viếng thăm tôi thấy họ ngồi yên một chỗ, không đi đâu cả. Chúng tôi rút lui, họ cũng vẫn ngồi như thế. Những dứa trẻ con *mọi* đều rắn chắc và khỏe. Luật tự nhiên *mạnh sống, yếu chết* được thi hành một cách thật nghiệt ngã. Vì người phụ nữ không biết vệ sinh là gì nên chỉ có những đứa bé khỏe mạnh nhất là còn sống. Dù trời có lạnh đến độ nào đi nữa, họ vẫn không phủ ấm con cái. Từ trong không khí đầy khói nhưng ấm áp, chúng bước ra không khí bên ngoài lạnh giá vẫn cứ là mình trần trùng trục. Giống như người An Nam, họ bắt con cái ăn cơm thật nhiều. Ăn nhiều đến nỗi, sau bữa ăn, bụng đứa bé căng phồng ra trông rất dị hình. Bài thuốc thầy cúng viết ra, nhiều khi là lệnh khai tử. Họ trông nom người phụ nữ nằm sanh rất là sơ sài. Nhiều gia đình chung sống trong một gian nhà rộng. Ở vài bộ tộc, người ta cho mỗi gia đình một mái nhà riêng còn thanh niên chưa có vợ, họ sống chung với nhau. Chưa sanh xong, không ai được bước vào nhà. Sau khi sanh được chừng vài giờ đồng hồ, người phụ nữ bất hạnh phải dậy đi làm các công việc bình thường. Trước khi lâm bồn chị ta vẫn không được ngơi nghỉ. Sanh rơi sanh rớt không phải là



Cả Buôn đứng trớc ống kính.

chuyện hiếm thấy: một buổi chiều kia, người ta thấy chị ta bồng con về! Hậu quả tai hại của chuyện này tới rất nhanh: người mẹ mất sức, đứa con thì èo uột. Cho nên người *mọi* rất thương con .

Trên đường về , chúng tôi gặp một nhóm người cầm giáo mác với mấy con chó chạy theo sau. Họ đi săn về vì độ này, trong làng không còn lương thực. Thực ra họ quá kém đầu óc tiên liệu. Suốt năm họ không biết dành dụm gì cả. Nếu trúng mùa, họ làm nhiều tiệc tùng, ăn uống no say, không bao giờ biết đến ngày mai. Sau đó họ mới xoay sang săn bắn. Săn không có mồi họ bèn ăn thịt chuột, châu chấu, ếch nhái, rắn rít, nhền nhện.Họ giỏi làm bẫy cho nên chung quanh các buôn làng có rất nhiều hầm bẫy để thú mắc vào các mũi chông tre, các mũi lao, mũi tên hễ đụng nhẹ tới là bật ra ngay. Do đó, trong vùng này đi đâu chúng ta cũng cần phải có người dẫn đường.

Một ngày nọ trong khi ngồi ngoài hàng hiên nhà tôi ở Đăng Kia, tôi bỗng thấy một hàng người *mọi* đi ngược lên một ngọn đồi nhỏ có cây mọc bao quanh. Vùng này chỉ có rừng cây đơn chiếc duy nhất này và từ xa nhìn, nó giống như một bó cây xanh um. Người bản xứ đốt cỏ mọi nơi nhưng vẫn cẩn thận chừa lùm cây linh thiêng dùng làm nghĩa địa này ra. Như vậy dòng người tôi thấy chắc phải là một đám tang ma. Tôi bèn lấy máy ảnh, chạy ra. Khi lên tới đỉnh đồi, tôi hết cả hơi nhưng tang lễ chưa cử hành, mồ cũng chưa đào xong. Quanh rừng cây, cỏ tranh mọc dầy. Đoàn người đi mất hút trong đó nên khó khăn lắm tôi mới tìm thấy. Họ ngồi thành vòng tròn không có

vẻ gì đau sót hết. Mặt cỏ ướt nên tôi không ngồi theo họ mà lại đi vòng vòng thăm hết ngôi mộ này đến ngôi mộ khác.

Mỗi ngôi mộ có một cái ché lưng nước làm dấu. Vài mộ có một mái nhà nhỏ dựng bên trên. Đây là mộ những ông *xếp* buôn. Mái tranh được trang điểm bằng những thanh gỗ chuốt thành hình sừng trâu. Dây leo và gai góc mọc chen chúc khiến không bước vô được. Muốn vô trong tôi phải bò chui vào. Vô đến nơi, tôi không thể đứng thẳng dậy và cũng không thấy gì ráo.Tôi bèn kêu anh *bồi* đưa cho hộp diêm quẹt. Trong một cái gì giông giống như một các tủ, vách long mộng,sơn đỏ như máu trâu, có một ché đựng rượu cần, hai quả bầu khô làm vò nước, một cái tô sành An Nam, một ngọn rìu, vài mảnh áo rách. Đốt đến que diêm cuối cùng, tôi nhìn thấy một cái dù: rõ ràng dối với người thủ lãnh *mọi*, nó là sản phẩm mới nhất của văn minh. Thế nhưng sau khi đốt gần hết một hộp diêm đầy, tôi không thể chần chờ ở trong thêm một phút nữa được vì không khí ẩm ướt làm tôi muốn lộn mửa và cũng sợ người mọi bắt gặp nên tôi nhảy ào ra. Hơn nữa, dường như cọp thích cái yên tĩnh của các phần mộ tối tăm này!

Tôi trở về với nhóm người *mọi*. Hai người đàn ông và một người đàn bà, trang bị bằng những cuốc chỉa, móc mấy cục đất lớn lên. Sau một vài nhát họ nghỉ tay và làm ra vẻ như đang suy gẫm điều gì. Những người khác vẫn ngồi im, bất động. Họ không hề thắc mắc việc có chạy hay nằm im một chỗ. Mùi hôi bốc ra từ cái hòm làm tôi không dám bước đến gần để quan sát. Tôi chỉ



Cưỡi ngựa đi thăm các nhà mồ chôn các xếp *mọi*

Khi tôi lên đến đỉnh đồi, người ta vẫn chưa chôn người chết.



thấy nó là một thân cây khoét thủng ruột, sơn đen, đỏ phết tùm lum hai bên. Người ta đặt trên nắp hòm một con gà mái, hai chân buộc thắt. Mới có mấy ngày nay thôi. Nếu con vật bất hạnh này là của tế lễ thì người ta có vẻ hơi hà tiện đấy. Nhưng sau đó tôi nghe nói người *mọi* có tục bỏ trên mả một con vật sống để linh hồn người chết chui vào đó trú ngụ nếu không, linh hồn sẽ trở về làng và mang tới những tai họa cho mọi người.

Người chết là người vợ nhỏ của ông *phó lý*. Đợi khá lâu thì tôi thấy người ta hạ huyệt. Trên phía đầu quan tài, người đặt một chén cơm và một cái vại nhỏ rượu bọc một cách kính cẩn bằng những tàu lá chuối lớn và sau cùng người ta lấp đất lên. Một ống tre cắm sâu xuống chén đựng cơm, thò đầu kia ra khỏi mả để hàng ngày người ta có thể cho người chết ăn. Người *mọi* thỉnh thoảng đi thăm mả và cho người chết ăn uống trong một năm. Sau thời gian này, ở một vài bộ tộc, người ta bốc mả lên và vung tro người chết ra khắp bốn phương.

Tôi quay trở về qua ngã buôn *Beneur*. Chính giữa buôn, người ta dựng lên một cây cột có những hình khắc cân đối, sơn những vệt màu đỏ. Đây là công việc chuẩn bị cho lễ đâm trâu, một chi tiết không thể bỏ quên trong các lễ tang ma quan trọng. Người ta tổ chức lễ đâm trâu những dịp lễ lạc lớn như vào ngày mùa, và trong những mùa địch họa nhằm làm dịu cơn thịnh nộ của Thần linh.

Người phù thủy chọn con vật rồi người ta buộc nó vào một cây trụ.Trong dịp này, người xếp buôn, mình mặc một cái quần dài với chiếc áo cánh kiểu người An Nam,

đầu bịt khăn , bước ra, chắp hai tay lại miệng lâm râm đọc mấy lời kinh cầu giọng đều đều. Khi thì giướng mình về phía con trâu, khi thì ông ta quay nhìn đám đông chung quanh. Bất thình lình, gần như khòng thể biết được điều gì sẽ xảy ra, con trâu đã chết rồi. Liền đó hai người đàn ông nhào ra dùng lưỡi rìu nhỏ chặt đứt nhượng chân con vật trong khi người chủ tế lấy lưỡi mác chọc cổ họng lấy tiết. Dân buôn nhào vô tranh nhau đâm chém con trâu . Người ta nói máu con vật chảy từ cổ họng ra được đựng trong một cái bát bằng đồng thau và được trịnh trọng đặt riêng ra một bên.

Người ta lại đọc mấy lời kinh trước xác con vật và có tiếng trống, tiếng cồng vang lại từ một gian nhà gần đó. Khi người chủ tế lùi ra, mấy người đàn ông lẫn đàn bà nhào vô xẻ thịt. Phút chốc chẳng còn miếng thịt nào cả. Cuộc chè chén liền bắt đầu.

Khi leo lên đồi, tôi đã thấy cột trụ vấy máu với đôi sừng treo lủng lẳng bên ngoài, chúng tỏ cả làng đang có lễ hội. Chỗ nào cũng có cỗ bàn. Khói mù mịt đượm mùi thịt nướng từ các cửa mở bay ra thơm phức. Dĩ nhiên các vò rượu đã mờ và cần hút đã chuyền từ miệng người này qua mồm người kia rồi. Cả con trâu hoặc luộc hoặc nướng cùng một lúc. Mải ăn uống như vậy nên chẳng ai biết tôi đến. Tuy vậy, người phù thủy lại thấy nên lên tiếng gọi tôi. Ông mời tôi nhập tiệc. Thấy cử chỉ lạng quạng, giọng nói say khước như vậy, tôi liền cao bay xa chạy ngay. Trong buôn, phù thủy là người được nễ vì nhất. Người ta sợ ông còn hơn sợ viên *phó lý*. Chính ông là người hút các viên đá cuội từ trong mình người bệnh





Để xoa dịu cơn thịnh nộ của thần linh, các cuộc lễ lớn đều có lễ giết trâu.

ra, rồi trịnh trọng phun xuống đất, để chữa lành con bệnh. Đám cưới đám hỏi , cất binh đánh nhau hay có kiện cáo, người ta đều chạy lại hỏi ông. Ông nhận biết người kẻ trộm để cáo giác nó. Nếu lời ông nói không linh nghiệm hay thuốc ông cho không hiệu nghiệm, ông có cách đổ trách nhiệm cho một người bất hạnh nào đó. Lúc đó cả buôn sẽ họp lại. Ông sẽ cầm trên tay một cái trứng và trứng này chỉ bể ra khi nào người mắc lõi đi ngang trước mặt ông thôi. Những người man dã này dễ tin vì những màn sắp xếp và cái lịch duyệt của người cầm trứng cho nên ông nhìn người nào thì lập tức họ tin người đó là có tội: lúc nào cũng là một mụ đàn bà! Nếu không trói tay trói chân ném vào chốn rừng sâu làm mồi cho dã thú thì người ta đem bán làm nô tì. Thế nhưng nếu phù thủy rủi ro chỉ sai, trúng người có thế có thần, câu chuyện có thể chạy theo một hướng khác ngay: lúc bấy giờ tội nhân sẽ là lão phù thủy.

Trong trườmg hợp khó xử, người xử kiện *mọi*' gỡ thế bí bằng cách công bố một số ''thử thách'' mà thường hơn hết là thử nước và thử kim loại nóng chảy. Nguyên cáo và bị cáo bị dắt ra con sông gần đó, mỗi người phải ngụp xuống nước. Ai ngóc đầu lên trước sẽ là người mắc tội. Hai bên bờ, người đứng coi đen nghịt, ai nấy cũng theo dõi say sưa trước một màn trình diễn quá đỗi hồi hộp nhủ thế. Chuyện thử kim loại nóng chảy nó như thế này: mỗi một người hứng trong tay một chút kim loại, hễ ai rút tay lại trước thì người ấy thua.

Cách xử kiện như vậy đủ nói lên tính cách còn nguyên thủy của người *mọi*'. Các bộ tộc càng hiền lành

chừng nào thì khi đụng sự họ lại hay có những hành vi càng dã man hơn . Bất kỳ lúc nào cũng vậy, điều khôn ngoan nhất, là chớ có bao giờ xúc phạm những chỗ nhạy cảm của họ, và trong khi chúng ta đến giữa đám người này, hãy nên tôn trọng các thói mê tín dị đoan của họ.



Bản đồ miền Nam Đông Dương.

CHƯƠNG XVI

Những Lần đầu gặp Cọp .

Cùng *Bà-Đầm* Schein trở lên cao nguyên Lâm Viên.-Lưu ngụ tại nhà *Me-xừ* d’Andrê.-Các bước cẩn trọng đề phòng cọp.-Thình lình chúng tôi được báo có cọp trong lùm tre gần Trạm.- Chuyện một con chó can trường.-Cọp ra khỏi hang.-Nỗi xúc cảm.-Cuộc săn đuổi tiếp tục.- Vượt sông.-Vùng cỏ tranh.-Con thú bị thương.- Màn thứ hai.- Cấp báo !.- Lấy bò nhữ mồi.-Chúng tôi ngồi phục kích dưới gầm cầu.- Cọp đến.-Chúng tôi nổ súng.- Trật lất !.-Ngày hôm sau chúng tôi hạ được con mồi.

Khi ở cao nguyên Lâm viên về tôi say sưa kể bao nhiêu cảnh đẹp, bao nhiêu điều ích lợi thiết thực đến nỗi một bà bạn là *Bà-Đầm* Schein đã hẹn là lần sau có đi thì nhớ cho bà tháp tùng theo với. Vào đầu mùa nắng ráo thì cơ hội đã đến.

Hai chị em chúng tôi thấy cần phải ‘’đổi gió’’. Thỏa thuận với nhau là chúng tôi sẽ tá túc trong một ngôi nhà *chalet* nhỏ cách nhà *Me-xừ* d’Andrê, giám đốc Trạm Canh nông Đăng Kia chừng trăm mét vì *Bà-đầm* và *Me-xừ* d’Andrê sẽ trở về Pháp nghỉ.

Chúng tôi đến nơi, lòng thỏa mãn trăm bề. Cơ ngơi mới nhìn đã thấy thích. Rất ấm cúng và thoải mái (chớ nói tới chuyện chuột bọ) ; trước hàng hiên nhìn ra xa, phong cảnh thật ngoạn mục.Ăn cơm, chúng tôi ăn chung ở gian nhà chính.Đêm đầu tiên, sau khi dùng cơm xong, chúng

tôi định đi về thì *Me-xừ* d'Andrê quyết liệt chặn lại. Ông nói: ''Tôi không thể để quý vị đi một mình như vậy được. Tôi sẽ cho người đi kèm mới được''.Liền đó mấy người *mọi* lật đật sửa soạn đèn đuốc. Tôi nghĩ ông này nói giỡn chơi. ''Chúng tôi nào có sợ bóng tối đâu mà bảo...Cẩn thận chi quá vậy ! Có ai ở đây đi bắt cóc chị em tôi.-- Có chớ, có cọp đó !''

Tôi nghĩ đây chỉ là chuyện quá cẩn trọng thôi . Trong núi cọp không đáng sợ bằng cọp vùng duyên hải.Ít lâu sau tôi thấy mình nghĩ sai. Đêm tối cọp muốn đi đâu thì đi. Con người làm chúa tể ban ngày, đêm hôm, chúa tể là cọp.

Hai ngày sau, tôi cỡi ngựa cùng đi với *Me-xừ* d'Andrê và người bạn ghé của ông nhân thăm cao nguyên, đó là *Me-xừ* Agostini. Chúng tôi đi săn chơi thì bỗng nghe có tiếng gọi to. Đó là hai người *mọi* chạy đuổi theo chúng tôi, tay cầm lá thơ của người thông ngôn của Trạm, báo rằng có một con cọp mới đến núp trong lùm tre gần nhà chúng tôi. Chúng tôi thấy vậy liền bỏ không đuổi theo con nai, tức tốc gọi bầy chó lại và cỡi như bay về nhà. *Me-xừ* d'Andrê nói, giọng ngập ngừng: ''Chuyện này không sao cả.Chị chờ cơm chúng tôi nhé. Sẽ mang miếng da cọp về cho chị coi. --Cho tôi đi với. --Không được đâu chị ! Có gì xẩy ra tôi sẽ ăn nói sao với chồng chị? Trách nhiệm thuộc về tôi đó chị ạ !''

Tôi liền làm bộ ậm ừ cho qua chuyện... Tòi đâ quyết định không bỏ lỡ dịp may hiến có này. Tòi sẽ không gây sự với *Me-xừ* d'Andrê : tôi tự nhủ mình chỉ làm theo ý

mình mà thôi. . *Me-xừ* d'Andrê đoán biết ý định của tôi nên ông miễn cưỡng cho theo. Tôi liền chạy về nói với *Bà-đầm* Schein. Nghe xong bà ấy hết lời khuyên tôi chớ nên đi. Tôi vẫn cứ đi.

Hai anh thợ săn trang bị đầy mình đứng chờ tôi đến. Phần tôi, tôi chỉ có chiếc máy ảnh. Tôi ước sao mình có dáng vẻ hùng dũng và có một khẩu súng trường *uynh chét tơ*[29] thì hay biết mấy nhưng được như thế này cũng là đủ rồi. Tôi không dám đòi hỏi gì thêm nữa. Chúng tôi lên đường lúc chín giờ, có khoảng mươi mười hai người *mọi* trang bị gậy gộc, giáo mác đi cùng. Người thông ngôn thì cầm súng.

Tôi biết chắc đây là buổi đi săn thật chớ không phải đùa đâu vì rõ ràng chúng tôi sẽ đụng cọp nhưng tôi không thể nhịn cười trước đoàn người như thế này. Mấy người *mọi*, mình thì trần trùng trục, tay đeo vòng kiềng nặng trình trịch trông thật khôi hài bên cạnh hai ông Tây cầm súng, vận áo quần như đi ra trận.Y như sắp sửa đi tiệc tùng. Họ theo cái tục là hễ di đâu xa, họ lấy hết vòng kiềng của tất cả mọi người ở cùng nhà mang theo cho đầy mình, mà càng mang nhiều thì lại càng tốt. Một vài người mang vòng kiềng, vòng tay, vòng tai đủ kích, cỡ nhiều đến nỗi cả thân mình như mang cái áo giáp thực. Còn có người còn mượn được bộ áo quần của người An Nam để mặc nữa kia.

[29] *Winchester*, súng trường Mỹ chế tạo năm 1866.

Tôi khòng dấu được sự kinh ngạc khi trông thấy lùm tre, nơi con cọp đang ẩn trú. Trên ngọn đồi trọc như thế này, nếu bảo nó là hang cọp thì lùm tre này trông thật chật chội, biệt lập. Người ta sẽ trông thấy nó nếu nó bước ra khỏi hang. Từ sườn đồi, chúng tôi có thể nhìn xuống lùm tre và phát súng bắn xuống có cơ may sẽ trúng con thú nếu nó chạy trốn. Môt khi ai nấy vào vị trí rồi, nhóm người *mọi* phải vừa dùng gậy gộc đập vang ầm xuống đất, miệng thì la ó, vừa tiến tới. Họ thực hiện đúng theo màn hai của chương trình nhưng họ cứ ì ra đó, không tiến được bước nào cả. Người *mọi* là những người đi săn can trường hơn người An Nam. Nhưng đụng đến chuyện cọp,họ tin dị đoan hơn người An Nam. Họ lưỡng lự do lý do tôn giáo nhiều hơn là do nhát gan.

May thay chúng tôi có dẫn theo ba con chó săn không lừng chừng như người. Chúng tôi xua chúng vào lùm tre. Một lúc sau, hai con chạy ra, nép mình dưới chân chúng tôi sau khi đã biết tài năng của đối thủ. Con thứ ba tên là ‘’Bóp’’ oanh liệt mang một vết thương trên mình, thì không dứt ra khỏi con cọp được nên cứ tiến công ngang ngữa. Chúng tôi theo dõi trận đấu đang diễn ra phía đằng sau đám cỏ tranh. Nó nhảy tới rồi lại nhảy lùi, chắc là lúc con cọp toan vồ nó. *Me-xừ* d’Andrê nghĩ trận đấu sẽ thất lợi cho chó mình nên ông ta gọi nó về. Phải mất hàng mấy phút hô hoán và hù dọa, chúng tôi mới kéo nó về được. Sau cùng, chúng tôi cột dây không cho nó đi nữa.

Giờ thì chúng tôi lờ mờ biết chỗ cọp núp rồi nên chúng tôi khẩn khoản xin *Me-xừ* Agostini nổ đôi phát súng lục về phía lùm tre cho cọp chạy ra. Cọp không chạy ra.Như

vậy phải bỏ cách này. Mấy người *mọi* cũng không tiến lên được bước nào. Cuối cùng, *Me-xừ* d'Andrê phải ra tay xô đẩy họ mới tiến tới. Rất tiếc là phải dùng đến thủ thuật này bởi vì con cọp có thể đã thoát ra bằng ngã sau và như vậy thì làm sao bắn trúng được. Điều xảy ra sau đó đúng y như vậy. Sau hơn mười lăm phút reo hò, nổi lên một tiếng hô còn mạnh hơn nữa đã mang lại kết quả mong đợi: Chúng tôi nghe thấy một tiếng gầm rồi thấy con cọp nhoài mình ra.

Ra khỏi lùm tre chừng một, hai thước, con cọp đứng lại, quay và nhìn về phía chúng tôi. *Me-x*ừ Agostini và tôi đứng riêng một phía.Giây phút cực kỳ nguy khốn. Cọp chỉ cách chúng tôi chừng ba mươi thước. Nhìn chừng nửa phút, toan phóng tới thì nó chững lại vì có tiếng reo hò rất lớn của những người *mọi*. Mấy người này chắc đã thấy tình trạng nguy khốn của chúng tôi.Con cọp quay người phóng qua hàng cây mọc ở bờ ruộng và chầm chậm đi xuống thung lũng. Chúng tôi nhìn theo nó rất lâu. Vì đứng sau lùm tre nên *Me-xừ* d'Andrê chỉ nổ súng khi con cọp phóng qua hàng cây con mọc quanh bờ ruộng, nghĩa là cách con cọp hơn một trăm thước. Phát đầu tiên có thể bắn sướt nên làm con cọp gầm lên một tiếng. Nó quay nhìn lại rồi bỏ đi. Bốn phát nữa đi cách con thú chừng vài ba thước. Đạn tóe nước nên trông rất rõ.

Cơn xúc động làm *Me-xừ* Agostini đứng như trời trồng,súng bỏ xuống chân.Còn tôi, tôi quên phức việc bấm một kiểu ảnh. Thực ra tôi có đưa máy ảnh lên khi con cọp bước ra nhưng tới khi nó quay lại nhìn tôi, tôi

quên tuốt, tay chân bủn rủn, miệng lưỡi như đơ ra.Cho dù nó có đến gần và chực phóng tới, tôi không nghĩ là tôi chỉ kinh hãi. Cái làm tôi thất kinh là sự bất cân xứng giữa cái thân khổng lồ và cái đầu to một cách thật dị hợm của con cọp.Giả dụ tôi có chụp được tấm hình khi con cọp nhìn tôi hay là khi nó phóng qua hàng rào cây thì tấm hình phải đẹp biết chừng nào ! Từ đó về sau, tôi cứ tự trách mình sao lại để lỡ một cơ hội như vậy.

Chúng tôi tiếp tục đập đuổi. Một lúc sau chúng tôi lạc dấu. Không thể kiếm con cọp trong khu rừng cỏ tranh như khi ta kiếm con thú săn khác. Cỏ thì quá cao, nèn không thể may rủi tiến tối được. Cho nên chúng tôi quyết định quay trở về ăn cái đã. Trong lúc đó, đám người *mọi* sẽ lần theo vết máu tìm ra chỗ núp của cọp bị đạn. Chúng tôi ăn thật lẹ. Tôi sẵn sàng lên đường cũng lúc với *Me-xừ* d'Andrê. Ông này và *Bà-đầm* Schein đều nói tôi có vẻ quá mệt rồi nên khuy ên tôi chớ đi nữa. Nghe tiếng mệt, tôi quyết liệt phản đối liền nên tôi được cho đi theo.

Khi đến trãng tranh, người *mọi* đã tìm ra chỗ con cọp ẩn núp. Họ đã theo dấu chân và vết máu trên mặt đất. Khi họ tới bên, con cọp đứng phắt dậy bước thêm vài ba bước nữa. Lúc bấy giờ nó đang đứng bên bờ sông trong một lùm tranh khô. Dù đã cố hết sức, người *mọi* vẫn không sao tìm ra nó. Có thể nhìn từ bờ bên kia sẽ dễ thấy hơn chăng, nhưng làm sao qua sông đây?Cầu thì chẳng có. Từng người một, chúng tôi bước trên lưng người *mọi* để vượt sông.Lúc đó cọp sẽ lợi dụng thời cơ mà tấn công. Nhờ đến tài khéo léo của người *mọi* chúng tôi mới gỡ

được thế bí. Một nửa sẽ lội xuống sông, nước lên tới ngực, nối tay lại thành mắt xích trong khi một nửa kia đỡ cái cáng có người ngồi ở trong. Trước khi mặt trời lặn chúng tôi lội qua, lội lại nhiều lần cùng một chỗ khúc sông đến nỗi sau cùng, chuyện trở thành quá dễ dàng. Phía bên này hay phía bên kia chúng tôi đều không thấy cọp đâu cả. Người *mọi* lúc đó khởi sự la ó và dùng gậy đập vào cỏ tranh.Họ làm một cách yếu xìu nên *Me-xừ* d'Andrê quyết định sai người đi Đăng Kia kiếm thêm vài ba chục người tới tăng cường.Thế nhưng chỉ có một mình người thông ngôn tới thôi. Dù có hứa hẹn hay hăm dọa cũng không một ai đến cả,bởi vì trong đầu óc người *mọi* chuyện này sẽ mang tai họa đến cho họ và cả làng nữa.

Nếu kể tất cả những điều chúng tôi đã làm để tìm cho ra con mồi thì thật là dài dòng. Cuối cùng, *Me-xừ* Agostini đề nghị cứ nổ vài phát súng lục về hướng người *mọi* chỉ. Một viên đạn may phúc làm sao trúng mục tiêu vì liền đó, con cọp kêu lên một tiếng, mình nhảy tửng lên trên cỏ tranh.Trong tích tắc, chúng tôi trông thấy nó. Mấy người *mọi* nhốn nháo đổ ùa về phía sau. May là con cọp không bị trúng đạn vì nó đứng cách người *mọi* chỉ có vài ba bước mà thôi. Sau cùng nó từ từ bỏ đi và một thoáng sau chúng tôi không nhìn thấy nó đâu cả. Lúc đó là năm giờ chiều. Cơn mưa rào buổi xế chiều đã chuyển thành trận mưa to như xối nước. Người *mọi* lanh run cầm cập nên càng mất hứng thú tiếp tục cuộc săn lùng quá ư là vất vả như thế này. Một tiếng đồng hồ sau, lúc màn đêm đổ xuống, chúng tôi đành quay về. Chỉ có một mình con chó Bóp ở lại. Chúng tôi không tài nào khiến

nó di theo chúng tôi được. Con vật trung thành này sẽ nằm phục tại đây đêm nay.

Mấy người *bồi* người An Nam cẩn thận cho người mang đèn đuốc đến hộ tống chúng tôi đi về nhà. Chúng tôi đi theo hàng một người này đi sát gần người kia. Về đến nhà ai nấy mình mẫy ướt như chuột lột vì ngoài trận mưa chẳng khi nào ngừng kia chúng tôi còn phải lội qua mấy đám ruộng nước ngập tới đầu gối nữa.

Sáng hôm sau, dù mình còn mệt đứ đừ tôi cũng dậy thật sớm để săn tin.Đã quá muộn! Những người thợ săn đã đi mất rồi. Tôi theo kịp bọn họ cách nhà chừng vài ba kí lô mét. Họ nói với tôi con cọp đã tẩu thoát trong đêm nên ít hy vọng tìm thấy nó. Có một ai đó nói:''Nó sẽ chết trong một xó rừng nào dó thôi vì trong mình nó đã trúng một viên đạn chì rồi''.Tôi nghĩ từ đây về sau chắc mình không còn dịp đi săn cọp nữa ! Nhưng mấy người thợ săn và tôi đều lầm to.

Mười lăm ngày sau, một đám người đứng dưới cửa sổ đánh thức tôi dậy.Tôi liền ngồi dậy, thấy nhân viên bản xứ của Trạm chạy tứ tung, miệng la oai oải, tay chân chỉ chỏ tùm lùm. Một lúc sau, *Me-xừ* d'Andrê cũng xuất hiện. Ông hỏi: ''Chớ chị chẳng hay gì sao? Sáng nay, con cọp chui xuống gấm nhà tôi đó. Nó toan lấy mấy miếng thịt trong cái *gác mang giê*[30] treo dưới hàng hiên. Nó đào một cái hố thật to ở trong, nước dãi còn đầy ra.

[30] *Garde-manger*, tủ nhỏ thưởng làm bằng gỗ(đóng lưới) đựng thức ăn.

Chúng ta sẽ theo dấu vết mới tinh này để lùng kiếm nó''.Trong khi đó tôi được biết lỏm bỏm đầu đuôi câu chuyện như thế này. Vào khoảng năm giờ sáng, mấy người *bồi* trong nhà thức dậy. Họ trông thấy con cọp nên họ chạy vào bếp đóng kín mọi cửa nẽo. Đến khi họ báo động thì đã quá muộn: con cọp cắp miếng da cừu lâu nay dành làm thảm nằm cho lũ chó nhà chạy mất dạng .

Chúng tôi quay về nhà,tay không. Chúng tôi ai nấy móc các khẩu súng mà đa số là những khẩu vô hại lên bảng sưu tập vũ khí của *Me-xừ* d'Andrê mà ban nãy chúng tôi đã lấy xuống. Bộ sưu tập gồm đủ thứ như thương, các cây kiếm lưỡi dẹt cũ kỹ, kiếm lưỡi thon, đoản đao Chăm, và có cả các lưỡi dao nhà bếp nữa!Nhưng chúng tôi quyết chí phục thù. Chúng tôi cho buộc một con bò cái vào chân cọc làm mồi nhữ cách chiếc cầu không xa để chúng tôi có thể bắn nó khi nó trở lại ăn con mồi. Cọp thường quay lại ngay đêm hôm sau nếu như ngày hôm trước nó không thể ngốn hết con mồi.

Sáng ngày hôm sau, chúng tôi trở lại. Con bò đã bị cọp ăn mất hai chân sau, cổ họng rách toang. Chúng tôi bèn phủ lên xác con bò một tấm lưới thép chắc chắn để lũ diều hâu khỏi đụng đến. Người *mọi* kể cho tôi nghe chuyện con cọp cũng ngán bọn diều hâu này nên khi không dấu trong bụi rậm được thì nó phải cẩn thận móc đất phủ kín con mồi lại. Giờ chỉ còn cách là rình chờ con cọp đến mà thôi. Lòng tôi nôn nao cho nên dù đã bao phen luyện tập bắn súng trong các lần săn chim mỏ nhác, tôi vẫn có cảm tưởng thời gian đi quá chậm chạp. Tôi bỏ

cả ngủ trưa. Chúng tôi dùng cơm tối lúc năm giờ rưỡi. Khi chúng tôi ăn xong trời bắt đầu mưa.

Dù lòng đã quyết tâm không gì lay chuyển nổi, tôi vẫn cảm thấy ái ngại vì trận mưa rào, cảnh đêm hôm tăm tối, và nhất là truớc viễn cảnh phải ngồi bất động trên nền đất ướt át chờ sáng. May thay, lòng hâm hở của tôi vẫn còn đó. *Me-xừ* d'Andrê xác quyết là con cọp sẽ trở lại nếu như không ai gây tiếng động khiến nó sợ lánh xa. Ông tỏ ra rất tự tin. Còn tôi, chắc chắn một khi đã xuống dưới cây cầu thì bất cứ giá nào tôi cũng phải ngồi cho tới cùng.

Bà-đầm Schein tìm mọi cách cho tôi khỏi nhuốm bệnh. Tôi phải khoác hai chiếc áo mưa, mang hai đôi vớ, thêm vào đôi giày đi săn, đôi *ghệt* , v.v..Bà chúc chúng tôi vạn điều may mắn và nhớ mang cọp về.Thế nhưng tôi đóan biết thực lòng bà mong chúng tôi về càng nhanh càng tốt, có hay chẳng có con cọp cũng không sao.

Đoàn chúng tôi gồm mười hai người nhưng chỉ có ba khẩu súng: *Me-xừ* d'Andrê vác khẩu *Uynh chét tơ ,* người thông ngôn cầm khẩu súng săn, và tôi sử dụng cây súng *Gras*, kiểu sản xuất năm 1874 của người ta cho mượn. Khi chúng tôi ra quân trời vẫn còn một chút ánh sáng. Chúng tôi đi đến chân cầu thì trời đã tối mịt. Lệnh ra mọi người chỉ được ba phút để kê súng và ngồi vào vị trí. Sau đó đén đóm tắt hết. Tất cả đều im lặng như tờ, chỉ nghe tiếng mưa rơi lộp bộp trên mặt cầu phía trên đầu chúng tôi mà thôi.

Khẩu súng nhẹ nhàng tuột khỏi tay tôi; tiếng động rất nhỏ nhưng *Me-xừ* d'Andrê vẫn dỏng tai lên. Khi tôi chụp khẩu súng lại tôi có cảm giác thấy có hai đôi mắt phóng về phía tôi. Đến sáu giờ chiều, không thể nào còn thấy xác con bò nằm trước mặt chúng tôi.

Bảy giờ, mưa ngưng rơi, trăng ló dạng. Chiếc bóng lờ mờ của con bò in rõ trên nền trời. Tôi bắt đầu thấy như có kiến bò ở đôi chân và tôi tự hỏi nếu phải ngồi im như thế này từ giờ này tới giờ khác, liệu tôi có chịu đựng nỗi không đây. Thế nhưng tôi tập trung sức lực chú mục vào chu vi có ánh sáng trước mặt. Thình lình tôi thấy nổi lên một điểm nhỏ càng lúc càng xậm màu. Tôi nhướn to hai mắt đến gần rách mí và giờ thì tôi tin rằng tôi thấy có một bóng mờ đang cử động. Trước khi bóng này định hình, tôi tin chắc đó phải là con cọp.

Tôi lấy cùi chõ thúc *Me-xừ* d'Andrê một cái và liền tiếp đó người thông ngôn, nãy giờ ngồi kề bên cũng báo cho tôi hay. Con cọp từ từ tiến đến gần con bò. Thay vì xơi ngay miếng mồi nó lại bước lên ngồi trên mình con bò một cách thật ngạo nghễ, oai hùng đảo mắt nhìn quanh. Dáng điệu uy nghi như một bậc vương giả ngồi ngắm nhìn dãi giang sơn của mình. Thật là một bức tranh bất hủ. Chúng tôi ở chỗ thấp hơn nên thấy bóng con cọp in rõ lên nền trời. Cái đầu của nó không cũng đã đủ che khuất cả chân trời ngay phía trước mắt.Tôi nhìn cảnh tượng như thể bị thôi miên vậy.

Me-xừ d'Andrê liền nổ súng. Trong tích tắc,tôi tỉnh người, kê súng lên vai bóp cò. Người thông ngôn cũng

nổ súng cùng một lúc. Khi khói súng tan, chúng tôi nghĩ con cọp sẽ ngã dài trước mắt. Không! Dường như chẳng có gì cả, trừ con bò vẫn nằm im nơi chỗ cũ.Chúng tôi nghe có tiếng gầm gừ như rên rĩ gần đâu đây nhưng không biết chính xác là từ hướng nào tới. Sau vài giây lưỡng lự, chúng tôi cho đốt đèn lên và đi bám sát nhau ra khỏi gầm cầu. Nhửng người *mọi* trang bị thương dáo chúng tôi mang theo làm lực lượng phòng thủ sợ cọp tấn công mặt sau, nay càng có cớ để tin là kẻ thù của họ có ma thuật. Phía chúng tôi, chúng tôi rất ngạc nhiên là tại sao cả ba phát đạn bắn gần lại không hạ nó chết ngay lập tức.Đứng trên cầu chúng tôi đảo đèn quay tứ phía. Không thấy gì ráo trọi! Vì không có gan đi sâu vào trảng tranh, chúng tôi buộc lòng phải bỏ cuộc, kéo nhau đi về nhà. *Me-xừ* d'André cả quyết con cọp đã chết rồi, ngày mai sẽ tìm thấy nó thôi. Bị trúng cả mấy phát đạn chì loại này nó không thể đi xa được. Tôi thì không lạc quan như thế.

Về tại nhà, thấy tôi mặt buồn thiu, *Bà-đầm* Schein rủ chơi vài ván bài *piquet*[31] để giải khuây. Kết cục của một ngày sóng gió như thế này tôi thấy thật không xứng chút nào nhưng tôi vẫn nhận chơi. Trời mới có tám giờ tối. Vậy mà tôi cứ nghĩ chúng tôi phải ngồi ngoài trời suốt cả đêm.

Sáng hôm sau, lúc trời vừa rựng sáng, chúng tôi tìm thấy con cọp. Nó nằm chết lẫn trong đám tranh cao,cách con bò khoảng hai thước. Dù bị trọng thương nó vẫn còn

---

[31] Bài Tây chơi bằng 32 con bài.

có thời gian phóng xuống đây. Con thú trông thật đẹp, mình nó dài tới 3 thước 20 phân.

Chúng tôi truy tìm xem nó từ đâu ra đây. Chúng tôi kinh hoàng khi khám phá hang cọp chỉ cách cây cầu chừng ba mươi thước, lại rất gần con lộ nhiều người đi lại và lúc trước tôi hay tới đây săn chim bồ nhác! Chúng tôi quan sát các vết thương trên mình con vật, đa số không phải mới đây. Phải nhìn nhận con cọp này đã bị săn đuổi--dĩ nhiên bị chúng tôi chớ ai vào đây-- hơn nửa tháng nay. Lúc lột da, chúng tôi thấy mấy viên đạn súng ngắn của *Me-xừ* Agostini. Dù bị thương như vậy, con cọp vẫn cứ săn mồi, đi lẩn quẩn quanh nhà vồ chết một con bò. Lần săn đầu tiên, vào giây phút cuối cùng, nếu chúng tôi tấn công nó, chắc chắn nó sẽ là một địch thủ kinh khiếp đấy.

Mọi người, An Nam và *mọi* bu quanh con vật bị nạn. Họ giành giựt từng miếng thịt, miếng gan, bộ đồ lòng con cọp vì tất cả ăn vô sẽ làm cho họ trở thành mình đồng da sắt. Họ nói mắt cọp có một tính năng rất đặc biệt : anh bếp người An Nam của chúng tôi nấu một nồi cháo với nó, xong anh đưa cho con ăn và nói như thế này: ‘‘Kể từ giờ trở đi, mi sẽ thấy cọp trước chớ không phải nó thấy mi trước đâu nghe.’’



Giây phút chiến thắng.

CHƯƠNG XVII

Trạm Canh Nông Lâm Viên

Bác sĩ Yersin tìm ra cao nguyên Lâm Viên.-Các kế hoạch xây dựng Nhà Nghỉ dưỡng của Toàn Quyền Doumer.-Trạm Canh Nông Đăng Kia.-Tôi xuống Drăng đón chồng tôi.-Chuyến trở về Nha Trang.-Sự việc xẩy ra trên đường về.

Năm 1898, trong khi thám hiểm vùng núi Trưởng Sơn, bác sĩ Yersin lên đến cao nguyên Lâm viên. Vượt qua các đoạn đường khi lên cao lúc xuống thấp, rất khó đi, ông bất ngờ nhìn thấy hiện trước mặt một vùng đất bằng mênh mông, trống trải, trên đó hai con sông xinh đẹp nước chảy lững lờ giứa các đồi thấp cây cỏ xanh um. Ở độ cao 1500 thước, cao nguyên dài hai mươi cây số và rộng từ mười lăm tới hai mươi cây số, khí hậu rất tốt.

Ông thấy cao nguyên Lâm Viên sẽ đóng góp nhiều lợi ích cho thuộc địa. *Me-xừ* Doumer, Toàn Quyền Đông Dương liền đến thăm và quyết định cho thiết lập một Nhà Nghỉ Dưỡng tại đó.

Me-xừ Doumer vốn là người đã làm thì làm đến nơi đến chốn. Chưa đầy một năm sau, các con đường lên cao nguyên được thành hình, các dãy nhà *chalet* mọc lên ở Đà Lạt cùng dinh Quan sứ, đồn *giăng đạt*[32] , một trạm

[32] cảnh sát thời Pháp thuộc.

bưu điện, v.v..Đầu bên kia của cao nguyên, cách ‘’trung tâm người Âu’’ ở Đà Lạt chừng mười lăm cây số, người ta lựa một sở đất thích hợp để thiết lập một trạm canh nông kiểu mẫu để sau này có thể cung cấp thịt tươi, rau cỏ cho nhà nghĩ dưỡng. Trạm sẽ trồng các loại ngũ cốc, rau quả miền ôn đới để chúng thích nghi với khí hậu. Nhiệt độ trung bình hàng năm ở đây giao động giữa 17 và 18 độ, có khi xuống thấp tới không độ. Mưa đều đặn và không có gì là quá nhiều so với những vùng khác cùng một vĩ độ tương tự. Con sông kia sẽ cung cấp nước cho việc tưới tiêu. Tóm lạ, hình như tất cả các điều kiện tối hảo đều qui tụ ở đây. Dĩ nhiên người Âu sẽ cảm thấy bị cô lập cho đến chừng nào các con đường thông thương được xây dựng xong. Tuy vậy những người mới tới sẽ thấy họ được cung cấp đầy đủ thực phẩm ngay tại địa phương.

Như chúng ta đã biết rồi,*Me-xừ* d’Andrê được đề cử làm trưởng Trạm. Sau chín năm nỗ lực, kết qua thu được cũng khả quan. Các vườn cây bao phủ cac sườn đồi xưa kia hoang vu. Yến mạch, lúa mạch đen, bắp, đại mạch, khoai tây trồng nối tiếp đồng mía chạy đến mút mắt. Chung quanh các *chalet ,* các khóm hoa đua sắc tươi vui: như hoa hồng tuyệt mỹ, hoa cẩm chướng, hoa thược dược, hoa *ca pu xin* , hoa *vy ô lết* , cây bóng nước.

Những loài hoa đẹp nhất của Âu châu sánh vai với các loài hoa màu sắc sặc sỡ nhất của vùng nhiệt đới. Trong vườn trồng rau, người ta trồng nào đậu *Hòa Lan,* nào

đậu đũa, rau diếp, *cà rốt,* nào là *xú lơ*[33] có ăn quanh năm. Có những cánh đồng rộng vuông vắn trồng dâu tây cạnh các khóm thơm dứa và cây chuối. Thông ba lá mọc giữa các khóm ngân hoa và các bụi hồng đứng bên cạnh các dãi bông giấy.

Các thử nghiệm chăn nuôi cũng không kém phần hoan hỉ. Bò sữa hào hạng của Pháp, giống bò thuần chủng vùng *Brờ ta nhơ* đã ngày càng béo tốt, sinh sản đầy đàn nhưng phẩm chất sữa của chúng không vì thế mà suy giảm. Nhờ lai chủng với bò Âu châu, bò bản địa dã thấy khá hơn. Buổi chiều ngắm cảnh các đàn bò từ các truông rừng trở về chuồng,thật không cảnh tượng nào đẹp bằng. Đàn nào về riêng chuồng đàn ấy, thật trật tư và cũng thật qui củ. Người *mọi* được giao cho việc chăn thà xem ra đã tập luyện đàn thú khá kỷ. So với người chăn An Nam, họ tỏ ra giỏi giang hơn và đi sát đàn bò hơn. Họ thao tác cực kỳ khéo léo và trong trường hợp phải đương đầu với mấy con bò mộng khó tính, họ cũng rất bình tĩnh. Nhưng họ vẫn có một khuyết điểm rất lớn, đó là tính khí quá thất thường. Vốn thích độc lập hay là vì một nguyên do nào khác, họ không chịu làm việc ba hay bốn tháng liền tù tì tại Trạm. Họ lại khòng khi nào chịu ngủ trong chuồng bò. Vả lại, ngay với chính mình, người *mọi* không làm chuyện gì kéo dài thật lâu. Lúc nào cũng vậy, nạn đói cứ xẩy ra luôn bởi vì họ không chịu trồng đủ lúa để đủ ăn.

---

[33] *Chou-fleur*.

Nếu không dùng quyền trưng dụng không bao giờ chúng ta kiếm ra được một người làm lao công hay làm phu khiêng cáng. Những người được họ đề cử luôn luôn lànhững người nô lệ hay những người nghèo khổ. Người làm nô lệ cho người *mọi* không phải chịu cảnh thấp kém. Họ được ngồi ăn cùng mâm, ngủ cùng nhà với chủ; họ còn được lấy vợ lấy chồng và cũng có thể trở thành người tự do. Nhưng khi có chuyện tạp dịch hay chuyện trưng thu, họ là những người đi trước. Khi xế*p buôn* không kiếm đủ số người nô lệ này, ông bắt phụ nữ điền vào cho đủ. Người Âu không chịu vì phụ nữ vốn chân yếu tay mềm không làm được việc năng nhọc. *Buôn* bị phạt vạ. Lúc đó, phe đàn ông mới chịu đi. Thế nhưng ở Đăng Kia, phụ nữ cũng tự nguyện làm việc ngang ngửa với cánh đàn ông.

Nhân sự thay đổi thường xuyên bắt buộc phải có sự chỉ vẻ thường xuyên. Lúc mới vô việc, người *mọi* không biết gì ráo, phải chỉ cho họ học. Họ là những nhà nông rất dở, chỉ biết trồng trôt đám ruộng. Cái cày thì thô sơ, Ở vài thửa đất họ chỉ đốt hết cỏ tranh rồi chọc một cái lỗ nhỏ bằng cây gậy để bỏ một hột lúa xuống.

Người *mọi* rất ghét ở gần người An Nam còn hơn ghét làm việc, còn hơn cả cảnh bị giám sát thôi thúc nữa. Hai giống người này thù nhau truyền kiếp. Người *mọi* đã phải lần lượt nhường hết thung lũng này đến thung lũng khác cho người An Nam. Từ khi người Pháp đến cai trị, người *mọi* và người An Nam không đánh nhau nữa. Nhưng hễ có cơ hội thì người văn minh vẫn cứ bóc lột người hoang dã. Ví dụ như tên Mink, kẻ nấu ăn người An

Nam của *Me-xừ* d'Andrê, đã tự tung tự tác với người *mọi* ở *Buôn* Beneur. Vừa mua được bốn con heo con ở một *buôn* xa về, đi ngang qua *buôn* này hắn ghé lại và được mời ăn cơm và uống rượu. Sau đó nó lên đường với bốn con heo lớn, không biết nó đổi được hồi nào mà hay vậy. Ông xã trưởng *buôn* Beneur đi kiện.Tên Mink chối leo lẻo.Lúc đó, nguòi ta khiêng mấy con heo về *buôn* Beneur để thà chúng ra. Vừa ra khỏi rọ, con nào con nấy phóng như bay vô các ngôi nhà tranh. Như vậy rõ ràng heo của các nhà này chứ ở đâu nữa. Phần mấy con heo con, chúng tìm hoài tìm hủy, khòng biết đâu là phương hướng, nhưng rốt cuộc cũng không vô căn nhà nào trong *buôn* Beneur. Cuộc thực nghiệm đã mang lại lời giải đáp. Tên Mink bị buộc phải trả mấy con heo lớn lại và phải đền bằng một con heo con.

Tuy người An Nam buôn bán với người *mọi* được lời nhiều nhưng họ không thích phiêu lưu lên tận cao nguyên này.Ở đó họ dễ mắc bệnh, nên họ cứ quanh quẩn ở vùng ruộng bùn miền đồng bằng. Muốn nhân viên và người làm lên ở đây ở lâu ta chỉ có một cách là tăng lương cho họ. Nguòi *mọi* chỉ cần lãnh môt ngày hai mươi xu cho chính mình và mười lăm xu trả cho người vợ là lấy làm vui lòng rồi. Đây là tiền công nhà nước qui định. Họ ưa được trả bằng hiện vật như diêm quẹt, vải vóc, và họ khoái nhất là được trả bằng muối. Những bộ tộc không kiếm được muối ăn có khi phải dùng tro của một thứ cây tên là *Jambam* để thay thế.

Dân các làng chung quanh Trạm đều biết sử dùng tiền, còn các làng khác thì lại muốn cái gì đó cụ thể hơn.

Người *mọi* nếu có đi tới Đăng Kia thế nào họ cũng thấy người Âu, nhưng thảng hoặc họ mới gặp gỡ thôi. Người *mọi* đếm ngày công bằng cách thắt nút dây hay làm một dấu khắc trên một khúc gậy nhỏ. Họ không biết mình bao nhiêu tuổi và hoàn toàn không có ý niệm về thời gian. Không cần nói thêm là họ khòng biết đọc và chẳng hề biết viết. Người *mọi* ở Đăng Kia làm quen với tôi rất mau. Họ gần như những người bạn thân. Mỗi một khi gặp tôi, ít khi họ không hỏi xin một điếu thuốc lá hay vài cục đường. Nếu tôi cho họ, họ tỏ ra vui mừng một cách thật chân thành. Còn khi không cho gì, họ vẫn cười vui và tiếp đón tôi rất thàn tình.

Sau các lần leo lên các ngọn núi Lâm Viên và viếng các cảnh đẹp chung quanh Trạm, tôi chần chừ chờ dịp mạo hiểm vào các vùng xa hơn. Nhưng tôi đã nhận một bức điện của chồng tôi: lợi dụng có chút thời gian rảng rổi, chồng tôi muốn lên đây ở với tôi vài ngày. Chúng tôi hẹn gặp nhau ở Đrăng.

Me-xừ d'Andrê tháp tùng tôi tời Da Lạt .Sau khi ông trở về, tôi tiếp tục đi với mấy người *mọi.* Tôi phái anh Sáu, người giúp việc trung thành, đi nhanh xuống trước, dẫn theo một con ngựa còn khỏe để chồng tôi thay. Còn người bồi hay theo tôi trước đây, tôi đã đuổi nó về Nha Trang vì nó đã để lộ quá đáng bản năng buôn bán trong khi giao thiệp với người *mọi.*

Tôi có ý tách khỏi con đường quen thuộc để có dịp viếng một *buôn* chuyên rèn dao nhỏ và lưỡi rìu cho cà vùng. Cái cáng tôi đang ngồi không đi vào các lối nhỏ



Đi vào nhà sàn bằng thân cây dài có khắc từng nấc rộng



Ngồi kiệu không phải lúc nào cũng tiện dụng khi di chuyển qua các con đường hẹp.

được nên tôi leo xuống cuốc bộ cùng với hai người *mọi.* Cái *buôn* xa hơn tôi nghĩ.Cuối cùng cũng đến nơi.Cảnh vắng vê, chỉ có mấy con gà mái và mấy con heo. Hai người dẫn đường mất hút trong các gian nhà, chỉ còn một mình tôi đứng giữa *buôn.* Lúc sau, trong các khung cửa sau dãy hàng rào xuất hiện mấy cái đầu; mấy người đàn ông rồi mấy người phụ nữ cùng bọn trẻ con cũng đần dần ra mặt. Bọn đàn bà nhận thấy người cùng phái nên họ đi tới đưa cả hai tay ra ôm dẫn tôi đi suốt cả *buôn.*Vào một căn nhà, họ trải xuống nền đất nện một chiêc chiếu đẹp nhất của họ rồi vỗ nhè nhẹ vai tôi, miệng nói lí nhí những gì tôi không thể hiểu được, mời tôi ngồi xổm xuống như họ vậy.Lúc chúng tôi mới bước vô, căn nhà khòng có ai cả.Dần dần phụ nữ tới thật đông, không thấy có đàn ông lẫn lộn. Tôi trở thành mục tiêu cho cả trăm cặp mắt chăm chú. Họ nhìn từng chi tiết trên con người tôi cùng y phục tôi đang mặc vì có người ngồi gần tôi đưa tay rờ mó cái nón, mái tóc,cái dây đồng hồ, cái *ghệt* và đôi giày của tôi.Họ cầm tay tôi và bảo tôi để gần tay họ để so sánh màu da và hình dáng. Rõ ràng cử chỉ của họ chẳng có chi là nhút nhát, có khi,theo tôi nghĩ, chúng còn có vẻ sỗ sàng nữa là đàng khác. Sau cùng, một phụ nữ trong *buôn* mang đến một lò than hồng nhỏ đẩy tới sát chân tôi. Họ nghĩ chắc tôi lạnh chăng? Không đâu, vì liền đó họ đưa cái ống điếu tới cho tôi, và nài nĩ mãi, tôi đành phải hút thôi.

Khi thấy có thể cáo lui mà không sợ làm phật lòng họ , tôi bước ra cửa rồi chuồn êm. Dù tôi đã kêu hết sức dõng dạc, hai người dẫn đường vẫn không chịu ra. Có một người trong *buôn* hiểu ý nên xô họ ra khỏi nhà.

Không còn phải nghi ngờ gì nữa, dân *buôn* đã cho họ uống rượu: bỗng nhiên tôi cảm thấy e ngại cho đường về mình sẽ có họ đi cùng. Lúc đó tôi quên chuyện lưỡi dao, lưỡi rìu tôi có ý đến xem trước đây. Cũng có thể tôi có biết tôi đã tới đúng *buôn* đó hay không nữa. Sau cùng tôi về đến chỗ chiếc cáng và leo lên ngồi. Tôi chờ giây phút sẽ được khiêng đi, nhưng, không khác hai người dẫn đường bao nhiêu, những người phu có vẻ như không muốn ngọ ngoạy chi cả. Lúc này ước gì bên tôi có một người An Nam.

Thế nhưng chúng tôi đã khởi động. Chỉ tới khi thấy thung lũng Đà Nhim tôi mới bảo người vác đồ thiết dụng ngửng lại.Trước đó tôi không dám ra lệnh như vậy vì sợ một khi bảo ngừng chân người *mọi* sẽ không chịu đi nữa. Đến căn nhà chúng tôi hẹn trước thì đâ sáu giờ rưỡi chiếu, trời đã tối hẳn. Chồng tôi chưa tới. Không thể trông chờ được nữa vì không ai đi ban đêm trong miền đất có cọp này. Tôi bèn sửa soạn chỗ nằm. Người An Nam trông coi ngôi nhà giúp tôi bày biện đồ trong các gói xách ra rồi lặng lẽ đi mất.

Tôi nằm một mình vì mấy người *mọi* nói chuyên râm ran ngoài kia chả giúp tôi được gì cả còn hai người Âu tôi gặp lúc mới đến thì ở dưới chân đồi, cách đây gần một cây số. Tôi lẹ làng ăn mấy miếng cơm bên ngọn đèn cầy lúc nào cũng chực tắt rồi leo lên giường. Vừa mới chui vào mùng tôi bỗng nghe có tiếng chân ai bước ngoài hàng hiên. Giữa đêm khuya như thế này chồng tôi không thể tới được ! Thế nhưng đây không phải là tiếng chân trần của một người bàn xứ nhưng là những bước

chân chững chạc đi giày đinh của người Âu. Ai đó đập cửa rất mạnh. Thât tình tôi có sợ trước khi người ta gọi tên tôi.

Đúng là chồng tôi. Ngựa trạm quá yếu cho nên phải mất tới bốn tiếng đồng hồ chồng tôi mới tới Đá bàn. Òng không chịu người ta đốt đuốc cho ông đi vì như vậy biết bao giờ mới tới nơi. Mặc cho những lời cân ngăn của mấy người Âu và An Nam, ông cứ leo lèn yên con ngựa tôi sai mang xuống cách dó mấy tiếng đồng hồ, rồi phóng đi cùng với anh Sáu trung thành của chúng tôi. Anh này bao nhiêu lần xin ông thương tình di chậm lại cho.Họ phóng trong đêm tối như mực suốt một giờ rưỡi.

Chúng tôi trải qua một ngày tuyệt vời trong không khí mát mẻ lạ thường ở Đrăng rồi ngày hôm sau chúng tôi lên đường về Nha Trang....

Cuộc hành trình cũng dễ chịu và đều đều vì không có việc gì xẩy ra.Thế nhưng gần tới Phan Rang, lại xẩy ra một sự việc đáng được thuật lai. Chúng tôi đang ngồi trong xe hơi Hoa kỳ.Trời thì tối mịt. Chúng tôi nghe có tiếng xe bò tới gần. Chúng tôi vừa la thật to vừa tránh qua một bên. Không có tiếng trả lời; xe bò vẫn di tới mà lại đâm thẳng vô xe chúng tôi. Chúng tôi cố lách xe đến gần lọt xuống ruộng lúa. Xẩy ra đụng xe. Cái bánh của xe bò nằm kẹt giữa bánh xe và thùng xe hơi. Hai con bò kéo mạnh nên bánh xe bò cán ngang trục xe hơi. Xe bò phải lật úp và xe hơi chắc phải *xụm bà chè* thôi. Nhưng không diễn tiến như thế. Chúng tôi chạy tới chụp người đánh xe bò. Xe không có ai cả.

CHƯƠNG XVIII

Đi sâu vào nội địa

Chuẩn bị thám du vùng người *mọi*.-Chiêu mộ phu khiên vác.-Đêm đầu tiên trong làmg *mọi*.-Những con gián.-Miêu tả cảnh vật.-Một cuộc tiếp đón nồng hậu.-Mọi người đều say sưa.-Đỉa.-Vượt sông.-Làng những người đệt vải.-Khó khăn đối phó với những người khuân vác.- Cuộc trở về.

Trước khi rời khỏi Lâm Viên trở về miền xuôi, chúng tôi chuẩn bị đi du ngoạn vùng nằm ở viền ngoài của cao nguyên.

Lần này chúng tôi sẽ thám du vùng đất mà *Me-xừ* d'André và biết đâu không một người Âu nào đã đặt chân đến. Chắc không có hiểm nguy gì đâu vì đã có hai *bà đầm* hưởng ứng mục đích hòa bình của chúng tôi. Hơn nữa, có mấy người xếp *mọi* ở Đăng Kia tháp tùng theo nữa. Họ sẽ giúp làm thông ngôn và lo chuyện kiếm nhà cho chúng tôi nghỉ qua đêm trong các *buôn.* Dọc đường chúng tôi sẽ thay đổi người thường xuyên, tránh không lưu giữ người *mọi* đi xa nhà quá lâu. Nhờ vậy chúng tôi không lạc đường đi xa khỏi Đăng Kia, vì người *mọi* chỉ biết vùng mình sinh sống mà thôi. Không có đường lộ, chỉ có những con đường mòn thay đổi địa hình theo từng mùa. Chúng chạy đến những chỗ nước cạn lội qua rất thuận tiện mà hễ đi chệch qua chỗ khác một tí thế nào ta cũng đi lạc đường ngay. Sau nhiều lần thảo

luận, chúng tôi và xếp *buôn* cùng đồng ý các chi tiết của lộ trình sắp tới.

Một đêm kia, ông xếp *buôn* phái đến năm mươi thanh niên khỏe nhất làm phu khuân vác. Con số như vậy không phải là nhiều nếu ta nghĩ tới tình trạng không thể dễ dàng kiếm được người trong khi đi đường và phài có sẵn người vì thời gian đi khá dài lâu.Vi dụ như bỏ quên không mang theo đèn *măng-xông* và đèn cầy thì sẽ là đại họa.Ở vùng ''văn minh'' mỗi nhà trạm đều có giường, khăn trải giường, đèn đóm, nước và, nếu thiếu món gì ta vẫn có thể mua ở các tiệm tạp hóa. Ở trong rừng, khi không nhớ mang theo thì dù có bạc vạn vẫn không thể mua được một hộp diêm quẹt hay cái bàn chải răng.

Tôi chia phần cho từng người phu. Người thì lãnh mang mung mền, người mang đồ ăn, người khiêng nồi niêu, người thì gùi áo quần, đồ khăn vải, thuốc men. Mỗi phần mang vác như vậy càng như nhau càng tốt, nghĩa là cùng trọng lượng, ít cồng kềnh vì đường rất khó đi và cũng hẹp nữa. Chúng tôi mỗi người mang theo một người *bồi* An Nam vì rằng trong các lần đi xa như thế này, bao nỗi rầy rà đều do đám người này tạo ra hết. Đó là trên Mink, người nấu bếp của *Me-xừ* d'Andrê, tên Đắc làm bồi cho *Bà-đầm* Schein và Sáu là người giúp việc trung thành của tôi. Họ là những người An Nam duy nhất trong đoàn bộ hành. *Me-xừ* d'Andrê và B*à-đầm* Schein ngồi kiệu nhẹ, loại đi núi có bốn người khiêng,còn tôi, tôi cưỡi ngựa.

Lúc sáu giờ sáng, chúng tôi lên đường.Trời nắng rạng rỡ.Vì người *mọi* không bao giờ đi theo hàng hai, ngay như họ có thể đi được trong trường hợp như thế này, phút chốc đoàn người đi thành hàng dài, so le, uốn éo trông thật dị kỳ. Tôi được dịp quan sát thỏa thích vì tôi phải ở lại sau với ba người An Nam để đóng cửa nhà. Họ cũng có ba con ngựa. Đi được hai cây số, chúng tôi vượt qua một con sông. Sông không sâu nhưng có nhiều bùn. Mấy con ngựa có người cỡi không thể rút chân khỏi bùn được.Trong lúc Mink vất vả giữ ba con ngựa, những người An Nam khác kiếm được chỗ lội qua và chuyển tôi qua bờ bên kia. Mất thì giờ quí báu như vậy nên chúng tôi lạc mất đoàn. Không một người *mọi* nào ở lại đề chỉ đường. Chúng tôi buộc phải sai Mink phi ngựa đến một *buôn mọi* gần đâu đó để hỏi đường. Nhưng người ta trốn trong nhà, không ai chịu ra chỉ cả.

Tình hình thật nghiêm trọng. May mắn thay, chúng tôi chợt thấy trên ngọn đồi lố nhố bóng người rất đông nên chúng tôi vội vàng phi ngựa đến. *Me-xừ* d'Andrê và *Bà-đầm* Schein ngạc nhiên tại sao chúng tôi phải dừng lại khi gặp con sông vừa rồi bởi vì họ đã yên ổn ngồi trên kiệu cho mấy người *mọi* khiêng qua. Đôi lúc kiệu cũng tiện dụng hơn ngựa nhỉ !

Sau khi ăn trưa, chúng tôi ra khỏi cao nguyên, bắt đầu vào vùng rừng cây lúp xúp, cây cối rậm rạp,lạnh lẽo và âm u, không thấy ánh nắng mặt trời. Những đám rêu xanh, những bụi dương xỉ, những chùm phong lan muôn hình vạn trạng xinh đẹp lạ thường giữa cây lá xanh tươi khiến ta nhìn mãi mà không thấy chán. Trước cảnh

huyền diệu như thế chúng tôi không dám nói lớn tiếng mà chỉ thì thào với nhau thôi. Dấu vết dã thú đầy rẫy và còn mới. Đi đến khu rừng thông chúng tôi trông thấy mấy con nai. Cứ mỗi lần ngoặt qua một ngõ quanh, phong cảnh liền đổi khác. Chúng tôi đi xuống một lòng thác rồi lại treo lên con dốc rất cao.

Đường đi hẹp chưa từng thấy, mặc dù mấy ngày trước chúng tôi đã cho nhóm tìm đường dùng rìu dọn sẵn lối đi tới cái *buôn* chúng tôi sẽ ghé lại. Nay *buôn* người ta bỏ đi hết. Có lúc đường dốc cao đến độ ngựa lên không nổi. Đó là dốc thẳng đứng, những tảng đá lớn, những thân cây đổ ngả ngỗn ngang khiến việc đi lên càng nguy hiểm. Khi đi qua truông, một bên là vách đá dựng, một bên là vực sâu, leo xuống không được mà chỉ còn có nước là buông thả dây cương, mắt nhắm lại và giao phó mạng mình cho bước chân con ngựa mà thôi.

Tới điểm dừng chân đầu tiên trời hãy còn còn sớm, lúc đó là ba giờ rưỡi chiều. Đây là một cái ấp nhỏ có chừng mươi nóc nhà nằm ven bìa rừng. Ông xếp *buôn* Đăng Kia tiến lên làm người thương thảo xin một cái nhà để nghỉ qua đêm. Dân *buôn* nhường cho một căn nhà nhỏ nhất và sau khi nhà không còn ai , chúng tôi chui qua cái cái lỗ đen ngòm dùng làm cửa để vào trong. Khói và các thứ mùi hôi làm tôi bước lùi lại. Tôi nài xin *Me-xừ* d’André đi kiếm chỗ nào khác nếu không được, tôi sẽ ngủ bên ngoài. Phe đàn ông không để phí thời gian, họ đã dựng lên một vòng rào nhốt ngựa tránh cọp và gầy nên đống lửa xua đuổi cọp ra xa. Lấy hết can đảm, tôi nhìn lại căn nhà một lần nữa. Người ta đã dập tắt lửa và đã dời bếp lò

đi nơi khác. Tôi bèn khom mình chui vào, đầu đụng mạnh vào vật gì đó khi tôi đứng thẳng người lên. Tôi phải cúi gập mình, có một chỗ chật hẹp thì bao nhiêu trái bắp treo phơi khô trên nóc nhà đã chiếm hết rồi.Sàn nhà làm bằng các thân tre ghép lại chỉ cách mặt đất khoảng vài tấc tây. Người mọi thảy bao nhiêu rác rưởi xuống dưới sàn nhà cho nên ngửi không biết ngần nào là mùi hôi! Khi tôi bước, bàn chân kẹt giữa các thanh tre, làm tôi vấp ngã thật khiếp. Chúng tôi, *Bà- đầm* Schein và tôi, được dành cho mấy chỗ phía trong xa. *Me-xừ* d'André nằm gần cửa ra vào nên còn co duỗi được. Người ta giăng một manh chiếu chia hai gian nhà. Tên Sáu liền bắt tay vào nhiệm vụ: anh kê ghế bố cho *Bà-đầm* Schein và tôi.Người ta lại mang bếp lò vào lại trong nhà; tôi yêu cầu người *phó lý* mang đi nơi khác nhưng anh ta từ chối. Tôi kết luận chắc chuyện này có ăn nhập gì đến mê tín dị đoan nên tôi không kèo nài nữa. Tôi định bụng nếu lão ta đi khỏi tôi sẽ đổ một chút nước vô bếp lửa thiêng này.

Mở các gói đựng đồ đạc, leo lên giường bố, chui vô mùng dưới ánh sáng một ngọn đèn cầy không phải là chuyện đơn giản. Nhưng rồi cũng xong khi tới phiên *Bà-đầm* Schein. Bà thấy chỗ ngủ cũng tàm tạm được. Thực tế mà nói, căn nhà của người hoang dã cũng thay đổi nhiều đi chứ!

Đâu đó xong xuôi chúng tôi rủ nhau dạo thử một vòng trong *buôn.* Phụ nữ biến đi mất hết chỉ còn mấy người đàn ông ngồi ngoài nhà. Rôi dần dần có mấy cái đầu xuất hiện tứ phía. Rất nhiều đàn bà và trẻ con nấp sau các gốc cây trong *buôn* khi thấy chúng tôi tới; số

khác thì nàm rạp trong nhà. Làm cách nào nói chuyện với họ đây? Tôi đưa mấy viên kẹo cho mấy đứa trẻ con. Một đứa có bộ bạo dạn hơn mấy đứa kia, tách ra khỏi đám, nhanh tay chụp lấy cục kẹo, đưa lên miệng cắn một miếng rồi lấy làm khoái lắm. Nó đưa kẹo cho mấy đứa bạn nhỏ của nó ăn luôn.Sự lạnh nhạt như thế đã biến mất. Cuối cùng, hàng tốp trẻ con từ các gốc nhà tuôn ra ùa về phía chúng tôi. Mấy em bé ít tuổi bị bà mẹ đẩy ra, quá sợ, không dám tới gần chúng tôi, bèn òa lên khóc. Lúc đó người mẹ bước ra bế con đứa lên trước mặt chúng tôi. Trong số mấy người này, đa phần tay như mang bao tay.Đó lại càng lạ lùng vì từ đầu đến lưng họ để trần trùng trục.Đơn giản rất dễ hiểu , đó là thuốc nhuộm xanh: *buôn* này làm nghề nhuộm chăn đắp cho cả vùng.

Về đến nhà, chúng tôi thấy ngay trước căn nhà. người ta dọn sẵn bữa ăn chiều trên miếng ván kê trên hai thân cây lớn rỗng người *mọi* dùng làm chày giã gạo.Ghế ngồi cũng được tạo ra cũng tương tự.Giờ đây cả *buôn* ra đông đủ: họ theo dõi từng cử chỉ nhỏ nhặt của chúng tôi.Người nhút nhát thì núp sau các thân cây hay bên hông các căn nhà.



Sau rốt đông đảo trẻ con từ mọi xó xỉnh chạy ùa ra đến bên chúng tôi.



Cảnh một gia đình ngồi trước cửa nhà.

Lúc bảy giờ chiều trời lạnh và ẩm nên chúng tôi đi ngủ. Sau khi ăn một bữa cơm ngon như thế, chắc thế nào chúng tôi cũng hả hê và ngủ ngon lành nhưng, than ôi, chúng tôi còn phải chịu đựng một chuyện này nữa: ban nãy, chú ý chúng tôi thấy mấy con gián mà trong bóng tối căn nhà chúng có ve như nhiều lắm. Có hàng năm mươi con chết chìm trong chậu tắm; khi tôi đụng đầu vô hàng rui nhà, hàng mươi con rơi xuống tóc tôi. Miễn làm sao không có con nào chui vô mùng khi chúng tôi ngủ là được!

Thay áo quần trong căn nhà *mọi* thì làm sao đây! Đừng trên sàn tre trơn và không có ghế để ngồi thì không sao thay được rồi. Để áo quần nơi nào cho khỏi gián và sâu bọ đây? Sau cùng, chúng tôi lấy dây nhợ treo chúng lên trần nhà. Đầu dính đầy bụi và bắp, chúng tôi chui vô mùng. Thế mà giấc ngủ cũng đến ngay. Chúng tôi ngủ ngon như khi ngủ ở nhà. Chúng tôi mặc áo quần và sẵn sàng lên đường trước bảy giờ sáng.

Phong cảnh hưũ tình nối tiếp nhau trước mắt chúng tôi. Ra khỏi khu rừng, chúng tôi thấy mình phút chốc đừng bên bờ một thung lũng sâu. Thác nước đổ kế bên, vách núi thẳng đứng. Chúng tôi không bao giờ nghĩ mình lên cao như vậy. Khám phá một cảnh quan rộng lớn như thế này là nỗi ngạc nhiên thích thú, nhất là sau khi chúng tôi hàng giờ lặn lội trong rừng sâu, không thấy trời đất đâu cả mà chân lại vấp mấy gốc cây lớn, áo quần bị gai góc,cành cây xé rách. Khi chúng tôi ngắm đã thèm thì một làn sương nhẹ bốc lên lại càng tăng thêm nét mỹ miều của cảnh trí. Chúng tôi nhìn thấy phía bên kia

thung lũng những ngọn núi với rừng cây, những mõm đá hoa cương lớn, những con suối nước tung tóe. Nghe những ngọn thác như đâu đây thôi nhưng không thể nào thấy chúng được. Mãi sau này, chúng tôi mới thấy bọt trắng và các mõm đá nhẵn thín phía đàng sau hàng cây .

Xuống núi gây ra nhiều chuyện khó khăn tôi nghĩ là sẽ không bao giờ quên. Rớt lại đàng sau khoảng một cây số để chờ người *mọi* mang áo đi mưa của tôi, tôi đã thấy hết hoàn cảnh khó khăn khó có thể vượt qua của đoàn. Con ngựa tôi đang cỡi trượt chân, vấp phải đá không chịu bước tới. Tôi bèn xuống ngựa, trao dây cương cho người *mọi* giữ. Nhưng con vật đáng thương đứng cũng chẳng vững, nó xịu xuống mình tựa trên đôi mông chớ không cố gắng bước đi. Theo đoàn thì không kịp nữa nhưng tôi lâm vào thế *tiến thối lưỡng nan*. Người *mọi* giúp tôi đến bên bờ con thác đang khi bạn đồng hành của tôi chuẩn bị vượt qua. Người ta ứng biến ‘’một cái cầu khỉ’’ bằng mấy tấm ván gác từ mõm đá này sang mõm đá kia nhưng có chỗ nằm cao không có chi là bảo đảm cho lắm. Chúng tôi cởi giầy, cởi *ghệt* cho khỏi trượt chân.

Một bữa kia, sắp tới trạm dừng chân, chúng tôi bỗng nghe có tiếng trống và cồng. Rõ ràng trong *buôn* biết trước chúng tôi sẽ tới. Tiếng trống chiên này đây có ý tiếp đón hay là xua đuổi chúng tôi, điều này chẳng ai đoán biết được. Nhà cửa được cất rên những cây trụ hay trên những thân cây cách mặt đất chừng bốn hay năm thuớc. Có thân cày làm trụ nay vẫn thiếp tục trổ lá xanh. Trong khi chúng tôi mải tính không biết nên làm gì thì một đám thật đông người từ căn nhà chính lục đục leo xuống đến gặp chúng tôi. Người xếp *buôn* dễ nhận ra



Phu khuân vác *mọi* ngồi thành hàng chờ phát lương.

nhờ cây dù người ta che phía bên trên đầu ông.Ngay lập tức người ta thấy thái độ thân thiện.Ông hướng dẫn chúng tôi về nhà, tiếng cồng càng đánh ầm ỉ hơn. Vợ ông xếp *buôn* đưa tay cho tôi tựa để leo thang nếu như chúng ta gọi cái khúc cây kê nghiêng, trên đó người ta đẽo những nấc cách nhau cỡ một thước như thế. Chân không thì dễ dàng chớ chân đi giầy đinh thì khó lắm!

Chờ cho chúng tôi đi qua khỏi đám đông người đứng chen chúc trước cửa, người ta khiêng ra tặng chúng tôi một con heo cột bốn chân tòng ten dưới cái đòn tre. Tiếng heo eng éc và tiếng nhạc khí nghe thật đinh tai. Khói làm chúng tôi mờ cả mắt.

Khi thò đầu ra cửa kiếm ít không khí mát mẻ tôi mới hay con heo đang bị chọc huyết làm tiệc thết chúng tôi ngay ngoài nhà thôi. Tôi vội vàng thụt vào ngay!

Nhà người *mọi* được chia ra làm hai phần, phần đầu dùng làm phòng chung, hiện tại nhiều người đàn ông, đàn bà và trẻ con đang đứng chen chúc. Gian thứ hai dùng làm chỗ ngủ. Ở đây có những ngăn nhỏ có trải một chiếc chiếu, một bếp lửa và một cái nồi dành cho một gia đình. Phần lớn các ngăn này nay đều không có người.Số còn lại ta thấy có một người đàn bà và mấy đứa con. Ngăn ông xếp *buôn* che kín mít tứ bề.

Sau khi chỉ cho chúng tôi xem khắp nơi, người *mọi* mời chúng tôi chia xẻ món rượu ‘‘*quốc tuý*’’ với họ. Người ta đã bày sẵn các vò rượu khổng lồ bằng đất nung ngay giữa phòng chung. Ông xếp *buôn* là người đầu

tiên hút bằng một ống tre nhỏ cong cong, một đầu chìm trong rượu và đầu kia nằm trong miệng người uống. Ông mĩm cười đắc chí đưa cái cần lại phía tôi. Tôi rất muốn chuyền ống hút cho người kế bên nhưng ông ra dấu bảo tôi uống đi. Không cách nào từ khước cũng như không làm sao len lén dùng khăn tay chùi cái cần được vì bao nhiêu cặp mắt đang chăm chú nhìn tôi! Bức bách tôi đành phải ngồi xổm xuống, đưa cần lên miệng thôi. Lúc đầu tôi chẳng thấy gì cả; rồi nhờ người *mọi* chỉ dẫn, tôi đè cong cần xuống rồi hút. Một làn nước uống tuyệt ngon chạy lên đôi môi, vào cổ họng tôi. Cả đời uống bao nhiêu đó là đủ rồi đó! Cần rượu chuyển qua chuyển lại nhiều lần giữa những người *mọi*. Đến khi mặt ai nấy đều ững đỏ, mọi người náo hoạt, tay chân múa may, chúng tôi xin phép cáo lui.

Ông xếp *buôn* tưởng chúng tôi sẽ ngồi lại uống rượu suốt đêm với dân trong *buôn*. Chúng tôi nài nỉ dữ lắm mới kê được ghế ngủ trong căn nhà kế cận.Đêm hôm ấy thật kỳ cục !Trừ những người đang uống rượu cần với xếp *buôn*, còn lại ai nấy trong *buôn* đều bu quanh chúng tôi.Họ nhìn chúng tôi hau háu khi chúng tôi ăn cơm và khi chúng tôi sửa soạn chỗ ngủ. Họ còn tò mò theo dõi cả khi chúng tôi leo lên giường nữa. Họ chen nhau đứng nhìn qua khe vách tre có khi đến bốn lớp người. Sáng hôm sau, chúng tôi thấy họ vẫn dứng ỳ một chỗ như vậy. Người nào đứng được chỗ tốt rồi sẽ không bao giờ tự ý nhường lại cho người khác, giống như người ở *London* không nhượng ghế thượng hạng đã tốn bao nhiêu khó nhọc mới chiếm được vậy. Chúng tôi phải chọn lựa, hoặc là chịu tối và có thể dẫm chân lên bồ cạp (lúc ăn

tráng miệng,có một con bò ngang bàn ăn) hoặc là đốt đèn lên và mặc cho bao nhiêu cặp mắt nhìn chúng tôi.

Trời vừa rựng sáng, chúng tôi đã thức dậy, lật đật lên đường. Những người uống rượu cần vẫn còn huyên ná trong đó giờ đây có thêm những tiếng hú, những tiếng kêu rất dị kỳ. Dĩ nhiên cả *buôn* đều say trong số này có cả đàn bà và cả mấy đứa trẻ con nữa. Vậy mà buổi tiệc (tiếp đón chúng tôi) chưa tàn đâu vì người ta còn mang thêm mấy chum đất đựng đầy rượu tới nữa. Chúng tôi nghĩ không nên cáo từ đúng phép đúng tắc mà làm gì,chỉ nên lặng lẽ rút êm là hơn.

Xem ra người *mọi buôn* này là những dân săn bắn tuyệt vời. Họ bắn cung thật tài tình nếu như chuyện người ta kể cho chúng tôi nghe có thật. Tỉ như khi đi săn khỉ, họ đi từng cặp. Khi người này cầm cung leo lên cây cao cho gần con mồi thì người kia, đứng dưới đất sẵn sàng tiếp tế tên thêm: nó bắn các mũi tên tiếp tế này ghim vào búi tóc của người bạn trên cao.Cái trò này thật quá liều lĩnh !

Thỉnh thoảng chúng tôi phải chịu nạn vắt hút máu. Có khi cả một vùng rộng hàng bốn, năm cây số vuông lúc nhúc toàn là vắt rồi sau đó, chúng bỗng biến đâu mất hết. Ngồi xuống đất không có cỏ, ta sẽ thấy những con bọ khiếp đãm này bò tới từ các ngõ ngách chung quanh. Chúng chuyển động một cách kỳ quái và nhanh không thể tưởng được. Mình đi qua phải hay qua trái, chúng có cứ vẫn lẹ làng theo vây mình như thường.

Các con khác từ trên cây rơi xuống mình bạn. Chúng đốt không đau lắm: người ta không thấy ngay lập tức cho nên thân mạng phó thác cho con vắt mặc tình hút cho đến khi thân mình nó to gấp mười lần lúc bình thường. Khi vắt no nê, nó rơi xuống đất còn vết hút rất lâu sau mới ngưng chảy máu. Những phu khuân vác *mọi* ai cũng bị vắt cắn, máu chảy thành những sợi nhỏ khắp cả tay chân để trần. Họ rứt con vắt ra bằng cách dùng cây gậy đầu bôi một cục vôi chạm vào nó.Còn chúng tôi, tìm ra chúng không phải là chuyện dễ dàng. Áo quần làm chúng tôi thua kém người *mọi.* Chúng tôi đi giầy ống hay mang *ghệt* rất sát,cổ và tay áo thì lấy khăn tay hay thứ dây nào đó cột kín lại. Nhưng bất kể, chúng vẫn kiếm ra chỗ hở để chui vào.Không ai không bị chúng cắn.

Các cuộc vượt sông lúc nào cũng mang lại chút chút cảm giác mạnh vì con sông rất sâu, nước chảy rất xiết. Khi tìm ra được chỗ lội qua, người *mọi* chuyển hành lý sang trước rồi họ mới quay lại chuyển chúng tôi ngồi trên cáng sang sau. Họ vác cáng trên vai, một tay giữ chắc còn tay kia cầm cây gậy giữ thăng bằng. Nước sông nhiều khúc lên tới ngực. Có người hụt chân thì cứ chụp lấy cáng mà bám. Hơn một lần tôi lấy làm ngạc nhiên sao mình không trôi lềnh bềnh trên sông mà lại ngồi trên đất bằng. Tìm một khoảng không yên tĩnh bên bờ sông, người *mọi* đồng một lòng đặt gánh nặng xuống rồi nhảy tỏm xuống nước, người uống một miệng nước, có người bơi lội rồi rượt đuổi nhau, la cười vang vang thật là vui. Trông như cảnh đồng quê mộc mạc.Thân hình trần trụi của những người hoang dã chen giữa giàn dây leo lá xanh, những dây rừng tạo thành một tổng thể hài hòa--

một bức họa dã thú-- trong đó con người và thiên nhiên tìm lại được nét đẹp nguyên thủy của mình..

Hành trình của chúng tôi nay đã đến đích. Chúng tôi theo đúng như lộ trình đã vạch ra từ đầu. Và giờ đây chúng tôi đi thẳng về Đăng Kia. Đêm chót chúng tôi ngủ trong *buôn* những người dệt vải.

Những mảnh vải phụ nữ cao nguyên mặc che hạ bộ đều xuất phát từ *buôn* này. Những người đàn bà làm việc bên ngoài nhà. Họ ngồi dưới đất, hai chân dạng ra phía trước. Họ tì gan bàn chân lên thanh gỗ hai đầu gọt tròn dài chừng một thước. Thanh gỗ được kéo căng nhờ một sợi dây nối ở hai đầu và bọc quanh lưng người làm thành cái khung dệt trên đó hai tay thảnh thơi chạy con thoi.

Thiết bị có vẻ đơn giản nhưng kỹ càng và chính xác. Chúng tôi thích thú theo dõi mọi thao tác từ chỗ hái trái bông trên cây và tước lấy bông cho đến việc xe chỉ và dệt vải.

Vã lại khá phát đạt, nghề dệt vải này mang lại cho *buôn* một sắc diện đặc biệt.Buộc phải làm việc ngoài trời, mọi người không phải ngửi khói hay các mùi thối tha. Trông họ sung túc và tráng kiện hơn những người *mọi* ở các *buôn* khác. Đàn ông không làm gì cả, chỉ có phụ nữ ngồi dệt mà thôi. Vậy mà sáng ngày hôm sau những người đàn ông này không chịu đi theo chúng tôi. Dù có trả công cao bao nhiêu họ cũng không nhận *gùi* đồ đạc. Nhóm vừa xuống phiên đã đi về buôn; nhóm mười hai người còn lại đây dùng cho việc khiêng cáng

không thôi cũng đã chưa đủ nữa kia. *Buôn* nào cũng vậy, hễ kiếm người là có chuyện kèn cựa.Nhưng ở đây, xem ra còn tệ hơn. Có thể nhờ thuyết phục lẫn đe dọa , nhất là có lời hứa sẽ trả hậu hĩnh, người xếp *buôn* hẹn sẽ cấp bốn mươi thanh niên khỏe mạnh. Không thấy những người này tới trình diện, những người *mọi* trung thành Đăng Kia chạy đi lôi họ ra khỏi nhà.Đụng độ nghiêm trọng dường như không tránh khỏi. Thực ra chúng tôi cũng hơi lo sợ, không biết sự việc sẽ kết cục ra sao. Từ ngày đầu, nếu chúng tôi gặp chuyện như thế này, có lẽ chúng tôi sẽ dè dặt hơn nữa khi có dịp đi băng qua *buôn* người *mọi*.

Sau cùng thì mọi chuyện cũng đều xong xuôi. Và, cứ khi nào nhớ tới những ngày lưu lại với những người *mọi* ,chúng tôi không khỏi cảm thấy niềm thông cảm sâu đậm khi nghĩ tới những người hoang dã bất hạnh đang sống một cuộc đời tự do thì có tự do đấy nhưng thật quá cực khổ. Họ có một thân thể cường kiện và tính tình dễ chịu. Tuy thế, mạng số đã định là họ sẽ tiêu vong thôi. Có thể ngày trước giống dân này sinh sản mạnh nên họ đã sống còn sau các cuộc tàn sát của người Chăm, người Khơ-Me, người Kăm-Bốt, rồi gần đây nhất, người An Nam. Họ phải có một khả năng đề kháng đặc biệt mới có thể thích ứng với nếp sống nơi chốn sơn lâm này. Kể từ khi người Pháp chiếm Đông Dương đến nay, người *Mọi* mới có cuộc sống tương đối thanh bình và hưởng một sự bảo vệ hữu hiệu. Một số bộ tộc về qui thuận và chịu nộp thuế còn lại đa phần vẫn tiếp tục cuộc sống độc lập, không bao giờ giao thiệp với người Âu hay người An Nam. Khi các con đường bộ, đường tàu hỏa cắt

ngang hay xẻ dọc vùng sinh sống của họ, những con người hoang dã này rồi sẽ phải tự mình trở nên văn minh thôi. Những cuộc chiến tranh tương tàn, rượu, các bệnh truyền nhiễm như đậu mùa sẽ giết hại nhiều người. Rồi đây họ hoặc là sẽ biến mất trong khối đông đảo người An Nam hoặc là họ sẽ tuyệt chủng.

Cuối cuộc hành trình, chúng tôi vui mừng tái ngộ cao nguyên Lâm Viên và đàng xa, Trạm Nông Nghiệp Đăng Kia. Những ô đất vuông vắn thật ngăn nắp là những mảnh ruộng, những khoảnh vườn nhìn rất khoái mắt. Chúng tôi vội vàng về lại ngôi nhà *chalet* bằng gỗ bé nhỏ mà dưới mắt chúng tôi, chúng là những kỳ quan và là cái gì cao nhất của thế giới văn minh.

Phụ Lục I

I.-Địa Lý

An Nam là mội dai đất hẹp dài khoảng 1600 cây số nối Nam Kỳ với Băc Kỳ. Phía Tây nó giáp với Lào,và phía Đông là biền Nam Hải. Bờ biển bị cắt vụn và những đồng bằng thì hẹp. Một dãy núi chạy dài từ Bắc xuống Nam có những ngọn núi và cao nguyên cao nhất Đông Dương.

Các con sông đèu nhỏ, trử sông Cà và sông Mã tưới nước cho hai tỉnh trù phú là Thanh Hóa và Vinh. Sông Đồng Nai khởi nguồn từ cao Nguyên Lâm Viên hình thành một nhánh của sông Sài- Gòn.

Các thị thành lớn của An Nam đều nằm trên bở biển, trừ Huế và Thanh Hóa.Huế nơi có cung Vua và triều đình là kinh đô.Thành phố có đền đài và những lăng tẩm được xem như những tuyệt tác phẩm của thuật kiến trúc của người An Nam. Nằm giữa Sài Gòn và Hải Phòng,Tourane là hải cảng đuớc trang bị đầy đủ nhất. Người ta có thể kể thêm hải cảng tuyệt đẹp khác nữa là Cam Ranh, nơi hạm đội Nga đã ghé tránh bão trước khi xẩy ra trận chiến ở Eo Đối Mã, và Cảng Dayot. Thế nhưng chúng chưa được các tàu buôn dùng làm điểm nghỉ chân lấy nước và than. Nếu Cam Ranh được các nhà thầu tư nhân đắp một cái đê chắn sóng, xây dựng một

số nhà kho, kho than đá thì Cảng Dayot cho đến ngày nay chỉ hữu dụng nhờ vào sự ưu đãi thiên nhiên mà thôi.

Thi trấn Thanh Hóa là thủ phủ một tỉnh phía Bắc, có nét giống Bắc Kỳ ở chỗ đất đai màu mỡ và tài nguyên phong phú. Thị trấn Vinh là một thị trường hạng nhất và là điểm qui tụ của các tuyến đường tàu hỏa của cả đồng bằng Bắc Kỳ.

An Nam có mười tỉnh. Những tỉnh lớn cùng với Thanh Hóa và Vinh là Nha Trang hay Khánh Hòa, Qui Nhơn, Phan Rang, Phan Thiết.

Khí hậu ở An Nam thay đổi tùy theo địa thế. Ở phần Bắc, nó giống khí hậu Bắc Kỳ, nghĩa là nó có khí hậu mùa đông thật sự.

Trong khi nhiệt độ trung bình ở Hải Phòng là 24 độ 79 thì ở Nha Trang nó là 26 độ 79. Tại Sài Gòn nhiệt độ lên tới 31 độ 77. Một năm có hai mùa: mùa khô và mùa mưa liên hệ với chế độ gió mùa
(Đông-Bắc từ 15 tháng Mười tới 15 tháng Tư và Đông - Nam trong thời gian còn lại).

I I.-Dân Cư

Người ta thấy ở An Nam có người An Nam, người Tàu, Người Mọi, người Chăm và một ít người Thái.

Người An Nam chiếm ba phần năm dân số. Họ cư trú dọc theo bờ biển và trong các vùng đồng bằng. Dàn số ước chừng ba triệu người.

Vùng núi thuộc về người *Mọi.* Đó là những sắc dân hoang dã, có thể đây là nhhững cư dàn bản địa đâ bị dồn vào các vùng xa xôi hẽo lánh và vẫ n còn giữ được phong tục nguyên sơ và nếp sống độc lập.

Người Chăm đã suy vong đến mức gần như tuyệt chủng sau khi đóng một vai trò lịch sử vẻ vang ở An Nam cho đến hết thế kỷ thứ XV. Ta chỉ còn gặp một ít người còn sót lại tập trung ở những thôn làng ở phía Nam An Nam và ở Châu Đốc (Nam Kỳ).

Người Tàu sống rất đông ở An Nam. Cũng như ở các xứ khác ở Đông Dương, họ nằm trong một tình trạng đăc biệt do lịch sử và tập tục dân gian tạo ra. Họ còn giữ được danh chức khả kính là ‘’*cái chú*’’

Trong quan hệ với người An Nam, họ bày tỏ kín đáo hay lồ lộ tính tự tôn tùy theo cơ hội nhưng lúc nào họ cũng được lợi. Buôn bán nhỏ là sở trường của họ ở khắp mọi nơi, trừ ở Bắc Kỳ.Đó là vô số các cửa tiệm nhỏ, nơi họ cần cù buôn bán, khéo léo, thật thà và rất đoàn kết. Họ không cầy cấy,họ thu mua lúa, dựng nhà máy xây xát, chất lên tầu để xuất cảng. Kể từ ngày người Pháp đặt nền cai trị, họ là người làm trung gian buôn bán rất cần thiết giữa người da trắng và da vàng. Địa vị này họ củng cố bằng vai trò độc quyền khai thác các trò chơi đỏ đen,đại bài thuốc phiện và rượu. Họ là những người thực

dân giỏi nhất ở Đông Dương và cũng là giới trục lợi cao nhất. Giờ đây không thể nào gạt họ qua một bên như người Mỹ làm ở Phi Luật Tân(Đạo luật Loại trừ người Tàu).

Nhà đương cuộc Pháp chỉ cố hạn chế mức nhập cư của người Tàu và đánh thuế thật nặng nằm tái lập cân bằng có lợi cho người An Nam. Ở Nam Kỳ chẳng hạn, một người Tàu từ mười tám đến năm mươi sáu tuổi phải đóng: 1.-*thuế nhân khẩu* thay đổi từ 4 cho tới 400 đồng, 2.-*thuế dao dịch* khoảng 2 đồng một năm. Mọi người Tàu phải nhập một tổ chức có tên gọi là *Bang* gánh chịu trách nhiệm về mặt tài chánh và dân sự cho mỗi hội viên trước Nhà Nước .

III.- Hành Chánh

An Nam là một xứ bảo hộ.Vua cai trị dưới sự giám sát của quan Thống sứ Pháp và được một thứ Hội đồng Bộ trưởng gọi là Cơ Mật phụ giúp.

Nước Pháp kiểm soát chặt chẽ công việc cai trị và các toà án ở các tỉnh. Kho bạc, thương chánh, lục lộ hoàn toàn nằm trong tay *chúng ta*. Ở mỗi tỉnh có một người đứng đầu bảo vệ là quan ‘’Công sứ Pháp’’ và một quan cai trị bản xứ hàm tổng đốc hay quan bố. Các tổng thì tự trị.

Ngân sách của toàn xứ An Nam khoảng đâu 3 triệu đồng bạc. Còn phải cọng thêm ngân sách hàng tỉnh từ 50 đến 200.000 đồng bạc.

Ai cũng biết An Nam là một phần của Liên Hiệp Đông Dương do *Me-xừ* Doumer lập nên từ năm 1898.

IV.-Tiếng An Nam

Tiếng An Nam được tạo thành bằng những tiếng Tàu và những tiếng An Nam. Nó thuộc loại đơn âm. Một âm tiết có thể đọc bằng sáu giọng đặc biệt. Ví dụ *Ma* nghĩa là *con ma, cái má, con ngựa trận,mạ và gò mả t*ùy theo cách đọc theo giọng này hay giọng khác. Hơn nữa mỗi một âm tiết có dấu(hoặc là *Ma* sắc) được viết bằng một chữ có nghĩa vừa là tám hay mười vật khác nhau.

Cũng như người Nhật bổn, người An Nam vay mượn chữ Tàu và ba dân tộc đọc theo ba cách khác nhau mặc dù cùng là dạng chữ.

Tiếng Tàu lúc đầu chắc là tiếng tượng hình nay trở nên phức tạp hơn.

Người ta đã thử dịch âm đọc tiếng An Nam bằng tiếng Pháp chớ không bằng tiếng Tàu. Đó là chữ *Quốc Ngữ* do các giaó sĩ Bồ Đào Nha lập ra ở Bắc Kỷ vào thế kỷ thứ XVII. Nhưng có một khác biệt căn bản giữa chữ Quốc Ngữ và chữ Tàu: chữ Quốc Ngữ xác định một âm trong khi chữ Tàu cho một hình tượng. Âm này cũng như chữ gợi lên một số khá nhiều những từ mà chữ kia nhờ tính phức tạp của nó có thể làm được hết sức dễ dàng.

Chúng ta đã bắt buộc học sinh phải học chữ Quốc Ngữ ở một vài nơi tại Đông Dương. Chúng ta đã cung cấp

phương tiện cho người bản xứ dễ dàng giao tiếp với chúng ta nhưng chúng ta khiến họ không còn khả năng đọc được các kinh sách Tàu cũng như An Nam viết bằng tiếng Tàu.Chữ Quốc Ngữ có thể dịch ngôn ngữ thường ngày chớ nó không thể nào dịch được các tác phẩm văn chương và triết học.

Vả lại, trong thực tế, người An Nam dùng thứ chữ viết đơn giản hóa. Thành ra ngôn ngữ phổ thông hiện nay là chữ Tàu kết hợp có nghĩa tượng hình hay chỉ có tượng thanh mà thôi.

V.- Lịch Sử

Người An Nam là con cháu của người *Giao Chỉ,* định cư ở Hoa Nam. *Giao chi* có nghĩa là *Hai ngon chàn cái giao nhau;* đây là nét đặc trưng người An Nam nay vẫn còn giữ lại và họ sử dụng ngón chân cái hết sức tài tình. Người Giao Chỉ xuất hiện từ thuở xa xưa trong thời cổ đại. Gần 3000 năm trước Thiên Chúa, họ cư ngụ miền Vân Nam, Quảng Đông và Bắc Kỳ.

Một hoàng tử Tàu phái con trai là Lộc Tục sang cai trị Giao Chỉ. Đây là khởi thủy của triều đại Hồng Bàng cai trị người Quỉ (người man di) trong hơn 2000 năm. Mãi đến thế kỷ thứ III trước Thiên Chúa thời kỳ huyền sử mới chấm dứt.

Các cuộc nội chiến đã chia cắt Giao Chỉ thành hai phần. Nước Văn Lang thuộc về những người sống dưới đồng bằng và vùng châu thổ, người Thái thì ở miền

núi.Nước Trung hoa lại can thiệp và lập nên một triều đại Tàu mới.Năm 111 trước Thiên Chúa, nước Trung Hoa chiếm xứ này và cai trị cho đến năm 968 sau Thiên Chúa. Dân An nam bị các quan Tàu cai trị và nhào nặn theo văn hoá Tàu.Dấu vết của một ngàn năm không bao giờ phai mờ được.Văn chương và đạo lý của Khổng Tử định hình tâm hồn người An Nam kể từ đó. Tuy vậy, những cuộc khởi nghĩa thuởng khi xẩy ra, những cuộc nội dậy anh hùng chống lại kẻ thống trị minh chứng tinh thần quốc gia không bao giờ tàn lụi. Từ năm 39 tới 36 trước Thiên Chúa, một người đàn bà An nam, sau khi tuyên cáo độc lập, đã đánh đuổi người Tàu và tự xưng là Trưng Vương. Chỉ có giữa thế kỷ thú X thì kẻ thú mới bị đuổi hẳn ra khỏi xứ và triều đại đầu tiên của quốc gia mới được thiết lập. Sau nhà Đinh,Tiền Lê là Lý, Trần và Hồ (968-1407)., Các triều đại ngắn ngủi dẫn tới cuộc xâm lược mới của người Tàu. Bị ngược đãi quá mức, người An Nam nổi dậy và giành lại được tự do. Người giải phóng vĩ đại dó là một người Bắc kỳ,tên là Lê Lợi. Ông là một người đánh cá nghèo, nhận một một thanh gươm thiêng do một vị Thần ở Hồ nhỏ ở Hà Nội trao cho. Rồi ông tự xưng vương. Triều đại ông lập ra(triều đại thứ hai của nhà Lê) giữ ngai vàng cho đến cuối thế kỷ thứ XVIII.

Trong các vị vua của triều đại này, ta phải kể đến vua Thánh Tông, văn võ song toàn.Ông đã lập ra lục bộ và thứ bậc quan lại, sửa đổi luật lệ, mở mang đáng kể nghề nông và công viêc giáo dục. Dẫn một đạo quân trên 260.000 người, ông đã tiến đánh và tiêu diệt người Chăm ngay tại kinh đô (1472).Tữ mười lăm thế kỷ nay, người

Chăm chiếm cứ gần hết đất An Nam ngày nay. Là đại biểu của văn hóa Ấn Độ, họ đã lưu lại những công trình rất đẹp đánh dấu thời kỳ huy hoàng . Ngày nay họ chỉ còn rất ít người sống trong các tỉnh phía Nam An Nam và ở Nam Kỳ. Sự suy vong qua nhanh của một chủng tộc hùng mạnh và văn minh trước bước tiến của người An Nam là vấn đề rất hấp dẫn đã làm nẩy sinh ra những nghiên cứu rất quan trọng.

Người *Mọi*, ngược lại, vẫn còn tồn tại sau những xáo trộn và thay đổi to lớn trong lịch sử của người An Nam. Lùi vào các miền núi cao của An Nam, họ đã bảo tồn được phong tục hoang dã và nguyên sơ . Đây là một sự pha trộn các sắc dân nghèo khổ nhưng họ dám hy sinh tất cả để được tự do. It ra thì người *Mọi* cũng còn giữ được vùng nội địa mênh mông mà những người láng giềng cho là đất vô dụng nên dã không hoài công để tranh chấp.

Đầu thế kỷ thứ XIX người An Nam đã mở rộng nền cai trị ra vùng Bắc Kỳ, An Nam và toàn lãnh thổ của Nam Kỳ hiện nay.Một cách rất tự nhiên bị đẩy về vùng dồng bằng châu thổ, họ đã phạm một sai lầm nghiêm trọng là đã bỏ bê các vùng núi cao. Cho nên có thể nói giống người bị bắt buộc lên ở trên núi đã có thể cầm cự và sống tụ do ở đó.

Dưới thời vua Louis XVI, năm 1787, lần đầu tiên nước An Nam giao thiệp với Pháp. Vua Gia Long của triều Nguyễn bao nhiêu năm nay chiến đấu để giành lại ngôi báu dã bị ba anh em Tây Sơn soán đoạt.Không đạt được

mục đích, ông nghe theo lời khuyên dụ của giám mục d'Adran, gởi một phái bộ sang Pháp cầu xin bảo vệ. Nhờ các sĩ quan Pháp như Olivier, Chaigneau, Vannier, Dayot giúp đỡ, vua Gia Long đã lấy lại giang sơn. Vua Minh Mạng lên kế vị, dựa vào nước Tàu vì đã nhận sự thụ phong, cắt đứt mọi quan hệ với các người Âu. Vua Tự Đức tấn công những người theo đạo Thiên Chúa, tàn sát rất nhiều người theo đạo.Người Tây Ban Nha và người Pháp can thiệp, đô đốc Rigault de Genouilly chiếm Sài Gòn năm 1861. Năm sau, vua Tự Đức vì bị de dọa trong kinh đô, đã nhượng cho Pháp mấy tỉnh miền Tây Nam Kỳ. Phần còn lại của Nam kỳ mất vào tay Pháp năm 1867.

Vua Norodom đặt xứ Cao Mên dưới sự bảo hộ của Pháp kể từ năm 1863. Thủ đô hiện nay là Pnom Pênh. Càc tỉnh Angkor và Battambang đã đước nước Xiêm trả lại mấy năm vừa qua. dưới triều vua Sisowah sau những lần thương thảo thành công một cách lạ thường của viên Đại tá Bernard.

Cuộc đánh chiếm Bắc kỳ làm cho quân đội Pháp mất khá nhiều công sức vì nước Tàu liên kết với nước An Nam và nhất là đường lối chính trị tại mẫu quốc đối nghịch với hành động này. Thiên tài và sự khéo léo của Jules Ferry đã mang thuộc địa này trao cho nước Pháp mặc dù phải nhận một cách miễn cưỡng.

Ban đầu, Bắc Kỳ đã bị Francis Garnier và thiếu tá hải quân Rivière đánh chiếm rồi lại bị chiếm lại hai lần.Sự ngông cuồng mạo hiểm của một người can trường vô

song đã không được chúng ta ủng hộ đúng lúc.Cho nên phải làm lại từ đầu.Đô đốc Courbet chỉ huy cuộc viễn chinh. Lúc này trước mặt người Pháp chẳng những chỉ có người An Nam mà còn có nhiều toán phỉ và quân đội chính qui Tàu các tỉnh biên giới như Quang Tây và Vân Nam. Những chiến công hiển hách như Trận đánh chiếm Sơn Tây,và Bắc Ninh,các cuôc chạm trán ở Bắc Lệ, ở Kép,cuộc tử thủ Tuyên Quang của thiếu tá Domine'(1884-1885) nay đã trở thành huyền thoại. Ván bài có vẻ như đã được. Đạo quân Vân Nam bị tiêu diệt, quân Quảng Tây đã bị đẩy lùi sang bên kia biên giới và thành Lạng sơn vẫn còn đứng vững. Trên mặt biển, sau các trận hải pháo vào Phúc Châu, đô đốc Courbet được lệnh đánh chiếm đảo Formose (nay là Đài Loan). Không chiếm được, ông bèn cho phong tỏa. Sau đó, ông đánh chiếm quần đảo Bành Hồ. Trung Hoa sắp sửa ký hòa ước thì nổ ra vụ tháo chạy bỏ thành Lạng Sơn (28 tháng Ba năm 1885). Chấn động của thất bại này thật kinh khủng ở Ba-Lê: Nội các Ferry đổ. Tuy nhiên, Bắc Kỳ sau cùng cũng bị khuất phục. hòa ước với nước Trung Hoa thừa nhận Bắc Kỳ là của Pháp.

Các cuộc hành quân do Đô đốc Courbet khai trương trong năm 1883 ở An Nam đã mang lại những kết quả chính trị sau đây: việc công nhận nền bảo hộ của nước Pháp, việc kiểm soát tài chính và thuế đoan, việc chiếm giữ vĩnh viễn đồn Thuận An, và các tuyến đường di Vũng Khiona(25 tháng Tám 1883). Sau khi giải quyết xong vụ việc ở Bắc Kỷ, người Pháp muốn củng cố vị thế ở An Nam. Tướng de Courcy đến đặt cư sở trong kinh thành Huế. Ở đây ông bị một lực lượng quân số đông

hơn tấn kích bất thình lình nhưng ông đã dánh đuổi được (tháng Bảy năm 1883). Vua An Nam tên *Nàm* Nghi(vua Hàm Nghi) đã chạy trốn khỏi Huế. Người ta phế truất và đưa Đồng Khánh lên thay(Liên Hiệp hai quốc gia). Một trong hai quan phụ chính đã bị bắt, người kia thì chạy theo phò vua trốn trong vùng rừng núi xứ *mọi.* Như thế đã có hai vua ở An Nam và hai phe ở triều đình. Vua *Nam* Nghi (Hàm Nghi) ra lệnh tàn sát gần 20 ngàn người theo đạo Thiên Chúa bị nghi ngờ thân Pháp.

Vấn đề Bắc Kỳ-An Nam đã làm sụp đổ nội các Ferry nay nổi lên trở lại trong quốc hội Pháp. Nhờ hơn bốn phiếu nên chuyện bỏ đế quốc chúng ta tại Đông dương đã không bị đưa ra để biểu quyết.

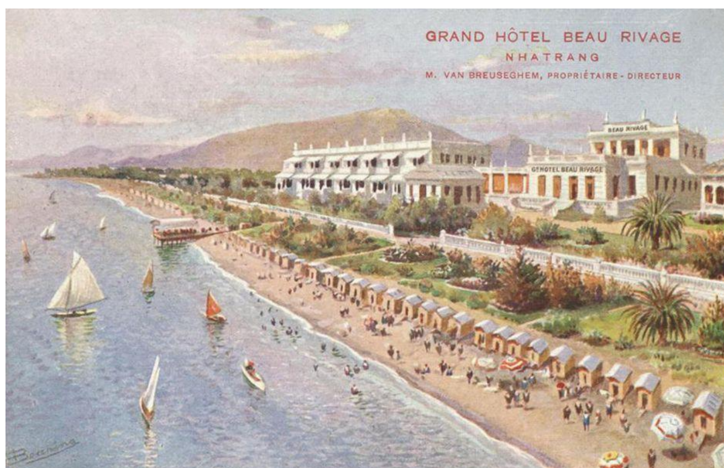
Paul Bert liền được cử làm thống đốc.Ông mất lúc đương nhiệm. Những người kế nhiệm như Constans, Richaud, Picquet, de Lanessan, Rousseau hoàn tất công cuộc bình định và cai trị. Trong năm năm cai trị của *Me-xử* Paul Doumer (1897-1902)việc hợp nhất nền hành chính ở Đông dương đã hoàn tất và thời kỳ xây dựng đường xá và đường xe hỏa bát đầu. *Me-xừ* Beau rồi *Me-xừ* Klobuk (1908) kế nhiệm.

Mấy năm gần đây, tình hình An Nam bị xáo trộn vì các vụ nổi loạn. Vua Thàn(h) Thái do người Pháp đưa lên khi vua Đồng Khán(h) băng hà , nay lại bị truất phế. Người ta chọn một người con trong số nhiều người con khác, mới chín tuổi, lên ngôi lấy tên là Duy Tân.

Mục Lục

Dịch xong ngày 18 tháng 2 năm 2007

Hiệu đính 03-05-2014



Bưu ảnh **Grand Hotel Beau Rivage , Nhatrang**

NHA TRANG:
Cái nhìn hoài cổ.

Nam Huân

Có những thành phố, khi nhắc đến tên người ta nghĩ ngay đến nét đặc biệt của nó. Ví dụ, khi nói đến Sài gòn, ta nghĩ ngay đến hoặc chợ Bến Thành hoặc Nhà Thờ Đức Bà. Người nào có máu văn nghệ chút chút thì nghĩ ngay đến bài hát một thời như "Ghé bên Sài gòn" của Văn Phụng, hay những câu hát vọng cổ ai oán, não lòng.

Với Nha Trang, biển xanh sẽ hiện ra ngay sau âm vang vừa dứt.

Tuy không phải là tụ điểm của mọi sinh hoạt người dân địa phương, biển là một sự hiện diện tang ẩn, liên lủy, cuốn hút trong lòng người Nha Trang.

Trước thế kỷ XX, Nha Trang là một làng đánh cá nhỏ. Làng này nằm trên tả ngạn sông Cái, lưng dựa vào dãy đồi chạy theo hướng Đông Tây ra đến biển. Bãi biển hình vòng cung dài trên năm cây số chạy từ cửa sông Cái đến Cầu Đá còn hoang vu, chưa có những *villa* quét vôi màu vàng nhạt như ta còn thấy trong những năm 50 của thế kỷ trước. Phủ lỵ nằm ở Thành cách đó mười cây số ở hướng Tây Nam. Đó là thành Diên Khánh trong sử sách. Theo sách Đại Nam Nhất Thống chí , cư dân cả tỉnh Khánh hòa gồm khoảng 9 ngàn dân đinh, đa số làm

ruộng sống gần chân núi, số nhỏ còn lại chuyên nghề đánh cá ở ven bờ biển. [34]

Năm 1885, Pháp đánh chiếm Kinh đô Huế. Cũng năm này, Pháp đổ quân lên bờ biển Nha Trang và bắt đầu công cuộc chinh phục. Nghĩa quân của các ông Trịnh Phong, Trần Đường không chống cự nổi hỏa lực chính xác và hữu hiệu của địch quân nên sau cùng phải tan rã.[35]

Sau đó người Pháp thiết lập bộ máy hành chánh gồm có Chánh sứ Phó sứ và Giám binh đóng tại Nha Trang bên cạnh hệ thống cai trị sẵn có của triều đình Việt Nam hiện diện trong thành Diên Khánh " Nhân dân gọi cơ quan chỉ huy của Pháp là Tòa, cơ quan Nam triều là Tỉnh. Và Nha Trang từ ấy trở thành tỉnh lỵ tỉnh Khánh Hòa và lần lần mở mang thành thị trấn."[36]

Gabrielle –M. Vassal, một người đàn bà Ang Lê, có dịp theo chồng làm việc tại Nha Trang vào những năm đầu Thé kỷ XX miêu tả nó như sau: " Nha Trang (tiếng An Nam là Nhà Trắng (?)) là một làng chài lưới khoảng ba ngàn dân. Đây là thủ phủ của người Âu ở tỉnh Khánh Hòa., mặc dù cư dân da trắng không quá hai, ba mươi người. Gồm ông Sứ, mấy viên chức làm việc trong tỉnh, Viện Pasteur, một vài người bỏ đất Pháp sang làm ăn ở đây, đó là tất cả. Cứ hai tuần một lần, chiếc tàu thơ liên tỉnh chạy đường Sài gòn - Hải phòng ghé lại, thả xuống những người Âu đáo nhậm, những viên chức của Nhà Đoan hay Sở Lục lộ. Du khách khó kiếm cho ra một chỗ

---

[34] Xem Quốc Sử Quán Triều Nguyễn '*Đai nam Nhất Thống Chí*" , q.XI, , bản dịch của Phạm Trọng Điềm, Nhà Xuất bản Thuận Hóa, Huế 1997, tr.87-123

[35] Xem Quách Tấn, "*Xứ Trầm Hương*", Lá Bối Sài Gòn 1969, Bản in tại Hoa kỳ(?) không thấy đề năm tài bản, tr. 22-23.

[36] Sđd.

nghỉ đêm cho dù hiện nay có một Phòng ngủ kèm Hàng ăn do một người Tàu làm chủ mà chỉ có tấm bảng hiệu là nét hấp dẫn nhất thôi.''[37]

Người Âu—ta quen gọi họ là ông Tây hay bà đầm—sống trong các ngôi nhà ''x ây bằng gạch, vách tô xi-măng kiểu *stucco* màu trắng. Mái lợp ngói nâu".[38] nằm dọc theo bờ biển . Ba nhà lầu duy nhất lúc bấy giờ là Viện Pasteur, Nhà Giây Thép (Bưu Điện) và nhà của bác sĩ Yersin ! Tất cả đều quay mặt ra biển.

Bên trong, phía sau các ngôi nhà kiểu thuộc địa này là khoảng không gian hoang sơ, đất cát khô cằn, rải rác những bụi hoa bồn bồn, bông giếng và *ma dương* đầy gai nhọn.

Con sông Cái khởi nguồn từ trong các dãy núi phía trong sâu sau khi qua các ghềnh thác đã lững lờ chảy qua Phú Lộc, Đại Điền, Ngọc Hội ...đổ vào biển Đông . Người ta cho rằng hàng triệu năm trước, con sông này đã ra biển qua ngõ Thủy Triều nhưng sau đó nó đã đổi giòng, chảy về phía Bắc. Lúc đó sông chia làm ba nhánh, một nhánh chạy dọc theo núi Cầu Hin(Cầu Hùm), ra ngõ Cửa Bé, Phường Vĩnh Nguyên, nay không còn dấu vết; hai nhánh kia mang tên sông Nha Trang , ôm bọc Ngọc Hội, Lư Cấm và nhập làm một tạo ra một vủng lớn (lagune) trước khi ra biển .

Tên Nha Trang từ đâu mà có?

Người theo Tây học, quen đọc sách do người Pháp viết, cho rằng Nha Trang do chữ Nhà Trắng, viết theo cách Tây không có dấu. Người Pháp hay ngoại quốc như

[37] Xem Gabrielle M- Vassal, *"Mes Trois Ans d'Annam"*, Librairie Hachette, 3è Edition, Paris 1911, tr . 36
[38] sđd,

trường hợp *bà-đầm* Gabrielle –M. Vassal dẫn trên thì lại cho rằng Nha Trang theo nghĩa tiếng "An Nam" là căn nhà màu trắng. Tại sao màu trắng mà không phải màu nâu hay màu vàng vì nhà người dân sở tại cách đây một trăm năm đều là nhà nhỏ, thấp mái lợp tranh? Vì nhìn từ ngoài khơi, dọc theo bãi biển, hoặc là Lầu Yersin hoặc là các villa quét vôi vàng sáng lên dưới ánh mặt trời vùng nhiệt đới!

Người Pháp có công thành lập và phát triển nhưng địa danh đã có rất lâu trước khi người Pháp đến . Tỉnh Khánh Hòa trong đó có vùng đất tên gọi là Nha Trang hiện nay, trước thế kỷ XVI là đất Chiêm Thành, có tên là Kaut-Hara. Đây là địa đầu của đất Chiêm chạy dài từ núi Thạch Bi (Đèo Cả) cho đến Chân Lạp. Năm 1675, thời Chúa Nguyễn Phúc Tần, người Chiêm quấy phá biên giới, bị *cai cơ* Hùng Lộc Hầu đánh thua nên phải nhượng vùng đất từ sông Phan Rang trở ra. [39] Lưu dân Việt đến lập nghiệp, khai khẩn đất dọc theo hai bên sông và tình trạng vẫn y như vậy cho đến khi người Pháp tới. Người xưa nói Ea Trang hay là JyaTrang (còn viết là Yja Tran) có nghĩa là Sông cỏ lau (vi lô)[40] hay Sông Tre lùm[41]. Nhưng người có chữ Nho thì gọi nó là sông Cù. Chúng tôi trộm nghĩ tên Cù này mới thật sự miêu tả sự gắn bó của nó với di sản của người Chàm/Chiêm. Chúng ta có nào làng Cù Lao, xóm Cầu Đá, Cửa Tiểu/Đại Cù Huân, núi Cầu Hin/Hùm… Cũng như trường hợp thành phố Qui Nhơn, vốn là tên Phủ Qui Nhơn, người Pháp lấy tên con sông đặt thành tên thành phố, gọi nó là Nha Trang.

---

[39] *Đai nam Nhất Thống Chí*, sđd tr. 88.
[40] Quách Tấn, sđd, tr.106
[41]Cung Giũ Nguyên "*Plage du Vietnam , Nhatrang*", , Tạp chí INDOCHINE, Sud-Est Asiatique, số 24, Décembre 1953, tr.51.

Dân cư sống bên bờ phải sông Cái và hai bên doi đất ngay cửa sông làm thành xóm Cù lao và xóm Cồn. Người làm ghề chài lưới, người làm ruộng trao đổi cá tươi, mắm thơm ngon lấy hạt gạo trắng ngần trên một khoảnh đất nằm cạnh cái đầm nước lớn về sau khoảng những năm 1900 người ta xây nên một cái Chợ khang trang có tên là Chợ Đầm. Người Tây và ta sống cách xa nhau. Khu người Tây bắt đầu từ Lầu Ông Tư(tức Bác sĩ Yersin) ở xóm Cồn chạy tít đến tận Chutt-Cầu Đá. Đó là những ngôi nhà biệt lập, mang những tên thật mỹ miều, ví dụ như Villa Colette, phía dưới Đường Biệt Thự cũ. Khu người Việt, tập trung phía trước Đồi Tháp Bà, tức xóm Bóng ngày nay.[42]

Tháp Poh Nagar là một trong những ngọn tháp đẹp nhất của kiến trúc Chàm, sau quần thể cổ tháp ở Mỹ Sơn(Quảng Nam). Thât ra, trên ngọn đồi cao ba mơi thước này có tất cả 2 ngọn tháp lớn. Tháp chính nằm phía tay trái có chiều dài hai mươi thước và rộng mười mốn thước, đỉnh cao tới mười tám thước, dành thờ nữ thần Uma, vợ của thần SCiva. Lòng tháp rất chật, chỉ vừa chỗ cho năm, sáu người đứng thôi. Chính giữa có đặt tượng nữ thần Poh Nagar rất đẹp. “Pho tượng lớn hơn người thật, có mười cánh tay, ngồi theo *kiểu Ấn độ*(Kiết già), trên một cái bệ thờ bằng đá. Ngực để trần và căng phồng một cách thái quá, chừng tỏ đã từng cho con bú. Mười cánh tay đều có mang vòng khuyên, năm cánh tay bên dưới thì đặt úp lên hai đầu gối, bàn tay mở rộng, lòng bàn tay quay ra phía trước. Các cánh tay bên phải có bàn nắm lại. Các cánh tay giữa và trên đều cầm các thứ binh khí khác nhau như quả chùy, thanh gươm, cái pla-tô, lưỡi thương và quả cầu.Đầu nữ thần đội vương miện, mình choàng một tấm *sarong*. Cũng trong

[42] Cung Giũ Nguyên, bđd

ngôi thápnày còn có một pho tượmg khác tạc hình một phụ nữ đang ngồi, vóc dáng nhỏ hơn, chạm khắc không đẹp bằng tương thần Poh Nagar và có vẻ như cùng một thời đại với nữ thần này. Theo dòng chữ chạm khắc bằng tiếng Chàm phía sau lưng tượng, ta biết đây là tượng "Tiểu thần nữ""[43]. Ngôi tháp bên phải dài chỉ mười mét và rộng mười ba thước. Bên trong người ta thờ *linga* [44] đeo mấy xâu chuỗi chạm khắc hình ngọc trai, đặt trên một bệ đá màu nâu nhạt. "Đây là ngôi tháp đươc gìn giữ tốt hơn hết và hình dáng cân đối hài hòa."[45] Kế cận còn có một số điện thờ hoặc là *linga* hoặc là các pho tượng nhỏ. Từ không biết bao giờ, Thần Poh Nagar đã được người người ta thờ như bà Chúa Xứ. Xuân thu nhị kỳ, dân chúng đều làm vía kỵ vào tháng Hai và tháng Tám âm lịch.Trong những ngày như thế người ta bày ra các màn múa gọi là *múa bóng* giữa tiếng nhạc bát âm khoan nhặt trang nghiêm.

Đứng từ điểm nhìn này, du khách có thể thấy những lùm dừa xanh thẩm mạn Ngọc Hội, Chợ Mới, về phía tay phải và gặp buổi trời quang mây tạnh, họ còn nhìn ra chiếc thuyền nan nhỏ trên có một ngư ông đang ngồi ôm câu.

Phía tay trái, các ngọn đồi chạy từ Hốc Đá Chẻ ra tận biển . Trên các đỉnh đồi này mãi về sau người ta mới thiết lập nên những cơ sở tu tập dành cho hai nhà dòng lớn, đó là Dòng Phăng-xi-cô và Dòng La-San.

Mặt biển nước trong xanh với dãi sóng trắng vỗ nhẹ vào bãi cát hình cánh cung như long lánh dưới ánh nắng trưa hè. Cơn gió nhẹ mang mùi ngai ngái của trăm thứ

---

[43] Gabrielle-M.Vassal, sđd.
[44] Sinh thực khí của đàn ông. Cái của đàn bà gọi là *Yoni*
[45] sđd

hải tảo từ khơi xa thổi về đưa hồn khách nhàn du về một cõi xa mơ.

" Vào buổi hoàng hôn, toàn thể cảnh vật độc đáo này như khoác lên mình một tấm áo choàng tráng lệ. Trên những bực cấp bước lên tháp, nơi mà bao nhiêu thế kỷ qua hàng đoàn người đã tới thờ phượng và cầu kinh, tôi như thấy lại những cảnh rước kiệu huy hoàng và những lễ nghi lộng lẫy nay không còn nữa."[46]

Khi chưa có cây cầu nối liền hai bờ sông Cái, người ta qua lại bằng một bến đò ngang nằm ngay cửa sông. Khách sang đò ngang đa số là những người đàn bà buổi sáng gánh hai thúng cá tươi hoặc gạo thóc ra chợ cách đó khoảng vài lần dừng chân và chiều xế kẻ trước người sau nối đuôi, gánh hai thúng không về, vừa đi vừa chuyện trò thật là vui.

Đến khi người Pháp bắt tay thực hiện đoạn đường sắt cuối cùng của đường xe lửa Xuyên Đông Dương, nối liền Sài Gòn với Huế và phân đoạn chót từ Sài Gòn ra Nha Trang hoàn thành(circa 1913) thì công cuộc phát triễn Nha Trang mới thật sự bắt đầu.

Nha Trang được thế giới biết đến trước tiên nhờ các cơ sở nghiên cứu khoa học như Viện Pasteur nằm ngay trên bờ biển, xây dựng lớn lao như ta thấy ngay nay năm 1904, Sở Nghiên cứu hải dương học phục vụ nghề đánh cá (Service océanographique des pêches)[47] năm 1922 và đến năm 1930 đổi thành Hải học viện (Institut Océanographique)

---

[46] sđd

[47] Nhiệm vụ của Viện là thiết lập bản tổng kê các loài sinh-thực vật vùng vịnh Bắc kỳ cho tới tận vịnh Thái lan và nghiên cứu phương cách thực dụng tạo sự lên men của nước mắm, dầu cá và bột cá.

Chọn làm địa điểm xây dựng là vì vùng biển Nha Trang và các vùng lân cận rất phong phú về sinh tầng và vị trí thì kín gió và lại nằm gần trung tuyến của Biển Đông. Các nhà khoa học nhiều nước thường đến nghiên cứu nên Viện đã xây dựng năm biệt thự cao tầng trên ngọn đồi sau Viện. Một trong số đó đã được dành riêng cho vua Bảo Đại làm hành cung, tục gọi là Lầu Bảo Đại, hoặc tắt gọn là Biệt Điện. Để cho dễ phân biệt người ta lấy các loại hoa đặt tên cho mỗi biệt thự. Prancipanier (Hoa Sứ)là tên của biệt điện. Bốn cái còn lại thì một dùng làm tư thất Giám đốc và ba cái kia làm cư xá vãng lai. Năm 1952, Viện được chuyển giao cho Bộ Quốc gia Giáo dục Việt nam. Giám đốc người Việt đầu tiên là TS Ngô Bá Thành.

Du khách thường đến thăm Hồ Cá phía tầng dưới của phòng thí nghiệm. Đây là nơi trưng bày các loài cá đẹp một cách kỳ lạ và những tái tạo các bãi san hô muôn màu muôn sắc. Ít ai ngờ rằng họ đang đứng trong một nhà bảo tàng nho nhỏ rất được các nhà nghiên cứu trân trọng. Theo ghi nhận của Viện, có tất cả 40 ngàn mẫu sinh vật biển đã được ghi chép tỉ mỉ và trong số này có gần 10 ngàn mẫu có gốc ở Biển Đông. [48]

Trên bản đồ, Nha trang từ hướng Đông lan dần sang Tây. Việc thiết lập đoạn đường sắt nối liền Nha Trang tới Tourane (Đà Nẵng) đưa lại một đợt người mới tới. Họ là những viên chức có giọng nói "trọ trẹ" từ kinh đô Huế làm việc trong các ty, sở Tòa Sứ Pháp, những thương nhân người Hoa kiều mấy đời buôn bán ở các làng chung quanh huyện Vĩnh Xương, những người phiêu bạt từ các vùng quê như Ninh Hòa, Tu Bông, Vạn

---

[48] Xem "Quatre-Vingt ans d'histoire de l'Institut océanographique de Nhatrang (Vietnam)" tại http://www.vista.gov.vn/VistaEnglish/VistaWeb/caccoquan/vhdhe.htm

Giã..Việc bán buôn ngày càng phát đạt, nhất là sau khi mấy cây cầu được bắc ngang qua sông Cái như cầu Xóm Bóng, cầu Hà Ra và Con Đường cái Quan chạy xuyên qua thành phố.

Lúc bấy giờ có một người Pháp gốc Bỉ, ông Van Breuseghem, đã cống hiến cho thành phố non trẻ hai công trình kiến trúc thật đẹp. Đó là Rạp chiếu bóng Alhambra, nôm na gọi là Rạp Bà Mên vì bà vợ ông là người xứ Chùa Tháp và quần thể kiến trúc tọa lạc ngay sát bờ biển, Hôtel de Beau Rivage. Tuy sau này Nha Trang có những khách sạn qui mô nhỏ hơn như Grand Hôtel, Hôtel La Frégate ở đ uờng đầu Lê Lợi gần Nhà Giây Thép, Club Nautique góc đường Yersin và Duy Tân nhìn sang Khu Công Chánh trước 1975, Hôtel de Beau Rivage vẫn giữ địa vị dẫn đầu trong ngành du lịch toàn cõi Đông Dương thời trước.

Công cuộc thiết kế đô thị được thực hiện theo tính toán của Công sứ Pháp lúc đó là ông Henri Bréda. Ông cho san bằng các ao hồ, gò nỗng, di chuyển các ngôi nhà tranh nằm không hàng không lối, tìm chỗ mới cho nghĩa địa người bản xứ rồi trên khoảng đất toàn là cát đó ông cho đắp một số thông lộ chật hẹp khiến sau này nhiều người phải kêu ca. Một trong những bất tiện đó là tình trạng một số đoạn đường thường bị ngập nước trong mùa mưa vì hệ thống thoát nước kém cõi của NhaTrang.Người ta nói rằng Công sứ Bréda chắc bẫm nền cát dưới chân thành phố dư sức hút khô các trận mưa tháng Chín, tháng Mười hàng năm. Nhưng ông không ngờ có lúc sự việc đi ngược lại ý nghĩ của ông.

Cũng trong thời gian này, nhằm khuyến khích việc phát triễn cho nhanh hơn, nhà đương quyềncho phép mọi người được “cấm cọc” làm nhà thoải mái trên con đường sau này trở thành thông lộ chính của thị xã, rồi thành phố Nha Trang. Cụ Mai Văn Diệm, tục gọi là

Thày Bảy Diệm, là một trong những người đáp lời mời gọi ấy. Cụ chiếm một vạt đất khá dài, chạy đụng ranh Rạp Alhambra. Đất nhiều, tiền ít chỉ đủ xây cất nên một căn phố nhỏ đặt làmTiệm Thuốc Bắc có tên gọi Nam Sanh Đường, chuyên chữa trị bệnh thời khícho dân miệt Xóm Cồn. Phần đất dư đành phải bán lại cho người khác. Nhờ vậy, hai bên đường các hàng phố mở cửa buôn bán ngày càng đông. Đa số do người Hoa kiều làm chủ vì những "*các chú*" vừa có tiền vừa chịu khó làm ăn và tinh khôn hơn người Việt ta. Có người nói hai phần ba "*các chú*" chủ tiệm trước đây cư ngụ trên Chợ Mới, cách Nha Trang không tới hai cây số về phía Tây.

Chung quanh hai ngọn đồi nhỏ có tên Núi Một, các ngôi nhà bằng vật liệu chắc chắn bắt đầu xuất hiện. Cha Vallet cai quản khu họ đạo Ngọc Hội, lâu nay tìm kiếm một địa điểm đắc thế để xây một cảnh nhà thờ xứng đáng với thành phố mới phát triển. Địa điểm đầu tiên Cha chọn là ngọn núi nằm bên bờ một nhánh của sông Cái chạy bọc ngang Chợ Mới cách nhà thờ Ngọc Hội không xa, trên có một ngôi chùa cổ trước đây đã được Vua sắc phong. Liệu bề không xong, Cha Vallet liền chiếu cố đến vùng khác cũng khá đẹp: Núi Một. Đây là một ngọn đồi thấp, cao không tới năm mươi thước, đầu phía Tây cao hơn phía Đông.[49] Tại đầu cao này, ngôi nhà thờ được xây lên, hoàn toàn bằng đá xám, hình hộp. Tháp chuông cao, vuông khối, bốn phía gắn bốn mặt đồng hồ, đứng xa một cây số người ta có thể đọc biết thời khắc trong ngày nếu mắt họ còn tinh. Kiểu thức nhà thờ Nha Trang này xem ra trước sau có một mà không có hai. Người ta nói Nhà Thờ đẹp nhất miền Trung chắc điều ấy cũng chẳng có gì sai.

---

[49] Chi tiết này do cụ Trần Đình Hảo, nguyên bí thư Tòa Hành Chánh tỉnh Khánh Hòa, nay định cư tại Tulsa , Oklahoma cung cấp.

Chợ Nha Trang, vì họp kế cận một cái đầm rộng, nên người ta gọi là Chợ Đầm. Người có óc tưởng tượng không chịu cách giải thích “thô tục “này. Họ lý luận Đầm là *bà đầm*, vợ các quan Tây *“tay xách bóp, tay dẫn chó”* đi chợ mỗi buổi sang, sau lưng có anh *bồi* xách giỏ *lon ton* đi theo. Cho nên Chợ Đầm là chợ các bà này. So với Chợ Bến Thành ở Sài Gòn, Chợ Nha Trang kiến trúc khá đơn giàn. Chợ có hình chữ nhật, chạy theo hướng Bắc Nam, một đầu hướng về khu Đình Xương Huân và đầu nhìn ra *bùng binh* “Trụ đèn bốn ngọn”. Mái lợp ngói đỏ lâu ngày trở thành xanh đen. Muốn lên Chợ người ta phải đi hơn năm bậc cấp xi măng. Các tiệm bán hàng ở đây người ta gọi là sạp, ví dụ như sạp vải, sạp bán đồ khô… Mỗi hàng/sạp rộng không quá năm thước vuông, nhóm theo từng khu. Khách mua sắm đi lại dễ dàng trong các lối đi vừa đủ rộng cho hai, ba người tránh nhau. Ánh sáng không đủ cho nên chợ trông có vẻ chật chội. Nhất là vào mùa mưa. Khu hàng thịt được tổ chức khác hơn. Người bán món này đứng phía sau *ghuýt-xê*, còn khách hàng tiếp xúc người bán qua vách chắn làm bằng nẹp gỗ xếp theo hình quả trám, sơn màu xanh. Con đường Graffeuil chạy ngang hông trước lúc nào cũng nhộn nhịp người qua kẻ lại. Từ lề đường vào đến chợ là khoảng sân rộng trải dầu hắc. Hàng xén, hàng đồ gốm, cá mắm… bày bán dưới bóng mát các cây bàng trồng rải rác đó đây.Sau lưng chợ, dọc theo bờ đầm nước và suốt đến cổng Đình, các hàng bán cua sống, gà vịt, cá đồng ngồi kín không có lối đi.

Xa hơn, về phía trái, dãy nhà lợp tôn lúp xúp chen nhau đứng thành một nhóm riêng là nơi bán cơm, nước đá chanh, *xin xâm*…

Năm 1924, vua Khải Định ra Đạo dụ thành lập Thị trấn Nha Trang gồm có bốn làng: Xương Huân, Phương Câu, Phương Sài và Vạn Thạnh. Đến tháng 3 năm 1944, vua

Bảo Đại lấy phần đất làng Phước Hải vốn thuộc huyện Vĩnh Xương, nhập vào thị trấn Nha Trang. Lúc đó, đơn vị làng trước đây được đổi thành phường và thị trấn được nâng lên thành thị xã. Thị xã Nha Trang như vậy có 5 phường: phường đệ nhất (Xương Huân),phương đệ nhị(Phương Câu), phường đệ tam(Vạn Thạnh), phương đệ tứ(Phương Sài) và phường đệ ngũ(Phước Hải).

Xe cộ không nhiều nên đường xá không cần phải rộng và dài. Nhìn từ trên không, hệ thống đường phố như một mạng nhện căng dài, một đầu hẹp máng vào vách đá Mả Vòng ở phía Tây và đầu kia tỏa ra như năm ngón tay chạm bờ biển cát trắng. Nhưng khổ một nỗi các mắt nhện này quá nhặt, nghĩa là các ngã tư rất nhiều, lái xe trong đó không phải là chuyện dễ dàng gì.

Thế nhưng, nghĩ cho kỹ, tính cách đặc biệt này làm cho thành phố có vẻ như gần gũi, ấm áp và thân mật hơn.

****